VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học
việt nam hải ngoại

mai kim ngọc • nguyễn mộng giác
nguyễn xuân hoàng • lê đại lãng
nguyễn thị sông hương

tác giả và tác phẩm

mai thảo • nhật tiến
nguyễn ngọc ngạn • nguyễn thị hoàng bắc

truyện

hà thúc sinh • nguyễn trung hối • hoàng nga
hoàng chính • phùng nguyễn • trần vĩnh phố

thơ

cung trầm tưởng • nghiêu đề • phan kim khánh
đặng hiền • hoàng xuân sơn • nguyễn chí kham
vạn giả • đỗ quyên • hồ minh dũng • hoài ziang duy
trần doãn nho • hoàng lộc • hà trung

ghi chép

nguyễn huy thạch

SỐ 109 • THÁNG 5 NĂM 1995

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về

Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

Văn Học

Số 109, Tháng 5. 1995

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
MAI KIM NGỌC	3	vài cảm nghĩ về văn học hải ngoại
PHAN KIM KHÁNH	14	*tương phùng*
NGUYỄN MỘNG GIÁC	15	hai mươi năm văn xuôi hải ngoại
ĐẶNG HIỀN	23	*hai mươi năm xa quê*
NGHIÊU ĐỀ	24	*về núi thăm người*
LÊ ĐẠI LÃNG	26	tranh luận về văn học miền nam
NGUYỄN T. SÔNG HƯƠNG	31	sơ thảo hai mươi năm văn học hải ngoại
HOÀNG XUÂN SƠN	39	*mù trôi*
NGUYỄN CHÍ KHAM	40	*duyên ước*
NGUYỄN XUÂN HOÀNG	41	hai mươi năm, những trang sách,...
MAI THẢO	44	vai trò dưới nắng
NHẬT TIẾN	54	những dấu chân chim
VẠN GIẢ	62	*thời gian*
ĐỖ QUYÊN	63	*căn phòng đêm ấy*
NGUYỄN NGỌC NGẠN	64	tin đồn
NGUYỄN T. HOÀNG BẮC	76	kéo neo mà chạy
CUNG TRẦM TƯỞNG	81	*requiem*
HÀ THÚC SINH	82	đêm hè
HỒ MINH DŨNG	87	*mượn*
HOÀI ZIANG DUY	88	*sáu mùa đông trên chiếc xe tang*
NGUYỄN TRUNG HỐI	90	xuân muộn
HOÀNG NGA	95	bay đi cánh chim biển
TRẦN DOÃN NHO	106	*chiều 29.4 trên đường công lý*
HOÀNG CHÍNH	107	trí nhớ loài chim
HOÀNG LỘC	112	*tầm ngựa giùm bạn*
PHÙNG NGUYỄN	113	điện đàm
HÀ TRUNG	116	*ở nơi không có một dòng sông*
TRẦN VĨNH PHỐ	118	"cách mạng"
NGUYỄN HUY THẠCH	123	ghi chép
VĂN HỌC	132	giữa người đọc và người viết
VĂN HỌC	136	tòa soạn và bạn đọc

© Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1994-1995
© Copyright by authors and Văn Học. All rights reserved, 1994-1995

Thư Tòa soạn

Hồi tháng 7 năm 1994, Ban Chủ biên tạp chí Văn Học có đưa ra đề nghị vận động một cuộc thảo luận rộng rãi về hai mươi năm văn học Việt Nam Hải ngoại, dự định trong vòng chín tháng cuộc thảo luận sẽ đưa đến kết quả: là đúng vào ngày 30.4.1995, sẽ hoàn tất một bộ sách sơ kết thành quả văn học của tập thể người Việt hải ngoại trong hai mươi năm. Nhưng sau vài tháng, chúng tôi mới thấy dự án trên không thực hiện được. Những nhà nghiên cứu phê bình chúng tôi tiếp xúc, đều ngần ngại trước một dự án lớn lao và khó khăn như vậy. Khó khăn lớn nhất là việc sưu tầm đầy đủ các tác phẩm tiếng Việt đã được xuất bản trên khắp thế giới, kể cả những tác phẩm giá trị nhưng chỉ phổ biến hạn chế trong vòng thân hữu.

Vì thế, đúng vào dịp kỷ niệm hai mươi năm trưởng thành của tập thể tị nạn Việt Nam Hải ngoại, Văn Học chỉ có một đóng góp nhỏ là làm trung gian giữa người viết và người đọc, để cung cấp những tư liệu văn học mới nhất cho những công trình nghiên cứu sau này. Những thơ văn các tác giả tự chọn cùng phần tiểu sử và tác phẩm do các nhà văn cung cấp sẽ - một phần nào đó - giúp bạn đọc nhìn thấy bức tranh toàn cảnh đa dạng và phong phú của Dòng Văn học Việt Nam Hải ngoại. Trên số này, Văn Học bắt đầu giới thiệu bốn nhà văn: Mai Thảo, Nhật Tiến, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn thị Hoàng Bắc.

Văn Học cũng tiếp tục chủ trương có từ số đầu cách đây mười năm là tìm cách khám phá và giới thiệu cho bạn đọc những tài năng mới. Sau những người cầm bút mới đã được bạn đọc Văn Học quen biết và yêu mến như Bùi Diễm Âu, Hoàng Chính, Trần Doãn Nho, lần này Ban Chủ biên xin giới thiệu những truyện ngắn đặc sắc của Phùng Nguyễn, Trần Vĩnh Phố, Nguyễn Trung Hối và Hoàng Nga, một nhà văn nữ hiện sống ở Đức. Lần đầu tiên Hoàng Nga gửi truyện cho Văn Học, và Văn Học vui mừng chuyển ngay *"Bay đi cánh chim biển"* đến bạn đọc thân mến.

Văn Học.

Vài Cảm Nghĩ Về Văn Học Hải Ngoại

Mai Kim Ngọc.

Bạn văn bốn phương sốt sắng hưởng ứng lời kêu gọi bài vở về *Hai Mươi Năm Văn Học Hải Ngoại* chứng tỏ lòng tha thiết của chúng ta với vấn đề. Quả như thường nói, văn học là nhu cầu quan trọng cho mọi xã hội. Riêng với cộng đồng chúng ta, văn học có lẽ còn quan trọng hơn nữa. Nó là chất xi-măng, thay thế cái xi-măng địa dư hành chánh hay chính trị hay kinh tế mà chúng ta không còn nữa từ khi chấp nhận sinh sống tại nước ngoài.

Nhiều câu hỏi, không những chỉ hôm nay, tháng này, năm này, mà đã ám ảnh chúng ta suốt hai thập niên qua, kể từ mùa xuân 75. Có hay không một dòng văn học hải ngoại, tương lai văn học ra sao, vấn đề độc giả, vấn đề xuất bản, vấn đề phát hành, vấn đề gốc nguồn, vấn đề hội nhập, viết cho ai, viết chuyện gì, hoài niệm quá khứ hay khám phá tương lai... Vấn đề nọ vấn đề kia, chừng ấy câu hỏi, chừng ấy băn khoăn, đã ám ảnh không riêng gì văn giới mà tất cả chúng ta mỗi khi có dịp bình tâm bắt một cái nhìn sâu rộng về bản thân và cuộc sống...

Như mọi diện khác trong cuộc sống hải ngoại của những thế hệ đầu tiên, câu chuyện như ly nước nửa đầy nửa vơi. Ai bi quan sẽ than thở những điều chúng ta chưa có, so với văn học của một xã hội ổn định. Ly nước còn **vơi** quá. Chúng ta thiếu truyền thống văn học tây phương của nhà văn bản xứ, thiếu sự yểm trợ của một tập thể độc giả hàng chục hàng trăm triệu của họ. Mặt khác, so với bạn văn quốc nội, chúng ta thiếu cả một dân tộc đồng văn đồng ngôn đồng chủng kề cận sớm hôm. Chúng ta cách ly với nhịp sống của cả bảy mươi triệu đồng bào nơi cố quốc...

Ngược lại ai lạc quan sẽ ghi nhận ly nước đã **đầy** một nửa, mặc dầu những khó khăn đã qua hay trước mặt. Tôi khẳng định ngay tại đây là tôi cũng cùng quan điểm này. Theo thiển ý, tôi nghĩ ta có lý do để lạc

quan, nếu ta phân tích những ưu khuyết điểm hiện tại cũng như nhìn lại quá trình phát triển của văn học hải ngoại.

Văn học hải ngoại ra đời trong hoàn cảnh khó khăn nhất, ngay tại trong các trại tiếp đón người tị nạn thiết lập vội vã trên lãnh thổ Hoa Kỳ, từ California, tới Arkansas... Riêng ở California, tôi vẫn chưa quên được quang cảnh trại Pendleton mùa xuân 75.

Cho đến hôm ấy, tôi vẫn nghĩ mình là một du học sinh, và cuộc sống ở Mỹ chỉ là ngắn hạn, thuần túy cho việc nghiên cứu kỹ thuật để đem về áp dụng tại quê hương, giữa cảnh quen thuộc của thành phố cũ, xóm làng cũ, văn hóa cũ, bè bạn cũ... Cuộc sống bình thường vẫn còn đấy, chờ đợi chắp nối lại sau ngày hồi hương...

Vào thăm trại, tôi gặp lại bạn cũ người cũ trong một hoàn cảnh hoàn toàn mới, căng thẳng và tạm bợ, hốt hoảng và bàng hoàng. Thành quả vật chất tinh thần cả một nửa đời người bỗng dưng họ phải bỏ lại đằng sau. Cái kinh sợ chưa kịp tan trên nét mặt đã cộng thêm cái lo âu cho những ngày sắp tới. Cuộc sống bên kia rào trại xa lạ quá, với con xa lộ số 5 xe cộ phóng qua như mắc cửi, với những vòm trời đêm đêm sáng rực đèn đô thị, với đời sống nghe nói rất phức tạp và đắt đỏ, với những văn phòng những nhà máy những tiệm buôn, nơi họ chưa có một huấn luyện thích nghi để mưu sinh... Cái đau thương của người lớn còn đau thương hơn bên cạnh cái vô tư lự của con em đang nô đùa trên những đống cỏ khô, giữa cảnh xuân dẹp đến lộng lẫy của miền nam California...

Cái mất mát của đồng bào lớn quá. Và chủ quan, tôi thấy tôi cũng trắng tay như họ. Tôi không còn đất nước để trở về, và tất cả quê hương cũ chỉ còn lại cái mảnh vụn này, với mấy ngàn đồng bào tị nạn tại đây và chưa quá trăm ngàn đồng bào rải rắc tại các trại tị nạn khác. Tất cả nước Việt nam muôn hình muôn vẻ bây giờ chỉ còn lại có thế này...

Hôm ấy, tôi không nghĩ đến văn học... Và có lẽ đồng bào tôi cũng chưa nghĩ đến văn học. Tất cả những viết lách tôi thấy là những chuyện rất thiết thực, những bản tin chỉ dẫn nội quy của trại, những cẩm nang cho những người sắp rời trại về cách sinh hoạt trong một thành phố Mỹ, như chuyện đi xe buýt, chuyện gọi điện thoại, chuyện mua bán tại siêu thị, vân vân và vân vân... Tóm lại những chuyện thuần túy thực dụng và cấp thời, chính xác và ngắn gọn như ngôn ngữ của những hoàn cảnh cấp cứu.

Vậy mà có một loại viết lách đã làm tôi xúc động. Đó là những lời nhắn tin cho thân nhân, những hàng chữ viết vội bằng bút bi bút chì bút mực nhan nhản khắp nơi, trên rìa những bản thông cáo dán tại các ngã ba của "thành phố" lều vải dã chiến, trên cửa ra vào những Quonset huts bằng tôn uốn dùng làm "toà thị chính" hay "bệnh viện", hay cả trên vách

những nhà vệ sinh... Rõ ràng là chuyện tìm thân nhân chưa được tổ chức chu đáo, và ưu tiên cấp thời vẫn còn là dựng thêm lều trại cho những đợt tị nạn từ Guam sắp tới...

Một lời nhắn tin viết ngay trên gỗ của tấm bảng làm tôi đặc biệt chú ý: *"Mai em theo xe sponsor về Pennsylvania, tới được trại anh liên lạc ngay... K.L."* Kèm theo là một số điện thoại đầy đủ bẩy số, nhưng thiếu ám số địa phương.

Rõ ràng là cặp nam nữ đã lạc nhau trong cái kinh hoàng của những ngày cuối tháng tư. Tôi thấy lại trong đầu phóng sự trên đài CBS tuần trước về Sài gòn những ngày cuối cùng, với chiếc trực thăng cuối cùng chật ních, cất cánh từ một nóc nhà, bỏ lại đám đông ngơ ngác nhìn theo... Tôi thấy lại cảnh chen lấn tuyệt vọng tại hàng rào tòa đại sứ Mỹ, với những người thủy quân lục chiến Mỹ dùng báng súng để trấn giữ cơ sở cuối cùng của Mỹ khỏi bị tràn ngập, không phải bởi địch quân, mà bởi làn sóng nạn nhân của nước bạn trong tan hoang của cảnh đổi đời...

Nhưng có gì không ổn trong lời nhắn tin tiếp tục ám ảnh tôi suốt buổi sáng hôm ấy... Mãi đến lúc ra về ngang cổng trại, tôi mới vỡ lẽ tại sao. Như vừa phát hiện ra ý nghĩa một bài hài cú tưởng như tầm thường, tôi khám phá ra tất cả những bất thường ám tàng trong lời nhắn tin bâng quơ. Tại sao người bảo lãnh lại từ Pennsylvania tới, địa danh miền đông này quá xa xôi với Camp Pendleton của nam Cali... Người Mỹ này thuộc loại gì... Quen thuộc từ trước chăng... Già hay trẻ... thành phần gì mà sốt sắng đóng vai bảo lãnh ngay đợt đầu... Tôi chạnh nhớ lại những bài báo Mỹ gần đây viết về các sponsors nói chung... Phần đông là những người hảo tâm, nhưng như trong mọi tập thể, tập thể sponsors cũng có những con chiên ghẻ, đứng ra giúp người hoạn nạn thân cô thế cô với những ý đồ đen tối, như tìm gia nhân công rẻ, tuyển mộ tình nhân, thậm chí tìm bạn trai đồng luyến ái...

Lại còn người đàn bà ký tên K.L.. Tôi thầm đoán, Kim Liên hay Kiều Loan, hay Kim Lan... Tôi nghĩ đến Kim Liên cô nữ sinh kém mấy lớp cũng cùng tên này. Ngày xưa cô hay hỏi tôi bài vở, cô ngoan ngoãn xinh đẹp trướng rũ màn che, cuộc sống hứa hẹn cô những điều tốt lành nhất...

Bỗng có xương có thịt có dung nhan mượn từ kỷ niệm cũ, người đàn bà tị nạn bỗng hóa ra gần gũi và tôi thực tình lo ngại cho cô... Biết đâu người bảo lãnh của cô lại không là một người xấu, và y đã chủ tâm cho người phụ nữ dị tản số điện thoại thiếu ám số địa phương... Lại còn chuyện về Pennsylvania bằng xe hơi mà không phải bằng tàu bay, hành trình biết mấy ngày đường, sớm khuya thân gái dặm trường ai che chở nếu y giở trò sàm sỡ...

Còn người đàn ông của K.L., tại sao anh ta lại lạc lại sau? Một khi tới được Mỹ, với số điện thoại thiếu ám số địa phương, lại chưa quen thuộc với đời sống ở đây, bao lâu anh anh mới tìm được K.L.. Mà khi

tìm được, mọi việc biết đâu đã quá trễ... Tôi thoáng nghĩ đến báo cáo với ban quản trị trại, nhưng thấy mối nghi ngờ của mình hoàn toàn không có cơ sở, nên lại thôi...

Nhưng tôi vẫn thấy vô cùng xót xa. Vô vọng đến chồ thê thảm như lá thư cầu cứu kẻ đắm tàu bỏ chai thả trên biển, vội vã và ngắn hơn cả một bài thơ hài cú, hàng chữ nhắn tin phản ảnh câu chuyện đau thương chung cho biết bao nhiêu cảnh đời của một xã hội vừa xụp đổ. Nó có khả năng làm ta xúc động như một tác phẩm văn học. Nếu có tham vọng viết loại *truyện thật ngắn*, tôi chắc sẽ không bao giờ có thể tạo được xúc động cho tôi hay cho bạn đọc đến một cao độ như vậy...

Tôi lại càng xót xa hơn nữa khi nghĩ cái khổ của K.L. mà tôi vừa ghi nhận được, chỉ mới là cái tơ cái tóc so với toàn thể những thử thách đồng bào tôi trong trại tị nạn đã trải qua...

Lúc ấy tôi nghĩ văn học của người Việt tha hương bắt đầu từ đây... Không những từ những lời nhắn tin mỗi ngày mỗi đau thương hơn (như của đợt thuyền nhân sau này), hay những bài thơ những tùy bút những trang nhật ký viết vội trong trại, mà từ ngay cả những bản thông cáo, những bích báo, hay cả những cuốn cẩm nang cho người tị nạn...

Có thể những tư liệu này chưa có kỹ thuật văn học. Nhưng kỹ thuật mà quan trọng gì. Văn học quan trọng là kinh nghiệm sống, và kinh nghiệm ngồn ngộn sức sống đồng bào tôi thu lượm trên đường di tản, trên đường vượt biên, và mai đây trong những những thử thách của hội nhập, sẽ vô cùng dồi dào sung mãn. Cội nguồn của một nền văn học huy hoàng là đây. Hạt đắng này sẽ nẩy mầm để cho hoa thơm quả ngọt...

Và quả như tôi nghĩ, chỉ một thời gian ngắn sau khi đặt chân tới Mỹ hay các quốc gia tiếp nhận khác, những tác phẩm của người Việt tị nạn đã bắt đầu xuất hiện. Với thời gian, các tác phẩm mỗi ngày mỗi nhiều. Với tổng số trên dưới một triệu người rải rắc khắp năm châu, cả ngàn mặt sách đã được trình diện với độc giả. Chúng ta viết, chúng ta đọc, không kém những dân chúng ham viết ham đọc nhất của thế giới.

Vấn đề là bao nhiêu những ấn phẩm ấy có thể gọi là văn học? Câu hỏi khó trả lời, ngay cho các viện khảo cứu văn học nghiêm túc. Những định nghĩa trường ốc *thế nào là tác phẩm văn học* đều đầy ngoại lệ.

Chung chung, người ta có thể nói tiểu thuyết là văn học, thơ là văn học. Còn sách khoa học hay thực dụng dạy toán lý hóa hay dạy làm vườn sửa xe không phải là văn học.

Nhưng giản dị như vậy mà vẫn chưa ổn. Rất nhiều sách khoa học hay thực dụng làm ta xúc động như một tiểu thuyết. Những đoạn văn viết về cách dậy trồng hồng hay cách đi sưu tầm hoa dại trên thảo nguyên, mặc dầu chính xác và thực dụng, vẫn có thể tạo cho người đọc một cảm giác thanh thoát như khi đọc một tiểu thuyết hay. Chuyện gẫy giống

những bông hồng kiều diễm từ những bông trà cánh đơn mọc dại tại những rừng thưa Tiểu Á... chuyện người thương gia thời trung cổ lặn lội sang tận bến Tàu buôn tơ, đã thấy bông Azalea nơi góc vườn một thiền viện hẻo lánh, đã mê hoa đến nỗi quên lợi bỏ lại một phần hàng hóa để có chỗ chở hoa về. Từ đó về sau mỗi khi đông vừa tàn, như tạ lòng người lái buôn tri kỷ, cây tặng vùng đất mới một mùa hoa ngắn ngủi mà huy hoàng như mùa xuân trên triền núi mờ sương của thiền viện cũ... Những chuyện làm vườn như vậy quả thật đẹp như những tác phẩm văn học chính thức. Tương tự, những khám phá về vũ trụ cực kỳ mông mênh hay về hạt nhiễm thể cực kỳ nhỏ bé, nếu kể lại cho hay cũng làm ta man mác rung động về thân phận con người trước cái bao la của không gian và thời gian... Và như đã kể ở trên, hàng chữ nhắn tin của người đàn bà di tản K.L. viết vội vã trên bảng gỗ trại tị nạn Pendleton có khả năng làm ta thao thức như một truyện hay thấm thía...

Ngược lại, những *tiểu thuyết* viết với dụng tâm chở ý, dù bởi những tư tưởng gia lỗi lạc như Sartre hay bởi những văn sĩ cộng sản trước Perestroika, cũng làm ta dội vì sự khiếm khuyết chất lượng văn học hay vì ý đồ thuyết phục hay tuyên truyền lộ liễu.

Trở lại vấn đề ấn phẩm của người Việt hải ngoại. Tuy tất cả những gì chúng ta viết ra không phải là văn học, nhưng rất nhiều tác phẩm chúng ta đã viết với mục đích thực dụng, vẫn có giá trị văn học, không trực tiếp thì gián tiếp. Thậm chí xấp cẩm nang dậy cách đi xe buýt, gọi điện thoại, lái xe hơi, hay cách dùng những dịch vụ công cộng về y tế hay an sinh cho người tị nạn hai mươi năm trước... hay như gần đây, về bảo hiểm nhân thọ, về mua bán nhà cửa xe cộ, về đóng mở những trương mục ngân hàng... tất cả đều có thể đóng góp vào kho tàng tư liệu văn học của chúng ta. Dù thực dụng và tầm thường, chúng mang nặng dấu ấn của đời sống tị nạn, và nhân chứng cho những vấn đề cốt lõi của cuộc sống của người Việt nam hải ngoại trong thế hệ đầu tiên.

Chúng ta cũng có thể thu nhập vào kho tàng tư liệu này một số ấn phẩm khác, tuy vẫn thực dụng như loại *cẩm nang của người tị nạn*, nhưng nóng hổi hơi thở và tim mạch của tập thể người Việt hải ngoại đang hình thành. Đó là trường hợp những tin thời sự, những văn bản báo chí, những tài liệu truyền thông, những tuyên ngôn lập trường của những phong trào chính trị, những truyền đơn quảng cáo cho cử tri các cuộc bầu cử...

Súc tích hơn nữa là thể văn hồi ký. Một số hồi ký chính xác và trung thực tất sẽ có giá trị lớn về phương diện sử học, một đề tài không nói ở đây. Riêng về diện văn học, giá trị cốt lõi của hồi ký là tính chất tư liệu chủ quan về thời cuộc hay thế sự, nhìn từ góc độ riêng tư của tác giả. Vì bản chất chủ quan, những pho hồi ký có giá trị văn học, nhất là khi hư cấu của tác giả được trợ lực bởi một bút pháp cao và một cảm xúc

nhảy bổn.

Ngay cả nơi những pho hồi ký không đạt được tính chất văn học, thể văn này vẫn là những tư liệu văn học vô giá. Sự việc là ít ai chọn lựa được những biến cố xảy ra cho bản thân, và chẳng ai chọn lựa được gốc nguồn của mình. Vậy mà phần đông chúng ta vẫn phải thuyết phục chính mình là số phận mình cuộc sống mình có đầu có đuôi, có truyền thống có cung cách. Khi viết lại quá khứ, nhiều người phải loay hoay có khi đến chỗ hư cấu để tìm một ý nghĩa cho những biến cố của đời mình, hay một quân bình tâm lý cho chính bản thân... Và khi loay hoay như vậy, hư cấu như vậy, họ vô tình ghi lại cho hậu thế những diện thâm sâu của nhân tâm khi đối phó với những bất an của quá khứ...

Sách văn học chính thức, ta cũng không thiếu. Từ dạng thức truyện ngắn cho đến thơ, cho đến trường thiên tiểu thuyết, vân vân, hai mươi năm qua, người viết hải ngoại đã sáng tác ra một kho văn học phong phú. Nhiều tác phẩm có giá trị văn học rất cao, đã hay sẽ được ghi nhận đúng mức bởi bạn văn và bạn đọc.

Số lượng tác phẩm văn học hải ngoại rất lớn, nhờ kỹ thuật ấn loát dễ dàng, và cũng nhờ truyền thống tự do của Âu Mỹ đối với ngôn luận nói chung và ấn phẩm nói riêng... Ở đây, chỉ có áp lực của thị trường là đáng sợ với người viết. Một nhà văn Mỹ sống bằng nghề văn, tất nhiên phải e dè nhà xuất bản, thị hiếu bạn đọc, và cảm tình cũng như khuynh hướng của các nhà phê bình... Vậy mà áp lực này, phần đông văn hữu Việt nam hải ngoại vẫn được miễn nhiễm. Quả thật, chúng ta viết bằng tiếng Việt, viết vì thích văn học, và chúng ta không trông đợi một lợi tức từ lao động văn học của mình. Do đó tài chánh không làm ta dụ dỉ khi viết. Chưa bao giờ có những người cầm bút tự do hơn...

Ngoài ra người viết hải ngoại được hưởng rất nhiều tiện nghi trong nghiệp vụ viết lách sẵn có ngoài này. Từ kỹ thuật điện toán, cho đến phương tiện dồi dào để trau dồi nghệ thuật với những thư viện của những trường văn bao giờ cũng mở cửa, cho đến những tiệm sách nhan nhản những kỳ thư kim cổ, tất cả những tiện nghi văn học này quả là nằm trong tầm tay.

Ta có cơ sở để lạc quan về tương lai văn học hải ngoại. Vốn sống đã phong phú, phương tiện và hoàn cảnh lại thoải mái thuận lợi, sớm muộn sẽ có những tác phẩm với tầm mức quốc tế sáng tác bởi những người viết hải ngoại...

Người nóng ruột sẽ hỏi *sớm muộn* là bao giờ? Tại sao cho đến bây giờ, hai mươi năm sau ngày di tản, chúng ta vẫn chưa có những tác phẩm thật lớn trong làng văn chúng ta? Có lẽ hai mươi năm tuy lâu nhưng không lâu lắm cho những chuyện văn hóa, và có lẽ chúng ta vẫn chưa loại trừ hết

những yếu tố âm cản trở công việc văn học của chúng ta.

Thiếu vắng một nền phê bình văn học là yếu tố âm thường được nhắc tới. Người viết không được bồi dưỡng tay nghề bằng nhận định của những nhà bình văn chuyên môn. Về hình thức, nhận xét kể ra có nhiều phần đúng. Quả thật ta chưa thể trông cậy vào những nhà phê bình dù quốc nội hay hải ngoại.

Nhận định văn học từ quốc nội không hữu dụng bao nhiêu, vì quá lệ thuộc vào đường lối chính trị của nhà cầm quyền. Tùy theo thời thế, nó thay đổi từ những phát biểu nặng nề đến chỗ mạ lỵ (văn chương hải ngoại là tay sai cho CIA, văn chương hải ngoại là tiêu cực và đồi trụy, v..v...), cho đến những lời khen tặng vô thưởng vô phạt dành cho xu hướng hoài niệm hay lòng hướng về tổ quốc của văn nhân hải ngoại... Khi khen khi chê, thái độ quốc nội với văn học hải ngoại xoay chiều khít khao với đường lối khi trói khi mở của nhà nước.

Còn ngoài này, tuy không bị trói buộc hay kiểm duyệt, chúng ta cũng chưa tạo lập được một bộ môn phê bình văn học đúng nghĩa. Thỉnh thoảng vì nhu cầu, vài anh chị em trong chúng ta ngưng sáng tác và đóng vai phê bình gia. Nhưng kể cả phẩm lẫn lượng, nỗ lực của chúng ta chưa tạo lập được một cơ sở vững chắc về bộ môn phê bình. Chúng ta như chưa đi quá giai đoạn phân loại và miêu tả. Đại để, căn cứ trên cốt truyện (một yếu tố không quan trọng của văn chương), chúng ta đã soạn ra trong rừng sách xuất bản hai mươi năm qua, bao nhiêu sách nói về quá khứ thay vì hiện tại và hội nhập, về hư cấu thay vì ký sự... Ta đếm trong làng văn hải ngoại bao nhiêu nhà văn nữ bao nhiêu nhà văn nam, già trẻ lớn bé phân phối thế nào... Tất nhiên những nhận định như vậy không phải là không có giá trị, nhưng chân dung một nền văn học chỉ có như vậy thì sơ sài quá.

Thỉnh thoảng chúng ta cố gắng đi xa hơn chút nữa trong sinh hoạt phê bình văn học, bàn đến nội dung văn chương của những tác phẩm được bình. Nhưng vừa bắt tay vào việc, chúng ta đã gặp ngay một loại trở ngại khác. Cộng đồng chúng ta quá nhỏ, anh em bạn văn quá ít ỏi, quá thân thiết, chúng ta không dễ gì được hưởng một nền phê bình trung thực trực ngôn, tuy xây dựng nhưng khó tránh khỏi đụng chạm.

Đời sống tha hương trong giai đoạn đầu chỉ được phép có một nền phê bình văn học nhẹ tay và rón rén, và chuyện bình văn trở thành một sinh hoạt giao tế. Hai mươi năm qua chúng ta đã nhuần nhuyễn khi xử dụng một mớ ngữ vựng đặc biệt để phê bình văn học. Những từ như *đôn hậu*, như *trong sáng*, như *thân thương*, như *chân chất*, như *ấm áp tình người*, có công dụng phổ thông là làm quà tặng cho những tác phẩm nhạt nhẽo vô duyên của một người bạn tốt nhưng xính viết văn và viết rất dở. Còn với những người được quý trọng tới một mực nào đó, những *Nam tào* hay *Bắc đẩu*, hay *Chekhov tái sinh* hay *Tolstoy hiện đại*, vân vân và vân vân, là những cụm từ tiện dụng được dùng đến chỗ lạm phát. Ấy là

chưa kể một mớ từ rỗng và kêu đã mòn mỏi trong văn học tây phương từ thế chiến thứ hai, như *thân phận con người*, như *niềm đau đau đáu*, như *thương yêu đời sống không biết mệt mỏi*...

Tuy nhiên ta không buồn phiền hay nuối tiếc. Thật ra ta không nên xem thường chức năng giao tế của bình văn. Bằng hữu là một thú vui hiếm hoi cho làng văn tha hương, đem lại ấm tình cũng như nâng đỡ tinh thần và quân bằng tâm trí. Thật là rồ dại nếu chúng ta đánh đổi cái giao hảo vô cùng quý hóa ấy để tạo một truyền thống phê bình văn học đủ tiêu chuẩn của quy ước trường quy.

Vả lại dù có muốn làm công việc phê bình văn học một cách nghiêm túc, chúng ta vẫn còn một vấn đề nan giải khác. Đó là sự thiếu thốn một đường lối phê bình thích nghi cho nỗ lực văn học của chính chúng ta. Chúng ta khen chê văn học theo những tiêu chuẩn không văn học. Chúng ta khen tác phẩm này vì nó *nói lên* tình cảnh xã hội di tản, hay sự kỳ thị của người bản xứ, hay những vui buồn của hoàn cảnh định cư... Chúng ta ghét tác phẩm kia vì nó không dám vạch trần nỗi niềm bất công của xã hội...

Tóm lại, ta đề cập đến *cốt truyện*, hay cao hơn nữa những *sứ điệp* chuyên chở bởi tác phẩm, trong khi thâm tâm ta biết rõ những *sứ điệp* lịch sử hay xã hội hay triết học, hay *cốt truyện*, không phải là những yếu tố chính của một tác phẩm văn học thành công.

May mắn thay, sự thiếu vắng của một truyền thống văn học chính thức có hệ thống được đền bù lại bằng sự thưởng lãm của độc giả. Không vướng lụy những thước tấc nhân tạo của lý thuyết phê bình văn học, người đọc bình thường xem ra bắt được cái đẹp của một tác phẩm văn học và tâm đắc với tác giả dễ dàng hơn là một học giả uyên thâm.

Và sự kỳ diệu ở đây là độc giả làm được những điều mà khoa bảng về nhân văn không làm được. Nếu các tháp ngà đại học, như một tập thể, không tìm được một *định nghĩa lập quy* thật ổn để định nghĩa thế nào là tác phẩm văn học, thì người đọc, khi đọc một tác phẩm cá biệt, sẽ dứt khoát phát hiện ngay được tính chất văn học hay phi văn học của tác phẩm ấy.

Độc giả ít khi lầm lẫn. Ít ai nghĩ một số truyện chuyên chở triết học của Sartre là văn học. Và ít ai chấp nhận giá trị văn học của những truyện xưng tụng đảng với những anh hùng công nông binh loại Mayakovsky, trừ khi bị đe dọa đến an ninh bản thân...

Một nhược điểm khác của văn học hải ngoại cũng hay được nêu lên

là chúng ta làm văn học trong xã hội Âu Mỹ, nơi mà ngôn ngữ của chúng ta là **ngôn ngữ thiểu số**. Ngôn ngữ ấy không truyền bá được ra cộng đồng lớn. Còn nữa, xa vời với quê mẹ, ngôn ngữ ấy sẽ cổ hủ đi và mai một đi với thời gian...

Người ta hay viện ra thí dụ điển hình của người Pháp tại Gia-Nã-Đại hay tại Mỹ. Những người dân gốc Pháp của Québec mặc dầu cố gắng phi thường để giữ ngôn ngữ cố quốc khi ra đi, chỉ còn giữ được một thứ tiếng Pháp đông lạnh của mấy thế kỷ trước, hoàn toàn khác hẳn tiếng Pháp ở chính quốc mà những tiến triển văn hoá xã hội chính trị đã làm cho biến hóa đi... Tất nhiên là họ viết lách và sinh hoạt về nhân văn, nhưng văn học của họ không mấy thành công, và ta không nghe một danh nhân nào trong giới nhà văn của họ đạt được những thành quả quốc tế như những nhà văn Pháp tại chính quốc... Còn người Mỹ gốc Pháp ở Louisiana xem ra còn thất bại hơn nữa về diện văn học bằng ngôn ngữ cội nguồn của họ...

Nhưng trường hợp chúng ta không giống trường hợp của những người Pháp di dân. Khi họ rời Âu châu, Đại Tây Dương là một khoảng cách kinh khủng cho thuyền bè thời bấy giờ, và Mỹ châu quả thật xa vời, xứng đáng với tên gọi Tân thế giới thủa ấy. Ngày nay với phương tiện giao thông và truyền thông hiện đại, tiếng Việt hải ngoại không thể mà cũng không có cơ hội đông lạnh như tiếng Pháp của dân Gia Nã Đại tỉnh Québec.

Sự tiến bộ giao thông và truyền thông hiện đại còn có nhiều ảnh hưởng quan trọng hơn nữa đến vận mệnh văn học hải ngoại. Khoảng cách địa dư ngắn lại như một điều kiện thuận lợi cho sự gần gũi giữa người viết hải ngoại và độc giả trong nước, và 70 triệu quần chúng Việt Nam không phải của riêng cho một tập thể tác giả hay tác phẩm nào...

Vả lại thế giới mỗi ngày mỗi cởi mở, và đông tây tìm hiểu nhau mỗi ngày một ráo riết hơn. Văn học Trung Hoa và Nhật Bản, tuy chưa phổ biến bằng cơm tàu hay sushi, nhưng không còn xa lạ với giới nghiên cứu văn học Tây phương. Những áng cổ văn của hai quốc gia này vẫn được phân tích kỹ càng như những mẩu mực tiểu thuyết của văn học sử. Gần hơn, tác phẩm hiện đại của Oe đã được giải Nobel. Và trước cả Oe khá lâu, một nhà văn lưu vong Do Thái viết bằng tiếng Do thái tại Mỹ cũng được giải Nobel văn học. Một ngày gần đây, văn học Việt Nam, dù hải ngoại hay quốc nội, hễ hay thì việc phổ biến tới độc giả khắp nơi, qua Pháp ngữ hay Anh ngữ hay Hoa ngữ, nếu có cho là quan trọng, cũng không phải là chuyện xa xăm.

Viết về chuyện gì là một câu hỏi tiêu cực khác, có hồi tưởng như nan giải cho văn học hải ngoại. Hiện tượng xảy ra sau thập niên đầu tiên của đời sống hải ngoại, khi vốn sống tích lũy từ cố quốc đã tiêu dùng gần hết.

Sự việc là thúa mới đặt chân đến Mỹ, chúng ta sống như trong một khoảng chân không văn hóa và tình cảm. Xung quanh chúng ta là một khung cảnh khác, luật pháp khác, phong tục khác, ngôn ngữ khác. Những ngày đầu ra khỏi trại, tiếng mẹ đẻ của chúng ta chỉ còn dùng được giữa vợ chồng con cái...Ra khỏi cái vòng phấn nhỏ ấy, tiếng Việt phải bỏ lại.

Và tất cả cảnh sống ấy xa lạ không hẳn chỉ vì ngôn ngữ...Những người trong chúng ta thông thạo Anh ngữ ngay từ ở Việt Nam lại còn bàng hoàng hơn, khi thấy trong những chương trình ăn khách trên các kênh T.V., người Mỹ sinh hoạt với những quá trình hoàn toàn khác lạ ta không hề dự phần... Họ xử án, họ vinh danh hay lăng mạ lãnh tụ của họ, họ giải trí, họ vui, họ buồn, hoàn toàn khác chúng ta...

Và ta nghĩ đến tâm sự riêng tư của mình. Cái vui cái buồn... Cái làng xưa với bờ tre xanh, với con sông nhỏ, với rừng dừa ven biển, với câu hát giọng hò... Cái thành phố cũ đã mất tên, trường tiểu học cuối phố, bát phở sáng, tách cà phê trưa, một cảnh sống mà những mấu chốt như hũ mắm của bà vại cà của mẹ, xa vời như từ một kiếp khác...Những người Mỹ xung quanh chắc phải đọc hai chục quyển sách, hay sang Việt Nam sống hai mươi năm mới hiểu ta nói gì nếu ta kể cho họ tâm sự đó, nói chi đến hiểu được câu cười tiếng khóc của ta...

Và trong viết lách, ta dựng lại cho ta cảnh sống cũ. Văn học không những chỉ còn là một thú vui tao nhã hay một nghiệp dư, mà là một phép màu nhiệm tái tạo lại một cảnh sống đã mất, trong đó ta không hẳn sung sướng hơn hiện tại, nhưng sự việc ra môn ra khoai, cảnh sống thích nghi với cái nhìn cũ của ta, trong đó ta có chỗ sinh hoạt rõ ràng, như một bánh xe ăn khớp với những bánh xe khác... Ta viết lại quá khứ để thay thế cái hiện tại bất an... Và trong nỗi bàng hoàng đau thương của cảnh huống, ta miệt mài xử dụng những vốn sống quá khứ ấy. Khi quá khứ khai thác đã gần cạn, ta hoảng hốt trước sự trống rỗng đang ngấp nghé cuối đường.

Những quan niệm về văn học mang theo từ nhà lại càng làm ta khổ sở hơn. Người Việt Nam chúng ta, bắc cũng như nam, không biết tự bao giờ và tại ai, vẫn đinh ninh rằng văn học quan trọng hơn tất cả mọi sinh hoạt khác của đời sống, và gán cho nhà văn những chức năng quá nặng nề. Nhà văn là lương tâm của nhân loại, chức năng của văn học là giáo dục quần chúng và phát huy nghệ thuật... Thất bại không thi hành nổi những chức năng ghê gớm đó quả thật là chuyện đáng kinh hoàng...

Nhưng sự khủng hoảng này ngắn hạn.

Sang thập niên thứ hai của cuộc sống định cư, chúng ta quen thuộc với phong tục ngôn ngữ của miền đất mới. Dần dà, chúng ta ghi nhận những người bản xứ, từ đa đen đến đa đỏ đa trắng mặc dầu bề ngoài dị biệt, nhưng cốt lõi vẫn là con người với những vui buồn sướng khổ chung...

Và chúng ta chợt nhớ ra, là khi còn ở quốc nội, tuy chưa có dịp đi quá Biên Hòa hay Thủ Dầu Một, ta đã gần gũi với người da đen vùng Missouri của Mark Twain, với người da trắng nghèo vùng Salinas của John Steinbeck, với anh chàng Rhet Butler vùng Georgia của Margaret Mitchell... Ta còn đã rất thoải mái với những người đàn bà đàn ông thường dân hay quý tộc của những không gian thời gian còn xa lạ hơn nữa, như *Anna Karénine* của Tolstoy hay *Madame Bovary* của Flaubert. Chân lý hiển nhiên mà trong lúc choáng váng với cơn đau riêng ta đã quên mất, sau hai thập niên dưỡng thương đã trở lại với chúng ta: con người khắp năm châu đều là con người...

Chúng ta bắt đầu tiếp thu một cách tinh vi hơn những kinh nghiệm sống hàng ngày trong liên hệ hai chiều với người địa phương. Ta không ngăn cản được chất sống của đồng loại thấm thấu vào bản thân, dù đồng loại ấy có khác màu da và chủng tộc. Và một khi chất sống theo hơi người lại được tiếp thu, văn học hồi sinh.

Viết về chuyện gì trở thành câu hỏi quá dễ trả lời. Viết về đời sống. Không những về đời sống cũ, về quá khứ, mà còn về đời sống hiện tại, cái đời sống hiển hiện trước mắt mỗi ngày ta tham dự từ lúc thức giấc, và mỗi đêm khi ta ngủ vẫn sinh hoạt trong tiềm thức ta...Viết về chúng ta, về người địa phương chung đụng với chúng ta, về sự va chạm của hai văn hóa, và về những nét nhân tâm huyền diệu nhờ sự va chạm mà phát hiện ra...

Và bây giờ không còn vấn đề thiếu đề tài chất liệu để viết. Nhà văn đã phục hồi được khả năng nhìn xuyên qua được những dị biệt bì phu, để thấy được nơi mỗi con người chuyện cốt lõi của nhân tâm, kho tàng bất tận của văn học nghệ thuật...

Hơn nữa, ảnh hưởng đời sống hải ngoại còn cất đi cho ta một gánh nặng. Ta nhũn nhặn hơn, thực tế hơn, khi nghĩ đến hay nói đến chức năng của văn học. Và ta ghi nhận nhà văn như một tập thể, không phải là siêu nhân có học thức tài năng can đảm đức độ hơn người... bổn phận chính của nhà văn không phải là dạy đời, hay cứu khổn phò nguy, hay tiên tri cho nhân loại... Nhà văn chỉ có bổn phận viết văn. Tất nhiên phải cố gắng hết mình để viết cho hay cho nghiêm túc, để phụng sự mọi người và nghệ thuật ở một trình độ cũng hay cũng nghiêm túc bằng bác nông dân sản xuất ra thực phẩm, anh thợ máy đóng ra xe hơi, cô giáo văn dạy học trò làm luận, ông dược sĩ bào chế ra viên thuốc trụ sinh, hay cô nha sĩ nhổ cái răng cấm...

Và tâm ta có tất cả điều kiện để thanh thản. Cái phân bì đối chọi *ta* với *người* không còn nữa, dù *người* là những bạn văn dị chủng địa phương hiện tại, hay là những bạn văn đồng chủng nơi cố quốc.

Ta giống họ mà cũng khác họ. Ta giống họ ở chỗ cùng tha thiết với việc khám phá cõi nhân tâm. Ta khác họ, vì trong công cuộc này, ta có lợi điểm của hai thế nhìn, cho phép ta thoát ra khỏi cái nhị nguyên hạn hẹp đối chọi đông với tây, quốc nội với hải ngoại...❐

Tương phùng

PHAN MINH KHÁNH

Người tưởng đi vào cổ tích
Mười năm chiêm bao nước cạn chân cầu
Môi cười lầm than dất cũ
Ngựa về không vó mỏi biển dâu.

Nắng còn bao giờ vàng trên quê hương
Đường mòn một thuở
Ngày tháng xa xăm trí nhớ mơ hồ
Chợ chiều gió mù khói tỏa
Gồng gánh gian nan áo vá
Người đợi chờ mấy buổi lặng câm
Thời gian dau mùa xanh
Miên viễn một thăng trầm.

Có ai biết người đi lao lung núi mòn trăng khuyết
Vẫn mơ ngày đốt lửa tương phùng.

Quê hương cười cay đắng
Mây ấp ủ xanh xao
Đêm mênh mông nỗi nhà thăm thẳm
Mấy néo đi về có úa cành khô
Người xa như vào cõi mộ
Đèn xưa tình lặng như tờ

Rồi một ngày không còn ai quên ai nhớ
Lịch muôn trang thành tro tàn thiên cổ
Người trở lại phôi phai
Mắt sâu đời tân khổ.

Thanh gươm nào rỉ sét mộng bình sinh
Chỉ còn khoảnh khắc vô danh
và một chút tình
Cho người hóa đá!

Hai Mươi Năm Văn Xuôi ở Hải ngoại

Nguyễn Mộng Giác

Chẳng còn bao lâu nữa tập thể người Việt tị nạn ở hải ngoại đã lập nghiệp trên xứ người được hai mươi năm. Trong hai thập kỷ đó, từng cá nhân, từng gia đình đã trải qua biết bao nhiêu biến cố, mà quan trọng nhất là kinh nghiệm dưới chế độ cộng sản và kinh nghiệm định cư trên đất mới. Cả hai thứ kinh nghiệm đều lớn lao, đảo lộn toàn diện đời sống mọi người, nên văn xuôi ở hải ngoại đã trở thành tấm gương phản ảnh khá đầy đủ tâm tình của tập thể người Việt tị nạn.

Tìm hiểu nền văn xuôi phát sinh từ hoàn cảnh lịch sử phức tạp ấy đòi hỏi công sức của nhiều người, và cần một thời gian tìm hiểu, phân tích, tổng hợp lâu dài. Một người không đủ sức làm công việc đó. Cho nên những ghi nhận dưới đây chỉ là phác thảo của những ghi nhận sơ khởi, có tính chủ quan, và nhất định còn nhiều thiếu sót, vội vã.

Gần đây, vài nhà nghiên cứu văn học trong nước, như Nguyên Huệ Chi, nhân cơ hội được "cởi trói" đôi chút, dã mạnh dạn đặt câu hỏi: Có một nền văn học Việt Nam tại hải ngoại hay không?

Câu hỏi này khiến giới cầm bút cũng như bạn đọc yêu văn chương tại hải ngoại ngạc nhiên. Chúng ta hãnh diện trả lời rằng trong hai mươi năm qua, rõ ràng một nền văn học viết bằng tiếng Việt đã hình thành tại hải ngoại, và so với nền văn học Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam từ 1954 đến 1975, giá trị và số lượng văn phẩm của văn học Việt Nam hải ngoại không còn có thể phủ nhận được. Nó đã trở thành một thực thể của văn chương và lịch sử dân tộc. Nó đã có một đời sống, một tiến trình hình thành theo từng đợt di dân, và số lượng tác giả, tác phẩm đủ để bao trùm lên nhiều ngõ ngách, khuynh hướng của đời sống tinh thần người Việt hải ngoại. Do hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống di dân, nền văn học đó không phát triển đồng bộ, chẳng hạn kịch nghệ, lý luận phê bình không theo kịp với thi ca và văn xuôi. Về phương diện phản ảnh tâm

tình của người Việt tị nạn, văn xuôi tỏ ra hữu hiệu và phổ quát hơn thơ. Trong văn xuôi, truyện ngắn và hồi ký phát triển nhanh hơn truyện dài...Trong bài này, do kinh nghiệm và khả năng hạn chế, tôi chỉ đề cập tới văn xuôi.

I. Các giai đoạn hình thành của văn xuôi hải ngoại.

Cuộc di cư đột ngột và đông đảo sau ngày 30.4.1975 đưa nguyên cả một khối lớn những văn nghệ sĩ, quần chúng thưởng ngoạn ra nước ngoài, nên trên các vùng đất mới đã thành hình nhanh chóng một nếp sinh hoạt văn học, tiếp nối theo nếp sinh hoạt thời Việt Nam Cộng hòa trước 1975. Tuy nhiên do di cư theo nhiều đợt ở những hoàn cảnh chính trị khác nhau, người Việt ở hải ngoại có những kinh nghiệm và tâm tư khác nhau. Điều đó ảnh hưởng tới sự hình thành của văn chương hải ngoại, rõ nhất là trong văn xuôi.

1. Ở giai đoạn đầu, tạm giới hạn từ 1975 đến 1980, văn chương hải ngoại còn ở tình trạng chập chững, bàng hoàng, rã rời. Tuy một số nhà văn nhà báo di tản đợt đầu có cố gắng viết lách, làm báo văn chương để tiếp nối sinh hoạt cũ ở Sài gòn trước 1975, nhưng, như nhà văn Võ Phiến nhận định: *"Sự cố gắng ấy cũng chẳng lớn lao mấy. Sau cuộc đổi đời, một lớp người nào nỡ thấy rõ. Các tác giả trong nhóm Quan Điểm (mà nhà văn Mặc Đỗ hiện đang ở Houston là một thành viên nòng cốt) từ chối tiếp tục, có viết chăng là thỉnh thoảng một bài thơ gửi cho tờ báo bạn, hay một cuốn sách luận về kinh, về đạo, thế thôi. Lớp trẻ hơn cũng không hẳn viết lách suông sẻ. Lê Tất Điều, Viên Linh, Túy Hồng, Trùng Dương...có lúc hoạt động hăng hái, có lúc tự dưng im bặt. Nhiều vị khác đứng ra chủ trương những tờ báo để phát huy sinh hoạt văn học, phát huy các tài năng mới, còn tự mình thì cũng chỉ lai rai một vài bài thơ, lâu lâu một thiên hồi ký. Văn nghiệp sau 1975 của họ không có gì đáng kể, phần chính vẫn thuộc về thời kỳ trước"* (Ngày Nay, Houston số 142, 15.8.1987)

2. Phải chờ đến năm 1980 khi bắt đầu có những đợt vượt biển đông đảo và bi thảm làm xúc động lương tâm cả thế giới, mới có những biến chuyển lớn về phía người viết, người đọc và sinh hoạt văn chương hải ngoại. Cuộc vượt biển vĩ đại và bi thảm bắt đầu ồ ạt từ năm 1980 đã thay đổi tâm trạng lớp người di tản năm 1975.

Những cây bút mới sang trong đợt vượt biển gặp nhiều thuận lợi hơn lớp nhà văn di tản. Họ ra nước ngoài lúc các cộng đồng người Việt đã thành hình, đã có những tòa báo, nhà xuất bản, đã có những người đọc chờ đón tìm hiểu các kinh nhiệm nóng hổi của họ qua mấy năm sống dưới chế độ cộng sản. Có thể xem giai đoạn ngắn từ 1980 đến 1982

là giai đoạn chuyển tiếp, chuẩn bị, để văn học hải ngoại nhất là văn xuôi bắt đầu phát triển nhanh từ 1982 đến 1990.

3. Giai đoạn phát triển và định hình: Những cố gắng vất vả và âm thầm của những nhà văn sang trước đã đặt nền móng cho văn học định hình và phát triển trong giai đoạn sau, đặc biệt đáng ghi nhận là vai trò các tạp chí văn chương như *Đất Mới* (do Thanh Nam chủ trương), *Văn Học Nghệ Thuật* (do Võ Phiến và Lê Tất Điều chủ trương), *Việt Chiến* (do Giang Hữu Tuyên, Hoàng Xuân Sơn, Ngô Vương Toại chủ trương), *Nhân Chứng* (do Du Tử Lê chủ trương), *Thời Tập* (do Viên Linh chủ trương).Trong các tờ báo văn chương kể trên, chỉ có tờ *Đất Mới* là sống dai, những tờ khác gặp nhiều khó khăn, trước sau phải đình bản.

Nhà văn Mai Thảo thoát khỏi cuộc ruồng bố truy lùng của cộng sản, vượt biên vừa tới Hoa Kỳ là xông ngay vào làm báo, viết văn, hết làm cho tờ *Đất Mới* lại xuống Nam California làm cho tờ *Hồn Việt*. Nhưng phải chờ cho đến khi ông đích thân làm chủ nhiệm, chủ bút tờ *Văn*, thì Mai Thảo mới có dịp nói hết hoài bão của mình. Trên tạp chí *Văn* số ra mắt tháng 7.1982, Mai Thảo viết: *"Tâm thức hợp nhập trường kỳ vào đại thể quê hương. Vào vận nạn đất nước. Theo tôi lâu dài và duy nhất là đối tượng lớn lao vinh hiển nhất phải hướng về của văn học Việt Nam hải ngoại, không có hướng nào khác."*

Tâm nguyện dùng văn chương phản ánh thực trạng quê hương và tranh đấu cho một quê hương tự do - như lời Mai Thảo viết - được xem là phương châm cho văn học hải ngoại, điều đó thể hiện rõ trên từng bài viết, trên khắp các tạp chí văn chương của giai đoạn này như *Nhân Văn* (do Võ Hoàng và Tướng Năng Tiến chủ trương), *Văn, Văn Học Nghệ Thuật bộ mới, Văn Học, Làng Văn, Tân Văn, Thế Kỷ 21*...Số lượng tác giả mới xuất hiện ngày càng đông, số sách xuất bản hằng năm gia tăng, nhà xuất bản thêm nhiều, tạo thành một sinh hoạt văn chương phong phú và đa dạng. Có thể nói giai đoạn này là giai đoạn văn học hải ngoại phát triển mạnh mẽ và phong phú nhất.

4. Từ 1990 đến nay, đà phát triển có chậm lại: các tác giả mới xuất hiện thưa thớt hơn, những tác phẩm giá trị in ra hằng năm ít đi, nhiều nhà văn viết rất hăng của giai đoạn trước bây giờ ngưng viết hay chỉ viết cầm chừng. Trên các tạp chí văn chương, đã có những cuộc thảo luận tìm hiểu nguyên nhân hiện tượng trì trệ này, và rất đông người đồng ý là biến chuyển chính trị tại Việt Nam và thế giới có làm cho văn chương hải ngoại thay đổi. Điều đó tất nhiên, một khi khối cộng sản sụp đổ và thế giới đang ở ngã ba đường, đang hoang mang vì chưa tìm ra một thứ trật tự mới. Trong vòng hai năm trở lại đây, những đợt di dân theo diện H.O. có làm thay đổi không khí sinh hoạt của cộng đồng người Việt hải ngoại,

nhưng bây giờ còn quá sớm để tiên đoán đợt di dân mới này có ảnh hưởng lớn lao cho văn chương như đợt di dân vượt biển thời thập niên 80 hay không.

II. Các dòng văn xuôi hải ngoại

Có thể nói gọn : Những nhà văn hải ngoại thường xuyên bị phân thân giữa quá khứ và hiện tại, một quá khứ thân yêu ngày một phai mờ mất dấu và một hiện tại lạ lẫm khó lòng thích nghi. Hai chữ thường được nhắc tới trong văn xuôi hải ngoại là *hoài niệm* và *hội nhập*. Hai đề tài này quyết định cách phân dòng của văn xuôi hải ngoại hai mươi năm qua. Theo tôi, văn xuôi hải ngoại có những dòng chính sau đây:

Dòng hoài niệm:

1. Ở giai đoạn đầu (1975-1979) văn chương hoài niệm mang nặng chất bi thương, cô đơn, vô vọng. Và thuở ban đầu lơ láo, tâm trạng hoài niệm thể hiện dễ dàng và phong phú qua thơ hơn là qua văn. Đánh dấu giai đoạn tâm tư này là hai tập thơ tiêu biểu: *Thơ Cao Tần* và *Đất Khách* của Thanh Nam

Dĩ nhiên cảm giác lưu lạc hối tiếc còn bàng bạc trong truyện, tùy bút của Võ Phiến (*Thư gửi bạn*, *Nguyên Vẹn*), Túy Hồng, Trùng Dương, Thanh Nam, nhưng dường như để gói trọn đau buồn dưới một thể loại gọn nhẹ dễ phổ biến và ít tốn công phu (nên nhớ thời này ngành xuất bản sách báo Việt còn đơn sơ), thì văn xuôi không thể bằng thơ.

2. Qua các giai đoạn sau, khi phong trào vượt biển ồ ạt mang đến cho các cộng đồng tị nạn một sinh khí mới, thì dòng văn chương hoài niệm cũng thay đổi.

Về lượng, dòng văn chương này nhiều hơn. Về chất, nó không còn bi quan, thê lương nữa. Người Việt di tản yên tâm hơn với cuộc sống trước mắt, cuộc đời tha hương không phải chỉ gồm buồn thảm sầu thương mà có khi lại vui vẻ, náo nhiệt (như trong các truyện ngắn của Hồ Trường An trong tác phẩm *Hợp Lưu*). Họ đã tìm được lẽ sống, nên bây giờ nhìn lại quá khứ, họ nhìn lại một cách bình tĩnh thanh thản hơn. Nhờ tâm cảnh ấy, văn xuôi hải ngoại phát sinh hai khuynh hướng sáng tác đặc biệt phong phú tuy vẫn nằm trong dòng hoài niệm:

a. Khuynh hướng văn chương phong tục của các cây bút gốc miền Nam.

Chưa bao giờ số lượng các tác giả gốc miền Nam và những tác phẩm viết về đời sống vùng đồng bằng sông Cửu Long lên cao như trong văn xuôi hải ngoại. Trước 1975 ở miền Nam chỉ có một số nhà văn gốc miền

Nam có địa vị xứng đáng trên văn đàn như Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Lê Xuyên, Hồ Hữu Tường.., hầu hết số còn lại là những tác giả gốc Trung hay Bắc. Tại hải ngoại, các nhà văn miền Nam chiếm đa số: Xuân Vũ, Nguyễn văn Sâm, Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Huyền Châu, Phan thị Trọng Tuyến, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Nguyên Đức Lập, Võ Kỳ Điền, Ngô Nguyên Dũng, Cao Bình Minh, Trần thị Kim Lan, Trịnh Gia Mỹ, Nguyên Tấn Hưng, Nguyễn văn Ba, Huỳnh Hữu Cửu, Trần Vũ, Ngọc Khôi, Sỹ Liêm...

Nếu chỉ dựa vào gốc gác sinh trưởng để bảo rằng có một khuynh hướng văn chương miền Nam trong văn xuôi hải ngoại thì quá đơn giản, vội vã. Sở dĩ tôi chú ý tới hiện tượng này, vì tác phẩm của những nhà văn gốc miền Nam có một xu hướng và văn phong đặc biệt, khác với những nhà văn miền Trung và miền Bắc. Đề tài họ khai thác là đời sống bình dị hồn nhiên của đa số dân nghèo hoặc trung lưu cấp thấp của miền Nam, trở về thời xa xưa Pháp thuộc (như trong truyện Hồ Trường An, Xuân Vũ, Ngô Nguyên Dũng, Huyền Châu, Nguyễn văn Ba) hoặc thời Việt Nam Cộng hoà trước 1975 (trong truyện Kiệt Tấn, Hồ Trường An, Nguyên Tấn Hưng) hay thời sau 1975 dưới chế độ cộng sản (trong truyện Nguyên Đức Lập, Võ Kỳ Điền, Nguyên văn Sâm). Ngôn ngữ họ dùng là "ngôn ngữ nói" đầy chất sống động hồn nhiên của người miền Nam. Tác phẩm của họ nhiều tính chất phong tục, đầy phong vị quê hương.

Đi xa hơn nữa (và về điểm này họ vượt cao hơn các cây bút miền Nam trước 1975), họ đẩy chất phong tục lên tới trình độ khái quát của tư tưởng triết lý và suy tư chính trị, trong lúc vẫn giữ được nét hồn nhiên độc đáo của văn phong miền Nam (như trường hợp Kiệt Tấn, Hồ Trường An, Nguyên Đức Lập, Nguyên văn Sâm)

b. Khuynh hướng hồi ký.

Nhờ bình tĩnh hơn, các cây bút hải ngoại bắt đầu viết lại những kinh nghiệm trong quá khứ. Đây là kho tài liệu quí giá cho những người viết sử sau này. Các ra ngoài những hồi ký chính trị của các tướng lãnh như Nguyên Cao Kỳ, Đỗ Mậu, Nguyễn Chánh Thi, Trần văn Đôn, Huỳnh văn Cao, Trần Ngọc Nhuận...các chính khách như Bùi Diễm, Nguyên Tiến Hưng, Trần Huỳnh Châu...giới văn nghệ có hồi ký của Phạm Duy, Duyên Anh, Nhã Ca (*Hồi ký mất ngày tháng*), Hoàng Liên (*Ánh sáng và Bóng tối*), Cao Xuân Huy (*Tháng Ba gãy súng*), Hoàng Khởi Phong (*Ngày N +...*), Phạm Quốc Bảo (*Cùm đỏ*), Hà Thúc Sinh (*Đại học máu*), Tạ Tỵ (*Đầy địa ngục*), Đào văn Bình, Đào Khanh (*Cải lớn*), Tạ Chí Đại Trường (*Một khoảnh Việt Nam Cộng hòa nối dài*)...Đa số hồi ký viết về kinh nghiệm học tập cải tạo, một chủ đề còn tiếp tục được khai thác cho đến nay do những chứng nhân mới là anh em H.O. Nhìn chung, các hồi ký cải tạo đã

xuất bản chỉ mới dừng lại ở việc ghi chép, tường thuật các sự kiện, chưa từ những sự kiện và kinh nghiệm riêng khái quát thành những suy tư lớn lao về tâm lý con người trước bạo lực và cưỡng chế, như các nhà văn dưới chế độ Quốc Xã đã làm. Cho đến nay, theo thiển ý, hai tập hồi ký cải tạo có giá trị nhất vẫn là *Ánh sáng và Bóng tối* của Hoàng Liên, và *Một khoảnh Việt Nam Cộng hòa nối dài* của Tạ Chí Đại Trường.

Dòng văn chương dấu tranh chính trị

Tập thể tị nạn Việt tại hải ngoại không phải là một lớp di dân thiểu số ở nơi định cư như các cộng đồng thiểu số người Hoa, người Nhật, người Đại Hàn tại Mỹ. Chúng ta là những người tị nạn vì lý do chính trị, cho nên văn chương chúng ta làm ra là một nền văn chương lưu vong. Yếu tính của nền văn chương đó là sự đối kháng chính trị đối với chính quyền cộng sản trong nước. Thành thử hầu hết các tác phẩm văn xuôi hải ngoại, dù dưới hình thức nào, nhiều hoặc ít, trực tiếp hay gián tiếp, đều có khuynh hướng chống cộng. Giữa tác giả này và tác giả kia, có khác nhau là khác về phương thức chống cộng, còn thì không khác nhau về mục tiêu. Những tranh luận gay gắt xảy ra lâu nay trên báo chí đều do dị biệt về phương thức mà thôi.

Chính vì vậy mà năm 1992, trên phụ trang tháng 3 của tuần báo Văn Nghệ (cơ quan ngôn luận của Hội Nhà văn Việt Nam) đặc biệt viết về văn học hải ngoại, Nguyên Phong đã nhận định:" Do điều kiện lịch sử, xã hội và thông tin, việc phân chia các khuynh hướng sáng tác cho văn học hải ngoại cần phải có thêm thời gian và tư liệu. Các khuynh hướng tư tưởng phức tạp mâu thuẫn đan xen trong từng tác phẩm, tác giả. Có sự hoài vọng lịch sử, sự đau đớn thương nhớ da diết đất nước quê hương, nhưng váng vất đâu đó như những bóng ma ám ảnh vẫn là mặc cảm, hận thù, khi thì bằng bạc, khi thì hằn học."

Tuy nhiên, trong dòng văn xuôi đấu tranh chính trị, có một nhóm nhà văn dứt khoát coi văn chương như một vũ khí đấu tranh, ngoài nhiệm vụ này văn chương không còn nhiệm vụ nào khác. Nhà văn là một chiến sĩ, ngòi bút là một cây súng. Chủ trương này lên mạnh vào thời kỳ các tổ chức kháng chiến ở hải ngoại phát triển hồi đầu thập niên 80, tạo ra một dòng văn chương đấu tranh rầm rộ với tác phẩm của Võ Hoàng, Tưởng Năng Tiến, Bắc Phong, Võ Kỳ Điền, Nguyên Ngọc Ngạn, Vĩnh Liêm, Xuân Vũ, Diệu Tần, Lê Đại Lăng...

Chủ trương đem văn chương làm phương tiện đấu tranh chính trị có tạo được khí thế cho sinh hoạt văn chương nhưng lại bị lệ thuộc vào tính cách giai đoạn của nhu cầu và sự thăng trầm của các phong trào chính

trị. Bây giờ còn quá sớm để phân biệt đâu là những bài viết có tính cách tuyên truyền giai đoạn và đâu là những tác phẩm văn chương có giá trị lâu dài, nhưng theo kinh nghiệm xưa nay, những tác phẩm đấu tranh chính trị chỉ sống được lâu khi nào nó vượt qua được những giới hạn giai đoạn, đề cập được những vấn đề chung muôn thuở của nhân sinh. Văn chương đấu tranh vì thế đòi hỏi sự đa diện phong phú khi đề cập tới đời sống, con người (điều này hơi khó vì hễ tranh đấu thì mục tiêu phải rõ ràng, bạn thù phải phân minh). Trong khi đó, những nhà văn sáng tác thoải mái theo cảm hứng của mình ở hải ngoại lại viết được những tác phẩm chống cộng sâu sắc. Dường như cây bút nào ở hải ngoại cũng có một số truyện ngắn chống cộng đạt được trình độ nghệ thuật cao. Đều tay, tạo được ấn tượng sâu đậm nơi người đọc trong khuynh hướng này có Nguyễn Ngọc Ngạn, Thế Giang, Tưởng Năng Tiến, Xuân Vũ, Nguyễn văn Sâm, Nguyễn Đức Lập, Võ Hoàng, Hà Thúc Sinh. Tờ Văn Nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam đặc biệt nêu tên những nhà văn mà họ gọi là "những cây bút chống cộng có nghề": Nguyễn Ngọc Ngạn, Thế Giang, Xuân Vũ, Võ văn Ái, Phạm Quốc Bảo, Hà Thúc Sinh.

Dòng văn chương sử tính

Cho đến nay, *thức ăn chính của văn xuôi hải ngoại vẫn là quá khứ*, những kỷ niệm thân yêu của một thời. Nhờ khoảng cách không gian và thời gian, nhờ có nhiều điều kiện tiếp cận với các nguồn tài liệu phong phú và nhân chứng sống, nhờ được hoàn toàn tự do khi viết và xuất bản, nhà văn hải ngoại dễ dàng có cái nhìn bao quát để nhận định về lịch sử - nhất là lịch sử khu vực miền Nam Việt Nam - hơn người trong nước. Thể hồi ký phát triển cũng do ưu thế này.

Về sáng tác, văn chương hải ngoại chắc chắn sẽ có những công trình lớn ôn lại những thăng trầm của dân tộc chúng ta trong nửa thế kỷ qua. Rất nhiều nhà văn đã, hoặc đang viết những bộ trường thiên tiểu thuyết lịch sử như Nguyễn Mộng Giác (*Mùa biển động*, *Sông Côn mùa lũ*, đã xuất bản trọn hai bộ), Trần Dạ Sỹ (chuyên viết trường thiên dã sử, đã xuất bản 6 bộ như Anh hùng Lĩnh Nam, Cẩm khê di hận, Anh hùng Tiêu sơn...), Nguyễn Xuân Hoàng (bộ trường thiên ba tập mới in được hai cuốn *Người đi trên mây*, *Bụi và Rác*), Mai Kim Ngọc (*Muôn kiếp cô liêu* mới ra cuốn 1), Nguyên Sa (bộ *Giấc mơ*), Hoàng Khởi Phong (*Người trăm năm cũ*, mới ra được tập 1), Trần Long Hồ (bộ trường thiên *Dung Thân* đã ra được ba tập *Cõi sa mù*, *Cửa địa ngục*, *Bóng thiên đường*), Trương Anh Thụy (bộ trường thiên *Chuyển Mùa* đã ra được tập 1 *Trạm nghỉ chân*).

Trong thể loại văn xuôi dài hơi, có hai tác giả ở vào trường hợp đặc

biệt là Thích Nhất Hạnh và Nghiêm Xuân Hồng. Cả hai đều viết nhiều, và có ảnh hưởng rất lớn đối với bạn đọc Phật tử. Bộ *Trang tôn kinh huyền hoặc* (4 cuốn) của Nghiêm Xuân Hồng và *Dường xưa mây trắng* của Nhất Hạnh dù nội dung là tác phẩm tôn giáo nhưng lối viết đã biến tác phẩm thành tác phẩm văn chương.

Lịch sử thế giới đang đảo lộn dữ dội, thế giới cộng sản đang đổ nát. Tương lai, trật tự mới chưa biết ra sao, điều đó có làm cho đà viết của những nhà văn có tham vọng lớn ở hải ngoại chậm lại, nhưng thế nào cũng có những bộ tiểu thuyết lớn ra đời từ hải ngoại.

Dòng văn chương hội nhập

Nếu trong dòng văn chương hoài niệm những cây bút gốc miền Nam chiếm đa số, thì trong dòng văn chương hội nhập ở hải ngoại, các nhà văn nữ và lớp trẻ giữ vai trò chính.

Những tác phẩm văn xuôi xuất sắc viết về kinh nghiệm hội nhập của người Việt hầu hết đều do những cây bút nữ: Vi Khuê, Trần Diệu Hằng, Lê thị Huệ, Phan thị Trọng Tuyến, Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn thi Ngọc Nhung, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Trần thị Kim Lan, Cao Bình Minh, Phạm thị Ngọc... Bên nam giới viết nhiều về kinh nghiệm hội nhập có Võ Phiến (*Thư gửi bạn*), Nguyễn Bá Trạc (*Ngọn cỏ bồng, Chuyện một người di cư nhức đầu vừa phải*), Võ Đình (*Xứ sấm sét, Sao có tiếng sóng*), Hồ Trường An (*Hợp lưu*), Nguyễn Ngọc Ngạn (*Nước đục, Sau lần cửa khép*), Nguyễn Xuân Hoàng (*Sa mạc*), Mai Kim Ngọc (*Một chút riêng tư, Bạn văn, Thuyền nhân, Nụ tầm xuân).*

Đề tài thông thường của các tác phẩm thuộc dòng này là những đổ vỡ, khó khăn của lớp di dân thế hệ thứ nhất, do cách biệt văn hoá ngôn ngữ không thể hội nhập thoải mái vào cuộc sống nơi xứ lạ : nỗi cô đơn của những người già, sự hư hỏng đua đòi của lớp trẻ, những đổ vỡ gia đình do quan hệ vợ chồng bị thử thách, cái rởm của những người giàu nổi. Kinh nghiệm hội nhập trong văn xuôi hải ngoại phần lớn là đau thương. Chỉ trừ ba ngoại lệ : Hồ Trường An trong *Hợp lưu* viết về đời sống mới một cách lạc quan rộn rã, Trần thị Kim Lan trong *Gió đêm* đề cao tình tương thân giữa các chủng tộc trên đất mới, và Mai Kim Ngọc nhờ sống lâu năm ở nước ngoài nên lối ghi nhận đời sống và bút pháp gần như hoà nhập tự nhiên vào dòng chung của văn chương thế giới.

Những cây bút trẻ tuổi hiện nay trên dưới ba mươi hội nhập dễ dàng hơn vào dòng chính của cuộc sống mới, nên viết về kinh nghiệm hội nhập khác hẳn. Tác phẩm của họ không có dấu vết của quá khứ ở quê nhà. Họ viết về chính cuộc sống hiện tại của họ, đầy tự tin và phóng

Hai mươi năm xa quê
ĐẶNG HIỀN

Đêm nằm nghe tiếng vịt kêu
Chợt như thác đổ qua đèo mây xa
Đời buồn một quãng cung "la"
Nghe không gian vỡ trăng tà năm xưa
Ngẩn ngơ đêm đã sâu vừa
Hồn hoang gẫy nát bỗng thừa cơn say
Không đêm mà cũng không ngày
Hai mươi năm đó người bày cuộc chơi
Phải ta đã lãng quên đời
Vịt kêu ngơ ngác hồn nơi quê nhà.

khoáng trong lối cảm nhận, lối phán xét sự việc. Họ là những cây bút như Phạm thị Ngọc, Nguyễn Hoàng Nam, Trần Vũ, Ngọc Khôi, Hoàng Mai Đạt, Dương Như Nguyện, Vũ Quỳnh N.H., Đỗ Kh., Bùi Diễm Âu.

Những cây bút trẻ này hiện đang ở lứa tuổi trên dưới ba mươi. Họ không viết đều, chưa giữ được những vai trò nòng cốt trong sinh hoạt văn chương vì họ cần dồn tâm lực vào sự thăng tiến trong xã hội mới. Nhu cầu văn chương đối với họ không cấp thiết như đối với thế hệ nhà văn thuộc thế hệ thứ nhất, chưa nói tới một trở ngại khác là họ chưa tìm được tầng lớp độc giả cùng thế hệ để chia sẻ tâm tình qua ngôn ngữ Việt. Có thể lớp nhà văn trẻ này, đến một lúc nào đó, phải dứt khoát chọn tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức...để làm phương tiện sáng tạo và nhập vào được dòng sinh hoạt chung của văn chương bản xứ. Họ đứng chông chênh giữa hai thế hệ. Với thế hệ trước, họ chia sẻ lòng thương yêu tiếng Việt nhưng không chia sẻ được tâm tình nặng trĩu quá khứ; với thế hệ hai mươi, họ chia sẻ những ưu tư của đời sống trước mắt nhưng không chia sẻ sự lựa chọn ngôn ngữ.

Kinh nghiệm hội nhập không đơn giản chút nào, ngay cả đối với những bạn trẻ lớn lên, học hành và vào đời trên xứ người.□

Về núi thăm người

NGHIÊU ĐỀ

Về Mẹ, Công Tôn Nữ Lệ Chi.

Ta có chú ngựa ngon lành lắm
vẫn bay ngang trời đất tuyệt vời
đêm dẫn ta về rừng chơi núi
thâm sơn tàng trử chỗ dong chơi

ngồi khe xanh nghe bạn bè đàn hát
khúc tử sinh hỉ hả làm vui
răng ngọc sáng trăng vùng tưởng nhớ
vẳng vặc soi nấy hạt cơm trời

nhà ta có cánh bay đầy núi
rừng giấu con đường xúm xít vui xưa
trăng đi biệt có hàng phố nhớ
bụi bay vàng con ngõ ngày mưa

vẫn con đường Lý Trần Quán cũ
trần thân lăn khắp ngõ - đã chưa!
con đường thỏ rong rêu, nước tiểu
của rộng dung chờ đứa con hư

hiên nhỏ có hàng cây bông giấy
chết tươi khi làng nước đổi đời
bỏ quá chút đau con trong ngực
mỗi lần nhìn bông giấy reo vui

êm ái - đêm - có khi chợt thức
thỏ mẹ trong nhà lại ngủ thảnh thơi
đang khuya, có những đêm chợt thức
nhà quen, chân chẳng bỏ đèn soi.

phiêu bạt nuối người về thành phố
Sài gòn mở toang qua mái hiên ta
chia lửa từ đèn chong giường mẹ
đốt cho tàn đêm bỏ đi xa.

rừng giấu căn nhà ta trong núi
đêm như con chó quẩn quanh người

chú cánh cam thiếu thời xanh ngắt
về đất ăn nằm lấy lại chút hơi.

rừng giấu căn nhà ta trong núi
giấu đêm ta về với Sài gòn
căn nhà giấu một đời hiu quạnh
bóng mẹ ngồi, mẹ đứng, mẹ bơ vơ.

ta mất Sài gòn từ thuở nào?
xao xác người đi biền biệt tăm hơi
sương muối đổ trên từng sợi tóc
đêm từng đêm nhỏ mái hiên xưa.

rừng quên giùm ta ngày vắng bặt
còn đang rơi trong cõi mênh mông
chén nước sóng chân người phu đám
chút trời ta đổ giữa thinh không.

con sông trôi nổi lời vĩnh biệt
có lang thang hồn vía ở trời xa
núi cao không gửi lời vĩnh quyết
nuối ngày vui lành thịt lên da

đâu đó đá tảng còn đang mọc
trẻ thơ chờ đá mọc nên non
xương thịt dậy một vùng đá sống
thỏ thần tiên trong gốc cây đa.

có đi qua con đường đá mọc
lống lánh đàn trẻ nhỏ trăng hoa
có trong chòm sao đang mọc
vệt hồng chân trong đám mây qua.

rừng giấu quê nhà ta trong núi
có mềm lòng dạm ngõ mưa sa
con sinh ra tên mưa và cỏ
có từ tâm xóa vết phong ba.

ngồi xếp bằng trong thế tĩnh tọa
tay thong dong chân cẳng an vui
đọc hết bài kinh không thấy Phật
trên tòa sen lộng lẫy nụ cười.

Tranh luận về Văn học Miền Nam tại Việt Nam

Lê Đại Lãng

Việt Nam đã thống nhất đất nước gần hai mươi năm nay. Nhưng trên thực tế, chỉ có một khía cạnh thống nhất mà thôi, đó là thể chế cộng sản. Chính trị Việt Nam chưa thống nhất. Kinh tế Việt Nam chưa thống nhất. Và vì thế xã hội Việt Nam lại càng chưa thống nhất. Những khía cạnh chưa thống nhất ấy được phản ảnh rất rõ nét qua các sinh hoạt văn học.

Những nhận xét trên đây là của những người đang cầm bút và tác phẩm của họ được xuất bản ở Việt Nam. Khi đánh giá toàn bộ sự phát triển của văn học, những người cầm bút ở Việt Nam có hai quan niệm xung đột: một thì cho rằng văn học Việt Nam chỉ có hai thứ văn học phân định rạch ròi, đó là văn học cách mạng và văn học phản cách mạng—cách mạng ở đây không hiểu theo ngữ nghĩa truyền thống mà có nghĩa là cộng sản; và quan niệm khác thì lại cho rằng chỉ có văn học thực sự dựa trên giá trị văn chương thuần túy, chứ không làm gì có cái gọi là văn học cách mạng và văn học phản cách mạng. Cũng cần lưu ý rằng cả hai quan niệm vừa nêu đều phát xuất từ những người đang làm việc cho chế độ, và họ đều có một quá trình theo cộng sản dài lâu.

Truy nguyên nguồn gốc của hai quan niệm xung đột trên, người ta thấy là cả hai nhóm đều thống nhất quan điểm về tiến trình phát triển văn học vào thời điểm trước năm 1954. Xung đột của họ chỉ gay gắt khi cả hai nhóm cùng luận về giai đoạn văn học từ năm 1954 đến năm 1975, tức là thời gian đất nước qua phân, khi mà Việt Nam có hai thể chế, và tất nhiên là có hai nền văn học khác biệt.

Nhưng do đâu mà mãi cho đến gần hai mươi năm sau thống nhất, tình trạng bất đồng trên mới nảy sinh, được thảo luận khá công khai trên báo chí ở Việt Nam?

Trước hết, với một cái nhìn khách quan, người ta có thể thấy rằng

sau gần hai mươi năm cả nước gom về một mối ấy, trong số những người cộng sản thẳng trận đã có người nhận chân ra rằng văn học không thể bị hay được cai trị bằng sức mạnh, văn học không thể được nâng cấp bằng thể chế chính trị, một cuốn sách dở không thể trở thành một tác phẩm văn chương cho dù nó được chế độ sửa sắc đẹp, bơm ngực hay nâng cằm. Số người này nghiên cứu văn học miền Nam trong khoảng 1954 đến 1975, đã bàng hoàng nhận ra rằng cái mà nhà nước cộng sản, trong những ngày đầu vào miền Nam, đã gán cho những nhãn hiệu là văn học nô dịch, phi văn hóa, đồi trụy vân vân, đã không là như thế. Tiêu biểu cho những người theo quan niệm này là Phong Lê, hiện đang là Viện trưởng Viện Văn học.

Hồi tháng 8 năm rồi, trong bài viết "Văn học Việt Nam trên con đường Cách mạng tháng 8" đăng trên báo *Người Lao Động*, Phong Lê đã viết về nền văn học Miền Nam Việt Nam thời kỳ 1954-75 là "một nền văn học bao gồm nhiều khuynh hướng và diễn biến trong tình thế phức tạp". Một người đọc vô tâm có thể không chú ý mấy đến đoạn văn của Phong Lê. Tuy nhiên, đó là một nhận định "có vấn đề" vì Đảng Cộng Sản Việt Nam luôn luôn phủ nhận thành tựu của văn học miền Nam, và chỉ gán cho nền văn học miền Nam bằng một cái tên duy nhất là "nền văn học nô dịch". Các trùm văn nghệ của Đảng chỉ công nhận có một nền văn học thực sự ở miền Nam trong thời kỳ này, đó là, theo cách gọi của họ, "nền văn học cách mạng và yêu nước", tức là gồm những tác phẩm của những người cộng sản nằm vùng ở miền Nam như Vũ Hạnh, Sơn Nam, Đông Trình, của những người tập kết ra Bắc rồi lại được gửi vào Nam làm công tác tuyên truyền, như Anh Đức, Phan Tứ, Diệp Minh Tuyền, Nguyên Ngọc vân vân và vân vân, thế mà ông Viện Trưởng Viện Văn Học của Đảng lại bảo đấy là một nền văn học có nhiều khuynh hướng, thì tất nhiên, nhận định của ông phải lệch lạc dưới ánh sáng của Đảng.

Chính vì thế mà bài viết của Phong Lê đã bị chỉ trích nặng nề trên báo chí. Hung hăn nhất là Diệp Minh Tuyền, một người có làm thơ và liệt vào hàng ngũ các nhà thơ thời chống Mỹ. Sau khi khẳng định đường lối chủ trương về văn hóa văn nghệ của Đảng, Diệp Minh Tuyền viết trên tờ Văn Nghệ số tháng 9, 1994: "Rõ ràng là ở đây ta cần phải phân định rạch ròi rằng ở miền Nam trong thời kỳ này có hai thứ văn học đối nghịch với nhau như ánh sáng và bóng tối: đó là văn học cách mạng và yêu nước và văn học phản cách mạng. Đâu có thể những kẻ đã từng giết chúng ta bằng vũ khí thật và vũ khí văn học lại có thể được xếp ngồi chung chiếu với chúng ta trong lịch sử văn học của quá khứ."

Chúng ta hiểu tại sao Diệp Minh Tuyền lại hung hăn không chịu ngồi chung chiếu với văn nghệ sĩ miền Nam, dù thực chất không ai lại

muốn ngồi chung chiếu với một người được Đảng phong làm thi sĩ chứ không do những bài thơ của mình. Những bày tỏ hung hăn của Diệp Minh Tuyền phản ảnh rõ nét sự mặc cảm của những người cầm bút đứng trong hàng ngũ của Đảng, và dù không muốn nhìn, ngày tháng đã giúp họ thấy là những điều họ viết ra trước đây chẳng khá hơn một tờ truyền đơn. Như thế, những văn nghệ sĩ siêng năng của Đảng lại một lần nữa, liều chết để bảo vệ Đảng, tức là bảo vệ ngôi vị nghệ sĩ được chính trị tôn phong.

Nhận định về văn học miền Bắc trong thời đất nước chia cắt, Phong Lê nhận xét như sau: "Còn ở miền Bắc, thành tựu của văn học được ghi nhận trong ý thức gắn bó với đời sống chính trị, ý thức phục vụ sự nghiệp cách mạng." Chỉ bằng một câu viết ngắn, Phong Lê đã phủ nhận sạch trơn thành tựu của văn học, bởi lẽ theo ý ông, nền văn học miền Bắc chỉ được đánh giá là thành tựu dựa trên cơ sở chính trị, bỏ Nhà nước ra, bỏ Đảng ra, nền văn học miền Bắc trong những năm chiến tranh vắng ngắt, có khi còn vắng vẻ hơn cả chùa Bà Danh. Nhưng như thế vẫn chưa mạnh tay, ở một đoạn sau, Phong Lê viết tiếp với cách dùng chữ rất khéo léo, như sau: "Sự hy sinh trên chiến trường của nhiều tài năng văn chương, cùng với ý thức tự nguyện hy sinh giá trị nghệ thuật cho các giá trị phổ cập, kịp thời và tuyên truyền là rất đáng quý."

Cái khéo léo của Phong Lê ở đây là ở câu: "ý thức tự nguyện hy sinh giá trị nghệ thuật cho các giá trị phổ cập." Nói cách khác, văn nghệ sĩ miền Bắc trong thời chiến ý thức rất rõ đâu là giá trị nghệ thuật, nhưng họ phải tự nguyện hy sinh nó để phục vụ cho giá trị tuyên truyền do Đảng bày ra. Giá trị tác phẩm nghệ thuật như thế hoàn toàn không có, nếu có thì chỉ có hình thức chứ không có nội dung nghệ thuật. Nội dung duy nhất nằm trong hình thức nghệ thuật của văn học miền Bắc từ 1954 đến 1975 là nội dung phục vụ chiến tranh phi nghệ thuật.

Chỉ một câu ngắn, ông Viện trưởng Viện Văn Học đã phủ nhận sạch trơn thành tựu của một nền văn học kéo dài hai-mươi-mốt năm ở miền Bắc.

Cùng với sự suy nghĩ như Phong Lê trong việc nhìn lại văn học trên cả nước, còn có Phạm Xuân Nguyên, một cây viết trẻ đang làm việc ở Viện Văn Học. Phạm Xuân Nguyên là một trong những người hiếm hoi đang cầm bút trong nước đã dám nêu ý tưởng là khi nói về văn học Việt Nam trong thời chia cắt, thì nhà nghiên cứu phải kể đến văn học miền Nam như một nền văn học riêng biệt, chứ không nên chỉ bàn đến văn học miền Bắc, coi những nhà thơ lớn miền Nam như Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên không hề hiện diện trên cõi đời này. Phạm Xuân Nguyên đã nhìn thơ cả hai miền như tổng thể thơ Việt Nam, một

cái nhìn được coi là mất lập trường dưới mắt Đảng và các nô bộc văn nghệ của Đảng như Diệp Minh Tuyền, Phạm Tiến Duật, Trần Mạnh Hảo. Lẽ tất nhiên ai cũng có thể đoán biết là những lập luận như Phạm Xuân Nguyên sớm muộn rồi cũng bị đánh *. Trần Mạnh Hảo, tác giả cuốn tiểu thuyết *Lý Thân* và vẫn được không ít văn nghệ sĩ ở hải ngoại liệt vào thành phần các nhà văn phản kháng, dù không biết ông ta phản kháng cái gì, đã viết liên tiếp nhiều bài đăng trên Văn Nghệ để phê bình quan điểm của Phạm Xuân Nguyên và Phong Lê. Trần Mạnh Hảo cho Phong Lê không biết đọc thơ nên mới chê thơ miền Bắc không có gì lạ. Thế rồi ông Hảo ra sức bênh vực thơ của những nhà thơ chống Mỹ.

Tuy chưa thấy sự ra mặt của chính quyền cộng sản về hai nhận định xung đột giữa một bên coi văn học phải là văn học tiêu biểu như Phong Lê, Phạm Xuân Nguyên, một bên ép văn học phải nằm dưới chính trị, tiêu biểu như Trần Mạnh Hảo, Diệp Minh Tuyền, tuy nhiên ta thấy tiếng nói của những người như Trần Mạnh Hảo đã được yểm trợ bằng một lực lượng hùng hậu đang làm chủ đất nước là chính quyền cộng sản. Chính vì thế mà những người như Phong Lê đã tỏ ra yếu ớt khi cố gắng cải chính nhận định của mình. Có tin là Phong Lê sẽ mất chức Viện trưởng Viện Văn Học trong nay mai.

Bên cạnh sức mạnh chính trị, bối cảnh xã hội ở Việt Nam khiến cho sinh hoạt văn học được chia ra hai nhánh chính: một là những văn nghệ sĩ tạm gọi là chính quy, và một là những văn nghệ sĩ tài tử chưa hoặc không muốn gia nhập vào thành phần gọi là chính quy ấy. Nhóm thứ hai không phải là những nhà văn miền Nam trước đây, từng bị tù đày, và nếu sáng tác thì chỉ sáng tác chui. Chúng ta không bàn đến những người này ở đây vì họ cần được nhận định riêng rẻ, mai hậu khi đất nước thanh bình thì những đóng góp âm thầm của họ sẽ được bàn đến. Những người được coi là văn nghệ sĩ tài tử ở đây là những người cũng đang được quyền cầm bút, có sáng tác phẩm được xuất bản, nhưng rất ít được công luận để ý đến, vì một lý do căn bản nhất là họ không thuộc hội nhà văn Việt Nam. Ở trong và ngoài nước, thường chúng ta chỉ đếm số lượng thơ văn được xuất bản, được giới thiệu qua sách báo, của những người cũ như Chế Lan Viên, Vũ Quần Phương, và mới như Trần Thị Khánh Hội, Phan Ngọc Thường Đoan, chứ ít khi được biết tới những người như Cao Quảng Văn, vân vân. Tính cách chính quy của những người trong Hội nhà văn khiến họ có điều kiện được nhắc nhở, chứ thực chất không vì tài năng của họ.

Nhưng dù có bị thế thượng phong trên bình diện tổ chức của phe nhà văn trung với Đảng lấn át, văn chương miền Nam vẫn chứng tỏ sức sống đích thật của nó. Một ít tác phẩm, phần lớn là thơ, của các tác giả

từng tù dày hay bị coi là phản động rón rén đi vào thị trường chữ nghĩa, như Thanh Tâm Tuyền, Du Tử Lê, Nguyên Sa, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Vỹ. Các nhà văn miền Nam muốn viết lại - tất nhiên trong "nội dung cho phép" - cũng có báo sẵn sàng hứng. Tất nhiên, vẫn có nhà văn vẫn đòi quyền tự do tuyệt đối trong văn chương nên một mực từ chối cầm bút viết dưới chế độ. Cho đến nay, nhà văn Nguyễn Đình Toàn ở trong con số hiếm hoi ấy. Ông từ chối mọi lời mời, từ chối cả việc đưa truyện dài "Áo mơ phai" của ông lên màn ảnh. Và nếu nhân cách là biểu tượng của văn chương, ta có quyền hãnh diện về ông.❐

* *Phụ chú của Văn Học:*

Mới đây Hợp Lưu (số 22 tháng 4 & 5.1995) có đăng lại một bài viết của Phạm Xuân Nguyên nhan đề : "*Hình dung một bức tranh hoàn chỉnh về văn học dân tộc*", trong đó ông mạnh dạn nêu ra ý kiến: Bức tranh hoàn chỉnh của văn học Việt Nam cận đại phải gồm cả Văn học Miền Bắc, Văn học Miền Nam và Văn học Hải ngoại. Phạm Xuân Nguyên viết:

> Liên quan đến việc nhìn văn học Việt Nam trong tổng thể hợp thành này có vấn đề tên gọi. Trước đến nay tên gọi các bộ phận văn học thường gắn với chính trị, hay nói cách khác, lấy nội dung chính trị tư tưởng làm tên gọi cho văn học. Do đó văn học Miền Bắc là "văn học cách mạng", văn học Miền Nam là "văn học thực dân mới.
>
> Cách gọi tên như vậy không chính xác và không lợi. Không chính xác vì nội hàm của "văn học cách mạng" không thể bao trùm văn học Miền Bắc và nội hàm của "văn học thực dân mới" không thể bao trùm văn học Miền Nam. Không lợi vì gọi tên lên theo tiêu chuẩn chính trị như thế ngay từ đầu đã có vẻ thiên kiến và áp đặt, dễ khiến người nghiên cứu bị chệch hướng theo một cái đích đặt trước.
>
> Có lẽ nên đặt tên hai bộ phận văn học này theo đúng địa lý bị chia cắt trong hai chục năm: Văn học Miền Bắc và Văn học Miền Nam. Đúng hơn trong thời kỳ 1954-1975, chúng ta buộc phải nói đến "Văn học Việt Nam (Miền Bắc) và Văn học Việt Nam (Miền Nam)." Cũng như thế văn học của người Việt ở nước ngoài sẽ có tên gọi là "Văn học Việt Nam Hải ngoại."

Sơ Thảo 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại

Nguyễn Thị Sông Hương

LTS: Văn Học hưởng ứng và cổ vó những nỗ lực sưu tầm, tìm hiểu nghiêm túc về các vấn đề văn học, nhất là Văn học Việt Nam hải ngoại. Dòng văn chương sinh động và phong phú hiện hữu từ hai mươi năm nay đã đến lúc cần được lượng định, phân loại, qua lăng kính văn học sử và phê bình văn học.

Trong chiều hướng đó, Văn Học phổ biến bài viết sau đây của Nguyễn thị Sông Hương, cùng lời kêu gọi được sự tiếp tay của văn giới cũng như các bậc thức giả, giúp tác giả hoàn thành dự án mà Văn Học hy vọng sẽ đóng góp rất nhiều vào văn học Việt Nam hải ngoại trong những năm sắp tới.

Nói đến hai mươi năm văn học hải ngoại, trở ngại đầu tiên mà chúng ta sẽ chạm phải là vấn đề không gian. Người Việt ở rải rác khắp nơi, ít nhất chúng ta thấy có ba khu vực: Bắc Mỹ (Hoa Kỳ và Canada), Âu châu và Úc châu. Với một địa lý trải rộng như vậy, công việc sưu tập tác giả và tác phẩm xuất hiện trong vòng 20 năm không phải là chuyện dễ dàng, vượt qua sức của một người, và phải là đóng góp của một tập thể.

Nếu tính từ biến cố 30.4.75 đến 30.4.95, đã 20 năm, nhân thời điểm này, người viết chỉ làm công việc gợi ý, thử phác họa qua hình thức tạm thời cắm mốc các thời kỳ. Và trong mỗi thời kỳ, có bao nhiêu tác phẩm, tác giả đã xuất hiện qua các bộ môn tiểu thuyết, biên khảo, thi ca. Vì sống trong một môi trường tương đối có một chút phương tiện, dù đã chuẩn bị sưu tập trong vòng 5 năm qua, nhưng khi thật sự bắt tay vào công việc, tôi thấy gặp nhiều khó khăn và rất lúng túng. Thí dụ, có một số tác phẩm không ghi thời gian xuất bản; có một số sách không thấy bày bán trên thị trường, chỉ xuất hiện trong các thư viện, hoặc trong số bạn bè; có một vài nhà xuất bản lấy một số sách in ở Miền Nam trước

1975, đánh máy lại, in tên sách mới, chúng ta có thể bị lầm đó là một tác phẩm mới viết ở hải ngoại...

Không thể phủ nhận dòng Văn Học Hải ngoại trong dòng Văn Học Dân tộc, đây là công việc làm chuẩn bị cho mai sau, người viết dự trù hoàn thành cuốn 20 NĂM VĂN HỌC SỬ VIỆT NAM Ở HẢI NGOẠI trong vòng từ 3 đến 5 năm. Rất mong sự chỉ giáo, tiếp tay hoặc đóng góp ý kiến của quý vị thức giả, và những người tha thiết với tiền đồ văn học nước nhà.

Khái quát

Đứng về mặt lịch sử, từ 30.4.75 đến 30.4.95, quả là 20 năm, nhưng đứng về mặt nghiên cứu văn học, khởi điểm chỉ bắt đầu kể từ khi một tác phẩm văn học nghệ thuật được in ra và xuất hiện trên thị trường sách. Cho đến nay, trong tay tôi có được tác phẩm sớm nhất, đó là tập truyện *Ly Hương*, do Võ Phiến và Lê Tất Điều viết chung, Người Việt xuất bản tại Hoa Kỳ vào năm 1977. Về biên khảo, cuốn tham luận chính trị *Làm gì?* của Trần Lê do Việt Nam Hải Ngoại xuất bản vào năm 1979, và thi ca, cuốn *Ngẩng Đầu Lên Tu Gọi Mặt Trời* của Hoàng Phủ Cương, do Tổ Hợp phát hành năm 1981.

Một vấn đề khác cần được nêu ra, vào năm 1994, có một vài vị nêu câu hỏi: có một số tác phẩm của những tác giả còn ở trong nước, nhưng được tái bản hoặc in lần đầu tiên ở hải ngoại, thí dụ tác phẩm *Nửa Đời Nhìn Lại* của Tiêu Dao Bảo Cự, có được sắp xếp vào nền văn học hải ngoại hay không? Theo thiển ý của tôi, không nên sắp xếp, đây là vấn đề thuần văn học, vì tên tuổi và công trình của họ được sắp xếp ở trong nước. Ngoài ra sự gắn bó giữa không gian và thời gian trong văn học sẽ nói lên đặc thái của mỗi vùng, mỗi thời kỳ, dễ dàng cho những người nghiên cứu sau này.

Dù đã có những tác phẩm xuất hiện rất sớm, nhưng 10 năm đầu, chỉ là giai đoạn phôi thai và xây dựng, kéo dài từ 1976 đến 1985. Đây là điều dễ hiểu, từ 30.4.1975 đến 1976, tuyệt đại đa số người Việt tỵ nạn lo ổn định đời sống hơn là viết lách. Thời kỳ phôi thai nầy kéo dài cho đến năm 1980, phần lớn viết để đăng báo. Chúng ta ghi nhận sự đóng góp lớn lao của một số tờ báo. Ở Hoa Kỳ, tờ tuần báo *Trắng Đen*, tờ bán nguyệt san *Hồn Việt*, tờ *Người Việt*, tạp chí *Việt Nam Hải Ngoại*. Ở Canada, có tờ *Dân Quyền*, *Lửa Việt*; tờ *Độc Lập*, ở Đức (lúc này là Tây Đức), tờ *Quê Mẹ* ở Pháp, tờ *Người Việt Tự Do* ở Nhật Bản. Đến thời kỳ xây dựng, từ 1981-1985, chúng ta thấy sự đóng góp của các tạp chí như *Văn Học Nghệ Thuật*, *Làng Văn*, *Sóng*... Một số người cầm bút tạo được sự nghiệp vẻ

vang sau này, đều xuất thân từ các tờ báo ở giai đoạn phôi thai và xây dựng.

Từ căn bản trên, tôi xin chia nền Văn Học Hải Ngoại ra làm 3 giai đoạn:

- giai đoạn phôi thai và xây dựng: 1976-1985
- giai đoạn phát triển: 1986-1989
- giai đoạn thịnh hành: từ 1990

Ba năm cực thịnh nhất của giai đoạn thịnh hành: 1990, 1991, 1992, đến năm 1993, không tiến lên nữa, đến năm 1994, có dấu hiệu đi xuống. Dĩ nhiên, so với các giai đoạn trước, vẫn còn thịnh hành, nhưng đến năm 1996, sẽ ngưng lại, để chuyển qua một giai đoạn khác?

Riêng bài sơ thảo này, tôi sẽ tạm chấm dứt cuối năm 1994. Và xin nhấn mạnh, đây chỉ là bản sơ thảo thuần túy văn học, chưa phối hợp với quá trình và tiến trình lịch sử để phân giải các giai đoạn dưới cái nhìn văn học sử.

Giai đoạn phôi thai và xây dựng: 1976-1985

Nếu quý vị còn giữ trong tay các tạp chí như *Hồn Việt*, số 15 phát hành ngày 15.12.1976, Nguyễn Hoàng Đoan làm chủ nhiệm, Phạm Kim Vinh làm chủ bút, và Lê Tất Điều làm tổng thư ký; hay tờ *Độc Lập*, còn in khổ giấy báo lớn, năm thứ hai, số 6, ngày 30.4.1978; hoặc tuần báo *Trắng Đen*, bộ mới số 155, ngày 5.5.1979..., chúng ta phải được coi đó là những vùng đất vừa mới khai hoang, trở thành nền móng đầu tiên cho nền văn học hải ngoại, còn gọi là thời kỳ phôi thai.

Từ phôi thai qua xây dựng, tuyển tập truyện ngắn in sớm nhất là *Ly Hương*, gồm 5 truyện của Lê Tất Điều và 5 truyện của Võ Phiến. Chỉ dài 85 trang, phần lớn viết vào năm 1976, riêng truyện "Kéo Cày Trên Đất Mỹ" của Lê Tất Điều được viết vào tháng 12.1975. Hai truyện dài sớm nhất là *Ngưng Bắn Giờ Thứ 492* của Lê Tất Điều và *Nguyên Vẹn* của Võ Phiến, cũng do Người Việt xuất bản 1978, về sau Văn Nghệ tái bản chung với truyện dài *Dàn Ông*, trong cuốn *Tiểu Thuyết 2* năm 1988. Cho đến năm 1985, có 35 tác phẩm vừa truyện ngắn, truyện dài. Thật sự xuất hiện nhiều, bắt đầu thập niên 80: *Mây Tần* (Linh Bảo), *Đáy Địa Ngục* (Tạ Tỵ), *Trong Lòng Cách Mạng* (Võ Hoàng), *Đại Học Máu* (Hà Thúc Sinh), *Cõi Mộng Du* (2c - Phạm Quốc Bảo), *Tôi Làm Tôi Mất Nước* (Lê Văn Phúc), *Bui Hồng* (Lê Thị Huệ), *Ngựa Nản Chân Bon* (Nguyễn Mộng Giác), *Tan Theo Ngày Nắng Vội* (Du Tử Lê), *Lớp Sóng Phế Hưng* (Hồ Trường An)... Riêng Nguyễn Ngọc Ngạn, không kể cuốn được viết bằng tiếng Anh *The Will of Heaven*, có 3 tập truyện được xuất bản: *Truyện Ngắn Nguyễn Ngọc Ngạn*,

Biển Vẫn Đợi Chờ và *Lúc Gần Sáng*. Nhưng trong giai đoạn này, hai tác phẩm nổi tiếng nhất là tập truyện ngắn *Vũ Điệu Loài Công* của Trần Diệu Hằng, do Ngọc Lũ xuất bản, gồm 10 truyện. Cuốn thứ hai là hồi ký cải tạo *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh, do Nhân Văn xuất bản vào năm 1984. Tác phẩm như một cơn sốt, tạo được tiếng vang khắp nơi. Tiểu thuyết của thời kỳ này viết nhiều kỷ niệm về một góc trời bỏ lại đàng sau, và ngại ngùng đoạn đường trước mặt...

Về mặt biên khảo trong giai đoạn này, chúng ta thấy xuất hiện chưa đầy 20 tác phẩm. Năm 1979, ngoài cuốn *Làm Gì?*, tác phẩm gây nhiều sóng gió nhất là cuốn *Những Ngày Cuối Cùng Của Việt Nam Cộng Hòa*, tác giả là Nguyên Khắc Ngữ. *Con Rồng Đỏ* của Trương Tiến Đạt, giải thích sấm ngôn trong Kinh Thánh, để tiên đoán về Đế quốc Cộng sản và tương lai thế giới. *Tiêu Diệt Chủ Nghĩa Cộng Sản* của Hải Triều, *Văn Chương và Lưu Đày* của Đặng Phùng Quân, *55 Ngày và 55 Đêm* của Chính Đạo; cũng trình bày về những ngày cuối cùng trước khi Miền Nam thất thủ có *Phục Quốc và Bình Thư* của Nguyễn Lê, *Thảm Họa Việt Nam* của Đỗ Đức Thái... Vừa thoát ra khỏi một biến cố quá lớn và hãi hùng, biến cố 30.4.75 là đề tài hấp dẫn những người có khả năng viết về lịch sử. Thêm vào đó là ước mơ trở lại Việt Nam bằng con đường giải quyết cơ chế, thúc đẩy những người có khả năng lý luận chính trị viết về chiến lược, sách lược...

Như tôi đã trình bày ở trên, sáng tác văn chương trong giai đoạn này là để đăng báo nhiều hơn là in thành sách. Hiện tượng này rất phù hợp với những nhà thơ xuất hiện trong thời gian phôi thai này. Vì thế chúng ta thấy chưa đầy 20 tập thơ xuất hiện: *Thủy mộ quan* (Viên Linh), *Tu Vẫn Chối Từ Những Hạnh Phúc Bán Sale* (Đinh Tuấn), *Đất Khách* (Thanh Nam), *Trên Đỉnh Sầu Đông* (Nhật Linh Phương), *Thơ Tù* (Duyên Anh), *Bình Minh Cầm* (Nguyên Đức Bạt Ngàn), *Thơ Nguyễn Mạnh Trinh*, *Ngày Đi Thương Sợi Khói Bên Nhà* (Lâm Hảo Dũng)...:

Nhìn chung cả ba bộ môn, hình thức chưa có gì tân kỳ, dù đã sống mười năm ở các xứ Âu Mỹ, bút pháp rất gần gũi với bút pháp của quê hương vội vàng bỏ lại, nội dung với nhiều cảm tính, nhìn các biến cố qua trực giác và xúc động.

Giai đoạn phát triển: 1986-1989

Năm 1986, thị trường sách bộc phát mạnh về cả ba bộ môn thi ca, tiểu thuyết và biên khảo. Giai đoạn này chỉ kéo dài trong bốn năm, nhưng vượt xa hẳn giai đoạn trước. Thi ca có 45 tác phẩm, biên khảo xuất hiện 50 cuốn và tiểu thuyết trên 120 cuốn.

Về thi ca, Ngu Yên là nhà thơ xuất bản nhiều tập nhất: *Tua Dề Ở Bên*

Trong, Hỡi Ơi, Hóa Ra Nét Chữ Lên Đường Quẩn Quanh. Hoàng Xuân Sơn (*Viễn Phố*), *Thơ Trang Châu*, Đỗ Quý Toàn (*Cỏ và Tuyết*), Mai Thảo (*Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*)..., nhưng tập *Thơ Cao Tần* gây được tiếng vang nhiều nhất:

Về biên khảo, có 50 tác phẩm, được chú ý nhiều là những cuốn *Hồ Sơ Mật Đinh Độc Lập* (Nguyễn Tiến Hưng), *Việt Nam Một Thời Tâm Sự* (Nguyễn Chánh Thi), *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* (Hoàng Linh Đỗ Mậu), *Hồi Ký Nguyễn Tấn Dời*, *Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Dang Dở* (bản Pháp ngữ của Nguyễn Văn Châu, và Nguyễn Vy Khánh dịch ra Việt ngữ), *Hồ Xuân Hương* (Dương Thượng Ngã), *Đại Cương Về Các Đảng Phái Chính Trị* (Nguyễn Khắc Ngữ), *Tìm Hiểu Nghệ Thuật Thơ Việt Nam* (Nguyễn Hưng Quốc)...

Từ giai đoạn này, những cuốn hồi ký lịch sử bắt đầu xuất hiện, và đến giai đoạn sau, càng ngày càng nhiều. Cuốn sách của Đỗ Mậu đã tạo nhiều tranh luận nhất, sau này có một vài tác giả viết nguyên cả bộ sách phê bình cuốn hồi ký này. Cuốn sách của ông Nguyễn Tiến Hưng đã tạo cho người đọc những sững sờ về một số bí mật vào hai năm sau cùng của Việt Nam Cộng Hòa. Và Phạm Kim Vinh là tác giả có nhiều tác phẩm xuất bản.

Trong giai đoạn này, sinh hoạt của bộ môn tiểu thuyết là rầm rộ nhất: 70 tập truyện ngắn và 50 truyện dài, cũng như trường thiên. Giai đoạn trước chỉ có 3 nhà văn nữ, giai đoạn này có thêm 12 nữ văn sĩ. Nhã Ca, nhà văn nổi tiếng ở Miền Nam, cũng thấy xuất hiện với truyện dài *Hoa Phượng Thôi Đừng Đỏ Nữa*. Vy Khuê (*Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ*), Phan Thị Trọng Tuyến (*Mùa Hè Ở Một Nơi Khác*), *Quê Hương Trong Ngấn Lệ* (Thanh Phương), *Long Lanh Hạt Bụi* (Nguyễn Thị Hoàng Bắc), *Quê Nhà* của Ý Lan (tác giả là người Anh, tạo được nhiều cảm tình trong cộng đồng Việt Nam, tác phẩm xuất bản năm 1988, đến năm 1989, theo nhà xuất bản Quê Mẹ, phải tái bản thêm 3 lần nữa), *Ở Đời Sống Này* (Nguyễn Thị Thanh Bình), *Sau Cuộc Chiến* (Điệp Mỹ Linh)...

Nguyễn Ngọc Ngạn là nhà văn viết khoẻ nhất: 2 tập truyện ngắn và 4 truyện dài: *Sân Khấu Cuộc Đời*, *Một Lần Rồi Thôi*, *Trong Quan Tài Buồn*, tác phẩm *Nước Đục* được chú ý nhất... Hồ Trường An là tác giả thứ hai thuộc lớp nhà văn viết khoẻ: *Hợp Lưu*, *Phấn Bướm*, *Ngát Hương Mật Ong*, *Lớp Sóng Phế Hưng*... Bộ truyện dã sử *Anh Hùng Lĩnh Nam* (4 cuốn) của Trần Đại Sỹ đã được độc giả đón nhận nồng nhiệt. Năm 1989, Nguyễn Mộng Giác viết xong cuốn 5 để hoàn thành bộ trường thiên *Mùa Biển Động* gây nhiều sóng gió, bộ truyện được nhà xuất bản Văn Nghệ tái bản nhiều lần. Ba tập truyện ngắn được coi là khá độc đáo của giai đoạn này: *Người Cầm Thù Ruồi* (Nguyễn Xuân Quang), *Kẻ Đưa Đường* (Võ Kỳ Điền),

Thằng Người Có Đuôi (Thế Giang). Đúng là giai đoạn phát triển, vườn tiểu thuyết thật phong phú với nhiều hướng nhìn và bút pháp đặc biệt: *Nguyệt Thực* (Hồ Đình Nghiêm), *Muôn Kiếp Cô Liêu* (Mai Kim Ngọc, chỉ mới cuốn 1), *Đóng Chữ Tâm Tình* (Ngô Nguyên Dũng), *Mồ Hôi Của Dế* (Nhật Tiến), *Một Đời Để Học* (Nguyễn Tấn Hưng), *Ký* (Nguyễn Hữu Nghĩa), *Lớp Lớp Phù Sa* (Kiệt Tấn), *Căn Nhà Ngói Đỏ* (Nguyễn Xuân Hoàng), *Chờ Chết* (Nguyên Nghĩa), *Trừng Phạt* (Sơn Tùng), *Trên Bờ Kinh An Hạ* (Diệu Tần)...

Giai đoạn thịnh hành: từ 1990

Từ giai đoạn trước, đến năm 1990, vườn văn học Việt Nam ở hải ngoại đã rộ lên trăm, ngàn đóa hoa rực rỡ. Tính đến cuối năm 1994, có khoảng 200 tác phẩm tiểu thuyết, gần 150 tác phẩm biên khảo, và khoảng 100 tập thơ. Nhưng đến năm 1993, đà phát triển khựng lại và có dấu hiệu đi xuống từ năm 1994 vì ba lý do chính: thị trường càng ngày càng thu hẹp, thời cuộc, và đề tài khô cạn.

Trong thể loại dã sử trường thiên, Trần Đại Sỹ là một tác giả đặc biệt, tương lai khó ai viết nổi như ông. Ở giai đoạn thịnh hành, tác giả viết một hơi sáu bộ, dài trên 6000 trang: *Động Đình Hồ Ngoại Sử*, *Cẩm Khê Di Hận*, *Anh Hùng Tiêu Sơn*... Trường Sơn Lê Xuân Nhị hoàn thành bộ *Xếp Alcapone* (5 cuốn), đây là tác phẩm được độc giả đón nhận nồng hậu. Nguyên Mộng Giác sau bộ *Mùa Biển Động* cũng cho xuất bản bộ truyện trường thiên thứ hai, *Sông Côn Mùa Lũ* (4 cuốn). Xuân Vũ cũng là tác giả viết khoẻ, ngoài gần 10 tác phẩm đã xuất bản, ông đã viết xong 4 cuốn của bộ trường thiên *2000 Ngày Trấn Đóng Củ Chi*. Bộ *Thạch Kiếm*, truyện dài thiền học và kiếm đạo Nhật Bản, nguyên tác của Eiji Yoshikawa, Tự Tỉnh phóng tác, Làng Văn in 4 cuốn trong 2 năm (1991-1992). Bộ *Thép Đen* của Đặng Chí Bình đã biết xong 3 cuốn vào gần cuối năm 1990, xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1991, tác giả hứa hẹn sẽ ra cuốn thứ tư. *Cuộc Phiêu Lưu Của Một Gia Đình Nông Dân* (2 cuốn - Thập Lang), *Dung Thân* (3 cuốn - Trần Long Hồ), *Những Năm Mất Trắng* (2 cuốn - Trần Trí Vũ). Trà Lũ rất thành công với các cuốn tạp bút: *Miền Đất Hứa*, *Đất Mới*... Nguyễn Ngọc Ngạn vẫn là nhà văn có nhiều tác phẩm xuất bản nhất trong giai đoạn này: *Dung Nhan Người Góa Phụ*, *Ngày Buồn Cũng Qua Mau*, *Cõi Đêm*, *Người Đàn Bà Đi Bên Tôi*... Hồ Trường An cũng vậy: *Chuyện Quê Nam*, *Đêm Chong Đèn*, *Lối Bướm Đường Hương*... Vĩnh Hảo, nhà văn mới xuất hiện cũng viết được nhiều tác phẩm: *Thiên Thần Quét Lá*, *Núi Xanh Mây Hồng*, *Phương Trời Cao Rộng*... Ngoài ra chúng ta thấy hàng trăm tác giả khác: Phạm Thăng (*Xuôi Dòng Cửu Long*), Phan Lạc Tiếp (*Cánh Vạc*

Lưng Trời), Hoàng thị Đáo Tiệp (*Dặm Khuya...*), Khánh Trường (*Có Yêu Em Không...*), Song Thao (*Bỏ Chốn Sương Mù*), Nguyễn Bá Dĩnh (*Mùa Đông Quạnh Vắng*), Nguyễn Thiếu Nhẫn (*Người Đàn Bà Mang Thai Trên Biển Đông...*), Nguyễn Ý Thuần (*Sợi Chỉ Trong Hồn...*), Nguyễn Đức Lập (*Nhút Biết Nhì Quen*)..., Trần Vũ (*Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu, Cái Chết Sau Quá Khứ*), Lê Thị Thấm Vân (*Đôi Bờ*), Trần Mộng Tú (*Câu Chuyện Của Lá Phong*)...

Về mặt biên khảo, dù là giai đoạn thịnh hành, nhưng không có những công trình như của Nguyễn Hiến Lê, Vương Hồng Sển, Thu Giang Nguyễn Duy Cần của 20 năm Văn Học Miền Nam.

Hồi ký vẫn được tiếp tục viết, Phạm Duy (*Hồi Ký Phạm Duy*, bộ 3 cuốn), Nguyễn Trân (*Công và Tội*), Hồ Sĩ Khuê (*Hồ Chí Minh Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng*), Niên Dư Trần Ngọc Nhuận (*Dời Quân Ngũ*), Doãn Thêm (*Những Ngày Muốn Quên*), Bảo Đại (*Con Rồng Việt Nam*), Đinh Văn Ngọc (*Hồi Ký Thăng Trầm*), Trần Đình Trụ (*Việt Nam Thương Tín, Con Tàu Định Mệnh*), Hoàng Ngọc Thanh và Trần Thị Nhân Đức (*Những Ngày Cuối Cùng Của Tổng Thống Ngô Đình Diệm*), Phạm Ngọc Lũy (*Hồi Ký Một Đời Người* - 2 cuốn), Bùi Tín (*Hoa Xuyên Tuyết, Mặt Thật*) Tạ Tỵ (*Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đi Qua Đời Tôi*)...

Giai đoạn này, độc giả chú ý các loại sách viết về huyền môn, Nguyên Phong trở thành hiện tượng, sau khi thành công ngoài sức tưởng tượng với tác phẩm "*Hành Trình Về Phương Đông*", ít nhất có thêm ba nhà xuất bản mời Nguyên Phong cộng tác, Văn Khoa, Văn Nghệ, Làng Văn: *Hoa Sen Trên Tuyết, Huyền Thuật, Đại Sĩ Tây Tạng, Đường Mây Qua Xứ Tuyết*... Tác giả thứ hai là Đoàn Văn Thông: *Bí ẩn Về Tiền Kiếp Hậu Kiếp, Những Bí ẩn Sau Cõi Chết, Những Cõi Giới Vô Hình và Hữu Hình*... Thị trường sách cũng để ý đến khám phá của Huỳnh Kim Quang qua dịch phẩm *Đức Đạo Kinh*, từ trước tới giờ thường ghi "Đạo Đức Kinh", vừa là cuốn sách, vừa là căn bản triết học của Lão Tử. Chính Đạo viết cuốn *Việt Nam Niên Biểu Nhân Vật Chí*, như một cuốn tự điển về các nhân vật lịch sử. Nhà xuất bản Lê Trần in cuốn *Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương* cho chúng ta biết về cao trào văn nghệ phản kháng tại Việt Nam từ 1986 đến 1989. Nguyễn Khắc Ngữ, hy sinh đời mình cho những công trình nghiên cứu lịch sử: *Liên Lạc Việt Pháp Thế Kỷ 17, 18; Các Đảng Phái Quốc Gia Lưu Vong 1946-1950*... Nghiêm Xuân Hồng sau khi rời xa chính trường Miền Nam, dã dồn sức vào con đường thiền đạo: *Nhập Pháp Giới* (2 cuốn), *Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc* (4 cuốn). Người thích sách báo cũng để ý lối viết của Hứa Hoành: *Nam Kỳ Lục Tỉnh* (3 cuốn), *Sau Bức Cấm Thành Thành Nhà Nguyễn*. Một phụ nữ Nga dùng Việt ngữ để diễn tả cảm quan của mình về một số lãnh vực (*Bút Ký Irina*, 2 tập). Trọng Minh, hai năm liền tục in

2 cuốn *Vẻ Vang Dân Tộc Việt*. Ngoài ra còn nhiều tác giả khác: Nguyễn Đình Phùng (*Việt Nam Hậu Cộng Sản*), Nguyễn Hữu Liêm (*Dân Chủ Pháp Trị*), Lâm Tường Dũ (*Tình Nhạc Sử*), Trần Văn Tích (*Sự Muôn Năm Cũ*), Nguyễn Hữu Nghĩa (*Dọn Đường Về Nước*)...

Về thơ giai đoạn này có: Vi Khuê có 2 tập (*Tặng Phẩm Tình Yêu*, *Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi*), Lưu Nguyễn 2 tập (*Tri Âm*, *Ngày Qua Rất Vội*), Nguyễn Bá Đình-Thuỷ Trang hai năm liên tiếp ra hai tập (*Ngọt Ngào Nỗi Nhớ*, *Dòng Thơ Lưu Lạc*), Cung Vũ (*Nguyệt Bạch*), Du Tử Lê (*Đi Với Về Cùng Một Nghĩa Như Nhau...*), Hoàng Phong Linh (*Tiếng Chim Bên Dòng Thác Champy*), Khế Iêm (*Thanh Xuân*), Huy Trâm (*Dòng Lệ Thơ Ngây*), Ngọc Hoài Hương (*Cõi Tạm*), Trần Vấn Lệ (*Hồn Tan Trong Thơ*), Dương Huệ Anh (*Đường Nào Có Hoa Dào*), Thái Thụy Vi (*Vũ Điệu Loài Lan Tím Hoàng*), Thanh Tâm Tuyền (*Thơ Ở Đâu Xa*)...

Như tôi đã trình bày ở trên, với một không gian bao la từ lục địa này sang lục địa khác, thu nhập đầy đủ tác giả và tác phẩm của họ đã viết trong vòng 20 năm là điều gần như không làm được. Vì thế trong tương lai, tác phẩm văn học sử ra đời, nếu có những thiếu sót như vậy, đó là ngoài ý muốn.

Tại sao tôi chia Văn Học Sử Hải Ngoại ra làm 3 giai đoạn: 1976-1985, 1986-1989 và 1990-1996? Nếu là văn học sử của một quốc gia, chúng ta có thể dựa vào triều đại, có thể dựa vào thay đổi của chữ viết, những lằn ranh tương đối hiện rõ giữa các dòng văn học.... Nhưng ở hải ngoại, vấn đề này cũng sẽ là vấn đề gai góc. Tạm thời chia ra như trên, tôi dựa vào các mấu chốt: thay đổi đề tài, nội dung, hình thức diễn đạt và bút pháp của tác giả; thời sự quốc tế ảnh hưởng đến sinh hoạt chính trị của cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Tình hình ở Việt Nam cũng ảnh hưởng không ít lên một số ngòi bút hải ngoại... Thí dụ Nhật Tiến sáng tác cuốn *Mồ Hôi Của Dái* năm 1988, Hoàng Hữu Quỳnh viết cuốn *Tôi Bỏ Đảng* năm 1989, Nguyễn Đình Phùng viết cuốn *Sửa Soạn Cho Một Việt Nam Hậu Cộng Sản* năm 1990...

Viết về một giai đoạn văn học sử, không tránh được việc thẩm định giá trị của tác phẩm. Khen hay chê một đoạn văn, lối diễn đạt, cách nhìn...không phải vì thương hay ghét tác giả, nhưng tất cả vì đối tượng văn học. Mỗi người luôn luôn đứng nhìn từ một vị trí, nên không bao giờ có chuyện gạn lọc một cách tuyệt đối khía cạnh chủ quan. Vấn đề đặt ra là cố gắng khách quan và nghiêm túc. Một lần nữa, rất mong quý vị chỉ giáo và tiếp tay. ❐

Mù trôi

HOÀNG XUÂN SƠN

Khuya
xa lắc
một con đò
chập chùng bóng khói trên lò hóa sinh
hóa ra tôi
một chút mình
chút xanh xanh gọi chút tình tình
ơi
thoảng nghe
hò khẩm ngọn trời
chút sầu
nho nhớ
chìm trôi
biệt
mù.

Kính gởi: Quý vị nhà văn, nhà biên khảo thuộc Dòng Văn Học Hải Ngoại.

Bài "Sơ Thảo..." này xin được gởi đến quý vị và ước mong sự tiếp tay và giúp đỡ của quý vị:

* Vài dòng tiểu sử của quý vị

* Những tác phẩm quý vị đã viết và đã xuất bản (năm xuất bản, nhà xuất bản...)

* Ý kiến của quý vị về cách phân chia giai đoạn, hoặc một số ý kiến khác, được trình bày trong bài sơ thảo...

Xin quý vị vui lòng gởi về địa chỉ:

Nguyễn thị Sông Hương
6520 Darlington Montréal,
Québec - H3S 2J3
CANADA

Chân thành cảm tạ quý vị.

Duyên ước

NGUYỄN CHÍ KHAM

nhìn em đôi mắt vừa nở hoa
yêu như màu nắng ấm ngôi nhà
những cánh chim cười xanh đám cỏ
mây trôi thanh bình trong bao la

không gọi thời gian cũng đến thôi
tâm hồn xưa hẹn gặp nhau rồi
bao nhiêu duyên ước từ thơ dại
theo nắng dòng sông vỗ sóng trôi

như thế em ngồi bên cánh cửa
trầm ngâm một thoáng lạnh sương mờ
áo rộng khoác về hồn cánh bướm
đổi màu hoa trắng đẹp trong mơ

ta đã tìm nhau khắc cuộc đời
đêm nào tên gọi cũng chơi vơi
yêu em uống một lần hơi thở
thơm ngát tình xanh thơm ghé môi.

Hai mươi năm, những trang sách, một trái tim...

Nguyễn Xuân Hoàng

1

Không phải đợi có người đặt tên mới tồn tại một nền văn học Việt Nam hải ngoại. Nền văn học ấy đã hình thành từ những trang viết đầu tiên trên đảo Guam, từ căn lều trại Pendleton, từ chiếc tàu còn lênh đênh giữa biển, từ một tâm trạng bơ vơ khi phải bỏ lại sau lưng một thành phố, một ngôi làng, một đất trời quen thuộc... Nền văn học ấy được hình thành từ những sáng tác viết từ các trại tị nạn Đông Nam Á, viết trong trí nhớ từ những nhà tù "cải tạo", viết ngay giữa lòng một Saigòn đã thay đổi đời sống chính trị, và sau cùng, viết từ những bàn viết tha hương, viết từ những công viên, viết giữa giờ nghỉ của một nhà máy...Những bài thơ, những truyện ngắn, truyện dài, những hồi ký, tùy bút...đã ngày một làm dày thêm cuốn sách Văn học Việt Nam Hải ngoại. Đánh giá nền văn học ấy là công việc của những nhà nghiên cứu, nhưng làm thành nền văn học ấy là công việc của những người sáng tác.

2

Những nhà thơ, nhà văn hải ngoại chúng ta hiểu rằng cuộc sống xứ người vốn không "dễ dãi" với văn chương chữ nghĩa, đặc biệt chữ nghĩa của những người viết bằng ngôn ngữ không phải tiếng Anh. Dừng nói chi xa, ngay trên chính quê hương Việt Nam, khi bước vào thời đại kinh tế thị trường mà văn chương còn bị coi là phù phiếm, nói chi ở một đất nước công nghiệp điện toán, làm gì có chỗ cho những người làm văn chương thiểu số? Hơn ai hết, người cầm bút Việt Nam hải ngoại biết rằng không có ánh hào quang nào chờ đợi họ ở cuối đường chữ nghĩa. Thế nhưng, mỗi một ngày cánh cửa văn chương vẫn mở ra đón thêm những người viết mới. Tại sao? Tại sao vẫn còn được những người viết mới trong đời sống văn học nghệ thuật bị coi là "xa lìa nguồn cội" của

chúng ta? Đó là lý do tại sao phải đặt lại câu hỏi xưa cũ: Tại sao viết? Viết cho ai? Viết cái gì? Phải, đó là những câu hỏi cũ, nhưng khi đặt ra cho những người cầm bút tha hương hiện nay, câu hỏi ấy là mới. Mới bởi vì sau những trang viết ngập đầy quá khứ- những hồi ký lao tù, những trang thơ đau thương, những truyện kể về thảm cảnh cuả người tị nạn, những nhức nhối chiến tranh...- người ta tự hỏi giờ đây ta sẽ viết điều chi?

Viết điều chi?

Chắc hẳn đó vẫn là câu hỏi làm trăn trở người cầm bút. Những tiếng kêu đau thương của quá khứ đĩ nhiên là cảm hứng muôn thuở, nhưng chắc chắn không phải là cảm hứng duy nhất. Còn những mảnh đời hội nhập? Những cuồng lưu mới của dòng sống mới, những bỡ ngỡ hay xung đột trước một nền văn hoá xa lạ, giữã một khí hậu chưa quen lẫn với sự va chạm chủng tộc, những cơn đau xé da ngay trong gia đình, những rạn nứt tình yêu do một hoàn cảnh mới, những nhu cầu mới,...thì sao?

Viết cho ai?

Những người đọc của chúng ta hiện nay ở hải ngoại là ai? Có phải là những thanh niên ở lứa tuổi mười tám, những người được tắm dẫm trong bầu khí văn chương chữ nghĩa của Nguyễn Du, Cao Bá Quát,... những người được nuôi dưỡng bằng ca dao tục ngữ, bằng tiếng ru của mẹ, bằng giọng ngâm thơ của cha...Hay người đọc hiện nay là những người ở lớp tuổi bốn mươi, lớp tuổi không còn nhiều lắm lòng đam mê chữ nghĩa trên một đất nước đầy bon chen và hối hả. Trong trí nhớ của họ liệu có còn vang vọng lại hào khí của bài Hồ Trường Nguyễn Bá Trác, cái hơi thở tình yêu trong thơ Xuân Diệu, cái ma quái Chế Lan Viên, Đinh Hùng,...nói gì còn được sợi tóc *Thạch Lam,* nửa chừng xuân *Khái Hưng, và gần hơn cái tinh tế trong chữ nghĩa của Võ Phiến, Nguyên Sa, Mai Thảo... Hãy hỏi các nhà xuất bản Văn Nghệ, Thanh Văn xem người đọc bây giờ là ai; hãy gọi Xuân Thu, Đại Nam coi có bao nhiêu người mua sách; hãy biên thư cho Người Việt, Làng Văn, Hồng Lĩnh...để biết đã in bao nhiêu đầu sách trong tháng và mỗi đầu sách bán được bao nhiêu cuốn trong năm...Các con số sẽ trả lời giúp ta nhiều điều thắc mắc.*

Và ai viết?

Thiếu lớp người đọc trẻ tuổi, chúng ta thiếu cái bệ phóng của một nền văn chương vừa có chiều rộng vừa có chiều cao, và có lẽ một cách "lô gích" thiếu sự tiếp nối của một lớp người viết mới. Thế nhưng, may mắn thay chúng ta vẫn có được Trần Mộng Tú,Trần thị Kim Lan, Trần Vũ, Dương Như Nguyện, Lê Thị Huệ, Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn Hoàng Nam, Hoàng Mai Đạt, Bùi Diễm Âu, Dỗ Kh., Ngu Yên...đó là chưa kể chúng ta vẫn còn những người đã cầm bút

trước 1975 vẫn tiếp tục bên trang giấy, mặc dù trong một ý nghĩa nào đó sức sáng tác của họ không còn mạnh như xưa.

Viết như thế nào?

Dây có thể là một câu hỏi thường xuyên đặt ra cho người cầm bút, bất luận họ là ai, ở đâu, thời nào. Thế nhưng trong trường hợp cụ thể của những người cầm bút Việt Nam hải ngoại, những người được cái may mắn tiếp cận với bầu khí văn học quốc tế, người viết hiểu rằng viết không phải chỉ là ghi chép lại những kinh nghiệm, thuật lại theo chiều dọc của biên niên sử, không phải chỉ là kể tuồn tuột một cách ngây thơ những gì mình đã trải qua, hay nghe nói đến. Vấn đề là kể như thế nào. Cách kể chứ không phải là câu chuyện kể. Đi tìm một cách kể là nỗi băn khoăn của người làm nghề văn.

3

Đã qua rồi thời đại của một nền văn chương hô khẩu hiệu, thời đại của những câu vè tuyên truyền, thời đại của những bích chương chính trị. Chúng ta hiểu rằng ngày nay không ai còn ngây thơ để đặt trên vai nhà văn quá nhiều trách nhiệm - làm như thể tác phẩm của anh ta có thể làm cả thế giới này sụp đổ, hay mỗi chữ trong trang sách của chị có thể làm con người trở nên thánh thiện, trái đất trở nên tốt đẹp hơn...Chúng ta nhận ra trong những sáng tác mới của người cầm bút hải ngoại một mẫu số chung: Rất ít tính chất thời sự, nhưng rất nhiều sử tính. Bởi vì, người cầm bút nhận ra, văn chương bao giờ cũng gắn bó hữu cơ với con người. Viết bằng khẩu hiệu, những trang sách ấy sẽ qua mau như thời sự vốn bao giờ cũng...cũ. Viết bằng trái tim, tác phẩm sẽ ở lâu với chúng ta, cho dù những dòng chữ ấy không cùng ta chia xẻ chung một tâm cảnh. Để trái tim trong chữ nghĩa, chữ nghĩa sẽ có máu thịt; để những lời tuyên truyền chính trị, đạo đức [giả] trong trang sách, chữ nghĩa sẽ sớm ngủ yên với bụi bặm.

4

Hưởng ứng lời kêu gọi của Văn Học, các nhà văn nhà thơ đã gửi đến cho chúng tôi thơ truyện do các tác giả tự chọn (các tác phẩm này có thể đã in trên tạp chí hoặc đã được in thành sách).Tất cả các phần liên hệ đến tác giả và tác phẩm xem như cập nhật nhất tính đến khi báo Văn Học lên khuôn. Văn Học sẽ lần lượt giới thiệu tác giả và tác phẩm tiêu biểu hải ngoại từ nay cho đến đầu năm 1996, để cuối cùng sẽ tổng kết và ấn hành thành một tuyển tập văn chương hải ngoại.

Một lần nữa, Văn Học thành thật cảm ơn sự hưởng ứng của các anh chị.❐

mai thảo

Tôi không có truyện ngắn mới, lúc này. Chỉ có những truyện đã in thành sách hoặc đã đăng báo. Văn Học tùy nghi sử dụng. Muốn chọn truyện nào cũng được (tìm ở mấy tiệm sách trong khu Little Saigon). Tiểu sử tóm gọn: Tôi tên thực là Nguyễn Đăng Quý. Ra đời năm 1927 ở một vùng biển Nam Định, Bắc Việt. Đi vào văn chương từ sau 1954, với hiệp định Genève và chia đôi đất nước. Hai mươi năm ở miền Nam, đã làm chủ nhiệm hai tờ *Sáng Tạo* và *Nghệ Thuật*. Làm chủ bút cho mấy tờ *Vấn Đề*, *Kịch Ảnh* và *Màn Ảnh*. Sách tôi đã in ra (hầu hết bán bản quyền cho các nhà xuất bản) tổng cộng trên 40 cuốn, thuộc ba thể truyện ngắn, truyện dài, tùy bút. Và một tập thơ duy nhất *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*. Công việc hiện giờ của tôi là điều khiển tờ tạp chí *Văn* tục bản ở Hoa Kỳ đến nay đã được 14 năm.

Trả lời hai câu phỏng vấn:

1. Thời giờ hiếm hoi với ai không biết, với tôi không. Chữ nghĩa bây giờ là một món hàng xa xỉ với ai không biết, với tôi không. Tôi tiếp tục viết văn, làm báo một cách ung dung và nhàn hạ. Vì đó là việc làm tôi yêu thích và đã làm gần trọn đời mình. Cũng không biết làm việc gì khác. Còn có vấn đề sinh kế nữa. Tờ *Văn* sống độc lập và tự lực từ ngày tục bản đến giờ. Nó nuôi được người chủ nhiệm, lúc nào cũng có tiền mua rượu uống.

2. Tôi viết lung tung. Chuyện đời, chuyện người, chuyện đất nước, chuyện thời thế. Bằng một lối viết riêng, của tôi. Cho một thành phần độc giả nhất định thì vấn đề này không bao giờ đặt ra. Tôi chỉ muốn viết cho một đối tượng người đọc càng được lớn rộng bao nhiêu càng tốt chừng nấy và thuộc đủ mọi giới.

Ý muốn vừa nói từ khởi đầu đến bây giờ không bao giờ thay đổi.

Cùng với từng phút, từng phút rồi từng giờ, từng giờ nặng nề rồi chậm chạp trôi qua, như hình ảnh của một cuốn phim quay chậm, sự chờ đợi dần dần đè nặng xuống nàng. Thành một khối đá. Thành một cực hình. Khối đá đè nặng lên buổi sáng nàng, buổi sáng như một khoảng thời gian không cùng không tận. Cực hình đè nặng lên thân thế nàng, đã chín cửa thăng trầm, còn đường hầm tối đặc. Lên thân hình nàng, mái tóc óng ả, vầng trán còn đại dương, vực mắt còn bầu trời là những bằng chứng của một nhan sắc chín vững, hơn người, và như thế đã bao nhiêu năm tới giờ, khối nhan sắc đang đẩy nàng vào một trơ trọi cách biệt sừng sững giữa bầy người nhếch nhác ở chung quanh. Tôi đang chết đứng, nàng nghĩ thầm. Tôi đang đông đặc, nàng nghĩ thầm. Và bỗng muốn làm một cử chỉ kỳ quái là té lăn ra. Cho nhốn nháo hết lên. Cho xe cấp cứu tới. Dầu chỗ nàng đang đứng ở gần cuối dòng người, buổi sáng chan hòa nắng và sự đợi chờ ê chề ở nàng còn là một kiên nhẫn nghề nghiệp hiếm hoi ít người có được. Nếu đã như nàng. Nếu đã là nàng.

vai trò dưới nắng

mai thảo

tặng Kiều Chinh

Khúc đường từ sáng sớm đã bị cô lập không cho xe cộ chạy vào bởi những rào cản dựng ở hai đầu và những toán cảnh sát ngăn chặn trên từng khoảng cách đều đặn. Cũng đã có mặt từ rất sớm trong khúc đường phố gián đoạn và đã biến thành một phim trường lộ thiên, chiếc xe tải lớn chở những đàn đèn chiếu công kềnh, những cỗ máy phát điện to nặng, chiếc xe van màu vàng có máy điều hòa không khí và phòng hóa trang riêng cho vai nữ chính chưa tới, cùng một dẫy xe jeep mui trần, lòng xe chất đống những thùng nước giải khát, những dụng cụ thu hình thu tiếng và những bành phim. Ở thật cao trên cái vùng ngổn ngang rộng lớn này, ngất ngưởng trên một cần dẫy đã được dẫy tới ngang tầm những đỉnh cây, là cỗ máy quay phim. Cỗ máy in hình lên nền trời thành phố. ống kính chênh chếch chiếu xuống chỗ nàng đứng trên một hè đường rác rưởi ở cuối giòng người. Cỗ máy im phắc. Ngạo nghễ. Dầy quyền uy. Nó đang bắt nàng và tất cả mọi người chờ đợi.

Đúng một tuần trước là một cú điện thoại đợi chờ sáu năm cuối cùng đã tới, khiến nghe xong nàng la lên một tiếng mừng rỡ vào máy. Và đặt ống nói xuống một lúc sau vẫn còn nhịp tim đập mạnh trong lồng ngực. Là một ra khỏi nhà lấp lánh như nắng, bay bổng như mây. Là chiếc xe cũ kỹ từ cái thành phố nhỏ đầy người da đen nàng ở từ ngày tới Mỹ

mở hết tốc lực, bon bon trên xa lộ, xuyên qua thị trấn Los, khu Hollywood, tiến vào khu vực biệt lập và tráng lệ như một thế giới riêng của những biệt thự tỷ phú trên sườn đồi Beverly Hills. Chiếc xe ngừng lại trước cổng vào khép hờ của một biệt thự ấy. Và năm phút sau, Johnny Hydon, một diễn viên hạng B đã vang bóng một thời, 50 tuổi, gốc Ý Đại Lợi, ủy viên ngoại vụ của Nghiệp Đoàn Tài Tử và ông bầu hiện giờ của nàng, tiếp nàng bên thành bể bơi. Hắn mặc một cái áo tắm sặc sỡ, mảng da ngực lộ ra lông lá đỏ hỏn, mái tóc đã mất đi rất nhiều tóc so với khi nàng hướng dẫn hắn dạo chơi trong khu chợ Bến Thành, thân hình cũng nặng nề hơn. Hắn mời nàng ngồi xuống cái ghế sắt trắng trước một cái bàn tròn trắng; dưới một cây dù Nhật. Đẩy tới trước mặt nàng ly rượu khai vị có những phấn muối trắng kín khắp thành ly:

— Tôi đang đợi bà tới. Đã pha sẵn khai vị. Marguerita. Nhớ ở Sàigòn bà thường uống thứ khai vị này. Bà vẫn uống nó, sang đây?

Nàng cầm lấy cái ly pha lê, nhấp một ngụm, vị muối mặn, mạnh mẽ mặn:

— Vẫn. Nhưng ít còn có dịp. Johnny Hydon nheo mắt ngắm nàng, khuôn mặt nàng chập chờn những sóng nắng thoang thoáng từ mặt bể bơi hắt lên:

— Bà vẫn vậy. Bao nhiêu năm vẫn tuyệt đẹp, không hề thay đổi. Khác hẳn với đàn bà Tây phương của chúng tôi, mỗi năm là một tàn phai. Nàng ngả lưng vào thành ghế, mỉm cười, lấy giọng đùa nghịch thân ái:

— Johnny, anh mời tôi tới sáng nay chỉ để ngợi khen nhan sắc chim sa cá lặn của tôi? Người ông bầu Hoa Kỳ bật cười theo. Hắn lấy lên ở chân bàn một tờ bìa cứng, trao cho nàng:

— Đây, vai trò của bà. Tôi đã nói với giám đốc sản xuất. Rằng bà là một diễn viên nhà nghề, đã đóng vai nữ chính trong hàng chục bộ phim nên đạo diễn đã đồng ý không cần gặp bà để bắt đóng thử nữa. Ngày ra sân quay là buổi sáng thứ hai tuần sau. Bà tới bằng phương tiện tự túc.

Hắn nói tiếp, chừng muốn chặn trước ở nàng một thất vọng, trong khi nàng mở tờ bìa cứng ra, với tất cả sự nghiêm trang và đôi mắt ngạc nhiên mở lớn chỉ thấy vỏn vẹn một trang giấy đánh máy mỏng manh ở bên trong.

— Không thể gọi là một vai trò quan trọng được. Càng không nên đặt vào tầm vóc những vai trò lớn bà đã đóng trong quá khứ. Nhưng lúc này Hollywood đang mùa khô và chúng ta chưa có được gì hơn.

Nàng không trả lời, nhíu mày đọc kỹ những giòng đánh máy trên tờ giấy phân cảnh. Đọc lại một lần nữa. Rồi, cùng với tờ giấy thảm thương bị liệng bay lên mặt bàn, không tránh được la lớn:

— Johnny, anh vừa nói gì? Một vai trò không quan trọng? Nó không được là một vai trò không quan trọng nữa. Vắn tắt, chỉ một xuất hiện khoảnh khắc trước ống kính. Như vậy, bất cứ một người đàn bà Á châu nào cũng được, sao cần phải một diễn viên toàn phần như tôi?

Câu nói ném ra sự giận dữ khiến nàng hối hận liền. Sự giận dữ hạ thấp phẩm giá người. Sự giận dữ phơi bầy tâm trạng người. Mà nàng thì từ bao giờ đã được tiếng là một nữ diễn viên không chỉ hàng đầu về tên tuổi, còn hàng đầu về sự khả ái, kiềm chế được mọi nóng giận trong bất cứ trường hợp nào, ăn nói bao giờ cũng dịu dàng, phong cách bao giờ cũng khoan thai trầm tĩnh. Nàng vẫn tự hào về nàng như thế. Một tự chế chặt chẽ trong đời sống. Chỉ dành hết sức mạnh phơi bầy và tỏ hiện cho cực tả tâm trạng những vai trò của nàng trên sàn quay và trước ống kính mà thôi.

Người bầu Mỹ đứng lên, khép chặt lại vạt áo tắm, đi đi lại lại trên thành bể bơi lòa nắng. Im lặng. Một lát. Khi hắn trở lại ngồi xuống trước mặt nàng, nàng nói, cặp mắt buồn rầu nhìn xuống tờ giấy chỉ dẫn vai trò:

— Xin lỗi, Johnny. Tôi sẽ không lớn tiếng nữa. Nhưng đợi chờ suốt bấy lâu và tôi đã thất vọng biết bao. Johnny, anh có biết tôi đang muốn khóc, muốn khóc thật lớn không? Người bầu Mỹ ngồi xích lại gần nàng, ôn tồn:

— Tôi hiểu. Nhưng bà cũng phải hiểu cho xong một lần. Là phải tới Hoa Kỳ, đời sống bà đã là một đổi thay toàn diện. Cái địa vị lừng lẫy của người nữ tài tử hàng đầu ở bà, trên đất nước quê hương bà, không còn nữa.

Nàng thở ra một hơi dài:

— Sự thật ấy từ những năm tháng đầu tới đây tôi đã biết. Đâu cần anh phải nói.

— Cho tôi nói tiếp. Thoạt đầu tôi không muốn gọi điện thoại. Cũng không muốn nhận vai trò. Hoặc nhận, giao cho một người đàn bà vô danh nào đó. Nhưng bà đợi chờ đã quá lâu và tôi đã nhìn thấy cái quyết tâm theo đuổi nghệ thuật tới cùng, dù thế nào. Thì nhận. Nghĩ ít nhất bà cũng có cơ hội dấm mình trở lại với không khí phim trường, diễn xuất trở lại trước ống kính, dù chỉ với một phân cảnh nhỏ. Tôi vẫn chịu ơn bà, không quên. Thời kỳ đoàn quay phim chúng tôi sang Sàigòn, cuốn phim về chiến tranh, không có một vai nữ nào để được mời bà hợp tác. Vậy mà vẫn giúp đỡ chúng tôi rất nhiều, về mọi chuyện. Còn hướng dẫn chúng tôi đi chơi thành phố, đưa tới những nhà hàng sang trọng nhất. Tôi muốn trả ơn. Nên mới mời bà vào Nghiệp Đoàn Tài Tử, nhận làm đại diện bà với các hãng phim. Vì biết phần việc mình sẽ hết sức khó khăn. Vì biết sẽ

làm bà thất vọng. Không may, thời gian này Hollywood quá bết bát. Toàn một loại phim rẻ tiền hạng B. Kinh phí cho mỗi bộ phim đều giới hạn đến tối đa. Đường lối chung là triệt để né tránh những tài tử đã thành danh, vì không trả nổi thù lao. Tiêu chuẩn tuyển lựa vai trò cũng rất đại khái chú nghĩa. Một vai phụ nữ Việt Nam, đàn bà Đại Hàn, Trung Hoa, Nhật Bản cũng cho đóng được, dù không hiểu biết chút gì về phong tục tập quán Việt Nam. Miễn là dạn dĩ trước ống kính, bảo sao làm vậy. Miễn là nói được tiếng Anh, tạm tạm.

Johnny Hydon, gốc Ý Đại Lợi, áo tắm sặc sỡ, ủy viên ngoại vụ của Nghiệp Đoàn Tài Tử, đang cùng nàng uống khai vị trên thành một bể bơi Beverly Hills, và đã sang Sàigòn thực hiện một cuốn phim chiến tranh chỉ vừa nói những điều nàng đã biết. Cho nàng. Cho người nữ diễn viên điện ảnh lưu vong ở nàng. Cho cái cảnh ngộ nghề nghiệp hiện giờ của nàng, từ sáu năm trên một quê người xa lạ. Nàng. Đêm nhỏ lệ ra biển, cuốn phim thứ mười sáu, vai nữ chính, màn ảnh đại vĩ tuyến, một sản xuất hỗn hợp Việt Nam - Đài Bắc chưa quay hết phần đầu, cầm chắc huy chương vàng về vai nữ xuất sắc nhất đại hội điện ảnh Á Châu tổ chức ở Hán Thành năm sau. Nàng, một thổ ngơi, một đất trời. Giờ một thổ ngơi, một đất trời khác. Nàng. Chiếc xe là song loan, hầm mộ là biển người, mái tóc là vương miện. Và nàng, trên một thành bể bơi Beverly Hills, là một bàn tay tuyệt vọng gõ dập liên hồi vào một cánh cửa đóng kín, một xóa bỏ tận cùng, một vai trò năm phút.

— Johnny, tôi phải trả lời anh thế nào?

— Bà hãy cầm lại bản phân cảnh.

Nàng cầm lấy. Gập tờ giấy lại. Cho vào sắc tay.

— Tùy bà thôi. Nếu từ chối vai trò, chậm lắm là sau 48 tiếng đồng hồ điện thoại cho tôi biết. Tôi chỉ xin nói thêm một lời, với tất cả lòng quý trọng, Hollywood tàn tạ không còn trải sẵn cho ai một chiếu hoa nào. Cho dù đó là Rita Hayworth, là Marilyn Monroe sống lại. Chúng ta đang phải sống với một thế giới cực kỳ thô bạo. Cực kỳ tàn nhẫn nữa. Hết thấy lúc nào cũng như phải đi lại từ đầu. Bắt đầu lại bằng một con số không vĩ đại. Bà tới Mỹ, chẳng phải đã là chấp nhận một bắt đầu lại, từ đầu sao?

Nàng sánh vai đi người ông bầu Mỹ từ bể bơi ra chỗ đậu xe. Vừa cảm thấy bình yên trong tâm hồn, vừa thấy là không phải vậy. Tới cuối bể bơi, nàng quay đầu nhìn lại. Nhìn ngắm tòa nhà hai tầng đồ sộ:

— Một trong những biệt thự có hạng ở Beverly Hills.

Lời khen làm người đàn ông Mỹ vui thích ra mặt. Mắt hắn sáng lên:

— Bà thấy vậy thật sao? Tôi may mắn mua được nó bằng một giá rẻ mạt của cặp vợ chồng Gleen Verdes đã một thời làm mưa làm gió với loại phim thần thoại. Chúng thôi nhau sau một vụ đầy tai tiếng, cả hai

cùng thề không bao giờ trở lại sống ở Hollywood. Tôi muốn bà biết cái biệt thự xập xệ này hơn. Tới đây nhiều lần hơn. Tháng tới, tôi mở một party lớn. Mời hết anh tài Beverly Hills và Hollywood tới. Bà còn nhớ Wayne, vai trò tên trung sĩ da đen nổi cơn điên bắn chết thượng cấp, Stewart, vai trò tên hạ sĩ bỏ mình ở một ngọn đồi Khe Sanh trong bộ phim bọn tôi thực hiện ở Sàigòn?

Nàng gật đầu, rất tài tử hàng đầu:

— Tôi nhớ.

— Họ vẫn nhắc tới bà. Hỏi thăm bà ở đâu, ra sao. Sẽ có mặt hết ở party của tôi. Tôi sẽ gửi giấy mời. Ngày đó nếu không bận gì, xin mời bà thế nào cũng tới.

Nàng chìa tay: "Để coi. Gọi điện thoại trước cho tôi." Và rời khỏi sườn đồi Beverly Hills.

Không có cú điện thoại khước từ vai trò tệ mạt gọi cho Johnny Hydon. Người diễn viên có giòng máu diễn xuất đầy ắp trong tim trong hồn, trong hơi thở, trong đời sống ở nàng đã thức dậy, mãnh liệt. Dù với một vai trò tệ mạt. Cái bầu không khí đặc biệt ở sân quay, sáng rỡ dưới ánh đèn sunlights, đám chuyên viên tới lui như đèn cù, những tiếng hô lớn "cắt", "máy" chát chúa giữa những tiếng la hét quát tháo giận dữ của người đạo diễn khó tính, rồi là sự im phắc của cảnh diễn bắt đầu trước cái ống kính thu hình ghê gớm, nó có khả năng phóng lớn tới nghìn lần một hạt lệ, nó có hiệu năng chiếu soi bằng mọi chiếu soi chói lọi và bắt hiện nguyên hình một thớ gân, một trũng mắt, những đáy tầng sâu thẳm nhất của nội giới của tiềm thức, cái thế giới lạ lùng và ngột ngạt ấy đã lại úp chụp xuống nàng. Như một lưới quỷ. Đã lại hút chặt lấy nàng. Như một tảng nam châm. Như ma túy. Như bùa ngải.

Và tinh sương của một ngày thứ hai, nàng đã thức dậy. Đã sửa soạn. Đã làm cho mái tóc bù rối, để cho khuôn mặt nhợt nhạt. Như tờ giấy chỉ dẫn vai trò ghi vậy. Đã mặc một bộ đồ rẻ tiền. Như tờ giấy chỉ dẫn vai trò bảo vậy. Đã lái chiếc xe hơi xập xệ, đi chuyển tự túc, như Johnny Hydon dặn vậy. Và nàng đã tới địa điểm là một khu phố nhếch nhác, ở phía Nam thành phố, nơi có những tòa nhà cháy rụi không được xây cất lại, những tiếng súng nổ về đêm, những bầy gái điếm tụ tập ở những cột đèn, những băng du đảng, thất nghiệp, không nhà, nghiện ngập nằm ngồi la liệt ở những chân tường, dưới những gầm thang. Và nàng đã đi bộ vào khúc đường đã bị cô lập. Và nàng đã đứng lẫn vào giòng người đợi chờ.

Thế là nàng đã chấp nhận. Đã bằng lòng với vai trò tệ mạt? Đúng vậy. Chỉ là từng giờ, từng giờ lê thê chậm chạp đã trôi qua. Và mặc dầu đã trang bị cho tinh thần bằng một kiên nhẫn không bờ bến, sự chờ đợi

vẫn cứ đã trở thành một khổ ải, một cực hình. Đôi chân nàng mỏi rời. Mái tóc để trần bốc nóng từng sợi dưới thác nắng mặt trời càng lên cao càng thiêu đốt. Lưng, vai mồ hôi đã ướt đầm gây một cảm giác nhớp nhúa rất khó chịu. Khói thuốc lá làm cay xe tròng mắt nữa, của những điếu thuốc đốt không ngừng phía trước phía sau. Miệng đắng. Cổ họng khô khát. Và sự kiên nhẫn không bờ bến rồi cũng thấy nó có bến bờ bằng một trạng thái vừa bồn chồn vừa tức tối đau đớn. Tức tối nhìn mấy thùng nước giải khát đám chuyên viên kỹ thuật ào tới lấy uống, không kẻ nào mời nàng một lon. Ngày ở nhà, đâu dám có sự coi thường sự bỏ mặc vậy? Nàng ngồi đâu đã tức khắc có ngay bên cạnh một ly nước cam trong vắt. Tức tối nhìn tiếp đến dẫy ghế đạo diễn tài tử đặt dưới bóng rợp một cây dù lớn. Ngày ở nhà, cây dù, bóng rợp ấy là của nàng, ưu tiên dành cho nàng, và một trong mấy cái ghế có tên nàng nổi bật ở tựa lưng. Tức tối. Đau đớn. Và đau đớn nhìn tiếp nữa. Tới cái xe van màu vàng có máy điều hòa không khí và phòng hóa trang dành riêng cho vai trò chính cạnh một gốc cây. Ngày ở nhà cái xe đó cũng dành cho nàng, chỉ một mình nàng, nàng ngồi thảnh thơi trước một tấm gương lớn với một chuyên viên y phục và một chuyên viên hóa trang túc trực ở hai bên.

Ngày ở nhà. Trời ơi, ngày ở nhà, ngày ở nhà. Bây giờ, chỗ đứng chờ dưới nắng, không một phục dịch, không một săn sóc. Trời ơi, bây giờ, bây giờ. Tới lúc xem chừng hết kiên nhẫn nổi, nàng mím môi bước ra một bước để rời khỏi giòng người, để ra chỗ đậu xe, để trở về nhà, để liệng bỏ hết thì một tiếng loa ra lệnh chuẩn bị vang lên. Thật trễ, sau một thế kỷ chờ đợi, nhưng cảnh quay rồi cũng đã bắt đầu. Giòng người xê dịch, chuyển về phía trước. Tới một tòa nhà ba tầng mầu xám bẩn, có chấn song sắt trước những khung cửa kính và hai chữ "ngân hàng" ở một đầu tường. Nàng bước theo giòng người. Tới cửa vào tòa nhà. Vẫn bước im lặng, đầu cúi xuống và đợi chờ, như tờ giấy phân vai đã chỉ dẫn, một xô đẩy cực kỳ tàn bạo tới từ sau lưng. Cùng với những tiếng quát thét hỗn loạn, những tiếng chân chạy rầm rập thình lình nổi dậy, sự xô đẩy từ sau lưng nàng vụt tới. Cực kỳ tàn bạo. Toàn thân đau nhói, choáng váng, sự xô đẩy không nhìn thấy nhấc bổng nàng lên, ném văng nàng vào một bờ tường. Nàng kêu lên một tiếng, ngã quỵ xuống. Trời ơi, vai trò, vai trò tệ mạt. Cái đầu như muốn nổ tung ra, mái tóc rớt xuống che kín mặt mũi, nàng bật khóc, nức nở khóc. Rồi một tiếng hô lớn "cắt". Rồi một phút im lặng. Rồi một tiếng người Mỹ hỏi:

— Người đàn bà kia là ai?

Nín khóc, vuốt lại mái tóc, vịn tay vào gờ tường, nàng nhịn đau bàng hoàng đứng lên. Hai người Mỹ tiến lại. Người trẻ hơn, sơ mi trần, tay cầm một cái loa. Người kia đứng tuổi hơn, mái tóc đã điểm bạc, rất

chững chạc trong bộ đồ ba mảnh màu tím. Người đó nhìn nàng, gật gù:

— Tôi là giám đốc sản xuất. Phút vừa bị xô té xuống và khóc lóc, bà đóng không khác gì một tài tử nhà nghề vậy. Thật hay. Bà đã đóng phim lần nào chưa?

Không trả lời người đàn ông, nàng chỉ cảm thấy một sự gì bất ổn. Và nhíu mày, duyệt lại vai trò của mình. Duyệt lại. Và ngẩn người ra. Thì ra lần đầu tiên trong cuộc đời tài tử điện ảnh của mình, nàng đã không đóng đúng vai trò. Không đúng một chút nào. Tờ giấy chỉ dẫn chỉ nói tới nàng sắp vào tới cửa tòa nhà thì bị xô đẩy bắn đi. Hết. Vậy thôi. Không có cảnh ngã quỵ không có cảnh ngồi lên và khóc lóc.

Lau đi một ngấn lệ, nàng bối rối:

— Xin lỗi, tôi đã đóng sai hẳn vai trò, khiến cảnh chắc phải quay lại?

Người giám đốc sản xuất xua tay, mỉm cười:

— Không sao. Trái lại, rất tốt. Quả thật phân cảnh không có pha người đàn bà Á châu khóc lóc. Nhưng bà đóng như thật, rất cảm động. Đạo diễn của chúng tôi cũng thấy vậy và đã giữ lại.

Người đàn ông quay sang và nói với người cầm ống loa:

— Lấy tên tuổi và địa chỉ. Hãng ta có thể một lúc nào cần tới một phụ diễn có năng khiếu như người đàn bà Á châu này.

Ông ta mỉm cười một lần nữa với nàng và bỏ đi. Người cầm loa lấy ở túi áo ngực ra một cuốn sổ tay nhỏ.

— Bà cho tên họ và địa chỉ hiện giờ. Nàng đứng thẳng người. Và cùng với cái phong cách sang trọng, đài các đã trở lại, sau vai trò tệ mạt, cách thức ăn nói đúng kiểu, nhà nghề của người minh tinh hàng đầu ở nàng cũng đã trở lại:

— Muốn biết gì về tôi, tìm gặp đại diện cho tôi, Johnny Hydon ở Beverly Hills.

Đoạn quay gót. Đi được mấy bước, nàng đứng lại. Quay đầu, hỏi người chuyên viên cầm ống loa:

— À, cảnh quay vừa rồi cho một vụ gì vậy?

— Một vụ đánh cướp nhà băng.

Bỏ bữa ăn trưa, dù đã hẹn với Johnny Hydon ở một tiệm ăn danh tiếng trên đại lộ Wilshire, nàng tới ăn một mình ở một tiệm ăn nhỏ, nét mặt thanh tú khép kín, không, tôi không tỏ hiện tâm trạng bao giờ, nó hạ thấp phẩm giá và nhân cách người, tôi chỉ cực tả tâm trạng người đời, kẻ khác, nhân vật, vai trò trên sàn quay và chỉ ở sàn quay.

Sau bữa ăn kéo dài, lặng lẽ một mình và từ tiệm ăn đi ra, đi đạo, lang thang, không chủ định dưới những hàng cây, qua những thảm cỏ, những công viên thành phố, chiếc xe cũ kỹ đưa nàng về tới căn nhà bé nhỏ của nàng ở cái thị trấn đầy người da đen và người Mễ thì đêm đã xuống. Căn

nhà tịch mịch. Đứa con trai nàng, xin phép đến dự một party ở một gia đình bạn nó, chưa về. Nàng bật đèn. Mặc một bộ đồ ngủ bằng lụa mềm. Lấy thuốc mỡ bôi lên chỗ xây xát nơi khuỷu tay vì cái té văng tàn bạo vào tường ở chỗ đóng phim. Nàng ra phòng khách, xuống bếp thu dọn lại mọi bừa bãi của ngày hôm trước còn để nguyên vì rời nhà từ tảng sáng.

Trở lại phòng ngủ, nàng mở nhạc, một bản nhạc cổ điển tây phương, hòa tấu dương cầm. Nghe giòng nhạc dịu dàng, bổng trầm, xa vắng. Ngồi xuống mặt thảm. Nhìn quanh quất. Cuối cùng, cặp mắt nàng đụng tới xấp albums xếp ngay ngắn ở chân giường. Nàng xích lại. Nghiêng đầu, từ từ mở ra từng tập hình. Những tập hình của những tấm hình đã thời gian, đã thuở nào, đã quá khứ. Và lại là cái cảm giác bâng khuâng, êm đềm, gần như ngưng đọng, của một cuốn phim quay chậm. Ai đây? Người đàn bà, áo đài kim tuyến màu huyết dụ lộng lẫy, bằng gấm huy chương vàng trên tay, tươi cười đứng bên tổng thống? Tôi. Ai đây, thảm đỏ từ cầu thang, hàng ghế đầu danh dự, vị thủ tướng đang cúi chào, đêm bế mạc đại hội điện ảnh mười quốc gia Á Châu ở Đông Kinh? Tôi. Người đàn bà nào đây, sau máy vi âm, một rừng máy quay phim, chụp hình trước mặt, vương miện trên đầu, đang nói mấy lời cảm tạ của người nữ diễn viên được đại hội điện ảnh Hán Thành lần thứ sáu bầu là xuất sắc nhất? Tôi, người đàn bà ấy. Người diễn nữ nào đây, ngồi trên kiệu vàng, chiếc kiệu chuyển di trên một nền đền đài Ai Cập huyền bí, trong vai nữ chính nàng công chúa ngàn lẻ một đêm ở thủ đô New Delhi? Nàng công chúa ấy là tôi. Nhiều nữa, nhiều nữa, những đại hội điện ảnh ở Đài Bắc, Hồng Kông. Nhiều nữa, nhiều nữa những huy chương vàng, huy chương bạc nơi những tấm hình của một huy hoàng đã mất. Khiến nàng bâng khuâng. Khiến nàng ngậm ngùi. Khôn cùng, không cùng. Thật lâu, rồi nàng gấp lại chồng hình ảnh cũ, đẩy chúng khuất lấp vào dưới chỗ nằm.

Đứa con nàng về. Nó vào, cao lớn, mạnh mẽ, rất Mỹ:

— Mẹ về từ hồi nào?

— Ban nãy.

— Hôm nay, mẹ đi đóng phim?

— Ừ, mẹ vừa đi đóng phim về hôm nay.

— Được không mẹ? Nàng nhún vai, vấn đề là của nàng, không phải của con nàng:

— Được. Cũng được.

— Bao giờ người ta lại mời mẹ đóng cuốn phim tới?

Bao giờ. Trang giấy mỏng manh chỉ dẫn vai trò ngắn cụt, tệ mạt. Người ông bầu Mỹ tên Johnny Hydon và ly khai vị muốn pha hòa cùng lệ trên một bể bơi Beverly Hills. Nước Mỹ là xứ sở của bắt đầu từ số không. Bà tới đây bà cũng phải khởi lại từ đầu. Cả một buổi sáng ngoài

trời. Khúc hè đường rác rưởi. Sự chờ đợi như một khổ hình dưới nắng. Bao giờ. Bồng dưng nàng muốn nói đùa với con. Như một giễu cợt chính nàng, thân thế nàng, cảnh ngộ nàng, cái hành lang cái đường hầm tối thẳm.

— Sắp. Có thể tháng tới.

— Phim gì thế mẹ?

— Nàng công chúa Chân Đất.

Đứa con lại không biết nàng dùa. Nó nhíu mày, nghiêm trang:

— Phim ấy người ta làm từ lâu rồi mà!

— Đúng. Con có trí nhớ tốt lắm. Hai vai chính là Ava Gardner và Humphrey Bogart. Hollywood dự trù làm mới lại. Và mẹ sẽ đóng vai trò Ava đã đóng.

Đứa con đi ra sau khi chúc nàng ngủ ngon. Đêm vào khuya. Có tiếng gió trên những gờ mái. Nàng lên giường nằm, rũ tấm chăn, đắp lên người. Nàng nằm thật yên, đôi mắt mở lớn trong bóng tối. Khá lâu. Rồi với sự mỏi mệt dịu dàng sau một ngày đứng nhiều giờ dưới nắng, bật khóc nữa, lang thang một mình nữa giữa một thành phố quê người xa lạ, giấc ngủ, như một tấm màn sương phủ xuống từ từ, cũng tới. Trong mơ màng, nàng mơ hồ thấy lại một khúc phim cũ, đã xem ở đâu không nhớ. Khúc phim đi theo bước chân âm thầm của một người đàn bà trơ trọi lần đầu tới một thành phố lạ. Người đàn bà không thân thích, không địa chỉ. Và cuối cùng, bỏ đi trong đêm. Dưới trời mưa. ❐

Nha sĩ
DƯ THỊ MỸ LAN
General Dentistry

* Nguyên trưởng phòng Nha khoa Tổng Y viện Khánh Hội, Sài gòn
* Đã hành nghề 7 năm tại Việt Nam và 13 năm tại Mỹ

9141 Bolsa Ave., Suite 302, Westminster, CA 92683
(Trong khu Cathy Bank)

Phone: (714) 898-6449

nhật tiến

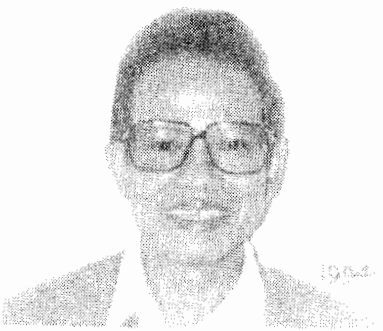

Tên thật Bùi Nhật Tiến, sinh năm 1936 tại Hà Nội. Di cư vào Nam năm 1954, viết văn, dạy học. Vượt biển tháng 10, 1979, định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1980. Hiện sống ở Nam California, làm nghề sửa chữa máy vi điện toán (micro-computer).

Trả lời 2 câu hỏi của Văn Học:

1. Càng sống ở xứ này, tôi càng thấy mình lơi là đi trong lãnh vực văn chương. Đến nỗi, trong một thời gian dài, tôi không quan tâm cả đến việc cầm bút. Đã xa rồi cái thời gian tự cảm thấy bị thôi thúc, không viết không được. Tuy nhiên, nếu bị ràng buộc bởi một lời hứa hẹn, hay nhàn rỗi đến độ chẳng biết làm gì (điều này thì hơi hiếm), thì tôi vẫn có thể cầm bút tiếp tục làm văn chương. Vậy thì xin hãy coi như tôi không thuộc về một ngòi bút để đặt câu hỏi "điều gì đã thúc đẩy anh/chị tiếp tục đi vào lãnh vực văn chương?"

2. Như trên đã trình bày, tôi vẫn có thể tiếp tục cầm bút làm văn chương trong một hoàn cảnh đặc biệt nào đó, và tôi đã viết bất cứ điều gì tôi cảm thấy nên viết ra. Tôi đã chỉ viết được vào những đêm cuối tuần, vì sau đó, có thể ngủ bù sau những đêm thức trắng. Tất nhiên, khi viết tôi vẫn phải quan tâm đến độc giả của mình. Và không biết từ bao giờ, tôi bỗng đặt đối tượng chính của mình là độc giả ở trong nước. Quyển sách sắp tới của tôi, nếu có, thì cũng lại là một tác phẩm sẽ được ấn hành ở trong nước.

TÁC PHẨM

- Những Người Áo Trắng (truyện dài), Huyền Trân, Sài Gòn, 1959.
- Những Vì Sao Lạc (truyện dài), Phượng Giang, Sài Gòn, 1960.
- Mây Hoàng Hôn (truyện dài), Huyền Trân, Sài Gòn, 1960.
- Ánh Sáng Công Viên (truyện dài) Huyền Trân, Sài Gòn, 1961.
- Thềm Hoang (truyện dài), Đời Nay, Sài Gòn, 1961.
- Người Kéo Màn (tiểu thuyết kịch) Huyền Trân, Sài Gòn, 1962.
- Vách Đá Cheo Leo (truyện dài) Đông Phương, Sài Gòn, 1963.
- Chim Hót Trong Lồng (nhật ký) Huyền Trân, Sài Gòn, 1964.
- Tay Ngọc (truyện dài) Huyền Trân, Sài Gòn, 1965.
- Giấc Ngủ Chập Chờn (truyện dài) Huyền Trân, Sài Gòn, 1966.
- Quê Nhà Yêu Dấu (truyện dài) Huyền Trân, Sài Gòn, 1967.
- Giọt Lệ Đen (tập truyện) Huyền Trân, Sài Gòn, 1968.
- Thuở Mơ Làm Văn Sĩ (hồi ký) Huyền Trân, Sài Gòn, 1971.
- Chuyện Bé Phượng (truyện dài) Huyền Trân, Sài Gòn, 1972.
- Tặng Phẩm Của Dòng Sông (tập truyện) Huyền Trân, Sài Gòn, 1974.

Tác phẩm ấn hành ở hải ngoại

- Tiếng Kèn (tập truyện) Văn Nghệ, Hoa Kỳ 1982.
- Một Thời Đang Qua (tập truyện) Cành Nam, Hoa Kỳ 1985.
- Mồ Hôi Của Đá (truyện dài) Cành Nam, Hoa Kỳ 1986.
- Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan, Boat People SOS Committee, Hoa Kỳ 1984 (viết chung với Dương Phục và Vũ Thanh Thủy)
- Cánh Cửa (tập truyện) Tân Thư, Hoa Kỳ 1988.
- Quê Nhà, Quê Người (viết chung với Nhật Tuấn) Văn Học, Sài Gòn 1994.

những dấu chân chim

nhật tiến

Hồi mới nhập trại chị Năm được phân phối cho một khoảnh nhỏ ở cuối một dãy lô lều. Thấy chị độc thân, đi một mình, ông trưởng ban tiếp cư ghép thêm vào form của chị một con bé lên sáu. Chị Năm vui vẻ nhận ngay:

— Con bé này đi cùng ghe, tôi biết. Gia đình nó lúc lên ghe đâu ba bốn người. Bây giờ chỉ còn mỗi một mình nó, tội nghiệp!

Trên giấy tờ, mọi sự dàn xếp như thế là ổn thỏa. Ông Trưởng ban Tiếp cư xoa tay hài lòng về phương cách giải quyết hữu hiệu của mình. Trong vòng hai tháng qua, có nhiều trường hợp tương tự như thế xảy ra. Chưa bao giờ có một sự khiếu nại nào về chuyện nơi ăn, chốn ở. Đồng bào mới ở ghe lên, ít nhất cũng được ban Tiếp cư chiếu cố giải quyết một lần. Còn sau đó, có những vụ sang đi, bán lại chỗ ở là do ý thích riêng của từng người. Vả chăng trước những vụ mua bán lén lút này, có tài thánh cũng chẳng thể ai đủ tài kiểm soát nổi. Sổ sách của ban Tiếp cư do đó chỉ có giá trị thực tế trong vòng một, hai tuần lễ, sau đó thì vô phương mà có thể cứ chiếu theo sổ sách mà điều hành nhân số được.

Nhưng dù như vậy, thì chiếu theo sổ sách của ban Tiếp cư, con bé lên sáu tuổi, tên Nguyễn Thị Bích Loan đang sống chung với bà Phan Thị Năm, hai mươi tám tuổi tại sạp số 18, thuộc dãy A, khu lô lều số 17. Cuộc sống ghép chung như thế kể là tạm ổn.

Cái điều mà mọi người lo lắng về nó nhất là sợ con bé nhớ bố, nhớ mẹ, nhớ chị sẽ khóc dai làm phiền lòng hàng xóm, vậy mà lại không xảy ra. Hình như cái thời gian kêu gào thảm thiết, gọi tên người thân đã qua đi từ hồi còn lênh đênh trên thuyền và ở phòng tạm trú của trụ sở Cảnh sát Thái Lan. Vào đến đây, con bé đổi tính, suốt ngày chỉ ngồi lì và câm như một con hến. Hôm dẫn nó về khu sạp của mình, chị Năm dặn dò, hơi lớn tiếng một chút cho mọi người nghe thấy:

— Theo tao, ngoan ngoãn, tao nhận làm con nuôi.

Nhiều bà con cùng lều, thấy hoàn cảnh của nó, đem lại cho bao nhiêu là thứ: quần áo, chăn mền, bánh kẹo, và những gói mì ăn liền. Chị Năm xếp dọn riêng cho nó một góc ở đầu giường. Chị dặn dò:

— Đây là chỗ để kem đánh răng, bàn chải. Ngủ dậy thì xếp gọn cái mền lại để ở góc này. Còn những gói mì thì tao để trong cái túi giấy chỗ ni, hễ đói thì đi xin nước sôi ngoài quán mà bỏ mì vô, chả có nước sôi thì

xé cái bao ra mà ăn khô cũng được. Ăn xong nhớ đem bát đũa ra giếng bơm mà xin nước rửa cho sạch sẽ. Còn đôi dép này, tối đi ngủ nhớ nhét lên đầu sạp kẻo có đứa nó thò tay ở ngoài vào lấy đi thì chỉ còn nước dầm dất vân... vân...

Sự chu đáo của chị làm mọi người mừng thầm cho con bé. Chả còn hơn một lũ lau nhau chạy đầu lều, cuối bãi, cũng toàn là những đứa thất lạc gia đình, bơ vơ, lạc lõng cả, mà đâu có ai đoái hoài tới.

Câu chuyện đau thương của chiếc tàu nhập trại trong đó có "một con bé lên sáu bị chết hết cả gia đình" gây xôn xao trong dư luận bà con được vài hôm thì lại có những chiếc ghe khác nhập trại. Đau thương lại dồn dập, chồng chất, nhiều đến nỗi vùi lấp luôn cả hình ảnh của một con bé, loắt choắt như một con chuột, suốt ngày ngồi ở dưới chân chõng nhà chị Năm, hỏi năm bẩy câu mà cũng không hề hó răng. Riết rồi chẳng còn mấy ai bận tâm đến nó, trừ những con ruồi cứ lăn xả vào bám riết lấy mái tóc rối kết lại của nó, khuôn mặt nhếch nhác có hơi hướm cái vị mặn mặn của mồ hôi hay mì gói, và nhất là ở những vết trầy trụa trên cánh tay, bàn chân có chỗ vẫn còn mưng mủ chưa lành.

Buổi tối đến chị Năm ôm một tấm chăn, khoanh tròn nằm quay ra mé cửa lô lều vừa nghe nhạc, vừa ngủ lơ mơ. Con bé cũng rúc đâu đó ở dưới chân chị, nhiều hôm ngủ mê đạp chân ra khỏi cái mùng tùm hụp, bị muỗi nó đốt đỏ cả cẳng chân như bị lên sởi.

Rồi có một hôm trời trở lạnh, buổi tối sắp đến giờ trại tắt đèn, con bé đang ngủ thì bị chị Năm lay dậy, ghé vào tai nó thì thào:

— Xí! Cái con bé này! Mầy mắc cái giống gì mà ham ngủ quá vậy. Đây, tao cho hai đồng chạy ra ngoài quán mua cái kẹo mà ngậm chơi, chừng nào tao hú thì hãy về.

Nói rồi, chị Năm kéo hai tay con bé, dựng nó dậy và dúi cho nó đồng bạc lẻ. Con bé mắt nhắm, mắt mở loạng choạng chui ra khỏi cửa lều. Làn cát ẩm dưới chân làm nó tỉnh hẳn ngủ và nhớ ra rằng mình còn chưa kịp xỏ chân vào đôi dép nhật xinh xinh màu đỏ mà trước khi lên chõng, nó vẫn có thói quen nhét ở đầu giường. Nó cũng nhớ mang máng rằng đồng bạc cắc mà dì Năm vừa dúi cho nó đã bị văng đâu đó ngay ngoài cửa lều. Nhưng trời tối thui, những sô nước, những dây phơi quần áo, những cột hàng rào chăng kèm gai và những mái lô lều nhấp nhô chỉ hiện ra dưới ánh sáng đục lờ lờ của bầu không khí bao phủ một làn sương mỏng phản chiếu ánh trăng suông xuyên yếu ớt qua những lớp mây mù.

Nhưng rồi bằng cách nào đó, con bé cũng mò được tới bên hông nhà thờ. Ở đây lổng chổng đủ thứ bàn ghế thấp tè thuộc quyền sở hữu của một cái quán cà phê dựng lên ngay cạnh đó. Vào mỗi buổi tối, sau khi

tan lễ nhà thờ, những cái bàn được xếp ngay ngắn lại và khách lui tới vừa dựa lưng vào vách gỗ của ngôi giáo đường, vừa ngó ra bãi biển có tiếng sóng rì rào trước mặt. Đến khuya, lúc cả trại tắt đèn rồi, thì đống bàn ghế chồng chơ đã thành chỗ ngả lưng của những kẻ lang thang, hoặc mới đến, chưa được ban Tiếp cư xếp chỗ cho vào lô lều.

Con bé Bích Loan cũng biết mò tới nơi đó mỗi lần bị chị Năm dựng dậy một cách bất tử.

Tình trạng này, trước thì chỉ họa hoằn đôi ba bữa, sau trở nên thường xuyên hơn. Mà mỗi lần chị Năm cần sự tự do thoải mái trên chiếc sạp buông cái màn tùm hụp của mình, chị cũng chẳng thấy cần thiết phải dúi cho con nhỏ đồng bạc ăn kẹo nữa. Chị chỉ ghé vào tai nó, nói một câu gọn lỏn:

— Tối nay ra ngoài chơi như bữa hổm, nghe mầy!

Thế là con bé nhóm dậy. Bây giờ thì nó không quên xỏ chân vào đôi dép Nhật màu đỏ và ôm theo cái nền chưa một lần được giặt kể từ ngày nhập trại.

Những hôm như thế nó hay ngồi ở bên hông nhà thờ, mặt quay về phía bãi biển mênh mông về đêm nom như một cái miệng hang khổng lồ, tối thăm thẳm và có chiều sâu hun hút. Biển, cái danh từ nghe khủng khiếp thật, nhưng ít ra là nó cũng còn gợi nhớ ở đấy những hơi hướm của người thân, dù là những hình ảnh không bao giờ có thể phai mờ: người này chới với trên mặt sóng trước khi bị nhận chìm, kẻ kia bị chém, máu loang lổ làm át cả màu xanh của nước lóng lánh như ngọc bích. Và trong tiếng sóng ầm ì từ xa vẳng lại, nó như còn nghe rõ tiếng mẹ và chị la thất thanh giữa đám đông lố nhố.

Con bé thường hay ngủ gục giữa những hình ảnh và âm thanh lộn xộn đó. Vào một đêm mưa rả rích, nó choàng dậy trong những tiếng ồn ào ở bên kia vách gỗ. Nó leo lên mặt bàn để nhìn qua những song gỗ của ngôi giáo đường được dựng lên đơn sơ như một lớp học ở trường làng. Nó trông thấy, trên bục giảng, dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn yếu ớt hắt xuống từ cây thập tự giá ghép lại bằng hai mảnh gỗ thùng đã được bào cho nhẵn bóng, một lũ trẻ nằm ngổi lố nhố. A! Thì ra ở bên lề cái xã hội khốn cùng này, không chỉ có một mình nó. Trời mưa làm lũ nhỏ như những con chuột rời bỏ hang ổ, kéo nhau về đây tụ tập. Có đứa ở trần. Có đứa khoác những chiếc áo tây rộng thùng thình. Có đứa cuộn tròn trong những tấm mền, có đứa chỉ đeo đúng một mảnh quần lót. Con bé cảm thấy gần gũi ngay với bầu không khí ồn ào vô trật tự diễn ra ngay cái chỗ mà ban ngày được dùng làm nơi chốn trang nghiêm, thờ phụng này. Có lẽ vì đa số đều lau nhau ở cùng cỡ tuổi nhóc tì, thằng lớn nhất chỉ khoảng mười ba, mười bốn, đứa nhỏ nhất bé bé, xinh xinh còn hơn cái

Loan nữa kìa. Hình ảnh mấy đứa bé nằm ngủ khoèo, đầu gối lên cẳng chân của những thằng anh, con chị làm cho cái Loan thấy mình bớt bơ vơ. Nó tụt xuống khỏi cái bàn thấp và lẻn vào đứng dựa lưng, cạnh một chiếc cột tre. Con nhỏ cũng khôn ra gì, nó ướm sẵn, nếu lũ trẻ trên bục biểu lộ cái cung cách gì dữ dằn, độc ác thì nó dư sức để ù té chạy. Nó biết một chỗ thứ hai có thể ẩn núp một cách an toàn, đó là cái vỏ thuyền của dân tỵ nạn nằm phơi những mảnh ván mục đầy rêu phong ở ngoài bãi cát phía cuối trại. Nhưng ở lũ nhỏ không thấy có dấu hiệu gì gọi là sẵn sàng gây hấn với nó cả. Nó mon men tiến lên một hàng cột nữa, và lần này thì có đứa lên tiếng:

— Cho nó lên đây nằm, ở ngoài mưa tạt ướt.

Một đứa con gái dễ lớn hơn Loan đến bốn năm tuổi, xòe bàn tay ra. Thế là con bé chạy ù lên nhập cuộc. Trời rả rích mưa buồn. Gió từ bãi biển lùa qua khuôn cửa tuềnh toàng tứ phía làm mấy đứa rên lên kêu rét. Một cuộc góp chăn đắp chung được bầy ra và con bé cũng gỡ cái chăn deo dính trên vai của nó ra, trao cho thằng lớn nhất. Cả đám chúng nó trở thành những đống lùng bùng, co quéo dưới lớp chăn mỏng. Đấy là một buổi tối vui nhất của con bé kể từ ngày nhập trại. Nhiều hôm sau đó, chúng nó trở nên thân thiết với nhau hơn. Nếu trong trại, người lớn làm chung, góp chung để mời nhau tham dự những buổi ăn cháo, ăn chè thì lũ nhỏ cũng có hôm sì sụp, nhai nhá chung với nhau những tấm bánh, gói kẹo. Rồi chúng nó kể với nhau um sùm đủ thứ chuyện: chuyện công an, bộ đội, chuyện kinh nghiệm nằm tù vì vượt biên bị đổ bể (trong số này có ít nhất là năm, sáu đứa cũng đã theo gia đình nếm mùi nhà tù trong trại giam của công an Việt cộng) chuyện hành trình trên biển, chuyện sinh hoạt ở các quán cà phê, các sạp bán đồ ở khu chợ phía ngoài cổng trại. Con bé Loan thì chẳng có chuyện gì để kể, nhưng nó lãnh phần ôm một con nhỏ lên bốn vào lòng để cho thằng anh của nó vừa kể chuyện, vừa múa may chọc cười cho cả lũ. Trong cả bọn, thằng nhỏ này láu lỉnh và có máu giễu nhiều nhất. Nó tên Lâm, vượt biển với bố mẹ và đứa em gái. Lúc ra bến bãi, động ổ thế nào mà công an bắn loạn xạ. Thế là cả đám chạy tứ tán và chiếc ghe chưa kịp lên hết người đã rồ máy bỏ chạy. Thằng Lâm cùng con em gái lạc tuốt bố mẹ, qua được tới đây. Hôm nhập trại, nó đứng chung form với ông chủ ghe để được điều vào ở trong lô lều. Trong cái áo lót nó mặc, bố nó còn ghi được địa chỉ của bà cô họ của nó ở bên Huê Kỳ. Ông chủ ghe xúi nó viết thư để bà cô chuyển tiền về trại, trả nợ cho chuyến vượt biển của anh em nó còn thiếu. Thằng Lâm không chịu. Thế là cãi nhau tán loạn cả lên, và thằng Lâm ôm phứt con em ra khỏi lô lều.

— Càng sướng! Tao càng rộng cẳng, muốn làm chi thì làm.

Nó mới mười hai mà khôn tổ. Nó lén lên gặp anh Dư ở ban tiếp cư để đòi phát gạo cho riêng nó một "phom". Nó lại ngoại giao được với cụ lô trưởng để mỗi khi có đồ ăn phân phối thường là cá hay củ su su thì cũng đừng quên phần của anh em nó. Có gạo, có đồ ăn, nó gửi bà bán quán cho anh em nó được góp phần gạo nấu ăn ké. Bù lại, nó cũng lăng xăng rửa được cho bà chồng bát, bó đũa. Lâu lâu nó không quên chọt cho con em gái một gói kẹo, một bọc xôi, hay lon chè. Lũ trẻ thèm ăn chè lắm. Nói cho ngay, ai mới ở ghe lên cũng đều thèm của ngọt hết. Kẻ có tiền, nấu chè ăn rả rích cả tháng mới đã thèm. Còn những đứa nhỏ không thân nhân, lâu lâu mới có dịp chia nhau sì sụp một, hai túi chè, vị ngọt ngọt của đường, vị béo ngậy ngậy của đậu xanh, đậu đỏ hay bột lọc có pha thêm cả mùi vanille, bao giờ cũng là những điều mà chúng nó mơ ước. Ngoài món chè ra, nhiều đứa còn thèm đủ thứ đồ ăn bầy la liệt ở quán hàng hay sạp chợ. Ngôi chợ nhỏ xíu bằng cái vạt của một khu gò thấp phía bên ngoài hàng rào kẽm gai được dựng lên hàng chục khung lều nhỏ, vào mỗi buổi sáng, dân địa phương đem đến bầy bán đủ loại mặt hàng. Chợ họp mỗi ngày có hai tiếng đồng hồ, người ra vô đông nghìn nghịt. Mấy thằng nhỏ trong đám trẻ lang thang tuy chẳng có tiền cũng chen chân vô đó để nhìn, ngắm, tò mò coi cái này, cái kia, và cũng có hôm cơn thèm lên bất tử, có đứa chơi càn chọt được cái áo thung, đôi dép Nhật hay nải chuối, miếng thịt. Một lần thằng Cư xui xẻo, vừa thò tay vô sọt trứng đã bị chủ hàng rình sẵn túm lấy nó la rầm rĩ lên. Mọi người xúm xít lại, có anh tỵ nạn nóng nẩy táng cho thằng nhỏ ba bốn cái bợp tai về cái tội "làm mất thể diện quốc gia". Nhưng có người lại nói:

— Chuyện đâu còn có đó, ai có quyền gì mà đánh nó. Cứ giao nó cho cảnh sát.

Chỉ nhấp nháy là viên cảnh sát mập như một con heo, trên tay lúc nào cũng lăm le cái roi tre sẵn sàng quất lên đầu lên lưng dân tỵ nạn vào bất cứ lúc nào, tác phong không khác gì một anh cập rằng ngày xưa cai trị dân thuộc địa bằng roi vọt. Thằng nhỏ bị xách lên như một con mèo ốm. Vừa đi, viên cảnh sát vừa quất vào đít nó những lằn roi nóng bỏng như những dòng nước sôi. May cho nó, trụ sở cảnh sát chỉ ở phía bên kia lề đường. Tuy chưa hưởng thụ được trái trứng nào, nhưng tội danh của nó được ghép là "ăn trộm trứng ngoài chợ". Ở trạm cảnh sát, người ta giao nó về cho ban đại diện. Từ ban đại diện nó bị giải xuống tiểu ban an ninh để lập lý lịch, hồ sơ. Rồi lệnh phạt được ban hành trên loa phóng thanh, nêu rõ tên, tuổi, số ghe nhập trại của nó và số ngày bị đi làm vệ sinh. Trên giấy tờ thì nó phải lãnh đủ tới mười lăm ngày cọ cầu tiêu lận. Nhưng nhìn cái vẻ loắt choắt của nó, một ông trong ban đại diện kéo anh trưởng ban trật tự lại rỉ tai:

— Hù nó đôi ba ngày cho nó tởn vậy thôi, cái ngữ đó, làm sao nó xách nổi xô nước mà cọ cầu. Anh trưởng ban trật tự thi hành chỉ thị, đã hù thằng nhỏ rất tận tình:

— Mầy không thấy dân ở đây nó dữ lắm sao? Lần này nó thương tình giải ban đại diện, lần sau thì nó cắt cu.

Thằng nhỏ chẳng những không sợ còn toe ra cười. Nó xăng xái đi trước anh áp tải để xuống khu nhà cầu. Hôm nay bị án phạt có một anh can tội băng hàng rào đi mua mai-coỏng tức là rượu lậu, hai anh khác can tội đánh bạc rồi xoay ra đấm đá nhau bị phạt cả hai, ngoài ra còn một chị nữa thì bị bắt quả tang bán gạo cho dân địa phương vi phạm nội qui của Cao ủy Tỵ nạn. Trong cả đám có nhà chị này là ăn diện bảnh bao nhất. Chị ta nhìn thằng Cư nhanh nhẩu kỳ cọ cái bồn cầu ra dáng một thằng bị phạt chuyên nghiệp, bèn cà kê với nó:

— Ê, nhỏ! Nghe nói mày bị ốm đòn mà chưa rớ được tới trái trứng nào, phải vậy không?

Thằng Cư chỉ đáp lại bằng cách ném cho chị một cái nhìn hậm hực. Chị ta i ôi tiếp:

— Mày chọc vô bọn nó làm chi. Đói khát gì một quả trứng.

Anh đánh bài nghe lóm được, ngứa mồm nói chen vô:

— Thôi đi bà ơi! Bà có tiền, ních dủ thứ nên mới nói được dói khát gì. Nó tứ cố vô thân, có họ hàng gì thân thích cho được đồng bạc cắc nào đâu.

Chị đàn bà kêu lên:

— Không có đồng cắc nào thì làm việc đi! Bộ cứ nghèo rồi đi ăn cắp, ăn trộm hả? Này nhỏ! Mày muốn có tiền ăn trứng, cọ giùm phần cầu của tao, tao cho hai chục!

Thằng Cư đang hôi hám sẵn, ngẩng đầu lên, cất tiếng ô kê liền. Thế là nó lụi đụi kỳ cọ một hơi mười cái bồn cầu trong lúc chị đàn bà ngồi vắt vẻo trên chiếc trụ hàng rào kẽm gai, châm lửa đốt thuốc lá hút. Đến lúc xong việc, thằng Cư được dúi cho hai chục đồng, sướng mê tơi, để nguyên cả bộ quần áo lẫn bàn chân, bàn tay hôi hám, chạy biến ra khu hàng quà. Ở đấy, nó ních một hơi hai cái bánh rán, một tô chè và một ly nước ngọt. Vậy mà tiền vẫn còn dư để mua thêm một chục trứng gà. Đến tối, lúc cả trại đã tắt đèn, Cư khuân lên bục giảng nhà thờ một bọc trứng đã luộc sẵn. Thằng Lâm trông thấy thế kêu lên:

— Ê! Mày ăn cắp trứng bị nhừ đòn mà không chừa sao?

Cư nhìn nó vênh mặt lên:

— Tao ăn cắp được quả trứng của đứa nào, mày nói nghe coi. Cái này là công sức của tao làm ra, thằng nào chê, cứ việc ngồi đó, chớ có mó tay vô.

Thời gian

VẠN GIẢ

Nụ hôn chưa ấm môi người
Thoáng nghe lệ ướt nụ cười mai sau
Sao còn ràng buộc chi nhau
Mà cưu mang đoạn tình sầu trăm năm
Chiếu chăn cũng xót xa thầm
Từ nghìn trùng ấy là trầm luân em
Chờ nhau hương lửa rũ mềm
Bóng đời vừa đổ qua thềm tàn phai

Trong cả bọn, chả có đứa nào chịu ngồi đó cả. Chúng nó xúm lại chia nhau bóc trứng ăn ngồm ngoàm. Đứa bé nhất cũng được ăn riêng tới một quả trứng. Ăn xong, cả lũ nằm ngổn ngang để chuyện gẫu hay hát hỏng um sùm. Thật ra, trong bụng áo của thằng Cư còn nguyên một túi nylông đựng chè đậu xanh còn nóng hổi. Nó định tâm, chốc nữa cả lũ ngủ hết, sẽ đánh thức con bé Bích Loan dậy để cho nó ăn riêng một gói chè. Con bé bị dì Năm đánh thức dậy lúc đang giở giấc, vốn đã quen rồi nên chắc là không cần nhẵn gì đâu. Hơn nữa, nó mà nghe nói đến chè là tỉnh như sáo ngay.

Cư vui vui khi nghĩ đến cái lúc dúi vào tay con bé gói chè và hình dung đến cái miệng chúm chím của nó lúc ăn những muỗng chè. Nhưng cu cậu nằm nghĩ ngợi lơ mơ thế nào ngủ khò, quên bẵng ngay cái chuyện khều chân con bé thức dậy. Sáng sớm hôm sau, lúc cả bọn nháo nhào bảo nhau thức dậy rút ra bãi ngoài để trả lại khu tôn nghiêm cho ngôi giáo đường, thằng Cư phát giác ra túi chè bị bục rách ra, làm cả cái ngực áo của nó trở thành một mảng bầy nhầy, nhão nhoẹt...❐

Căn phòng đêm ấy

ĐỖ QUYÊN

Có đêm thu se lạnh
Hai ta nằm một mình
với căn phòng kín lặng
Tôi ngoài rèm, em trong...

Những lúc em trở mình
tôi thấy ngoài gió rít
Hẳn là em cũng biết
các lần tôi sắp ho?

Cửa sổ xô theo lốc
Bờ thềm động lá rơi
Tí tách xa vòi nước
Em trong rèm... Ngoài, tôi...

Tôi một mình không ngủ
với em thức một mình
Bên ngọn đèn nhỏ đỏ
những ánh mờ rung rinh.

...Bao đêm dài đã qua
Bao căn nhà đã sống
Có đêm ấy trong ta
với căn phòng lặng kín.

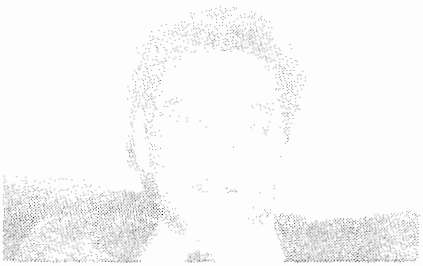

nguyễn ngọc ngạn

Nguyễn Ngọc Ngạn sinh năm 1946 tại Sơn Tây. Di cư vào Sài Gòn năm 54. Sĩ quan biệt phái trước 75. Tù cải tạo từ 75 đến 78. Vượt biển và định cư tại Canada từ 1979. Bắt đầu viết văn khi ở trại tỵ nạn Mã Lai. Chủ tịch Trung tâm Văn bút Ontario 1987-1989. Chủ tịch Văn bút Việt Nam Hải ngoại 1989-1991.

Trả lời hai câu hỏi:

1. Tạp chí Thế Kỷ 21 mới đây có nêu ra một câu hỏi tương tự: "Tại sao anh viết?" Rất nhiều văn hữu khắp nơi đã cố gắng trả lời nhưng xét ra chẳng có câu trả lời nào ổn thỏa. Cách nói thông thường mà xét ra dễ chấp nhận nhất, có lẽ là "cái nghiệp cầm bút"! (Ai không tin cứ mở lá số tử vi của mình ra mà xem, thể nào cung mệnh cũng có những sao nặng về văn học!).

2. Mục tiêu và đối tượng của những trang bản thảo đầu tiên so với bây giờ, sau 14 năm, có thể có một chút thay đổi. Tuy nhiên, tựu chung thì nội dung chính của tôi trước sau vẫn là ghi lại một giai đoạn sống của người Việt qua những biến động thăng trầm của lịch sử. Cụ thể là sự có mặt của chế độ Cộng sản tại Việt Nam đã tác động đến đời sống của nhân dân như thế nào, cùng những hệ quả của nó về mặt xã hội, kinh tế, đạo đức và tâm lý con người ra sao. Đại khái như vậy!

TÁC PHẨM

- The Will of Heaven. E.P. Dutton, New York, 1982. Văn Lang tái bản 1988.
- Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Ngạn. Nhân chứng, Cali. 1982. Làng Văn tái bản 1985, 1989, 1991, 1994.
- Biển Vẫn Đợi Chờ, Làng Văn Canada 1984. Xuân Thu tái bản 1988.
- Lúc Gần Sáng, Làng Văn 1985. Nam Anh Úc Châu tái bản 1988, Làng Văn 1989.
- Mầu Cỏ Úa, Chiêu Dương Úc Châu 1986. Xuân Thu tái bản 1988, Làng văn tái bản 1994.
- Nước Đục, Làng Văn 1987, tái bản 1989, 1991, 1994.
- Sân Khấu Cuộc Đời, Văn Khoa Cali. 1987. Tái bản 1988, 1991, 1994.
- Những Người Đàn Bà Còn Ở Lại, Đông Phương Cali. 1987, 1988, 1990, 1992.
- Trong Quan Tài Buồn, Văn Lang Canada 1988. Làng Văn tái bản 1990, 1994.
- Một Lần Rồi Thôi, Xuân Thu 1988. Tái bản 1990.
- Sau Lần Cửa Khép, Văn Lang 1988. Làng Văn tái bản 1991.
- Đếm Những Mảnh Tình, Văn Lang 1988. Làng Văn tái bản 1994.
- Trên Lối Mòn Hậu Chiến, Làng Văn 1990.
- Trong Sân Trường Ngày Ấy, Xuân Thu 1990.
- Ngày Buồn Cũng Qua Mau, Xuân Thu 1990.
- Dung Nhan Người Góa Phụ, Làng Văn 1990.
- Cõi Đêm, Làng Văn 1991, tái bản 1992.
- Chính Khách, Làng Văn 1991. Tái bản 1994.
- Người Đàn Bà Đi Bên Tôi, Làng Văn 1991.
- Chút Ân Tình Mong Manh, Làng Văn 1992, tái bản 1994.
- Dấu Chân Xưa, Làng Văn 1994.
- Quay Trong Cơn Lốc, Làng Văn 1994.
- Nhìn Lại Một Thập Niên, Làng Văn 1995.

tin đồn

nguyễn ngọc ngạn

Thông đi làm ở hãng điện tử, lương cán sự một năm hơn hai mươi ngàn. Thục, vợ chàng, đang đi học lại, cuối tuần làm thêm vớ vẩn phụ với chồng nuôi hai đứa con một trai một gái, bốn tuổi và bảy tuổi, đứa nào cũng thông minh ngoan ngoãn. Cuộc sống bình thường ngày này qua ngày khác chẳng có gì đáng nói. Mãi đến cách đây năm tháng, không khí trong nhà đổi thay một chút vì bà Diện, mẹ Thông, từ Việt Nam sang đoàn tụ. Bà cũng báo trước là Minh, con trai lớn của bà, sắp được nhận qua theo diện H.O. dành cho cựu tù nhân cải tạo. Vợ chồng Thông sẵn sàng đón anh về ở chung nhà.

Đặt chân lên nước Mỹ, bà Diện thực sự chỉ vui được có mấy hôm rồi bắt đầu nản chí. Bà cứ lẩm bẩm một mình, trách móc thằng con đã đưa bà vào cảnh quạnh hiu mặc dầu chính bà cũng biết là Thông chẳng có lỗi gì cả.

— Biết thế này thì tao chẳng thèm đi!

Câu nói ấy được bà lập đi lập lại, có khi trước mặt hai đứa cháu, có lúc bày tỏ thẳng với Thông và lần nào Thông cũng chỉ cười an ủi:

— Cuộc sống bên này nó như thế đấy mẹ ạ!

Bà Diện thì chưa thể thông cảm được. Thông phân giải thế nào bà cũng vẫn cứ cằn nhằn:

— Giá mày bảo tao trước thì tao sang đây để làm gì!

Thông lại cười:

— Con có nói mẹ cũng chẳng tin. Với lại, nói ra thì mẹ lại tưởng là con không muốn bảo lãnh mẹ. Thành ra thôi, cứ để mẹ sang. Buồn một chút, nhưng lâu ngày mẹ sẽ quen đi!

Bà Diện thở dài rươm rướm nước mắt. Quen thế nào được! Cuộc sống gì mà lạ lùng quá! Sáng sớm vừa mở mắt ra đã thấy vợ chồng Thông lục đục chuẩn bị thức ăn, rồi quát tháo hai đứa con thức dậy đánh răng rửa mặt, nai nịt ra đi. Thằng Trí vào mẫu giáo, con My đi lớp ba. Tan học ở nán lại trường chờ mẹ đón về. Năm sáu giờ chiều cả nhà mới nhộn nhịp được một lúc, quây quần quanh phòng ăn. Một ngày dài đằng đẵng trôi qua, bà Diện chỉ chờ bữa cơm tối để giải tỏa nỗi sầu. Nhưng nói chuyện chưa được bao nhiêu thì Thục đã vội vã buông đũa buông bát, chạy vào phòng riêng đóng cửa lại để ôn bài. Không biết Thục học cái gì, nhưng tình cờ có lúc nàng mở hé cửa, bà Diện nhìn vào chỉ thấy đứa con dâu cắm cúi trước màn ảnh *computer* mà lúc đầu bà tưởng Thục lén coi ti—vi một mình! Rồi hai đứa bé bu lấy cái truyền hình ở phòng khách, giành nhau mở dài, lắm hôm khóc om cả nhà. Thông luôn mồm nhắc:

— Vặn nhỏ chứ! Để mẹ học bài.

Bà Diện ngứa mắt lắm. Đời thuở nào con trai bà lại phải đứng rửa từng đống bát đĩa để vợ nó ngồi học! Áo quần bỏ vào máy giặt máy sấy, hút bụi nhà cửa và bao nhiêu chuyện lặt vặt khác, thằng con bà làm hết! Chuyện ngược đời như thế mà nó để yên được thì kể cũng lạ! Mà phải chi con dâu bà còn son trẻ cho cam! Tuổi đã ba mươi, hai đứa con đã lớn tổng ngổng rồi, bày đặt đi học để trốn việc! *Trai ba mươi tuổi đang xoan. Gái ba mươi tuổi đã toan về già!* Bà có cảm tưởng thằng con bà xa bà có gần mười năm mà hình như ngu hẳn đi, cái gì cũng chiều vợ. Thật uổng công sinh thành dưỡng dục của bà! Ngay đến việc tắm rửa thay quần áo cho con, hối thúc con lên giường ngủ, Thục cũng không ngó tới. Nhất cử nhất động đều do bàn tay... nội trợ của Thông. Bà cay đắng bảo:

— Mày làm hết mọi việc để con vợ mày nó "ngự" ở trong ấy mà coi được à? Không sợ thiên hạ người ta chửi hay sao?

Thông lại giải thích:

— Bên này như thế đấy mẹ ạ. Lúc trước con đi học thì vợ con nó làm hết mọi việc. Bây giờ đến lượt nhà con đi học. Mai kia khi nhà con học xong thì mọi chuyện lại bình thường.

Bà Diện lạnh nhạt:

— Nó còn học bao lâu nữa?

— Nửa năm nữa thôi mẹ ạ.

Thông cũng biết mẹ cô đơn cho nên anh rán thu xếp công việc để ngồi bên cạnh chứ thật ra quanh anh còn biết bao nhiêu thứ phải làm. Ngày bà Diện chưa qua, anh cứ hy vọng sẽ có bà coi các cháu để anh rảnh tay làm việc nhà hoặc kiếm thêm *job* thứ hai, tăng lợi tức cho gia đình. Nhưng mấy tháng qua rồi, hai đứa nhỏ vẫn thấy bà nội là người rất xa lạ. Mà chính bà, hình như cũng chưa thấy mình có thể gần gũi với các cháu, mặc dầu chúng còn nói được dăm ba câu tiếng Việt. Vợ Thông không do bà cưới, bởi vậy bà thấy rõ giữa bà và Thục có một khoảng cách. Trong đầu bà vẫn lẩn quẩn một ý nghĩ cổ điển rằng, khi bà mẹ chồng không có quyền hành chi phối con dâu, thì không thể coi là đứa con dâu đích thực được! Thông thường khuyến khích nhắc nhở hai con quấn quít bà nội. Nhưng có mặt chàng thì chúng nghe theo. Chàng vừa khuất mắt là chúng lại lảng ra xa để nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh cho thoải mái. Bà Diện tuy chẳng nói ra, nhưng vẫn thầm chê con nít bên này hỗn quá, dám phê bình cả người lớn.

Những ngày đầu, hai đứa trẻ nhìn bà bằng cặp mắt hết sức ngơ ngác. Thấy bà làm một cái gì lạ là chúng nhăn mặt hô lên *"Yac!"* hoặc mỉm cười *"oh oh"* với nhau. Thằng Trí bưng cho bà cốc nước, thấy bà không nói gì, nó thản nhiên hỏi Thông:

— Sao *grandma* không say *"Thank you"*?

Thấy bà hắt hơi, con My thẳng thắn nhắc:

— *Grandma* phải nói "*Excuse me*".

Bà không hiểu gì, ngạc nhiên hỏi Thông. Chàng cười, giải thích thói quen của Mỹ. Không ngờ bà cũng nổi giận mắng lại:

— Tao lại phải xin lỗi chúng mày à?

Ở nhà buồn, thư từ bạn bè gởi đến cho Thông, bà tiện tay bóc ra xem trước. Con My đi học về, thấy vậy bình thản hỏi bà sao dám đọc thư ba con. Bà bực quá quát lên:

— Tao đẻ ra bố mày, tao không có quyền xem thư của bố mày à?

Những chuyện nhỏ nhặt ấy cũng làm bà tăng thêm nỗi bất bình và bà càng bực hơn khi thấy vợ chồng Thông rất kiên nhẫn và hiền hòa ngồi giải đáp cho con tất cả mọi thắc mắc vớ vẩn chúng nêu ra. Bà nhớ quê nhà mình dâu có vậy. Cha mẹ đang bận bịu và nhất là khi nhà có khách mà con cái cứ lại gần nói léo nhéo, thì thường bị vả cho mấy cái hoặc ít ra cha mẹ cũng mắng át đi: "Hỗn! Đi chỗ khác cho người lớn nói chuyện!". Sao đất Mỹ này làm người ta thay đổi quá. Con trai bà chẳng những sợ vợ mà hình như sợ cả con nữa!

Thông đem câu chuyện vui kể cho mẹ: "Hồi trước ở Việt Nam, có hai bố con ngồi đốt pháo ngày Tết. Thằng con thắc mắc hỏi: 'Bố ơi, tại sao bố châm lửa, pháo lại kêu?' Thay vì phải giải thích tường tận cho con, ông bố quay lại nạt: "Thế tao đốt vào đít mày, mày có kêu không?". Và chàng kết luận:

— Như vậy là cả vú lấp miệng em, không giúp cho đứa nhỏ mở mang kiến thức mà trái lại để nó ôm mãi cái thắc mắc ấy trong đầu. Lối giáo dục bên này khác. Cha mẹ cũng như thầy giáo cô giáo rất nhẫn nại và chiều trẻ con. Chẳng biết mẹ thấy thế nào chứ con thấy hay hơn bên mình.

— Bà Diện chép miệng, cố cãi một câu:

— Dành rằng thế cũng hay. Nhưng mà trẻ con được đằng chân lên đằng đầu. Nói nhiều quá hóa ra hỗn!

Thông không đồng ý với mẹ, nhưng không cãi. Chàng chỉ cốt kể chuyện vui cho mẹ khuây khỏa mà thôi. Chàng thêm:

— Ở bên này cảnh sát cấm cha mẹ không được đánh con.

Bà cười khinh bỉ:

— Chả trách gì người ta không thèm đẻ!

Ban ngày mọi người đi vắng hết, căn nhà nhỏ cũng trở thành mênh mông. Bà cứ đi lên đi xuống, thơ thẩn ra sân rồi lại quay vào. Lâu lâu bật ti—vi nhìn một lúc, chẳng hiểu thằng Mỹ nói gì mà khán giả cứ cười ầm lên, bà lắc đầu tắt đi rồi lại vớ lấy tờ báo ngồi đọc. Chồng báo biếu Thông ôm về mỗi chiều thứ Sáu, bà xem từng dòng từng chữ, rồi cũng chán vì

những cái quảng cáo chẳng có gì thay đổi. Bà nhớ những ngày ở quê nhà, phố xá lúc nào cũng chật người, láng giềng chạy qua chạy lại như mở hội. Bây giờ đi đâu một bước cũng phải nhờ con chở. Bà thì dư thì giờ quá mà con cháu thì chẳng có lúc nào rảnh thành ra chung sống dưới một mái nhà mà vẫn như xa cách.

Những ngày cuối tuần, Thông cố thu xếp công việc đưa mẹ ra khu phố Việt Nam, nhân tiện cũng là dịp giải thích với mẹ về những khác biệt căn bản giữa hai xã hội Việt Nam, những va chạm văn hóa có thể có nếu người Việt qua đây mang theo đầu óc bảo thủ quá nặng, và nhất là lề lối suy nghĩ của trẻ em hấp thụ lối giáo dục ở bên này. Bà Diện hững hờ nghe nhưng dĩ nhiên không thể chấp nhận nổi lý luận của con. Những nề nếp đã in sâu hơn sáu mươi lăm năm trong trí óc một con người, dễ gì một sớm một chiều gột rửa được. Rõ ràng bà không vui. Lần nào nghe nói bà cũng kết luận bằng câu hỏi cũ:

— Sao mày không nói trước với tao hồi tao còn ở bên ấy?

Thông lắc đầu cười:

— Con có nói mẹ cũng không thể hình dung được! Có những điều mẹ phải đối diện, phải nhìn thấy và cảm thấy, chứ nghe kể lại không được! Chính con cũng có lần định viết thư cho mẹ, nói hết đầu đuôi, nhưng nhà con cản lại vì sợ mẹ hiểu lầm là chúng con không muốn mẹ qua!

Rồi bà nằng nặc đòi bay sang ở với thằng con thứ hai, anh của Thông, tại một tiểu bang giữa nước Mỹ. Thông thực lòng không muốn, bởi đã có lời dặn của Hằn. Hôm mẹ sang, Hằn có bay qua gặp mẹ hai hôm rồi trở về vì vợ chồng Hằn rất bận. Anh có cái tiệm tạp hóa khá lớn, ngày mở 14 tiếng từ 8 giờ sáng đến 10 giờ đêm. Một người đứng bán thì quá vất vả mà lại nguy hiểm vì sợ mất cắp, tống tiền. Mướn công nhân ngoài thì không đủ lợi tức và cũng khó tin. Thành ra cả hai vợ chồng suốt ngày ôm cái tiệm, chẳng dám bước chân đi đâu. Bà Diện từ lâu vẫn có ý định sống với con út, cho nên Hằn cũng chẳng kèo nài mẹ sang bên mình, nhất là anh biết vợ mình vốn không đội trời chung với mẹ. Mỗi tháng anh len lén gửi biếu ít tiền, phụ với Thông nuôi mẹ là được rồi. Nhưng bà Diện đã muốn đi thì Thông không dám cản. Chàng mua vé, đưa mẹ ra máy bay và *phone* sang dặn Hằn ra đón.

Ở với Hằn, ngày lại càng dài hơn. Ra tiệm tạp hóa cứ ngồi vêu lên mà đếm thời gian và nhất là phải nhìn nét mặt lạnh nhạt của đứa con dâu. Có lúc bà uất ức bảo Hằn:

— Tao làm gì mà con vợ mày nó cứ vác cái mặt lên thế?

Hằn khổ sở phân trần:

— Không đâu mẹ ạ. Nhà con, cái mặt tự nhiên nó như thế chứ đâu

có giận dỗi gì mẹ! Mẹ sang chơi, chúng con mừng lắm! Có điều là làm nghề này vất vả quá, thành ra nhà con hay nhăn nhó...

Hăn nói đúng một phần. Vợ anh không hề giận dỗi gì mẹ chồng, nhưng chị cứ sợ mình tỏ ra vồn vã thì bà Diện sẽ hân hoan ở lại. Cho nên thà tỏ thái độ xa cách trước cho chắc ăn!

Ngồi ở tiệm chán, bà bảo Hăn chở về nhà. Nhưng về nhà một mình lại còn vắng lặng hơn ở bên Thông bởi hai đứa con Hăn đã lớn, không nói được câu tiếng Việt nào, bất đắc dĩ phải chở bà đi đâu, cả hai phía đều cảm thấy lúng túng. Thành ra chưa đầy mười hôm, bà Diện lại đòi quay về với Thông. Hăn mời mẹ ở lại thêm một thời gian nữa, nhưng vợ Hăn trừng mắt ra nghiêm lệnh cho chồng không được níu kéo. Anh vội chạy đi mua vé và tiễn mẹ quay về chốn cũ.

Ít lâu sau thì đến lượt Minh qua. Hôm ấy là một ngày thường, nhưng vợ chồng Thông đều nghỉ ở nhà để đi đón, cùng với bà mẹ và hai đứa con. Hội Cựu Tù nhân Chính trị địa phương cũng cử hai đại diện ôm quà ra chào mừng, nói dăm ba câu, chụp vài tấm ảnh rồi tế nhị rút lui, hẹn sẽ liên lạc sau. Họ muốn dành cho gia đình Minh trọn vẹn phút ban đầu sum họp.

Minh và Thông chia tay nhau tính ra đã mười lăm năm kể từ bữa cơm tiễn biệt trước ngày trình diện cải tạo. Thông chớp mắt cố ngăn dòng lệ vì mừng rỡ và thương cảm. Hình ảnh một sĩ quan tác chiến trẻ trung mới ngày nào đã mất, giờ đây trước mắt chàng chỉ còn là một người đàn ông gầy guộc đen dủi, tóc rụng lưa thưa. Bà mẹ, mới xa con đầu lòng có mấy tháng, cũng rươm rướm nước mắt, không phải vì mừng gặp lại mà vì tủi thân. Bà ôm Minh, sụi sùi ghé vào tai:

— Mẹ đã biên thư về bảo con đừng sang, con còn đi làm gì! Chán lắm con ạ!

Minh ngạc nhiên gượng cười, đưa mắt nhìn quanh. Thục bảo hai con khoanh tay chào bác rồi khuân hành lý ra xe. Thục nghỉ một buổi học để chuẩn bị cơm nước và dọn phòng cho Minh. Thông cũng gác lại mọi việc để quấn quít bên anh. Nhà chỉ có ba buồng, tính đi tính lại mãi, Thông dành để mẹ nằm chung với hai đứa bé, dành riêng cho Minh một phòng vì anh thường khó ngủ và nhất là vì anh hút thuốc lá liên tục, Thục và hai con chịu không được.

Đêm đầu, Thông sang ngủ với anh, tâm sự đến mấy tiếng đồng hồ. Thông không đả động gì đến đời sống ở Mỹ, trước sau chỉ thăm hỏi chặng đường của anh ở trại cải tạo và sau khi được tha ở quê nhà, những chuyện mà thực ra chàng đã biết gần hết bởi bà Diện đã kể nhiều lần. Chàng tránh nhắc đến bà chị dâu đã lấy chồng khác khi Minh ở trong tù, nhưng chính Minh lại gợi ra và bảo:

— Không trách được! Đó là một trong những cái mất dạy của trò cải tạo. Thà rằng đi tù có bản án, người đàn bà biết thời gian mà chờ đợi. Cải tạo là một loại tù không có thời hạn. Có thể là vài năm, cũng có thể là vĩnh cửu. Biết đâu mà chờ! Tụi Việt cộng không thèm quan tâm đến khía cạnh băng hoại của xã hội, của gia đình, cho nên đã gây ra bao nhiêu đổ vỡ!

Minh nói thế, một phần do ý nghĩ thực của anh, một phần nữa là bởi trước khi ra đi, anh cũng đã tìm được một mối tình mới, không còn vật vã như những ngày đầu mới trở về từ trại cải tạo. Khi được nộp đơn theo diện H.O., chuyện tình cảm đến rất dễ dàng, bởi tự dưng giá trị của anh tăng vọt, dù là giá trị giả tạo do cái nhìn nhầm lẫn của xã hội. Anh gặp Thi, cô gái thua anh hơn mười tuổi, giúp anh sống lại thời tuổi trẻ bồng bột. Ngày chia tay, anh hứa hẹn đủ điều, mà việc đầu tiên là gửi tiền về giúp đỡ. Nay mai chắc chắn anh sẽ phải làm công việc ấy, và vì chưa có ý niệm gì về tiền bạc ở Mỹ, cho nên anh dự trù đợt đầu sẽ tặng nàng một ngàn đô tiêu vặt! Giờ này nằm nói chuyện với Thông, thực ra lòng Minh cũng đang nhớ nhung lắm!

Quá nửa đêm, Thông một mới ngủ thiếp đi. Nhưng Minh không tài nào chợp mắt được. Một phần vì anh chưa quen giờ giấc, nhưng cái lý do chính là thật sự chiều nay anh có cảm thấy thất vọng, nỗi thất vọng hiện còn đang lảng vảng trong trí anh.

Trước khi ra đi, thiên hạ đồn đãi đầy đường là những cựu tù nhân thuộc diện H.O. như anh, chỉ cần sang Thái Lan đã được tiếp rước hết sức trọng thể kèm theo một món quà giá trị gồm cả hiện vật và hiện kim. Rồi khi đặt chân lên đất Hoa Kỳ thì cảnh tượng lại còn nồng nhiệt hơn gấp bội. Những tin tức thổi phồng ấy đã làm bao nhiêu người như anh cực kỳ háo hức và bá tánh chung quanh nhìn anh thèm khát.

Đến đất Thái, anh chẳng thấy gì ngoại trừ những thủ tục thông thường. Anh vẫn còn hy vọng cuộc tiếp rước ở Mỹ. Anh tưởng tượng mình sẽ bước xuống phi cơ trước sự reo hò của hàng trăm đồng hương, chưa kể đại diện của chính quyền Hoa Kỳ, giống như hình ảnh chiến binh anh hùng giải phóng Âu châu trở về sau cuộc đệ nhị thế chiến, hoặc như những phi hành gia sau chuyến thám hiểm không gian. Giấc mơ quá lớn làm anh thật sự chới với khi thực tế chẳng có gì đáng kể. Phi trường nườm nượp người đến và đi, chen chúc nói cười, chẳng cần biết anh là ai. Hai ông đại diện hội Cựu Tù nhân, thu xếp thì giờ chạy ra đón anh và hẹn sẽ đến mời anh đi ăn bữa cơm họp mặt chiều thứ Bảy, như thế đã là quý lắm rồi, nhưng anh không hiểu, nao nao bứt rứt trong lòng vì có cảm tưởng người đi trước hững hờ với kẻ đến sau.

Những tin đồn thất thiệt ngày chưa đi, anh cứ nghe và nhập tâm,

chẳng bao giờ đặt lại câu hỏi rằng mình có là cái gì của Mỹ đâu mà họ phải đón tiếp! Thiên hạ đánh giá anh cao quá và anh cũng không nỡ phủ nhận sự đề cao ấy. Chính phủ Mỹ can thiệp cho đi là may lắm rồi, làm sao có quyền đòi hỏi! Chỉ vì không nghĩ được điều ấy, cho nên ngay đêm đầu ở miền đất tự do anh đã mất vui phần nào.

Nhưng chuyện đón tiếp rồi cũng qua đi. Những ngày sau đó, bằng hữu cũ mới trong Hội Cựu Tù nhân thay phiên nhau đến rủ anh đi phố, thậm chí có tờ báo đòi gặp anh để phỏng vấn làm Minh cũng khuây khỏa tinh thần. Chỉ những lúc về nhà ngồi bên mẹ, nghe bà Diện thở vắn than dài, anh mới lại nhìn vào thực tế, ưu tư đến tương lai đang dở của mình. *Trâu chậm uống nước đục!* Bạn bè nhiều người đã hoàn toàn ổn định. Anh thấy mình bơ vơ lạc lõng, tủi thân và đâm ra mặc cảm. Những đưa đón gặp gỡ cũng thưa dần, chỉ mấy tháng sau anh đã trở thành người cũ, "qua đường không ai hay"! Anh ghi tên học Anh văn, nhưng nôn nóng muốn nhảy vọt làm tâm hồn cứ bị phân tán không học được. Vợ chồng Thông thì hết sức tế nhị, cố gắng không làm gì để anh buồn, mặc dầu sự có mặt của bà Diện và Minh thực sự có gây trở ngại cho hai vợ chồng. Đã lâu không quen sống chung đụng, bây giờ có thêm người mới, chẳng những Thục cảm thấy bất tiện mà ngay cả Thông cũng coi là một sự hy sinh, bởi cái không khí riêng tư không còn nữa. Đã thế, chi phí thường nhật trong gia đình cũng tăng. Ngoài những vật dụng căn bản không thể thiếu mà Thông phải sắm cho anh, lâu lâu chàng vẫn giấu vợ, giúi vào túi quần Minh một ít tiền mặt để anh tiêu vặt. Ấy thế mà hình như Minh vẫn không vui.

Sẵn mang mặc cảm, Minh hay buồn những chuyện vu vơ. Chẳng hạn hai đứa con Thông quen tính hồn nhiên bên này, một hôm mang cuốn sách có hình vẽ, chỉ cho Minh cái hại của thuốc lá mà cô giáo đã dạy ở trường, rồi khuyên Minh bỏ hút. Minh gật gù cho qua nhưng trong đầu đoan chắc là vợ chồng Thông xúi con nói với mình để đỡ tốn tiền cho bố mẹ nó! Ý nghĩ ấy làm Minh trở nên lầm lì, suốt mấy ngày chẳng nói chuyện với ai. Thà anh như người Mỹ, tức cái gì cứ nói ra hết rồi thôi thì lòng đỡ vướng bận. Anh không dám hé môi, ôm mãi sự dằn vặt trong tim để làm khổ mình và làm phiền kẻ chung quanh. Đã thế, bà mẹ lại hay tỉ tê riêng với Minh và bơm mãi vào đầu anh những tư tưởng buồn chán làm anh càng xuống tinh thần hơn.

"Hay là anh ấy nhớ vợ con?" Thục thường hỏi chồng và cả hai tạm thời cho đó là lời giải đáp hợp lý. Để giúp Minh khuây khỏa, Thông giục anh đi học lấy bằng lái xe, rồi bàn với vợ mua cho anh cái xe hơi cũ để anh tự do đi lại không lệ thuộc vào Thông. Thục tiếc tiền lắm, nhưng nể chồng cũng đành phải nghe theo. Thông ra phố, đưa về chiếc Toyota,

giao cho Minh. Anh nhận xe, làm ra vẻ mừng rỡ nhưng thực sự hơi giật mình vì chiếc xe quá cũ. Bà Diện hỏi giá và cũng phàn nàn với Thông là xe cũ quá, nhưng bà hài lòng vì từ nay bà đi lại sẽ dễ dàng hơn bởi Minh còn nhiều thì giờ nhàn rỗi.

Một ngày cuối tuần, hai anh em rủ nhau đi uống cà phê. Thông hỏi anh:

— Qua đây mấy tháng, anh thấy thế nào?

Minh hỏi lại:

— Mày ở Mỹ mười năm rồi, mày thấy thế nào?

Thông cười:

— Em chả thấy thế nào cả. Có lẽ ở lâu quá thành quen nên chả để ý đến nữa. Cuộc sống trở thành nền nếp, máy móc.

Minh thở dài:

— Tao thì tao chán lắm! Thấy nó thiếu cái gì đó!

Thông chuẩn bị đã lâu, bây giờ mới có dịp bày tỏ:

— Vâng. Thiếu chứ. Nhất là ở tuổi anh, một nửa đời người gắn liền với quê hương. Nhưng, tự căn bản tại sao mình phải đi? Có ai muốn xa quê cha đất tổ đâu! Ngày mới sang em cũng lao đao lắm. Nhưng nghĩ lại những nhọc nhằn lúc vượt biển, trốn chui trốn nhúi, ngủ bờ ngủ bụi năm lần bảy lượt. Ra khơi rồi vẫn chưa yên. Hải tặc cướp bóc và sóng gió biển cả, không biết có tới bờ bình yên không. Đến được trại tị nạn, nằm chờ người ta nhận, lo âu không biết sẽ đi nước nào, thời gian nằm chờ đợi bao lâu, có đủ sức khỏe để được đi định cư không... Đủ mọi thứ làm mình sợ hãi. Cái giá của tự do đôi lúc quá lớn, có khi là cả mạng sống của mình! Anh qua sau, nhưng đi bằng máy bay, dù sao cũng dỡ hơn hàng trăm ngàn đi trước!

Câu nói trơn tru như một bài diễn văn có soạn trước làm Minh hơi giật mình lúng túng, nhất là khi Thông nhấn mạnh hai chữ "máy bay". Có lẽ thằng em cố ý muốn khuyên dạy mình chăng? Anh khẽ đưa mắt nhìn Thông dò xét, nhưng Thông uống hớp cà phê rồi bình thản nói tiếp:

— Em không biết cái lúc sau này bên ấy cởi mở thế nào, nhưng khoảng thời gian 78, 79 lúc em chưa đi, tình hình khủng khiếp lắm! Những người ở trại cải tạo được thả về như anh, bị theo dõi rình rập dữ lắm. Công an suốt ngày bắt trình diện, đuổi đi kinh tế mới, sơ hở một chút là bị bắt lại ngay. Cũng khoảng thời gian ấy, hai năm 79, 80 chiếc tàu nào ra khơi hầu như cũng bị hải tặc. Chúng nó giết bao nhiêu người, bắt đi bao nhiêu con gái... Dù vậy, em thấy mình vẫn còn may. Hiện nay những người nằm ở trại tị nạn mới thật là đau khổ. Vượt bao nhiêu khó khăn, thế mà lại bị đe dọa trả về! Người ta mổ bụng để phản đối, để xin thế giới chú ý. Có một ông trung tá trốn trại cải tạo qua được Hồng Kông, thế mà

cũng bị xếp vào loại tị nạn kinh tế! Anh nghĩ có cay đắng không? Giá ông ấy đừng vượt biển thì cũng được đi theo diện H.O. như anh!

Càng nghe em nói, Minh càng thấy cảm giác bối rối dâng lên rất nhanh. Con người quả thực rất mau quên! Ngày còn ở tù, anh chỉ có khát khao duy nhất là được tha. Được về rồi, anh mơ ra ngoại quốc, dù phải làm bất cứ việc gì để đổi lấy không khí tự do. Ngày nay anh đã đạt được, bằng một chuyến bay bằng phẳng, may mắn hơn cả vạn người khác thì anh lại quên hết ước vọng cũ, đòi hỏi phải thế này thế kia. Rồi biết đâu chỉ nay mai, anh sẽ yếu lòng nghênh ngang trở về, mua lấy chút hào quang theo lời mời gọi của người yêu trong lá thư anh mới nhận được. Sao anh không nghĩ tới mấy chục ngàn đồng hương còn đang ở trại tị nạn, chỉ khao khát được đi định cư như anh! Bất giác anh cười khẩy, tự trách. Tuy vậy, anh không còn đủ can đảm nói thẳng ý nghĩ đó ra, bởi truyền thống Việt Nam không cho phép anh thú tội với một kẻ kém vai vế mình. Im lặng một lúc, anh hỏi:

— H.O. là cái gì vậy?

Thông không rõ nhưng đoán đại:

— Viết tắt của hai chữ *Humanitarian Operation*, nghĩa là chiến dịch nhân đạo.

Chàng cười và tiếp:

— Chính phủ Mỹ đón các anh sang hoàn toàn vì nhân đạo chứ có phải vì mình có công trạng gì với nước Mỹ đâu!

Chàng liếc mắt nhìn Minh ngồi cúi đầu đăm chiêu và chợt nhớ ra một việc:

— À, anh Trọng điện thoại hai lần mời anh tối mai sang chơi ăn cơm. Anh Trọng, bạn cũ của anh ở sư đoàn 5. Anh có nhận lời thì cho anh ấy biết.

Minh thú nhận:

— Thằng đó bây giờ giàu quá, tao cũng ngại, chả muốn gặp lại. Hồi đó tao làm tiểu đoàn phó thì nó là trưởng ban 3.

Thông thấy tội nghiệp, muốn giúp anh giải tỏa những mặc cảm trong lòng mà chàng đoán là nguyên nhân của thái độ tiêu cực mấy tháng nay. Người ta đôi khi đau khổ chỉ vì cách nhìn một vấn đề sai lệch. Chàng giữ anh ở lại với mình, cố gắng hết cách mà thấy anh vẫn không vui. Hóa ra Minh buồn vì thấy mình thua kém thiên hạ về tiền bạc. Hèn gì những lúc gần đây rủ anh đi dự những buổi họp mặt, party ở nhà người quen, Minh thường lắc đầu thoái thác. Thông nhấn mạnh:

— Anh qua sau, sánh với người đi trước thế nào được! Nhưng em cứ nghĩ, chủ đích của mình sang đây là để tìm tự do. Chuyện giàu nghèo chỉ là tình cờ, phụ thuộc. Anh bận tâm làm gì!

Và chàng cười thoải mái:

— Đứa nào giàu, anh mặc kệ mẹ nó! Nó giàu thì giỏi lắm cũng mời

anh được bữa cơm, tách cà phê. Mà anh em mình có nghèo thì cũng vẫn thừa sức mời lại bữa cơm chứ đâu đến nỗi như Việt Nam! Anh nhờ vả ai mà anh phải so sánh!

Sau câu nói ấy cả hai lại im lặng. Thông đứng dậy lại quầy lấy cho anh gói thuốc, nhân tiện cũng muốn để anh ngồi một mình, suy nghĩ về những điều chàng vừa nói. Chàng không hề có ý trách cứ Minh. Chàng cảm thông những nhọc nhằn của anh hơn mười năm qua kẹt lại trong nước và nhất là chuyện vợ con gẫy đổ. Nhưng chàng thường nghĩ, nói cho cùng thì cuộc bể dâu ấy chỉ là vận nước, là cái giá mà người miền Nam phải trả bởi đã không hết lòng trong cuộc chiến trước 75 mà thôi. Trách móc ai bây giờ! Chàng cầm gói thuốc trở lại bàn, chờ anh uống cạn ly nước rồi nói thêm:

— Ở bên này, nếu người ta quyết tâm xây dựng thì cũng có nhiều cơ hội. Thiếu gì người sang sau mà lại vượt cả người đi trước. Để rồi anh xem!

Từ hôm ấy Minh phấn khởi hơn một chút. Những điều thằng em nói quả thực có tác dụng làm anh suy nghĩ, nhìn lại một số vấn đề và nhờ vậy, giúp anh thanh thản phần nào trong lòng. Anh gửi cho người tình một trăm đô và hứa chỉ nay mai sẽ bù đắp thêm. Anh sẽ cố gắng học thêm Anh văn rồi chuyển sang học một nghề gì đó để mai sau tách riêng ra, không ở chung với vợ chồng Thông nữa.

Chỉ có một điều sâu kín trong lòng nhiều lần anh định nói với Thông nhưng vẫn chưa dám. Dù nó là thằng em ruột, nhưng anh sang sau, như người nhà quê ra tỉnh, luôn luôn nể kẻ đi trước. Dĩ nhiên việc nó cưu mang anh, cư xử đậm đà với anh, anh chẳng cần phải mang ơn. Thậm chí đô đạc xe cộ nó sắm cho anh, anh vẫn tỏ thái độ không bằng lòng vì toàn là thứ tiết kiệm. Tiền bạc Thông chu cấp, chẳng thấm vào đâu, tiêu gì cũng phải tính toán. Có lúc anh nảy ra ý định mướn nhà ở riêng, và anh tin là anh có khả năng làm điều đó, bởi vì đâu anh vẫn còn ẩn chứa một tin đồn quái ác mang theo từ Sài Gòn mà thực sự anh không biết đó là tin đồn. Bà Diện lại càng trăm phần tin tưởng ở cái tin đồn ấy mà bà cho là điều hiển nhiên có thực. Cho nên một buổi chiều, mẹ con thủ thỉ với nhau rất lâu, rồi Minh lấy xe phóng đi, để mình bà Diện ở nhà, rón rén gặp Thông, run run thổ lộ:

— Thông ạ! Trước ngày mẹ với thằng Minh đi, ở bên Việt Nam người ta có báo cho biết là những người thuộc diện tù cải tạo như thằng Minh, qua đây được truy lãnh tiền của chính phủ Mỹ! Con bảo lãnh nó, tất nhiên chính phủ giao cho con. Anh con nó ở tù chín năm tám tháng mười hai ngày, tính ra tổng số tiền lãnh *rapel* cũng không phải là ít. Thôi thì con đưa cho nó để nó có chút vốn mà lập thân. Con qua trước, đã sung sướng nhiều rồi, lấy tiền của anh con làm gì! ❐

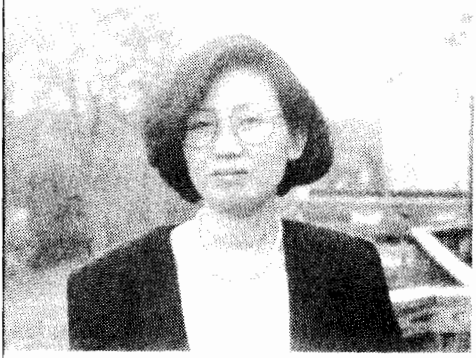

nguyễn thị hoàng bắc

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, bút hiệu và cũng là tên thật. Nguyên quán Quảng Bình, lớn lên ở Nha Trang. Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài Gòn, dạy học tại Nha Trang trước 1975. Vượt biên qua Hồng Kông, hiện định cư tại tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ với gia đình.

Cộng tác với các tạp chí văn chương hải ngoại như Văn Học, Hợp Lưu, Văn, Giao Điểm...

Đã xuất bản: *Long Lanh Hạt Bụi*, tập truyện, Văn Nghệ, California; *Bên Lở Bên Bồi*, tập truyện, An Tiêm, California.

Trả lời phỏng vấn Văn Học

1. Tôi bắt đầu cầm bút từ năm 1986 và thực sự là để "thực hiện giấc mộng tuổi trẻ của mình vào lúc tuổi già". Gọi là *giấc mộng* thì khó mà từ bỏ nó lắm.

Vì *lợi*, thì đương nhiên là không có rồi (đôi khi lại có *hại* nữa là khác), vì *danh*, tôi càng e ngại hơn (hư danh, danh hão, lưu xú vạn niên...?) Vậy thì viết, đối với tôi như... chích xì ke, chích vào thì nó... phê, không có thuốc, thì sống dở chết dở, buồn hắt buồn hiu. "Bọn nghiện" như chúng ta thì biết rõ chuyện này rồi, tôi ngờ là anh chỉ giả vờ hỏi thôi.

Chuyện riêng tư, dạo này, tôi ít viết, vì bận bịu, thiếu thì giờ, bao giờ thu xếp được xong thì lại hăng hái, hứng thú như cũ.

2. Viết cho ai? Anh Nguyễn Xuân Hoàng mỗi lần gặp tôi đều chọc tức: "... Này, có muốn giết ai thì cứ giết đi, chứ đừng có "dữ" như thế nữa...!" Chọc quê, nhưng mà có lý lắm! Đôi lúc, tôi cũng muốn giết đôi người, vài lúc khác, tôi lại muốn quỳ xuống để xưng tụng một đôi người khác, tôi nhờ *"người bạn văn chương"* của tôi giúp tôi làm mấy chuyện đó. Là người trước kia có đi dạy học ở Việt Nam, tôi tha thiết quan tâm đến nền giáo dục của Việt Nam, là con dân (không phải công dân, tôi có quốc tịch Mỹ rồi, than ôi!) nước Việt, tôi mong mỏi cho nước tôi độc lập, phú cường, đồng bào tôi ấm no, tự do, hạnh phúc (sao mà giống như đang nhại lời ông Hồ: ai ai cũng được no cơm ấm áo, ai ai cũng được học hành!) "Người bạn văn chương" rất mực chung thủy, rất mực tận tình đã tiếp sức, giúp đỡ cho tôi nói lên những thiết tha, hoài bão, suy nghĩ, ước mơ, hạnh phúc, đau khổ của riêng tôi. Tôi viết, trước hết là vì tôi muốn viết, thứ đến, tôi muốn chia sẻ, phân bày, tỏ tường với những người đồng cảnh ngộ, đồng cảm, đồng thanh tương ứng.

Văn chương, mối tình lớn của tôi!

kéo neo mà chạy

nguyễn thị hoàng bắc

Khuya hôm ấy, lúc Văn bừng thức dậy, nhìn sang bên cạnh, Văn thấy vợ vẫn còn đang say ngủ. Hơi thở nhịp nhàng, đều đặn của một giấc ngủ vô tâm, bình thản, khiến Văn ngạc nhiên và bất chợt thấy mình rưng rưng xúc cảm. Bất giác, dù chẳng tin có Thượng đế hay trời đất, Văn muốn làm một động tác như là quỳ hẳn xuống để bày tỏ một nỗi niềm giống như niềm cảm tạ, nỗi tri ân. Nhưng Văn vẫn không làm. Như phần lớn những ý nghĩ trong đời, Văn chỉ thường thấy nó vẫn mãi còn y nguyên trong đầu mình là những ý nghĩ. Từ ý nghĩ biến thành hành động, như trong một lô gích bình thường phẳn chắn, Văn thường thấy mình ít khi làm được.

Quyết định thường đến rất bất thường và bất chợt, và vì không ý thức và cũng không thấy có chi băn khoăn, luộm thuộm để tự hỏi là có nên làm hay không nên, Văn thường đứng dậy một mình, một cõi, một bước tiến, một ngã rẽ tâm tình, một bước lùi hay bước nhảy vọt, nhảy vô bùn, nhảy vào lửa hay nhảy xuống hố, thậm chí nếu cần gọi là bay ra khỏi sức hút của trái đất, Văn cũng không thấy có gì e ngại. Chiều nay trong khi lái xe

nườm nượp trên đường, như thường lệ, lanh mắt quan sát tình đời, biết chắc là không có anh cớm nào đang chớp đèn xanh đèn đỏ đeo theo bên hông, nếu ăn hiếp được thằng bên trái một chút, dấn thêm một chút ga, ép thêm thằng bên phải, tiết kiệm một khúc đường, mặc kệ, dù nó giận dữ dộng thắng hay bóp còi te te phản đối, hễ lấn được thì hãy cứ lấn.

Trong chốn nhân gian chen chúc rất tế nhị này, vốn không có những điều lộ liễu rành rành như xe cộ, lanh lợi một chút, phách lối một chút, phớt tỉnh một cách dễ chịu, dọa nạt một cách êm ái, thì có việc gì mà đáng ngại để đường ta, ta cứ đi? Tại sao người đời cứ truyền tụng mãi những câu ca ai oán như:

Đem em mà bỏ xuống gành,
Kéo neo mà chạy, sao đành anh ơi!

Lúc bây giờ thì vợ vẫn ngủ say, Văn quờ chân xuống giường tìm đôi dép đi trong nhà, nhưng rồi lại nghe tiếng dép lệch bệch, cô đơn lê trên thảm của mình có thể đánh thức người ngủ, Văn lại thôi. Trèo xuống thang gác, Văn mở tủ lạnh lục tìm lon bia. Những con dán đêm đi chuyển chậm chạp hoặc lờ đờ nằm im như ngủ, đang gặm nhấm chút mảnh thức ăn thừa rơi rớt. Sinh hoạt thầm lặng của lũ dán trốn ngày khiến Văn nghĩ đến một bức tranh sinh động của khu chợ họp về đêm để tránh bom trong thời chiến, trong ký ức mơ hồ, Văn nhớ đã được xem ở đâu đó.

Văn muốn với ra ngoài, soi mặt ngoài ánh trăng một lát. Đêm nay trăng tròn, trời mùa thu, hình như trên mấy tờ báo phát không tiếng Việt hôm nay có thấy loáng thoáng nhắc về Tết Trung Thu, bánh dẻo, bánh nướng với đèn lồng. Văn nhẹ nhàng trở lên, se sẽ nằm xuống bên cạnh vợ (Văn nghe trong ngực mình dội lên một tiếng như tiếng âm vang của một cái trống thình lình đánh vào ngực mình). Sau mấy lần yêu dương thay đổi, Văn tự hỏi có gì khác nhau giữa mấy người đàn bà nằm cùng một giường (ăn một mâm, nằm một chiếu,) bên cạnh mình với người được gọi là vợ?

Hơi bia mạnh làm Văn say ngà ngà nên lim dim dật dờ đi vào giấc ngủ. Cảm giác lâng lâng hơn ảo giác làm Văn mệt mỏi một cách dễ chịu.

Đến khi thức dậy, một vệt trăng dài chui qua cửa sổ dọi sáng vào miệng Văn, Văn thấy lành lạnh nhờn nhợt ở cổ, chợt đưa tay sờ mép và tỉnh dậy. Cái gối bên cạnh ấn xuống một lõm, nhưng người nằm bên cạnh thì không còn ở đó nữa. Văn nằm im và bỗng nhiên lặng lẽ lo ra. Có để tai nghe ngóng vẫn không thấy tiếng chân bước hay tiếng động kéo lê dù nhè nhẹ, hay tiếng sờ lục bất cứ món gì chẳng hạn. Người bên cạnh bỗng nhiên biến đi như một cái bóng. Trước giấc ngủ lại, Văn còn nhớ dáng nằm nghiêng, hơi thở đều, nhịp vai nhô lên, thụt xuống, nhịp nhàng theo hơi thở, mái tóc ngắn che nghiêng nửa khuôn mặt, có một lọn tóc

cong phủ bồng lên tai trái của người vợ.

Văn nằm im bất động và nghe đêm ù ù một âm thanh động cơ nào đấy, Văn biết mình không còn ngủ lại được nữa.

Một ngày, Văn bỗng bắt gặp ánh mắt của Trang đang quan sát len lén mình một cách mệt mỏi. Văn lại sợ, không biết vẻ mặt lúc ấy của mình ra sao, nên vội vàng trấn tĩnh nhìn Trang cười bẽn lẽn, ra chiều như kẻ gian thình lình bị bắt được trong một hành động vụng trộm không chính đáng nào đó. Văn muốn đính chánh với Trang rằng, dù vẻ mặt của Văn lúc ấy thế nào, tình sầu thảm thiết, tuyệt vọng thê lương, lạc quan hy vọng, phè phỡn ta đây, dù là dưới bộ dạng nào đi nữa, Văn vẫn là một người đàn ông đang sung sướng, ngập tràn hạnh phúc vì tình yêu mới tìm được nơi Trang. Từ ngày ở với nhau, Văn đã cố chứng tỏ bằng nhiều hình thức với Trang điều ấy. Văn đeo cái vòng tròn nhỏ lấp lánh mà Trang tặng ở ngón áp út của một người chồng đứng đắn tự xác nhận mình không còn buông tuồng vì đã thuộc chủ quyền của một người khác, Văn giảm bớt thói quen đỏm dáng của mình, ít khi thắt cà vạt, chỉ có sơ mi trơn cài kín cổ. Quần áo do Trang là thẳng nếp nhưng rõ là không sắc nét như những bộ quần áo trước kia bỏ giặt ở tiệm. Văn đi và về tàm tạm đúng giờ, tập bỏ thói quen la cà uống bia mặt đỏ như gấc như những lần tụ tập một tuần ba lần trước kia với lũ bạn nhậu, dù vẫn nhớ. Dù chẳng quan tâm lắm vì bất cứ tài nấu nướng của bất cứ một ai, Văn thường không tiếc lời khen ngợi những buổi cơm chiều ở nhà Trang vẫn chuẩn bị sẵn rất chu đáo và đều đặn chờ Văn về. Dù sao, Văn vẫn cảm thấy mỗi ngày, nỗi hồi hộp đều đặn lớn lên như thể một thứ cây bệnh nào đó đâm chồi bắt rễ rất sâu trong Văn, và vì không thể nhổ nó được, nên đành sợ hãi nhìn nó lớn. Có phải là Trang và Văn đang chơi trò ném qua ném lại với nhau một quả trứng như trong trò chơi bóng chuyền? Và có phải thật sự là chẳng ai trong cả hai dám tung hoặc ném, họ đều tìm cách khéo léo giao đến tận tay nhau quả trứng mong manh mà lòng còn không ngớt lo lắng sợ hãi người kia đón vụng, quả banh trứng không khéo sẽ rơi xuống đất vỡ tan tành.

Sau cái lần trong đêm trăng sáng nọ, Trang và Văn đã phải thay phiên nhau mất ngủ như thế, số lần mà Văn bắt gặp chiếc gối trống bên cạnh cứ tăng dần, tăng dần lên, và sau đó cứ mỗi lần nghe tiếng chân nhón gót nhẹ như những bước chân mèo của vợ trở về giường, Văn vẫn phải thường giả vờ nhắm mắt ngáy đều đều để giấu Trang cái điều Văn biết Trang mất ngủ. Nhưng cũng vì vậy, đôi lần dù chẳng nghe mình thèm muốn hay đòi hỏi gì hết, để thoát khỏi cái tình cảnh giả vờ khó chịu, dở khóc dở cười ấy của cả hai, Văn thường quay ra ái ân rất nồng nhiệt. Đáp lại, dường như Trang cũng đón nhận một cách nồng nàn

không kém, như kẻ vô công rồi nghề đang loay hoay u buồn rũ rượi, bỗng có đứa bạn đến kéo đi đại nhạc hội có nhảy đầm hoặc đi xem vũ sexy!

Dù sao cho đến nay, những bổn phận, buộc ràng, những giải thích, ái ân, hẹn thề, chăm sóc, những chia sẻ, đối trá trộn lẫn thành thực, giả vờ hay khéo léo giấu diếm, Văn vẫn cảm động và biết ơn Trang đã yên lặng một cách đáng cảm phục. Trang chưa bao giờ chất vấn Văn những câu ác hiểm về cái tật mất ngủ và lo ra của Văn, dồn Văn vào thế bí phải ú ớ, phải bôi mặt thề bồi và kể lể hàng tràng về cái quá khứ bất minh của chàng trước đó.

Cuộc sống tập làm lứa đôi hạnh phúc của Trang và Văn vì vậy là những cố gắng đều đặn, những nỗi niềm chôn giấu, những ân ái nồng nhiệt tình cờ hoặc cố ý, những điệu bộ bi hài của vở kịch đôi khi cũng phát xuất từ ít nhiều sự thật, nỗi cảm hứng bất ngờ của trái tim nghèo và những toan tính mà thực sự Văn không biết để làm gì. Tuy vậy, giữa ánh sáng và bóng tối, giữa hạnh phúc và hình phạt, lạnh lùng chìm sâu tận đáy lòng mình, Văn thấy có một cục nước đá cứ lớn dần, lớn dần lên mãi.

Một buổi sáng, Văn đứng trong bếp uống trà, tình cờ ngọn đèn sau lưng in một cái bóng đổ dài của Văn trên sàn nhà bếp không trải thảm. Cũng tình cờ, Văn thấy Trang đứng lồng vào bóng của Văn, rồi cái bóng lớn của Văn và cái bóng nhỏ của Trang bỗng khít khao chập lần vào nhau làm một.

Ngày đã lên, Trang đang lăng xăng tíu tít với công việc. Bưng cà phê đến cho chồng, ngồi cạnh săn sóc bữa ăn sáng của Văn, hỏi thăm chồng chiều nay thích ăn món gì để Trang ở nhà nấu sẵn. Chương trình xếp đặt của Trang hôm nay là chùi lại tấm kiếng lớn mở ra vườn hoa, dọn lại căn phòng ngủ đã khá bừa bộn, giặt ủi và xếp đống đồ đạc của Văn đi họp xa về bỏ đống, hốt dăm lá rụng sau vườn xong là kịp giờ vào bếp. Trang nói, Văn lơ đãng nghe mà vẫn phải vờ chú ý.

Rồi bỗng nhiên vừa lái xe ra đường, Văn vừa tự hỏi: nếu Trang làm hết bằng ấy công việc xong rồi- mà tính Trang vốn nhanh nhẹn thảo vát, Trang sẽ làm xong mọi việc rất nhanh - xong hết việc, Trang sẽ làm gì, nghĩ gì...?

Văn quay vội cửa kính xe lên để tránh cơn gió lạnh vừa ùa đến làm Văn rùng mình.

Một sáng, Trang ngủ và không dậy nữa. Ban đầu Văn cứ tưởng Trang đùa chơi, Trang thì ít đùa, Văn lay mãi không thấy vợ dậy. Hóa ra Trang đã *kéo neo mà chạy*.❐

Requiem

CUNG TRẦM TƯỞNG

Trời nhờn thì thể xanh xao
Mây giăng mưới tiếc cúi chào người đi
ở đây dương thế còn gì
Miếng rau chua ợ, nắm mì lạm môi
Bơ vơ nắng núi mưa đồi
Con chim bỏ suối về ngồi bụi hoang
Tiễn bạn không một que nhang
Không bia đá, chỉ những hàng lệ rơi
Vợ chồng xa cách dặm khơi
Giờ đi ai vuốt mắt người hằng thân
Chim đi bỏ suối,tần ngần
Người đi bỏ lại mười lần héo hon
Đường về dốc núi chon von
Dìu anh sáu bạn ba dòn áo quan
Chúc hồn vỗ cánh bình an
Giũ xong gánh nợ trần gian eo xèo
Xa bầy óc núm tí teo
Ti toe cán bộ kì kèo sớm khuya
Chỉ tiêu múa mép bày ra
Dang danh mười lóng, múa già chục gang
Bạn đi quang gánh nhẹ nhàng
Trả cho dương thế hành trang đèo bòng
Tiễn bạn ngắt vội chùm bông
Hạt đời xin hứa vun trồng lên cây
Bạn đi như vẫn nằm đây
Giấy thô lau xác, chiếu đầy liệm thân
Sống xanh xao, chết phơi trần
Ánh chiều vàng vọt nhuốm quầng mắt thâm
Xin nghiêng một phút niệm trầm
Cắm cây thánh giá vàng tâm lên mồ
Vắng đầu trẻ chút khăn sô
Lớn lên chúu dụng cơ đồ thay cha
Nhục này nhớp nháp thịt da
Thù chung có trả, nợ nhà mới xong
Giữa đời rối mớ bòng bong
Tõm rơi hòn đá dưới dòng nước sâu
Dứng dây lớn với đất sầu
Lời thề sông núi dãi dầu chẳng phai
Bốp hòn đất nát trong tay
Mai về góp sức xây đời phục hưng.

Đêm Hè

Hà Thúc Sinh

Cô gái mười chín và chàng trai hơn cô ba tuổi. Họ đang chung bước vào mùa hè nóng đầu đời: Họ yêu nhau.

Nơi thành phố miền Tây này nàng ở xóm dưới, xóm có nhiều người Tàu, gần bờ sông, xa xóm học, nơi có những dãy nhà xây tường vách cũ kỹ, rêu phong. Ban ngày dưới những gốc Phượng đầy cánh hoa đỏ tả tơi lũ bé gái nô đùa rần rần, còn lũ bé trai thì làm chủ trên những cành Ô Môi to đen, thậm chí trên cả những cành Chùm Ruột gầy còm xơ xác. Dọc một bờ tường có nhiều hàng quán lưu động, đám vô công rồi nghề ngồi đánh cờ tướng, đám khác đánh cờ ca-rô bằng những mẩu phấn gạch ngang dọc trên mặt hè phố nứt nẻ.

Về đêm khu phố đổi nét mặt. Đó đây ít ngọn đèn hiếm hoi chưa cháy, chụp xuống chút ánh sáng dục, giống mấy con mắt lờ đờ, đứng rình rập những bóng người mờ nhạt, thường quàng chân đi nhanh như ngoài ý muốn. Giờ khu phố đã biến thành thế giới của phường anh chị. Bọn ấy chập chờn như bóng ma trong các hẻm vắng thường vắng tiếng chó sủa, trổ ra mấy quán nhỏ bán lẻ rượu bia, thuốc lá hay dẫn vào những ngôi nhà tăm tối sâu phía trong thường có ổ nhện. Bọn anh chị tụ tam tụ ngũ đứng hút thuốc, thầm thì như lập hội kín; cũng có lúc chúng đánh thức cả phố dậy vì tiếng la hò, rượt đuổi, đập lộn. Nhưng dù đang lặng lẽ hút thuốc hay đang đập lộn, khu phố đêm tức thì trở lại im vắng lúc có tiếng còi cảnh sát rúc xa xa. Đó là thứ hiếm hoi bọn anh chị không coi khinh trên đời.

Chẳng mấy ai thích lang thang trên khu phố bờ sông về đêm. Chàng trai cũng thế. Và do đó chàng ít nói, nhưng cô gái thì ngược lại, cô hay nói, hay kể những chuyện không ăn nhập đến chuyện hai người.

Từ buổi họ quen nhau khi cô gái theo học một lớp luyện thi đêm mở trên ngôi trường miệt chợ, nơi chàng là thư ký văn phòng, chàng luôn phải thả bộ đưa cô gái về nhà. Nàng không thích đi xe. Và vì thế đã có lúc chàng ái ngại hỏi:

"Bộ không sợ bóng đêm hả?"

Nàng cười rúc rích:

"Có anh, sợ gì."

Chàng trai chột dạ. Chàng cắn môi nghĩ đến tấm thâm gầy còm của mình. Chàng tự hỏi quả mình có đáng là đối tượng cho niềm tin ấy? Rồi chàng quyết định không tự cho phép mình làm hư niềm tin của nàng. Lát sau chàng lại hỏi:

"Không sợ cả bọn anh chị?"

Nàng không đáp, nhưng đi qua một ngọn đèn đường, nàng có liếc nhìn chàng với nụ cười long lanh trong khoé mắt. Chàng hiểu. Chàng nhớ đến một câu thơ cổ Nhật Bản từng đọc đâu đó:

Tên cướp có thể giết người bằng lưỡi kiếm của y;

Nhưng cô gái giết tên cướp bằng khoé mắt nàng...

Bộ ngực cô gái đầy đặn. Ngon lành. Mái tóc dài thơm ngây ngây bay rối ren trong bóng đêm. Gió sông luồn lách qua những con hẻm. Không ai lạnh. Cô gái đuổi theo dư vị một giấc mơ, còn chàng trai lại kéo cao cổ áo như đang tơ tưởng đến mùi ngai ngái, mênh mang - mùi hơi thở và da thịt thôn nữ trên rơm trên rạ. Sau cùng họ lặng lẽ gặp nhau ở mùi thân thể người tình.

Cứ thế, lựa những lúc cô gái không hỏi, chàng trai khẽ huýt gió một bài tình ca. Chàng vui vui với ý nghĩ những ngày xa nhà, chàng đã quen một cô gái miền Tây xinh đẹp, lăng mạn, ngọt lừ. Chàng đang là nỗi ghen tức cho nhiều người, và biết đâu cho cả lũ thanh niên anh chị. Nhưng có bao giờ cô gái cho phép chàng phủ phê nghĩ ngợi. Nhìn một thân cây, cô lại hỏi:

"Sanh dẻ ở đây mà sao lắm phen em lạ thiệt lạ với thứ cây này, thứ hoa này."

Chàng ngước nhìn. Nổi đuổi trời sao là một tàn cây đen sầm, lá to, hoa trắng ngần như chiếc bát sứ. Chàng đáp:

"Magnolia - Mộc Lan."

"Mộc Lan?"

"Sao?"

"Chưa từng thấy đó nha."

"Thì nó đó. Những đóa hoa như những cô gái béo trắng."

"Ghét gái mập ha?"

"Hồi nào. Gái mập đẻ ra mẹ loài người."

"Rồi gái ốm?"
"Đẻ ra cha loài người."
"Còn em?"
"Mát da mát thịt, đẻ ra con anh."
"Má nói có sai hồi nào."
"Sao?"
Cô gái lại cười rúc rích. Chàng trai lập lại:
"Sao?"
"Trai Bắc Kỳ xạo khỏi nói."
"Vậy ông già người chi vậy?"
"Người Tàu."
Một lát sau:
"Em đói?"
"Trời, hồi chiều má đổ bánh xèo làm một bụng cành hông."
"Lúc nào cho anh tới ăn bánh xèo đây?"
"Ý, đừng sảng chớ. Bả cạo đầu tui ạ."
Chàng trai đáp khẽ:
"Vậy thôi..."

Hai người vẫn chậm bước song song. Tiếng guốc cô gái có lúc khua vang bất ngờ, có lúc lẹp kẹp như đứt quai. Còn tiếng giầy da của chàng trai gõ lộp cộp đều đều. Lòng phố đêm trả cho họ tất cả những âm thanh của họ.

Chàng trai lại huýt gió, rồi cô gái lại hỏi:
"Còn cái cây kia. Cây chi tím bầm tím ngắt vậy?"
"Jacaranda."
"Lạ há. Chưa từng nghe đó nha."
"Thì nó y chang cây me chỗ góc trường, không thấy sao? Lá xíu xiu, nhưng tháng Tư tháng Năm tháng Sáu lá rụng hết để cây biến thành bó hoa tím lưng trời, tròn đầy như mâm xôi lá cẩm."
"Em sanh đẻ miền Tây mà sao... ồ mà anh thấy nhỏ Lang lóng rày có chi lạ không?"
"Lạ là sao?"
"Nó biểu nó uống dấm thanh đó."
"Hát vọng cổ vẫn mùi."
"Ừa, nó văn nghệ quá trời, có điều nặng chi tới sáu chục ký. Mập quá. Kỳ quá anh há."
"Đó là mẹ loài người."
"Vậy chớ nó nhiều bồ lắm á."
"Không vậy sao làm mẹ loài người?"
"Nó biểu đời nó ghét có mỗi một chuyện..."

"Gì vậy?"
"Là không dám làm."
"Là sao?"
"Là nó dám làm!"
"Mà làm gì?"
"Thì... yêu đương đó mà."
"Chịu chơi ha. Chịu chơi dữ ha."

Cô gái lại cười rúc rích. Còn chàng trai không huýt gió nữa. Tới chỗ bờ tường là gần tới nhà cô gái. Ở đây chàng sẽ nhìn thấy một eo sông mà con nước nằm dưới trăng trông như bụng một con rắn vàng có chửa. Căn nhà hai tầng. Chàng không bao giờ biết được sân sau, chỗ tiếp giáp bờ sông có gì. Chàng chỉ biết con hẻm bên hông nhà có trồng nhiều chuối và nhãn. Chuối cau chuối sứ và nhãn dàng hoàng. Không phải chuối dại, nhãn dại như chàng vẫn thấy trên những lề đường nơi chàng ở. Có khuya từ nhà nàng về một mình, chàng còn nghe tiếng dơi bay rào rào trong bóng tối như bay trong giấc mộng xa vời. Lách qua mấy gốc nhãn hai đứa sẽ vào nhà bằng ô cổng nhỏ bên hông. Luôn luôn nàng nhẹ bước vào trước, như để lấy hương da thịt quen thuộc trấn áp trước mấy con chó dữ dằn. Chỉ khi nàng suỵt khẽ chàng mới vào theo. Giờ đó cha mẹ anh em nàng đã rút hết lên lầu.

Chỉ nàng ngủ dưới nhà. Nàng chiếm một phòng nhỏ phía sau, chỗ gần bếp, có khung cửa sổ nàng có thể thò tay vào lấy chìa khoá giấu bên trong. Đêm nào cũng thế, hai đứa đứng tựa lưng vào khung cửa sổ tình tự trong bóng tối nhưng họ như vẫn thấy nhau rõ ràng. Nếu chàng thấy được nàng cố giấu trong cần cổ xinh đẹp trắng ngần nụ cười rúc rích quen thuộc, hay những sẵn sàng đón nhận trong bộ đồ bộ màu lam có thêu hoa cúc vàng tao nhã, thì nàng cũng thấy rõ trong tấm thân chàng sự ham muốn trỗi dậy, toả bốc không sức nào ngăn giữ.

Họ đã đứng đó, đã yêu nhau trong bóng tối quen thuộc thật nhiều đêm, nhiều lần...

Lại có tiếng rượt đuổi, rồi tiếng còi cảnh sát xa xa. Họ rời nhau ra như một cái ngó sen ngắt đôi, nhùng nhằng tách biệt. Đó là lúc nàng không thể giữ được nữa tiếng cười rúc rích, và chàng cũng tự biết không nên nán lại thêm một phút giây nào.

Một hôm chàng nói:
"Anh nhận giấy gọi rồi."
"Gọi chi?"
"Anh sẽ đi lính."
"Có vụ đi lính nữa sao?"

"Biết vậy đi... Cứ biết anh sẽ là một người lính."

"Rồi bỏ em hả?"

"Không. Một thời gian anh về."

"Thiệt đó chớ?"

"Thiệt."

"Quay lại nghe, đừng bỏ tui ngang xương đó nghe."

Đêm nay chàng lại đưa nàng về. Chàng không nói đêm nay có thể là đêm cuối. Chàng mệt mỏi. Chàng dừng chân ngoài mấy gốc nhãn, chỉ hôn nàng và nói:

"Đêm nay nóng quá."

"Hè mà."

"Ừ, đang hè."

"Anh vô trong chớ?"

Chàng ái ngại, quả thế, đó là lần đầu chàng thấy ái ngại cái bóng tối mênh mang, nơi ấy có cánh cửa sổ, có căn phòng bên trong tối om và chưa một lần chàng nhìn rõ đâu là chiếc giường từng đêm nàng ngả tấm thân mát da mát thịt, đâu là chiếc gối thơm tho mà chàng chắc rằng mỗi khi nhớ đến sự vụng dại của chàng, nàng khó mà không rúc vào để giấu tiếng cười rúc rích trong đêm.

"Không, anh về. Anh có việc."

Nàng ra chiều không ưng ý. Chàng hôn nàng lần nữa với bàn tay lục lạo ở hờ. A lạ, hôm nay nàng húng hắng ho. Chàng hứa thầm nếu mai trở lại chàng sẽ mua cho nàng một hộp thuốc ho.

Rồi chàng lặng lẽ quay ra hè phố vắng. Chàng ngước nhìn bầu trời đêm, trên ấy như có cái miệng vô hình, táo tợn thổi xuống những hơi lửa chết người. Chàng mệt nhừ. Dưới những ngọn đèn mờ nhạt, chàng vượt qua những hàng Phượng và Tầm Ruột, những vỉa hè ban ngày có bọn nhàn rỗi ngồi đánh cờ, có bọn trẻ leo trèo phá phách, có những con hẻm chó sủa xa vắng vu vơ, có bọn anh chị đứng phì phèo thuốc lá và bụng chàng lại cồn lên chút lo lắng mơ hồ quen thuộc.

Xóm dưới đã xa rồi, xa lắm. Chàng ngoái lại và không còn thấy gì. Chàng khẽ huýt gió.

Bây giờ chàng đã bước tới khu phố đầy ánh sáng đèn. Cũng có nhiều cây nhưng không loại cây nào có trái ăn được như ở phía nhà nàng. Có những tiệm ăn sang trọng, sạch sẽ nhưng chàng chưa một lần ao ước. Chàng lại tự hỏi biết bao giờ chàng được đến chơi và được má nàng cho ăn món bánh xèo ưa thích. Thốt nhiên chàng nghe thấy tiếng cười rúc rích bên tai. Chàng ngoái lại. Rồi chàng ngậm ngùi lẫn kinh ngạc nhận ra đó chính là tiếng cười kỳ cục của chàng.

Chàng đã đi lố đến ba con hẻm. Khi không chàng rối trí. Mùa hè.

Mượn
HỒ MINH DŨNG

Mượn trời, để đội, vài năm nữa
che đỡ nắng mưa lúc bạc đầu.
Mượn người, tạm bợ, vài thước đất
lấp nắm xương tàn, phơi tình sâu.

Mượn đêm, bóng tối, ôm vầng trán
nhức buốt gậy ai đánh u đầu.
Mượn ngày, khuây khoả, cơn hấp hối
đau ơi, bỏ nước chạy lấy người!

Mượn đời, vài dặm, ra tới biển
ngó về tổ quốc, sóng xô nhau.
Hai mươi năm rồi. Nợ...chồng chất
biết mượn gì thêm, mượn ở đâu?

Thành phố miền Tây. Đúng mà, chàng đang đi dưới một đêm hè, trên một thành phố miền Tây. Đã tới tiệm giầy Big Five là quá hai lốc đường rồi. Chàng phải quay trở lại. Chàng đi qua góc đường số 5. Cửa tiệm thuốc tây Sav-On Drugs còn mở khuya. Chàng dừng chân nhớ mình cần mua một món gì đó. A, chàng đã không tự hứa sẽ mua cho nàng một lọ thuốc ho đó sao? Nhưng chàng cứ đứng ỳ một chỗ, cho đến lúc bất thần chàng bắt gặp trong khung gương, chỗ đặt chiếc cân miễn phí, chân dung một người đàn ông đã trọng tuổi, mệt mỏi, bơ vơ - Thứ người đã xa xôi lắm với mùa hè dù đi dưới đêm hè.

Chàng quay lưng. Dưới bầu trời hừng nóng chàng tìm về nhà nơi con hẻm giữa đường số 5 và số 6. Có tiếng mèo rượng đực. Chàng ghét tiếng mèo. Tiếng chó sủa khuya làm con hẻm thêm xa vắng, thênh thang; tiếng mèo làm nó thêm hút sâu, ngột ngạt.

Nén lắm mà chàng vẫn không thể không thốt một tiếng thở dài: Mới đó đã ba mươi năm...❐

Sáu mùa đông trên một chiếc xe tang

HOÀI ZIANG DUY

Không phải là nỗi buồn của thời mới lớn
Khi anh yêu em
Nỗi sâu kín ở buổi chiều xuống thấp
Khi đêm đã khuất dần
Lẩn trong ngày vô vọng
Và tụ đó
Khu rừng hực lửa cháy lên
Tự cơn ẩm thấp của tâm hồn
Chân dung người nô lệ.

Sáu mùa đông trên một chiếc xe tang
Đi qua một nghĩa địa buồn
Của những lãng quên
Bởi niềm tin ở người cùng chủng tộc
Sống bằng lời lừa dối ngụ ngôn
Khi cơm áo đã chen nhau đứng đợi
Khi nghĩa tình đã nặng nỗi cách chia
Sống cùng chung mà tưởng chừng hai thế kỷ
Kẻ đầu non người cuối bể
Sóng ghềnh
Khi sự thật đang trong bầu nước lọc
Những con cá quanh quẩn chào nhau
Hớp cùng ngụm đắng
Những đổ nát cũng lớn lên
Từ một ngôi trường con nghỉ học
Từ một căn nhà đổi thay
Từ một canh bạc đời xốc lại
Những con ngựa kềm cương phi giữa bãi lầy
Những ngọn đèn mướt mẹp mồ hôi
Ánh sáng của ngục tù le lói
Những khu trại tập trung
Của chiến tranh và hòa bình
Hòa bình không chung cùng
Lý tưởng

Chiến tranh ý thức mà không cùng
Ý thức
Sống bên nhau mà đau xót
Hận thù.

Sáu mùa đông trên một chiếc xe tang
Sáu mùa đông trong nỗi đợi chờ
Rồi những mùa qua đi
Sẽ dài cơn lạnh lẽo
Sáu mùa đông trên nhánh cây khô
Như lòng cha khóc bằng nỗi nhớ
Cây tùng già chậu kiểng trước bỏ không
Những mùa đông mẹ ngồi chải tóc
Ngẩng đàn chim én liệng biết bao chiều
Biết bao mùa sẽ tới
Mái tóc già điểm bạc
Trắng hơi sương còn đợi bước
con về
Nếu ngày thơ tình em như chim
bồ câu nhỏ
Thì cuộc đời như loài rắn thở mau
Bởi tự do là hộp đời hai ngăn kéo
Giữ tự do trong cuộc sống tự do
Trên quê hương mà lòng không gần gũi
Bởi bên lề dâu thấy dáng thân quen
Nhưng từ những rong rêu của
một đời đã nhạt
Những gần gũi xích lại nhau hơn
Khi chúng ta thở cùng một hơi thở
Của tự do đánh mất
Ôi cuộc sống - cõi đời nhỏ chúng ta
Cõi đời nhỏ - trong hí trường lớn
Như khi anh cầm lấy tay em
Hương tình yêu của những người biết sống
Thật hiền lành mà cũng rất
bao dung.
(Trại cải tạo Xuyên Mộc 81).

Xuân Muộn

Nguyễn Trung Hối

Cũng vẫn là những khung cảnh quen thuộc như ngày nào Nguyễn còn sống chung với gia đình Pedro. Những căn nhà gỗ kiến trúc giống nhau, ảm đạm, cũ kỹ như từng được dựng lên từ thế kỷ trước. Có điều đặc biệt là ở đây, trước hiên nhà thường có người ngồi hứng gió và ngoài đường lúc nào cũng có trẻ con rong chơi. Một vài người đàn ông nhận ra Nguyễn là người quen cũ, giơ tay lên chào. Nguyễn giơ tay chào lại với cảm tưởng như mình đang trở về nhà mỗi buổi chiều, trước đây.

Căn nhà của vợ chồng Pedro vẫn thế, chẳng hề có gì đổi thay. Họa chăng chỉ có phần hơi cũ hơn xưa và tối tăm hơn. Nguyễn đưa tay lên nhấn chuông sau một giây ngập ngừng.

"Ông là ai?" Lập tức có tiếng một người phụ nữ hỏi bên trong cửa. "Tôi đây." Nguyễn ngạc nhiên trả lời.

"Ông đến có việc gì?" Rõ ràng anh nhận ra tiếng nói của Marianna, giọng dè dặt, ngại ngùng.

"Chào Marianna! Nguyễn đây."

Cánh cửa mở ra ngay và Marianna ôm chầm lấy Nguyễn vui sướng. "ồ Nguyễn! Ngọn gió nào đưa anh lại đây thế?"

Có điều đặc biệt là bao giờ nàng cũng gọi tên Nguyễn rất sõi, không bày vẽ gọi "Nai-ân" như những người Mỹ khác. Tất cả mọi người trong gia đình của Pedro đều thế. Đấy cũng lại thêm một điều nữa cho Nguyễn thấy thêm gần gũi hơn với gia đình người Mễ này.

Tuy chỉ trong một giây phút mừng vui ngắn ngủi, Nguyễn cũng cảm nhận được sự run rẩy của người đàn bà còn quá trẻ trong vòng tay mình. Làn ngực ấm áp và săn cứng của Marianna qua làn áo mỏng làm Nguyễn thoáng một chút xao xuyến.

Buông Nguyễn ra, đôi mắt của Marianna long lanh sáng niềm vui sướng. Nguyễn chợt ngẩn ngơ mất một lúc. Mãi sau, anh mới lên tiếng:

"Pedro lúc này ra sao?

Thấy Marianna không trả lời, Nguyễn ngạc nhiên nhìn nàng chăm chú. Mãi một lúc sau, nàng mới chậm chạp trả lời:

"Anh ấy đã đi mất rồi". Nàng nhìn sâu vào mắt anh khi trả lời câu hỏi nầy.

"Tại sao? Và đi đâu?" Nguyễn ngạc nhiên và quan tâm thực sự. Vì Pedro đối với Nguyễn, không những là người anh em kết nghĩa mà còn là người thầy của Nguyễn nữa. Nguyễn còn nhớ lại ngày đầu tiên vào xin làm phụ hồ cho công ty xây dựng Tây Nam Houston, Nguyễn thật bất ngờ khi thấy người đốc công của mình sao quen quá, hình như Nguyễn đã từng gặp ở đâu rồi. Một lúc sau Nguyễn mới nhận ra, phải rồi, Pedro Armandariz, một tài tử điện ảnh gốc Nam Mỹ mà Nguyễn vẫn yêu thích từ thời còn bé. Nhưng sau một thời gian cùng làm việc với nhau, Nguyễn mới nhận thấy mình nhầm. Thật ra, Pedro không giống Pedro Armadariz, mà là giống Amedeo Nazzari, cũng là một ngôi sao điện ảnh nổi tiếng, nhưng là người Ý Đại Lợi. Làm việc với nhau ít lâu, Pedro rất chịu Nguyễn, vì tính năng nổ và tháo vát của anh. Nguyễn thường lặng lẽ làm việc và không hay tán phét ồn ào như những người thợ Mễ khác. Thấy Nguyễn chỉ có một thân một mình, lại đi làm việc quá xa, Pedro rủ Nguyễn về cùng ở với anh. Pedro càng ngày càng yêu Nguyễn, thậm chí còn muốn Nguyễn làm em rể của anh. Stella lúc bấy giờ vừa mới lên mười bảy, môi hồng mắt biếc, dẹp rực rỡ. Sau nầy, khi đã xa nàng, mỗi lần Nguyễn thấy Elle MacPherson, Nguyễn lại thấy nhớ Stella. Ở nàng, Nguyễn thấy có nhiều chất Mỹ hơn là Mễ. Nhưng mỗi lần Nguyễn nhắc đến chuyện nầy, Nguyễn chỉ cười. Một cái cười vu vơ gần như khinh thị, đến nỗi Pedro phải có lần tức giận hét lên. "Hay là mầy khinh dân Mễ tụi tao? Stella thì còn có chỗ nào mà mầy chê?"

Nguyễn đâu dám chê người thiếu nữ duyên dáng và thật tâm yêu mình như thế. Và cũng không bao giờ Nguyễn có ý tưởng kỳ thị nọ kia. Nguyễn nghĩ thân phận của mình có khác gì Pedro và những người trong gia đình anh, sao lại còn phân biệt nầy nọ. Nguyễn vô cùng tâm đắc với câu thơ của Chu Mạnh Trinh khi vịnh thân phận nàng Kiều "Kiếp hoa rụng chọn gì đất sạch". Thân phận của anh có khác gì một cánh hoa lạc loài? Nhớ lại những ngày đầu tiên đến đất Mỹ, từ trại tỵ nạn ra sống chung dụng với những dân địa phương ở tiểu bang Hoa Thịnh Đốn, Nguyễn vô cùng xúc động, khi nhận thấy trong đáy mắt họ những tình cảm trong sáng, đồng đẳng và đầy sự cảm thông. Chính điều phát hiện đầu tiên đó đã là nguồn an ủi quý giá nhất cho những năm tháng sống bơ vơ và gian khổ nơi quê người. Thật sự, Nguyễn không dám đáp lại mối tình trong trắng của Stella, vì trong thâm tâm Nguyễn, anh biết

mình còn quá yêu thương Thạch, mối tình đầu và cũng là mối tình cuối của anh.

Miên man suy nghĩ rồi chợt nhớ đến Stella, tuy không hề yêu, nhưng Nguyễn cũng thấy lòng khao khát được gặp mặt nàng. Anh vội thay quần áo, xuống khách sạn, tìm tắc xi qua bên kia sông.

Khi thấy người khách muốn đến khu cư trú của những người da mầu, người tắc xi có vẻ ngần ngại. Nguyễn phải trấn an và hứa cho anh ta thêm tiền, anh ta mới chịu đi, mặc dầu không lấy gì làm phấn khởi cho lắm.

"Pedro bị cảnh sát truy tìm vì nghe đâu có dính dáng vào một vụ buôn lậu ma túy gì đó." Marianna nói với một giọng bình tĩnh lạ thường khiến Nguyễn rất ngạc nhiên.

"Làm gì có chuyện như thế. Tôi biết rõ con người của Pedro mà!" Nguyễn dâm ra bực bội hẳn.

"Thế mà hình như có đấy". Marianna nói câu ấy nhẹ như gió thoảng, nàng không dám nhìn thẳng vào mắt anh.

Nguyễn bây giờ thì ngạc nhiên thật sự. Anh không tin đó là lời của Marianna nói về chồng mình, người chồng mà trước đây, bao giờ nàng cũng kính sợ như thần dân đối với một vị lãnh chúa thời trung cổ.

"Bây giờ Pedro ở đâu? Marianna có biết không?" Nguyễn hỏi, nhưng không tin có câu trả lời.

"Không một ai biết. Có người bảo gặp anh ấy ở Monterey, có người thì bảo anh ấy ở Mexico City. Bọn cảnh sát thỉnh thoảng vẫn tới đây hỏi thăm."

Nguyễn nhớ lại hồi nầy Marianna đã thận trọng hỏi anh khi anh bấm chuông gọi cửa. Có thể tụi nó sẽ đến đây ngay bây giờ không biết chừng, khi chúng được báo có anh đến đây.

Nguyễn nhớ lại Stella. "Stella đi đâu? Lúc nầy cô ấy làm gì?

Nghe Nguyễn nhắc đến cô em chồng, mắt của Marianna không được vui. Người phụ nữ Mễ Tây Cơ nhún vai tỏ vẻ không cần quan tâm.

"Mấy lúc sau nầy, cô ấy không còn ở đây nữa". "Thế thì cô ấy ở đâu?" Nguyễn hỏi. Lại một cái nhún vai thứ hai thay câu trả lời. "Thế hai cháu đâu?" Vừa hỏi, Nguyễn vừa mở bao plastic, lấy ở trong ra những quà tặng mà anh đã mang theo khi đến đây.

"Đây là quà biếu của tôi cho Marianna. Còn kia là của hai đứa bé, của Pedro và Stella."Nguyễn mở hộp nữ trang mà Nguyễn đã mua ở Meier&Frank với cái áo lụa mầu sắc sặc sỡ mua "sale" ở Mervyn's mấy hôm trước trên miền Bắc, trao tận tay Marianna.

"ô, đẹp quá! Cám ơn Nguyễn." Marianna vồ vập, hớn hở thật sự. Nàng ôm chiếc áo vào lòng và chạy ngay vào phòng để kiếm chiếc gương

soi với hộp nữ trang trong tay. Nguyễn nhìn quanh và thất vọng khi thấy căn nhà có vẻ bừa bãi, lộn xộn. Không biết hai đứa nhỏ đi đâu. Giờ nầy thì không thể đi học rồi, Marianna hình như muốn tránh câu trả lời. Thằng Pedro con thì Nguyễn đã thấy mặt lúc nó vừa sinh ra đời và đã là cha đỡ đầu cho nó, còn con bé Jenny thì anh chỉ nghe nói thôi. Có lẽ bây giờ thằng anh đã lên sáu và con em cũng đã bốn tuổi rồi. Vừa lúc ấy thì Marianna đã quay lại. Nàng đứng nghiêm như lính trình diện trước sĩ quan trực, miệng nhoẻn cười.

"Nguyễn xem tôi có đẹp không?" Nguyễn thấy môi nàng có thoa son đỏ và má đánh phấn hồng. Phải nói là nàng rất đẹp. Một vẻ đẹp chín mùi của loài trái cây ngon. Người đàn bà Mễ nầy, tuy đã có hai con mà thân hình vẫn gọn gàng chứ không sồ sề như đa số các phụ nữ Mễ đã có chồng, như anh vẫn thường gặp.

"Đẹp lắm! Marianna đẹp lắm!" Nguyễn nói câu này với một thoáng rung động trong lòng. Không đợi cho Nguyễn nói hết câu, Marianna đã nhảy đến ôm lấy anh, hôn ngấu nghiến vào môi anh khiến anh không kịp phản ứng. Nguyễn ngây đến tê người.

"Cám ơn! Cám ơn!" Hai tiếng này Marianna nói bằng tiếng Tây Ban Nha. Nguyễn không rõ nàng cám ơn mình vì món quà tặng hay vì anh đã khen nàng đẹp?

"Pedro và Jenny đi đâu?" Nguyễn sực nhớ đến hai đứa con mà người anh em kết nghĩa của anh rất thương yêu. Nghe Nguyễn hỏi, Marianna định trả lời bằng một cái nhún vai nữa, nhưng thấy cái nhìn nghiêm khắc của anh, lại thôi.

"Chúng chạy đâu đó ngoài đường... " Nàng nói xong câu nầy thì quay mặt đi.

"Chúng không được đi học, phải không?"

"Anh hiểu vấn đề rồi đó. Làm sao tôi nuôi chúng ăn học được? Trong khi không có Pedro..." Nàng nói như muốn khóc.

Nguyễn nhíu mày. Vấn đề không phải là đơn giản thật sự. Liệu mình có giải pháp nào để giúp gia đình bạn trong cơn khó khăn này? Không thể để hai đứa bé, niềm kỳ vọng của Pedro như anh vẫn thường bày tỏ với Nguyễn, chạy rong suốt ngày ở ngoài đường? Lại còn Marianna và Stella nữa? Nguyễn ngồi xuống chiếc ghế gỗ, tay bóp trán.

"Mình đi nấu bún bò Huế cho Nguyễn ăn nhé?" Marianna chợt cắt đứt dòng suy nghĩ của Nguyễn. "Bún bò Huế" mà nàng gọi thật ra chỉ là một món ăn thường ngày của người Mễ, món "picadillo" và "chorizo". Nó được nấu bằng thịt bò và thịt heo với ớt đỏ "chile". Là dân Huế thứ thiệt, Nguyễn đôi khi cũng phải đầu hàng cái vị cay xé lưỡi của ớt đỏ Mễ Tây Cơ thôi.

Bắc nồi thịt lên bếp xong, Marianna ý nghĩa nhìn Nguyễn. "Còn mấy chai rượu của Pedro trong tủ, Nguyễn có muốn uống không?"

Được rồi. Marianna cứ để đấy cho tôi". Anh uể oải trả lời, thấy người bỗng nhiên rã rời thật sự.

"Mình cần đi tắm một lát." Marianna lên tiếng. "Nguyễn ngồi trông hộ cửa. Đừng mở cho ai nhé, kể cả bọn nhỏ. Nhớ nhé!"

"Một lát, Nguyễn nghe tiếng nước chảy và tiếng Marianna thở phì phò và xuýt xoa vì lạnh. Nguyễn quay lại và sửng sốt khi thấy cửa phòng tắm mở toát ra và tấm màn che bể tắm nàng cũng không buồn kéo lại. Marianna phô tấm lưng trần về phía anh, nhễ nhại ướt. chỉ nhìn cũng biết rằng làn da thịt đó rắn chắc như thế nào. Hình như Marianna cũng cảm thấy anh đang nhìn nàng ở đàng sau nên hai cánh tay đang thoa vuốt thoăn thoắt bỗng trở nên dờ dẫn.

"Nhớ nhé, đừng mở cửa cho tụi nhỏ nhé!" Lại lời dặn dò ân cần của nàng, đầy hữu ý. Như một phản xạ tự nhiên trong vô thức, Nguyễn bước mấy bước về phía nàng, tim đánh đồn dập. Nhưng rồi bỗng nhiên, Nguyễn dừng chân. Đúng ngay lúc ấy thì Marianna quay người lại. Nguyễn vừa thoáng nhìn thấy đôi ngực căng cứng như con gái của nàng cũng là lúc anh quay người bỏ đi.

"Nguyễn đừng đi, em van anh! Tê a-mo..." Tiếng Marianna hoảng hốt đuổi theo, hình như có cả tiếng bước chân nữa, nhưng Nguyễn đã thoát ra khỏi nhà rồi.

Trời đã tối. Bên kia sông, thành phố rực rỡ những ánh đèn vàng đỏ san sát nhau như đom đóm ở quê hương ngày nào. Gió hơi lạnh về đêm đã xua tan cái nóng rần rật lúc này của anh. Thiếu chút nữa thì mình lậm mất rồi! "Lậm mất rồi" là lời trách móc âu yếm của Như Hà về mối tình sôi nổi của Nguyễn và Thạch, một mối tình âm ỉ nhem nhúm từ bao nhiêu năm nay, nay lại có cơ hội để cháy bùng lên. Hễ mỗi lần anh nghĩ đến Thạch, Nguyễn lại thấy dâng lên trong lòng một tia nắng ấm áp. Anh biết không bao giờ anh quên được Thạch. Tình yêu dành cho nàng bao giờ cũng như bao giờ, bây giờ cũng như những ngày xa xưa ở tại một thành phố biển quê hương...❐

Bay đi cánh chim biển

Hoàng Nga

Khanh viết cho tôi, mười hai năm về trước:

"Giờ thì chỉ còn mình em và con trong trái tim anh. Những ngày lênh đênh ở biển, cận kề với cái chết trong gang tấc, anh mới ý thức được rằng anh đã hoàn toàn không có chút trách nhiệm và bổn phận nào với em và con. Hoàng ơi, đã có những buổi sáng thức dậy với nước mắt nhòe nhoẹt trên cánh tay gối đầu, anh nhớ em rưng rức và hối hận vô cùng. Anh chỉ ước ao em có mặt lúc này để anh có thể nói với em những lời tạ tội, những lời ân tình mà anh chưa bao giờ dám nói với em."

Tôi sướng tê người, hạnh phúc như sống trong mơ với những lá thư như thế của Khanh. Hai năm. Thời gian đủ dài để giúp tôi có nghị lực sống khắc khoải chờ đợi những năm tiếp theo đó. Khanh đã như thoát hẳn ra, thay đổi hoàn toàn cái vỏ cứng ngắt cố hữu của chàng, như đã biến thành một con người khác, đẹp dễ lạ thường, đáng yêu lạ thường trong suốt những ngày tháng chàng ở trại tị nạn. Không lẽ tôi trù cho chàng không được đi định cư, nhưng như một người vừa tìm ra báu vật, tôi cứ ước ao cái-ngày-tháng-trăng-mật này kéo dài đến vô tận.

Sau khi định cư, đến năm thứ ba, những lá thư của Khanh thưa dần, chàng phàn nàn đổ lỗi cho áo cơm, chữ nghĩa chóng mặt nơi quê người khiến chàng không còn đủ thì giờ viết thư cho tôi, "Lười nữa. Em thừa biết anh biếng thư từ mà, phải không? Anh vẫn sống chán chết bên này, ngày hai buổi vẫn cặm cụi với công việc, một nhoài từ sáng cho đến tối, rồi còn phải tự cơm nước, chợ búa mỗi tuần, anh cứ nghĩ giá mà một buổi mai nào đó anh ngủ luôn không còn trở dậy được nữa để khỏi phải nhìn thấy cái mặt thằng chủ, nhìn thấy cuộc sống ảm đạm ngày hôm sau chắc là anh sung sướng lắm. Suy nghĩ hoài nhưng chẳng có gì để kể cho em nghe cả."

Ngày tôi lên đường là cả một bất ngờ, vì trước đó, Khanh từ thưa

thớt thư từ, đến gần như bặt âm vô tín. Người đàn bà tóc vàng phỏng vấn tôi, đã ngạc nhiên khi đọc cái địa chỉ của chàng ghi trên bì thư. Bà hỏi tôi, qua người thông dịch:

— Cô có biết cái địa chỉ trên giấy bảo lãnh cách xa địa chỉ mới này đến hơn một ngàn cây số không? Cô có chắc là chồng cô ở tỉnh này không?

Tôi ngơ ngác, làm sao tôi có thể biết được điều đó. Cái đất nước mà Khanh đang ở, tôi chỉ biết là người dân nói tiếng Anh, đất đai rộng lớn, là nơi có những đóa hồng to như miệng bát Khanh đã tả trong một cái thư nào đó, lâu lắm rồi. Tôi bảo là tôi nhận cái thư này trong một thùng quà cách đây không lâu. Người đàn bà da trắng nhìn tôi lần nữa rồi ghi chép gì đó trên hồ sơ tôi. Tôi được thông qua. Về kể lại cho cả nhà nghe chuyện này, con em tôi cầm cái bì thư lên coi xong cười:

— Lâu nay không để ý. Coi chừng bà Hoàng xuống máy bay, sẽ được một anh chàng cảnh sát dẫn đến giùm một cái thùng thư, thả ở đó. Địa chỉ nơi tôi sẽ đến là...một cái thùng thư thật. Con em tôi bi quan quá, nhưng đám bạn tôi...thông minh và có vẻ sành sõi hơn nên ngồi suy đoán phân tích tùm lum rồi an ủi tôi:

— Đừng lo. Chắc ông ấy dời nhà để đón mẹ con mày qua, dùng địa chỉ thùng thư là hợp lý rồi.

Khanh dời nhà thật, nhưng chẳng phải hoàn toàn vì lý do mẹ con tôi sang, mà vì có chuyện lộn xộn với chủ nhà. Hồi mới qua, chàng kể loạn xà ngầu mà tôi có hiểu ất giáp gì. Chàng bảo:

— Anh ghét người Việt ở cái xứ này. Đã bực cái đám dưới kia, dời lên cái tiểu bang này lại cũng đụng một lũ giống giống vậy.

Nhưng giống thế nào thì chàng không kể. Khanh có những "hành tung" hơi bí mật. Lâu lâu chàng xách xe đi đâu cả nửa buổi, lúc về chàng chỉ im ỉm đưa cho tôi một bao bắp tươi hay mấy trái ổi. Nếu tôi có thắc mắc thì chàng chỉ gạt ngang bảo hái ở vườn nhà cũ.

Chỗ chúng tôi ở, không thấy người Việt, ngoại trừ một ông phát thư. Sáng sáng tôi hay chờ nghe tiếng động cơ moto ngừng trước cửa, biết người đồng hương ấy đến là chạy ra, nhưng thường tôi chỉ gật đầu chào, chẳng bao giờ dám nói năng một câu vì Khanh đã cẩn thận dặn "thằng cha này trước ở Việt Nam là bác sĩ quân y, qua đây không hành nghề được mà chỉ đi bỏ thư nên đâm ra khó tính lắm, thăm hỏi chi tổ làm hắn bực, coi chừng hắn trả đũa vất hết thư từ của mình là bỏ xừ."

Lúc ấy tôi là một con bé nhà quê ngớ ngẩn, Khanh nói gì cũng tin. Chỉ vì trước khi quyết định đoàn tụ với Khanh, tôi đã nhủ lòng phải bắt đầu lại từ đầu, phải nhịn chàng đến bảy mươi bảy lần trong ngày như Chúa đã dạy. Phải rán yêu chàng như ngày mới quen chàng. Phải tha

thứ hết tất cả cho chàng như chàng chỉ biết có tôi và con, như chàng chưa bao giờ ghé mắt đến một người phụ nữ nào khác. Như tôi chưa bao giờ có ý định ly dị với chàng.

Mẹ Khanh đã ôm tôi dặn dò ở phi trường:

— Cố gắng sống với nhau con nhé. Đừng bỏ nhau con nhé.

Phía bên nhà tôi, ông anh họ của tôi kéo tôi ra một góc:

— Nhỡ như có chuyện gì thì viết thư cho anh hay, đừng kể lể với mẹ, mẹ buồn tội nghiệp.

Năm đầu tiên kể như là không có chuyện gì, dầu nhiều lần tôi chán ngán cái tình trạng thiếu hụt trong nhà, chán ngán cái cảnh ăn không ngồi rồi nhiều tháng nên tự phá lệ, cằn nhằn chàng tưng bừng. Khanh nhẫn nại đi học, nhẫn nại rút hết tiền trong Visa, MasterCard ra xài. Lâu lâu nổi khùng, chàng cũng quát lên:

— Biết vậy để mẹ con ở luôn bên kia, đây một mình đi học cho sướng thân.

Chàng đòi làm bác sĩ, kỹ sư. Chàng làm tôi choáng ngợp trước cái tương lai chàng vẽ. Có lần tôi bảo:

— Đừng bắt chước quan trạng của Nguyên Bính nha Khanh. Nhớ có muốn bỏ em thì bỏ ngay từ lúc đưa mắm để ngày Khanh vinh quy em không tủi phận.

Khanh la tôi nói nhảm. Vậy mà Khanh bỏ tôi thật, ngay từ lúc mới vào năm thứ nhất đại học. Trước đó, gần đến ngày thi, Khanh cứ đi miệt mài, lúc về đến nhà chàng chỉ nằm thượt ra trên giường, hoặc ôm cây đàn chơi mãi mấy bài độc tấu cổ điển. Tôi dâm nghi. Đêm nào tôi cũng chờ chàng đến hai ba giờ sáng. Tôi bắt mạch:

— Khanh có chuyện gì lo?

Khanh lắc đầu. Tôi lại hỏi:

— Khanh buồn em?

Chàng cau mặt:

— Không.

— Vậy thì có gì mà thấy Khanh không vui. Khanh lại hay đi học về trễ nữa.

Khanh nổi sùng:

— Trời ơi, để cho người ta yên. Gần đến ngày thi, đi học thêm cũng không được sao mà gặng hỏi y như nhân viên điều tra.

Tôi im. Tôi lặng lẽ theo dõi. Tôi nhận được một cái giấy báo bưu điện về việc thuê thùng thư riêng, tên của Khanh và tên một người lạ hoắc, Phan Phan. Bạn Khanh đến nhà chơi, không ai có tên như vậy. Tôi đưa cho Khanh, chàng giải thích, không cần tôi nêu thắc mắc:

— Người bạn nhờ hỏi giùm.

Bạn Khanh toàn đi học, chẳng người nào mù chữ Anh như tôi mà cũng nhờ vả chàng. Cái giác quan thứ bảy...chủ nhật báo cho tôi hay chuyện không lành, nhưng đồng thời tôi cũng có một chuyện khác dữ dằn không kém, nên tôi tạm để nó sang một bên. Tôi nói cho Khanh biết tháng đó tôi trễ kinh. Chàng tái mặt. Chàng mới vừa kiếm cho tôi cái *job* trước đó một tháng, tôi mà vác bụng là lúa cả cuộc đời. Chàng sốt vó lên y như chúng tôi vụng trộm với nhau:

— Chết, làm sao bây giờ hả em?

Làm sao, còn làm sao gì nữa. Chàng đưa cho tôi cái số *phone* của một bà nhân viên xã hội. Tôi *phone*:

— Chị giúp giùm em, em mới sang, nghèo quá nên không muốn đẻ.

Bà nhân viên phòng xã hội đến, mặt mũi nhân hậu dễ thương chịu không được, cứ nắm lấy bàn tay tôi bóp nhẹ:

— Rán được không em? Ngó vậy chứ đẻ ra rồi thấy thương lắm. Hồi mới sang, chị cũng tính liều như em, mà còn khổ hơn em nhiều vì lúc đó tụi chị ở trong *hotel*, lại có thêm hai đứa lớn, tiếng Anh tiếng u thì ù ù cạc cạc, mười phần khó hết chín nên chỉ muốn lấy ra cho rảnh nợ... Cũng may là chị gặp một bà bác sĩ người Ấn cứ theo thuyết phục... Rồi cái gì cũng qua cả em ạ.

Rồi cũng qua, nhưng là với ai khác kia, như với gia đình chị chẳng hạn, chứ còn với gia đình em, anh ấy không muốn, nên cái ao nông chắc tát cũng không cạn chị ơi. Bà nhân viên phòng xã hội thở dài. Khó em nhỉ. Rồi bà lại nhìn tôi, ánh mắt hơi giống bà nhân viên phỏng vấn tôi dạo nọ:

— Em và cháu mới sang mà chú ấy đi học, lại đi học xa đây thì thật là vất vả quá nhỉ.

Tôi đã ước ao có Khanh đâu đó để nghe người đàn bà nhân hậu này khuyên răn. Chàng không có mặt, chàng không nghe, nhưng chắc con tôi nằm trong bụng tôi nghe được nên làm nư bắt tôi ói mửa, đau đớn nhiều ngày rồi dẫy chết mà không cần tôi phải đến phòng mạch bác sĩ phụ khoa, nằm dạng chân ra cho người ta tuyên cái án tử hình lên nó.

Con tôi chết, lúc mới tượng hình, chưa biết là con trai hay gái. Tôi không vượt cạn một mình nhưng tôi ốm o còm cõi như một cây sậy. Khanh cũng ốm o còm cõi. Tuy nhiên, cái ốm o còm cõi của chàng chắc là do một nguyên nhân khác. Nhiều lần chàng nói bóng nói gió với tôi:

— Đôi khi anh cảm thấy sống khổ sở ghê gớm quá Hoàng ạ. Bởi anh biết anh chẳng phải là mẫu người đem lại niềm vui đến cho em, cũng chẳng phải là người có thể lo lắng giúp đỡ em được. Lắm lúc anh tuyệt vọng, vì thấy mình như một con người thừa, chẳng ra gì cả. Anh không biết chúng ta có nên sống xa nhau một thời gian để anh đắm tính lại, và

để thử xem em có thảnh thơi hơn không.

Tôi hỏi chàng những tháng năm chờ đợi dài dặng đẳng của tôi ở Việt Nam chưa đủ để chàng trắc nghiệm điều đó hay sao. Khanh giải thích loạn cào cào châu chấu rằng trong thời điểm ấy, dầu muốn dầu không cái lo lắng cho việc đoàn tụ cũng lớn lao hơn những thứ trở trăn khác nên không thể đem ra so sánh với điều mà chàng đang suy nghĩ, bận tâm. Chàng bảo chàng chỉ muốn dọn ra sống riêng, cách chỗ chúng tôi chừng vài chục cây số một thời gian nào đó để lắng lòng xuống, và để đo lường mức độ tình cảm trong chàng ra sao. Chàng còn cố thuyết phục cho tôi tin là chàng sẽ về thăm mẹ con tôi những lúc chàng thật sự thấy nhớ, thì cả chàng lẫn tôi mới cảm thấy quý những gì mình đang có. Chàng bảo:

— Nếu anh bớt làm phiền em, em sẽ cảm thấy thanh thản và nhẹ nhàng hơn ra Hoàng ạ.

Tôi cười buồn:

— Hồi còn ở Việt Nam, có lần em được lịnh về nhà Khanh gấp, tưởng có chuyện gì ghê gớm lắm xảy ra, ai ngờ chỉ vì bố bỗng có ý định lên chùa ở luôn. Bà cụ can ngăn mài không được nên mới "triệu" tất cả dâu rể về để nhờ nói giúp với ông cụ đổi câu. Mãi, bố mới bằng lòng chấp nhận cái ý kiến tu tại gia. Tụi em được ăn một bữa thịt gà xé phay, lúc ra về đứa nào cũng lắc đầu cười như mếu. Nhưng bố già rồi, có thể bố hơi lẫn, còn Khanh, chẳng lẽ Khanh cũng lẫn như bố sao?

Khanh thở dài. Chàng không nói thêm gì với tôi nhưng chàng bắt đầu trở nên khắc khoải hơn, lặng lẽ hơn. Chàng đi miệt mài hơn, và gần như vắng mặt từ sáng sớm cho đến khuya trong một khoảng thời gian dài. Lúc đầu tôi nhủ lòng nên cố gắng chịu đựng chàng ít lâu, chắc thế nào rồi chàng cũng thay đổi ý định điên rồ ấy. Nhưng dần dà Khanh làm tôi mất hết kiên nhẫn. Chàng tựa như người mất hồn. Những tiếng thở dài nào ruột trên môi Khanh mỗi ngày đánh tôi gục ngã. Tôi chào thua chàng sau khi cố gắng nói chuyện với chàng thêm nhiều lần. Cuối cùng tôi dành để chàng ra đi.

Khanh đi rồi, tôi khóc sướt mướt từ ngày này qua ngày nọ. Chiều nào ở trường về, con tôi cũng chạy vào phòng làm việc của tôi, lục soát thùng rác trước khi đem cặp đi cất. Hôm nào tôi quên tẩu tán những mảnh *tissue* nhòe nhoẹt nước mắt, nước mũi, là nó la lên, y như hỏi cung tôi:

— Mẹ lại khóc nữa phải không?

Tôi khóc lúc không có con tôi ở nhà. Tôi khóc lúc không có Khanh ở nhà. Tôi khóc lúc con tôi nghỉ học. Tôi khóc lúc Khanh về. Khanh hay về những ngày cuối tuần. Rời nhà độ một tháng, chàng bắt đầu thay đổi ý

định, không phải lâu lâu thấy nhớ mới về thăm chúng tôi mà chàng cứ đi vài ngày, rồi chạy về nhà vài ngày. Chàng hay ôm hôn tôi tới tấp lúc vừa bước chân vào nhà:

— Anh nhớ em khủng khiếp.

Tôi nấu món gì Khanh cũng khen ngon. Tôi mặc cái áo nào Khanh cũng khen đẹp. Nhưng chàng thường lẫn lộn không biết tôi thích hay không thích bỏ tỏi vào thức ăn, không biết tôi ưa hay không ưa mang giày gót thấp, không nhớ tôi có thói quen đi ngủ trước hay sau chàng mỗi đêm. Chàng bị...tẩu hỏa nhập ma.

Tôi không có máu đỏ đen. Lúc nhỏ mỗi lần đánh tam cúc với mấy đứa em, hễ tôi có con tướng đỏ là bị tụi nhỏ biết liền. Vì mặt tôi sẽ tái xanh, tay tôi sẽ run lẩy bẩy, và sẽ gọi bài trật lất. Nhưng lần này tôi biết con tẩy của Khanh. Tôi ủi mấy cái áo bông hoa cho chàng, tôi tố, tôi lật tẩy chàng:

— Em già, em lớn tuổi, em héo hắt khô khan, nhưng em chịu đựng được Khanh, Khanh ham chi thứ đào tơ, hoa mới nở mà phải mất công cưa sừng làm nghé theo người ta.

Khanh hơi chựng lại nhưng chàng hàm hồ la tôi nhảm nhí. Chàng bảo chàng sắp già rồi, sắp gối mỏi chân chồn rồi, chàng đã chán ngán chuyện lăng nhăng bồ bịch lắm rồi. Chàng khoe chàng học...thiền, chỉ độ chừng dăm năm nữa, là chàng bớt sân si, lúc ấy chắc chắn chàng sẽ mua hoa hồng về tạ tội với tôi. Tôi cười, miệng đắng như nhai ký ninh:

— Em nhỏ thua Khanh mấy tuổi, Khanh cứ phiêu bạt giang hồ, cứ...tham thiền nhập định, cứ để...hồn xiêu phách lạc mà chờ đến lúc chống gậy rồi trở về, thì chắc chắn hơn, là em vẫn còn sống để cơm nước cho Khanh. Lúc ấy, cùng lắm là chỉ vướng vài ba cái bệnh già, nhồi máu cơ tim, sạn thận hay xơ gan thôi, nhưng như vậy thì máu hết còn đỏ, tim hết còn đập những nhịp bình thường, gan thận sẽ hết chức năng làm việc, nên...khỏe, hết yêu đương, hết ghen tuông vớ vẩn gì cả.

Khanh bảo chán em quá Hoàng ạ. Người ta khẩu phật tâm xà, mà em chắc khẩu xà tâm khủng long. Em nói năng kiểu chết người. Tôi hỏi là giết người trong mộng hay giết người thật có Sherlock Holm đi điều tra. Tôi đùa:

— Khanh đúng là người...anh sầu mộng của muôn đời. Em nói sự thật mà Khanh không muốn nghe. Em bảo đảm với Khanh sự việc nó sẽ xảy ra như thế cho Khanh xem. Nếu Khanh không tin thì em sẽ thề, *cross my...eyes* đấy!

Tôi cười ha hả với chàng khi chàng về, nhưng chàng vừa rời khỏi cửa là nước mắt tôi ứa ra ràn rụa. Tôi chỉ có cái tâm khủng long ghen tương nhưng không có sức mạnh của khủng long để đi...đập vỡ mặt con

tình địch chỉ lớn hơn con gái tôi năm bảy tuổi. Tôi miệng hùm gan sứa, lục lọi tìm ra được tấm hình của "tình địch" chụp chung với "tên phản bội" mà chỉ dám nói năng kiểu...hận kẻ bạc tình lung tung vung vít cho đỡ tức, rồi lại tủi phận khóc một mình. Tôi không bỏ Khanh như mẹ chàng sợ. Tôi không viết thư về nhà cho ông anh họ như anh đã dặn dò. Bên nhà, tôi thừa biết đà dủ ê hề phiền muộn, nên chẳng muốn đổ thêm làm gì con suối buồn tôi vào dòng sông tội nghiệp đó.

Tôi lại khắc khoải sống. Đêm nào trước khi đi ngủ, tôi cũng cầu nguyện Chúa cho tôi có đủ sức mạnh để vững chải bước đi trong cuộc đời. Tôi xin cho ý Chúa được nên trên đời sống tôi. Tôi xin cho chén đắng nếu không lìa khỏi miệng môi tôi, thì được một phần triệu triệu cái can đảm trên đồi Sọ của Ngài để uống cạn nỗi sầu tôi. Tôi xin cả lòng nhân từ Chúa ở trong tôi để tôi có thể tha thứ cho chàng. Tôi cầu nguyện, rồi tôi vẫn khóc, vẫn không thấy lời khuyên của Chúa "sự khóc lóc đến trọ ban đêm nhưng sáng ra bèn có sự vui mừng", nên chắc là Chúa cũng...rầu lắm trên thánh giá mỗi khi nghe tiếng tôi thở dài. Một hôm theo đoàn truyền giáo đi *mission*, tôi quen với chị Thu. Chị kể cho tôi nghe:

— Cô chỉ có một đứa con, chỉ có bảy. Cô chưa trải qua giai đoạn lặn lội trèo đèo vượt núi đi thăm nuôi, chị thì thừa kinh nghiệm để viết một quyển sách làm nhân chứng cho cuộc đời. Cô còn có được một năm hạnh phúc cãi cọ, giận hờn làm hương làm hoa. Chị thì ngay ngày đầu tiên đã ngờ ngợ ra một cái gì đó không ổn, vì anh ấy đưa mẹ con chị từ phi trường về thẳng nhà cô em họ, chưa kịp nói với nhau lời nào đã biến mất. Mãi đến hai tuần lễ sau cô em họ mới thú thật là ông anh mình đã có vợ khác rồi.

Chị Thu cỡ khoảng năm mươi, nhưng tóc chị bạc trắng. Chị già. Tôi hết còn lời an ủi chị. Nụ cười nở trên môi chị trông buồn bã làm sao. Chị kể tiếp:

— Nhưng chuyện "tếu" hơn chuyện ấy là sau khi ra tòa ít lâu, chị nhận được một cái thư của anh ấy. Mấy đứa con chị mừng quýnh, đoán già đoán non là ba đã hối hận, muốn xin mẹ tha thứ để trở về sum họp. Chị mở cái thư ra, cô ạ, anh ấy rủa chị tan nát, bảo chỉ vì chị khai với tòa cái địa chỉ của anh ấy mà anh ấy bị buộc phải ký một cái giấy trả tiền nuôi con cho chị mỗi tháng. Anh ấy bảo tướng đã đưa mẹ con chị qua đây rồi là chị phải biết điều mà dứt anh ấy ra khỏi món nợ trăm năm. Cô xem, ở bên này, chỉ trừ trường hợp chết trong sa mạc hay chìm xuống đại dương, chứ chị khai hay không khai ra trước tòa, khi cần, người ta vẫn tìm ra chỗ ở của anh ấy chứ, phải không?

Chuyện chị Thu kể làm tôi buồn, nhưng tôi lại nhẹ lòng ra hơn với

Khanh. Tôi để cho chàng khăn gói trở về sau khi nghe chàng thú tội, và tuyên bố sẽ hết lăng nhăng. Chàng về, duổi rong đi học và nuôi mấy cây *bonsai*. Sáng sáng, tôi hay pha cà phê ra ngồi trên ngưỡng cửa nhìn Khanh tỉa xén và giảng giải cho tôi nghe các thế của *bonsai*. Khanh cũng bảo chàng sẽ rán học cho xong hết hai cái lục cá nguyệt cuối cùng rồi sẽ kiếm việc làm giúp tôi mua nhà. Thỉnh thoảng chở tôi đi chợ, chàng hay lựa những con đường vắng, chỉ cho tôi thấy những khoảnh vườn ước mơ:

— Anh sẽ trồng nhiều loại phong lá đỏ và tùng. Hai bên hàng rào là loại tử đăng hoa màu tím. Hoa này thơm ngát, nở lâu cả tháng em ạ. Tối đi ngủ mở cửa sổ mà nghe mùi hương này là có cảm tưởng mình lên thiên thai ấy. Em thích đào, mẹ thích mai phải không? Anh sẽ trồng vài gốc ở sau vườn và sẽ tỉa cho chúng có dạng y hệt *bonsai* cho em xem.

Tôi không hiểu trong trái tim Khanh có bao nhiêu loại ước mơ, nhưng hầu hết loại ước mơ nào cũng đẹp, cũng đáng yêu. Tôi chưa được "xem" những dáng cây *bonsai* trong mơ của Khanh mà đã thấy hạnh phúc. Tôi không nghĩ Khanh gian dối, hay lừa tôi bằng những lời lẽ hoa mỹ, bởi tôi nhìn thấy được ánh mắt nồng nàn, gương mặt rạng rỡ của chàng lúc chàng nói. Tội nghiệp Khanh của tôi, tội nghiệp những rung động, những ước mơ cháy bỏng nhưng lại quá mong manh, quá dễ dàng tàn phai như một loài cỏ dại. Cái ý chí để thực hiện chúng luôn luôn bị đè bẹp bởi cái tính trăng hoa bốc đồng của chàng. Tôi nghĩ trái tim của Khanh chắc cũng không thể nào lớn hơn trái tim của người bình thường đâu, nhưng không hiểu sao nó lại có cái khả năng...chứa đựng siêu hạng đến vậy. Cùng một lúc mà không biết có bao nhiêu hình ảnh, bao nhiêu mối tình được xếp lộn xộn trong ngăn kéo tình cảm của chàng.

Tôi biết mình có thể tha thứ cho chàng tất cả mọi việc chàng làm sai trái trong quá khứ. Tôi có thể quên, hoặc không nhắc đến những phiền đau của tôi mà Khanh đã khiến tôi phải chịu đựng từ lúc lấy chàng cho đến khi chàng khăn gói quả mướp về ỉ ôi và hứa lăng nhăng trăng cuội nhiều điều. Tôi có thể sẽ cảm thấy rất hạnh phúc sống với chàng, với những ước mơ đẹp đẽ của chàng nếu như không có những sự việc vượt quá mức chịu đựng của tôi xảy ra, nếu như không tình cờ một hôm hứng chí dọn dẹp và hút bụi xe chàng, tôi nhặt ra được một số "bằng chứng tình yêu" của chàng. Tôi ngán ngẩm dẹp chúng qua một bên, chui hẳn vào trong xe ngồi một lúc lâu, chờ cho lấy lại bình tĩnh, rồi vào nhà bảo chàng:

— Em mang tất cả rác vào rồi, chỉ còn một cái bao không mang vào được.

Khanh ngạc nhiên nhìn bao rác trên tay tôi:

— Bao gì mà không mang vào được? Xe anh đâu có nhiều rác đến

nổi phải đựng hai ba bao như thế?

Tôi cười, chán chường:

— Cái bao nhỏ xíu hà, hay được quảng cáo chống bịnh *aids* trên truyền hình, trên báo.

Khanh đỏ mặt. Chàng ấp úng không biết nói gì với tôi. Chúng tôi tránh mặt nhau mấy ngày. Vài hôm sau, lúc Khanh đang ngồi một mình với những cây *bonsai*, tôi pha cà phê mang ra đưa ra cho chàng. Khanh ngập ngừng nhìn tôi. Tôi cười buồn, đứng tựa cửa nhìn ra vườn. Mảnh sân sau nhà chúng tôi đang ở, cỏ xanh mượt và rộng mênh mông. Có những sáng tôi đã đứng đấy, nghe Khanh nói chuyện về những ước mơ của chàng và đã mường tượng, đã hòa nhập vào những cái ước mơ ngọt ngào ấy. Chàng đã hết còn là trẻ con nên chuyện chàng nói không là chuyện cổ tích, ước mơ chàng không là những ước mơ có bà tiên nhân hậu, cầm đũa thần biến hóa trái bí ngô thành chiếc kiệu lộng lẫy đưa cô Tấm đi dự hội. Cũng chẳng phải là ước mơ lên hóa tinh hay chuyện đời non lấp bể. Mà chỉ là những cái ước mơ hiền hòa, đáng yêu. Không quá chân chất kiểu chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa, mà cũng không quá nhiêu khê phức tạp đến nỗi không thể thực hiện được trong cuộc đời.

Tôi nói với Khanh:

— Có nhiều lúc em thấy Khanh giống hệt một con cá mắc cạn, cố vùng vẫy hoài mà chẳng làm sao thoát được những vũng lầy của cuộc đời. Em cũng tiếc là tình yêu của em không đủ lớn để trói buộc Khanh, để khiến Khanh dừng chân nơi này. Đã nhiều lần em cố không để mắt đến những việc Khanh làm, cố sống như người đàn bà của Trần Tế Xương, nhưng có lẽ cái thời ấy đã xa xưa rồi, tít tắp rồi, cái kiểu giáo dục phu tử tùng tử, trai năm thê bảy thiếp đã không còn được sự ủng hộ, nên tất cả những cố gắng của em đều không có kết quả. Em đã thật sự luống công trên đường cày của mình. Lần thứ nhất Khanh đi, em còn quá trẻ để đo lường sự đổi thay của một con người nên em chẳng hề có chút lo sợ nào. Còn lần thứ hai thì bởi vì Khanh đã phân tích cho em thấy trái tim mòn mỏi của Khanh, đời sống một nhoài của Khanh, em nửa tự ái, nửa thấy Khanh có lý, em bằng lòng chia tay với Khanh để trả lại tự do cho Khanh. Hai lần lần nào em cũng là người ở lại. Không biết nếu Khanh làm người ở lại thì có buồn hay không, chứ em, em buồn lắm. Cả thời thanh xuân của em chỉ có những giọt nước mắt và những mỏi mòn chờ đợi. Em già mất rồi Khanh ơi, em hết còn muốn sống những tháng ngày khắc khoải ấy nữa, hết còn muốn có đêm nằm gối đầu trên tay nghĩ đến Khanh như nghĩ một oan khiên, một nỗi chán chường vô tận.

Khanh kiên nhẫn ngồi nghe tôi nói. Chàng ngước mắt nhìn tôi. Tôi hơi sựng đi lúc quay lại, chạm ánh mắt đằm thắm dịu dàng của chàng.

Người đàn ông đầu tiên của tôi, mối tình đầu tiên của tôi. Tôi đã không đủ sức để giữ chàng trong tay. Và mãi sẽ không đủ sức để giữ chàng. Tôi có trái tim chỉ ấm ắp tình yêu dành cho chàng nhưng hồ như sự có mặt của tôi thật nhỏ nhoi bên lề cuộc đời chàng, một chỗ đứng không cần thiết tựa như một đóa hoa dại nằm ven chân rào.

Tôi quay đi để không nhìn Khanh nữa. Mấy con chim chìa vôi cứ nhảy nhót từ bãi cỏ non lên những nhánh đào đang ra trái làm hoa mắt tôi. Tôi nói với Khanh:

— Lần này thì Khanh ạ, em tự nguyện rời xa Khanh, quyết định vẫy tay chào Khanh để không còn phải đối phó với Khanh, không còn bị cái ám ảnh mất hay còn Khanh dằn vặt em mỗi ngày nữa.

Khanh bàng hoàng. Nhưng rồi chàng không tin, cố không tin. Mãi cho đến khi thấy tôi tiến hành thủ tục xin di dân đi nước khác, Khanh mới hoảng hốt và buồn bã hỏi tôi mãi câu:

— Em bỏ anh thật sao?

Sáng sáng tôi vẫn pha cà phê cho chàng, vẫn ra đứng tựa cửa xem chàng chăm sóc những cây *bonsai* nhỏ xíu dễ thương. Khanh hay chụp hình những chậu dã hoàn chỉnh để trong *album*. Tôi đùa với Khanh:

— Mai mốt Khanh cho em những bức hình này, em sẽ rán viết một cuốn sách nói về dáng và thế của loại cây *bonsai* - tôi chỉ một chậu phong có số tuổi đời gần bằng tuổi của tôi, đẹp như một cây cổ thụ thu nhỏ - như cây này, già cỗi, chỉ đẹp nhờ những vết thẹo, những nhánh trơ gầy, giống như em, chỉ có "nét đẹp của tâm hồn" nhờ làm cô phụ nhiều năm nên em sẽ đặt tên cho nó là *nửa gối cô đơn*, hay là *mộc...vọng phu*.

Khanh phì cười, như mếu:

— Em thì lúc nào cũng đầy gai góc.

Tôi tiếp tục "bài viết" của mình:

— Còn cây tùng này, oai phong lẫm liệt, lì lợm, mỗi năm chỉ ra vài cái lá, báo hiệu mình còn sống mà không thèm biết người trồng lo lắng, chờ đợi như thế nào, nên phải đặt cho nó một cái tên có vẻ kiếm hiệp một chút, *tỉnh bơ đại hiệp* chẳng hạn. Và nếu Khanh cho phép, em sẽ khắc vào thân nó câu "giết người không gớm tay" nữa.

Khanh nghe một hồi muốn điếc tai. Chàng trả đũa tôi nhẹ nhàng:

— Còn một kiểu nữa là kiểu...*đứng đứng bến xe*, là cái kiểu của anh lúc em bỏ đi, Hoàng ạ.

Tôi cười:

— Em mà đi rồi thì Khanh sẽ có các em Lý, Lệ, Phan, Nguyễn nào đó đến chăm sóc cho Khanh chứ nỗi nào Khanh bơ vơ mà lo dữ vậy. Ngày Khanh đi, Khanh bảo em nên tập sống một mình cho quen. Em quen thật rồi Khanh ạ. Quen cả cách sống thủ thế, mình lúc nào cũng sẵn

sàng tủa gai góc ra như nhím, như xương rồng để đối phó với cuộc đời. Em làm đàn bà, sống một mình chưa ngán...thằng tây nào cơ mà.

Khanh tiễn mẹ con tôi đi. Cổng vào phi trường rộng mênh mông, chàng bảo sẽ lái xe đi lạc để tôi lỡ chuyến bay. Nhưng chàng không đủ can đảm làm như vậy. Chàng đẩy hành lý của chúng tôi vào trong rồi ra ngoài hành lang đứng hút thuốc. Khói bay mù mịt. Trời nóng ba mươi tám độ mà bàn tay chàng lạnh ngắt lúc tôi cầm. Trái tim tôi lạnh ngắt. Tôi nhìn nghiêng qua chàng. Mắt chàng một mí, lông mi dài, mũi thẳng tắp, chàng hết còn đẹp như thời mới yêu tôi, vẻ một mỏi hiện rõ rệt trên gương mặt gầy và làn da xanh xao của chàng. Khanh già lạ. Tôi không biết chàng có ngủ ngon giấc mỗi đêm về hay không. Mắt chàng không có quầng thâm, nhưng cái nhìn chàng uể oải, thất thần. Chàng giống hệt một người đã hoàn toàn mất phương hướng.

Tôi khóc. Quả là hết sức vô duyên, vì tôi bỏ chàng mà lại khóc. Chàng ôm hôn cổ tôi, cố tránh những giọt nước mắt mặn chát. Tôi không đủ can đảm để dùa với chàng là tôi đã khóc những giọt nước mắt thật, những giọt nước mắt rất người.

Và tôi đã ra đi mà không hề ngoái cổ lại nhìn chàng. Ông Đặng Trần Côn sống cách đây bao nhiêu thế kỷ trước rồi mà vẫn thấu đáo nỗi lòng của hai kẻ lúc chia tay. Ông viết, cùng trông lại mà cùng chẳng thấy, thấy xanh xanh biết mấy ngàn dâu, ngàn dâu xanh ngắt một màu, lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai. Tôi đã khóc thêm nhiều lần. Từ trên máy bay nhìn xuống, không thấy ngàn dâu, chỉ thấy mây trắng một màu bàng bạc như khói toả mịt mờ trên nương rẫy nhà chàng một chiều năm xưa.

Chúng tôi rời xa chàng. Năm ngoái, Khanh viết cho tôi:

" Anh vẫn ở gần phi trường từ mấy năm nay, ngày ngày vẫn nghe tiếng động cơ bay ngang qua vùng trời này, vậy đó mà chưa bao giờ anh khó chịu với cái sân bay ấy như vậy, nơi anh đã đến đón hai mẹ con em, và giờ lần nữa tiễn hai mẹ con đi. Anh chẳng học hành gì được mấy hôm nay. Nghe, "bay đi cánh chim biển hiền hòa", Hoàng ơi, anh buồn muốn khóc, cái bài hát cứ làm anh ngậm ngùi, anh nghĩ đến em và tự hỏi chẳng lẽ không còn giấc mơ nào để giữ bước chân em sao?"❐

Chiều 29.4 trên đường Công lý

TRẦN DOÃN NHO

thành phố thất thần
bóng tối đến sớm
mây thấp và của đóng, đường run
năm giờ chiều chiếc đồng hồ bút rút
người đi trong bóng của mình.

dinh Độc lập úa
như phế tích âm thầm
góc đường Hồng thập tự - Công lý
toán lính nhảy dù ngồi ăn cơm
lá rơi trên tấm poncho
lá rơi trên ga-men
lá rơi thẳng thốt
chiếc áo trận nhoè
ngậm ngùi lịch sử.

lá rơi, rơi
mải miết như đùa
như trò chơi
như mơ như thực
cuộc phế hưng bủn rủn phận người.

lính nhảy dù, người ngồi kẻ đứng
súng nghiêng
nhẫm vào thành phố vô hồn
những góc đường bối rối
dấu chân chìm.

đêm xuống nhanh
cho một ngày mai khác.

ngày mai mặt trời vẫn sẽ lên
thành phố sẽ mở cửa
nhưng lạnh
và quên.

Trí nhớ của loài chim

Hoàng Chính

Thường thì lão vui vẻ như một gã đàn ông trong gánh xiếc. Nụ cười tuy nhăn nhúm nhưng lúc nào cũng gắn trên khuôn mặt đầy những nếp gấp của thời gian. Lão chẳng nói chuyện với ai. Một mình thơ thẩn ngoài công viên như một kẻ không công ăn việc làm. Chỉ có bầy chim là bu quanh lão, tíu tít như lũ con vây quanh người cha già hiền từ. Đó là lúc lão nói chuyện huyên thuyên như người được bạc. Bây giờ, sau vài ly rượu, lão bỗng trở nên tư lự. Vẻ tư lự của lão làm tôi, lúc ấy đang ngồi đối diện với lão, cũng đâm ra ngại ngùng. Và tay trái chộn rộn đặt hờ trên mặt chiếc bàn gỗ cũ, tay phải cứ ngượng ngùng xoay mãi chiếc ly sóng sánh chất rượu trong vắt như pha lê. Căn phòng chung cư chìm trong mùi thức ăn thơm ngào ngạt. Mùi thịt nướng làm tôi ứ nước miếng. Và bao tử lại quặn lên những cơn co thắt không lớp lang.

"Dường như khét rồi ông à."

"Cứ gọi tôi là John," đầu lão gật gường như thể bắt đầu nặng trên một cái cổ quá gầy guộc. "Không sao đâu."

Tôi liếc nhìn cái bếp nướng ở góc phòng. Căn phòng của lão cũng khá rộng. Phòng ngủ, phòng ăn nối dài với nhà bếp, phòng khách, nhà vệ sinh. Tất cả trở nên thênh thang với một người độc thân như lão.

Chợt lão nâng ly rượu lên, đưa về phía tôi, vui vẻ,

"Cạn ly đi cậu."

Tôi luống cuống cụng ly với lão, và uống một vài ngụm rượu rồi lọng cọng đặt chiếc ly còn quá nửa xuống bàn. Lão thì uống một hơi liên tục, và khi lão bỏ ly xuống bàn, chiếc ly sạch bóng tưởng chừng như mới được lau chùi cẩn thận. Lão khà ra một cách khoan khoái. Chất rượu nồng bò rần rật trên má và hai tay tôi như những con kiến động tổ. Lão ngước lên nhìn đăm đắm vào khoảng không vuông vức của căn phòng. Mắt lão ươn ướt chất nước cảm xúc, và cái nhìn của lão như đang bạt về

một vùng ký ức nào đó xa thăm thẳm. Tôi hình dung đến những con chim vẫn bu quanh lão ngoài công viên thành phố. Hình như chỉ có những con chim mới làm cho lão trẻ lại, sinh động, như một gã trai trẻ lần đầu biết yêu.

"Ông ở đây có một mình?" Tôi ném vào khoảng không gian gượng gạo một câu hỏi thừa thãi.

Lão sựng lại vài giây, gục gặc cái đầu như cố vùng vẫy ra khỏi giấc chiêm bao nặng nề, hôn ám, "Dĩ nhiên..." Rồi lão nhìn xuống chiếc ly không trên mặt bàn, trầm ngâm, "Tôi không có ai thân thuộc ngoài lũ chim ngoài công viên. *My children.*" Khi nhắc đến bầy chim, giọng lão ngậm đầy cảm xúc.

Hình ảnh những con chim tíu tít bên người đàn ông, đậu trên vai, trên cánh tay, trên đầu gối, trên giầy. Ngóng chiếc cổ mềm mại, nghiêng cái đầu tròn trĩnh, ngước nhìn người đàn ông như lũ trẻ chờ một phần quà từ người cha già nhân hậu hiện ra đậm nét trong trí tưởng. Và những tiếng lục cục tíu tít tràn ra khỏi không gian mộng ảo vây quanh chỗ lão ngồi. Băng ghế đã cũ mòn. Chiếc túi vải có lẽ đựng đầy bánh mì đặt trên mặt ghế đá. Đám du khách lao xao với máy chụp hình và đồ kỷ niệm. Bầy chim làm đẹp thành phố bằng chính sự hiện diện của chúng. Những con chim không làm công ăn việc làm, tối ngày chỉ ngóng chờ những miếng bánh mì vụn của khách nhàn du.

"À, mà tôi gặp cậu coi vậy mà cũng gần một năm rồi đấy nhỉ." Lão bỗng đổi đề tài.

"Hình như vậy". Tôi ngần ngừ.

"Sao lại hình như," lão vừa bắt bẻ, vừa nắm lấy cổ cái chai đã vơi quá nửa. "Cậu còn trẻ, trí nhớ phải tốt chứ."

Tôi nhìn vào mắt lão, gật gù. "Đôi khi có những chuyện phải quên..."

"Chẳng hạn như?" Lão đặt chai rượu xuống bàn, vênh cái cằm vuông có những chân râu bạch phếch lên, khiêu khích.

Tôi thong thả tiếp, "Chuyện buồn quá khứ chẳng hạn..." Lão nâng ly rượu lên môi, uống một ngụm, khà ra một cách khoan khoái, rồi ngao ngán lắc đầu, "Trí nhớ của loài người rất tệ, cậu biết không. Loài người trên mặt đất này thua xa lũ chim tôi vẫn gặp trong công viên. Loài người không học hỏi được gì từ những đau thương quá khứ. Rất đáng buồn, đáng buồn..."

"Ô, lũ chim nhớ ông tại vì ông cho chúng ăn mỗi ngày, có gì đáng nói đâu!" Tôi gõ nhịp ngón tay xuống bàn, hăng hái bênh vực cho cái tập thể hỗn độn mấy tỷ mạng mà mình là một thành viên. Những câu lão rì rầm với lũ chim lại văng vẳng bên tai. Tôi thường ngồi ở chiếc ghế đối diện với chỗ ngồi của lão ngoài công viên. "Con trai, đừng tham ăn chứ,

còn mấy đứa em con nữa kìa. Con nhỏ này, con gái mà ham ăn. Dàng hoàng lại coi. Ơ kìa..." Và tôi toan hỏi làm cách nào lão phân biệt chim trống với chim mái một cách dễ dàng như thế.

Nhưng lão vẫn rì rầm những lời than van trầm thống, như thể đang nói chuyện với một hồn ma đang vây quanh trù ếm, tra khảo lão. "Hết Auschwitz đến Treblinka, rồi Hiroshima, rồi Khampuchea, rồi Trung Hoa, rồi Rwanda...bây giờ tới Bắc Hàn. Loài người chẳng học hỏi được điều gì. *Nothing at all!*"

Tiếng chuông báo hỏa hoạn bỗng réo lên chói tai làm tôi giật bắn người. Lão già lừng khừng đứng dậy, xách chiếc ghế kê ngay giữa căn bếp, thong thả trèo lên giật sợi dây điện dẫn vào chiếc chuông gắn trên trần nhà. Chuỗi âm thanh tắt ngấm.

"Tại ông nướng đồ ăn khét quá đấy." Tôi nói, tim vẫn chưa nguôi những nhịp đập xôn xao trống trận.

Lão kéo chiếc ghế lại bên bàn ăn, thả những bước xiêu đổ lại bên bếp lò đỏ rực bên trong. Lão mở hé ngăn nướng, nhìn vào. Mùi thơm bốc ra ngào ngạt. Bao tử tôi quặn lên vì cơn đói cồn mắm, thô lỗ. Và tôi nhớ tới những câu lão vẫn nhắc nhở bầy chim ngoài công viên thành phố. "*Behave yourselves, children!*" Tử tế lại, các con! Cư xử cho phải phép nào!

"Đừng bao giờ khinh thường lũ chim!" Lão hậm hực bênh vực cho bầy con của lão. "Loài chim là những học trò giỏi. Chúng không bao giờ quên những bài đã học..."

"Bản năng cả già John à" Tôi ngả người ra lưng ghế, thản nhiên xóa bớt những cột điểm mà lão già đang ưu ái trao cho lũ chim thân thuộc của lão ngoài công viên. "Đói thì tìm đến chỗ nào có đồ ăn. Ông cho lũ chim đồ ăn mỗi ngày. Bây giờ giả như ông có đánh măng chửi rủa, chúng cũng bu lại như thường."

Không thèm để ý đến lời tôi nói, lão già vẫn đắm chìm trong dòng suy tưởng và những lời sắt thép bênh vực cho lũ chim chỉ biết có mỗi một việc là bu quanh khách nhàn du, xin xỏ những mẩu bánh mì vụn.

"Bộ óc của loài chim nhỏ không bằng một đầu ngón tay cái, nhưng có lẽ quá nửa bộ óc ấy dành chỗ cho những bài học để đời..." Lão tắt bếp và lấm lũi bưng cái vỉ thịt ra, đặt lên bàn ăn một cách trịnh trọng. Tôi banh mắt nhìn những miếng thịt nướng ướp gia vị bóng nhẫy dưới ánh sáng lợt lạt của con nắng xế rọi qua khung cửa sổ hẹp. "Còn loài người thì vô phương. Hàng triệu mạng người. Những cái chết không để lại một bài học sinh tử nào hết! Chỉ có bầy chim ngoài công viên là đáng nể phục. *All my children!*" Lão vênh cái khuôn mặt ngang dọc những vết chém của thời gian lên, nhìn sừng vào khoảng không bằng cái nhìn đầy tiếc nuối; thứ tiếc nuối của một con bệnh vừa khám phá ra rằng chứng

bệnh của mình không còn thuốc chữa.

Rồi lão quay đi, lầm lũi bước về phía nhà bếp. Cái dáng lủi thủi của lão lúc này trông giống hệt dáng đi của một kẻ bị phụ tình.

"Ô! Ông làm thức ăn tuyệt vời," tôi buộc miệng kéo già John về với thực tại, mắt vẫn không rời những miếng thịt nướng còn nguyên hình dạng. "Mà...ông kiếm đâu ra gà qué gì mà nhỏ teo vậy, già John?"

Đang loay hoay mở những hộc tủ tìm kiếm gì đó, già John cũng cố ném cho tôi câu trả lời ngắn ngủn, "Ai nói với cậu là gà đấy?"

"Gà con chứ còn gì nữa."

"*Young man*. Cậu còn phải học hỏi nhiều.

"Thì sao?"

"Chim đấy. Chim bồ câu ngoài công viên đấy."

Tôi hình dung ra những con chim hiền lành, vẫn thường bu quanh lão, chờ những miếng bánh mì vụn. "Thật không vậy, ông già?"

Lão trở lại bàn ăn với chai nước sốt màu đỏ thẫm, "Nói dối cậu làm gì. Chim ngoài công viên thành phố đấy."

"Lũ con của ông?"

"*Ya*."

"*Incredible!*"

"Có sao?" Lão ngồi phịch xuống ghế, chớp mắt lia như vướng những hạt bụi bối rối trong mí mắt. "Mình cũng phải ăn, phải uống chứ..."

"Tôi tưởng ông yêu lũ chim ấy hơn bất cứ thứ gì trên thế gian..."

"Đúng vậy. Thôi ăn đi cho nóng, *young man*." Lão dùng nĩa xiên một con chim vàng hườm, bỏ vào đĩa của tôi, gật gù, "Ngon tuyệt!"

Những thắc mắc vẫn cứ bám lấy tôi như những sợi tơ nhện, "Làm cách nào ông bắt được?"

Lão cắn một miếng thịt chim vàng hườm, nhai rau ráu. "Có khó gì đâu. Một ổ bánh mì. Đều đặn mỗi ngày. Cho chúng thấy rằng mình thật sự yêu chúng. Cứ vậy, hiền lành như người giữ con nít ở nhà trẻ. Lũ chim xà xuống, nhìn trước nhìn sau. Nếu không có ai, túm ngay lấy một con, vặn cổ bỏ vào túi vải..."

Lão ngưng nói, hấp tấp nuốt cái xương mỏng manh từ chiếc chân chim no tròn những thịt, bỏ xuống mặt bàn.

"Ông không sợ người ta thấy sao, già John?" Tôi hỏi, mắt đăm đăm nhìn lão già, bắt gặp mí mắt bên trái của lão giật giật như chạm điện.

"Cũng sợ chứ," Giọng lão băn khoăn. "Nhưng không đáng sợ bằng...bị lũ chim nhìn thấy."

Tôi hình dung ra những cảnh kinh dị của người bị chim chóc tấn công, một đôi lần đã coi trong phim ảnh phương tây. Lão liếm môi gật gù một cách sảng khoái, "Một con nhìn thấy thì không sao, nhưng nhiều

con nhìn thấy thì hỏng. Loài chim có thể có trí nhớ kém hơn loài người, nhưng những bài học để đời thì chúng không bao giờ quên được. Ăn đi chứ, anh bạn trẻ. Cậu có dị ứng với bồ câu không đấy?"

"Không có đâu," tôi bối rối lắc đầu, tay vẫn loay hoay với cái nĩa xớ rớ trên miếng đùi chim vàng óng.

"Vậy thì ăn đi, chim rô ti ngon hạng nhất."

Tôi ghim cái nĩa vào miếng thịt, run run đưa lên miệng. Phải như già John đừng gọi bầy chim bằng lũ con tôi thì hay biết mấy!

"Làm sao ông biết?"

"Cái gì?"

"Trí nhớ của lũ con ông?"

"Làm sao tôi biết hở. Cái này nói cậu nghe qua rồi bỏ," Khuôn mặt già John đỏ bừng, lắc lư chiếc mặt nạ của một hình nộm đứt dây. "Ngày xưa, tôi đã từng hành nghề ở nhiều công viên khác nhau. Chỉ cần một sơ sót, cậu sẽ bị lũ chim tẩy chay; thậm chí khi thấy mặt cậu, chúng còn rít lên những tiếng kêu kỳ lạ như trách móc, nguyền rủa... Thôi uống đi cậu à. Cái này, đừng nói với ai..."

Ba hôm sau, tôi mò ra công viên tìm già John, nói chuyện gẫu cho đỡ buồn. Nhà lão không gắn điện thoại, thành ra muốn gặp chỉ việc ra công viên, vào buổi sáng tinh mơ.

Công viên vắng tanh. Những con chim tản mát trong nắng. Lão đứng trơ ra đó, như một nhánh cây gầy guộc bị tuốt cho trụi lá, chiếc túi vải đeo hờ trên bờ vai xương xẩu.

Thấy tôi, già John như người vừa tỉnh giấc chiêm bao, đon đả bước lại. Những con chim bay tứ tán khi lão đi qua chỗ chúng đậu. Và một hợp âm ma quái của tiếng rít kỳ lạ đồng loạt phát ra từ những cái mỏ đen lấp lánh nắng mai.

"Tôi mất việc làm nữa rồi!" Mí mắt bên trái của già John giật giật, và giọng lão ảo não như không còn một chút hơi hám của cuộc đời. "Cậu có biết cái công viên nào khác nữa trong thành phố này không?"

NHẮN TIN CHUNG CHO BẠN ĐỌC Ở CANADA

Vì thuế dịch vụ chính quyền Canada đánh trên các bưu kiện báo, nên một số hiệu sách ở Canada không nhận bán báo Văn Học như trước.

Văn Học xin quí bạn *ghi danh mua dài hạn Văn Học*, để tránh tình trạng mua báo thất thường tại các hiệu sách.

Giá biểu mua dài hạn có đăng ở trang cuối số báo này.

Tắm ngựa giùm bạn

HOÀNG LỘC

Ta ở ngoài Trung sầu ngọn bấc
Vô Nam nghe gió bỗng se lòng
Xứ người dã lắm tay thành dạt
Chỉ một ta dây còn long dong.

Bạn vốn thương hồ mê ngựa chiến
Nuôi đôi con - Tết, thả trường đua
Ta ăn nhờ bạn, giúp việc bạn
Tắm ngựa cho quen gió trở mùa.

Khi hát lưng chừng bài Tẩy Mã
Nghĩ mình hơn hẳn Uất Trì Cung
Mồ hôi ngựa với ta-đầy-rượu
Tiếc bạn không là Đường Thế Dân!

Tiếc bạn xô bồ mâm phú quí
Ham chơi bỏ mặc cái trăng thề
Gió lên, vó đụng, rung bờm hí
Ngựa muốn dành ta nỗi nhớ quê?

Ta chẳng rành chi coi tướng ngựa
Ngó nhau, bốn mắt chạnh khô vàng
Ngửi nhau chợt thiết thân ngày cũ
Mới biết mình với ngựa - đồng hương...

Điện Đàm

Phùng Nguyễn

Hello? Cho gặp Bảo một chút được không ạ? Cám ơn...

Bảo đó hả? Anh đây. Vậy mà đã gần hai tuần rồi anh mới có dịp gọi cho Bảo. Dạo sau này anh bận quá, công việc cứ ngập cả đầu cả cổ. Và lại anh cũng có ý định chờ xem em có gọi anh không. Chi vậy? Thì cho nó công bình một chút chứ chi. Anh gọi em, em gọi anh, có qua có lại như người Việt Nam mình thường nói, mới ... toại lòng nhau. Mà sao giọng em hôm nay có vẻ khác thường vậy? Bị cúm à? Có đi bác sĩ chưa? Đúng kỳ hạn thì sẽ khỏi ngay à? Hay quá nhỉ. Nhưng em cũng nên xin nghỉ vài hôm cho khỏe rồi hãy đi làm trở lại. Vậy à? Khó quá nhỉ. Rất tiếc không thể chia sẻ được gì với em, ở xa quá... Bảo này, em có nhớ hôm chúng ta gặp nhau lần đầu tiên không? Lúc đó anh xưng hô với em bằng gì nhỉ? Phải rồi, Dì Bảo, gọi theo Quyến, thằng bạn H.O. nối khố của anh và cũng là đứa cháu yêu dấu của em đấy mà. Lần đầu mà như vậy là đã thân mật lắm đấy chứ, cứ như chúng ta có họ hàng gì với nhau tự kiếp nào. Dâu có sao, lúc nào anh cũng coi em như ... bề trên. Tại sao không tiếp tục gọi em như vậy nữa hả? Tại vì anh thấy như vậy bất công cho em quá chứ còn tại sao nữa. Mỗi lần anh nhắc đến Dì Bảo người ta cứ tưởng anh đang nói đến một bà già nào đó. Dâu có, em đừng có nghĩ oan cho anh, tuy nhiên, nếu em muốn, anh sẽ gọi em là bà già xinh đẹp. Anh hả? Anh là ông già ủ rũ. Cám ơn em, nhưng anh thì ... trong héo ngoài tươi. Lan Huệ sầu đời trong héo ngoài tươi. Cái này là ca dao mà, đâu phải thơ. Thơ hả? *Mộ thượng mai khai xuân hựu lão.* Không hiểu à? Đòng đòi Nho gia mà lại không biết thơ Đường! Để anh dịch đại ... khái cho em nghe: *Nhìn hoa mai nở trên nấm mồ, bỗng thấy mùa xuân lại già đi.* Hay chứ nhỉ? Mùa xuân và nấm mồ, hy vọng và chết chóc, khởi đầu và tàn cuộc, tất cả đều gom lại một chỗ, ... thiên đến vậy thì thôi! Câu kế tiếp là *Đình biên hạc khứ khách không hoàn*, bèn sân nhà cánh hạc đã bay xa và khách

lãng du còn mãi không về. Chỉ biết có vậy thôi, Trình Giảo Kim còn được ba búa chứ anh đến đây thì ... tịt ngòi. Em nói đúng đấy. Có tâm sự thì nghe một bản nhạc buồn, một bài thơ buồn có phần thấm thía hơn. Chuyện của anh em đã biết rồi đó... Anh cũng hy vọng như vậy, lâu ngày rồi mình cũng phải quen đi, với lại đâu còn lựa chọn nào khác. Nghĩ cũng trớ trêu, trên một phương diện nào đó, anh và em ở vào vị trí đối nghịch nhau.

Chứ sao! Nầy nhé, sau lưng mỗi chúng ta là một cuộc hôn nhân tan vỡ, bỏ qua phần lỗi phải về ai, chỉ nội cái việc em là người mẹ, người vợ, tất nhiên kinh nghiệm và quan điểm của em về về cái bi kịch này phải có chỗ khác biệt với anh trong cương vị người chồng, người cha. Ơ... thì cô ấy và anh cũng vậy. Người này đổ lỗi cho người kia. Cũng không trách được, nỗi đau lớn quá, nuốt một mình không trôi! Thế còn người xưa của em thì sao? Thấy chưa, trong chuyện này, ai cũng cư xử như con nít. Vậy hả? Có lẽ đúng như em nói, đàn bà có bản lĩnh hơn đàn ông về mức chịu đựng và thích nghi với hoàn cảnh mới. Anh hả? Vết thương còn mới quá, vẫn còn đau nhức mỗi khi trở mình. Còn thương cô ấy không? Hỏi chi khó vậy? Chắc không đâu. Nhưng cái nghĩa vẫn còn, kỷ niệm vẫn còn. Còn mấy đứa con nữa. Như những nhắc nhở không rời. Có chứ, cái mặc cảm phạm tội đối với chúng nó. Chuyện người lớn mà để chúng phải gánh vác. Cho nên anh chìu chúng nó lắm, anh chỉ muốn mỗi giây mỗi phút của cha con đoàn tụ là những giây phút hạnh phúc của chúng nó, của cả anh nữa.

Em nói đúng đấy, một phần cũng để giảm bớt cái mặc cảm tội lỗi đối với chúng nó. Hóa ra mình cố đánh lừa cả chính mình... ừ, thôi nói chuyện khác vui hơn. Chuyện của em đi. Chuyện gì của em hả? Ngày xưa ở Việt Nam em làm gì? Dạy học, mà dạy trung học cơ đấy? Trời đất, vậy là anh thất lễ với cô giáo của anh rồi. Em biết không, hồi còn trung học, anh có cô giáo tên là Tố Quyên, người Bắc. Cô ấy... Biết rồi hả? Anh đã kể cho em nghe rồi à? Vậy mà anh cứ tưởng... Nè Bảo, lúc em bắt đầu nghề gõ đầu trẻ thì anh đã nhập ngũ rồi. Đâu có, anh chỉ là lính trơn thôi, đâu có quan quyền gì. Thì cũng mang "bốt dờ xô" đi đo chiều dài đất nước, nói theo kiểu một nhà văn quân đội ngày xưa thi vị hóa cái việc lội sình ấy mà. Binh nghiệp? "Đơ dèm cùi bắp" như anh mà làm gì phải dùng những danh từ dao to búa lớn như vậy? Cũng chỉ có mấy năm thôi, sau đó gẫy chân nằm ở bịnh viện Cộng Hòa cho đến ngày tàn cuộc. Nói theo kiểu mấy ông thượng sĩ già thường vụ Đại đội thì cái "binh nghiệp" của anh không dài bằng thời gian mấy ổng mắc bệnh ... phong tình. Nào đã có gì ghê gớm lắm đâu! Nể em là nhà mô phạm, anh không dám kể nguy , chứ các ông ấy dùng từ còn khủng khiếp hơn nhiều.

Ba, mình đang nói về em mà? Lúc mới đến Mỹ em làm gì? Tỉa cây cảnh à? Đúng là em đẻ bọc điều! Anh thì rửa chén nhà hàng, lột vỏ củ hành, bá nghệ bá trì! Lúc quyết định trở lại Đại học, em chọn ngành gì? *Accounting*, kế toán đó hả? Trời ơi, cái ngành khô như ... sa mạc. Người Mỹ còn gọi là gì? *Number crunchers? Bean counters*? Người đếm đậu à, kỳ vậy? Nghề của em làm anh lo quá. Thì lo em bị méo mó nghề nghiệp, việc gì cũng đưa vào máy tính thì .. chết anh. Còn tại sao nữa. Em đem anh ra cộng trừ nhân chia bao nhiêu đi nữa thì đáp số vẫn là con số không tổ bố mà thôi. Không hả? Không là zéro hay là không đem anh ra tính toán? Cám ơn nhé, tự này giờ mới có được một câu nghe mát ruột. Chưa, chuyện em chưa xong đâu. Còn cái ngôn ngữ con chuột nhắt của em nữa. Có nhớ lần anh yêu cầu em đổi cách xưng hô, em đã trả lời anh như thế nào không? Phải rồi, *I'm not used to it*. Cứ mỗi lần muốn tránh né trả lời một cách trực diện câu hỏi của anh, em lại dùng tiếng Anh. Ngôn ngữ của em giống như con chuột nhỏ, mỗi khi cảm thấy có điều bất an lại chạy vào nơi trú ẩn an toàn đưa cặp mắt tinh quái nhìn anh! *Hmmm*... Vũ khí tự vệ của em hữu hiệu lắm. Chứ sao. Cứ mỗi lần như vậy, em không những đã hóa giải cái vẻ nghiêm trọng của câu trả lời - trên thực tế là một lời từ chối thẳng thừng - mà còn làm cho câu hỏi của anh mất đi vẻ nghiêm túc của nó. Anh đâu dám bắt bẻ gì em.

Chẳng hạn như tự này giờ em vẫn xưng hô một cách khách sáo với anh mà anh có than phiền gì đâu? Lại nói tiếng Anh nữa rồi! *You just want to keep it the way it is?* Làm thế nào mà chúng ta giữ được sự việc như cũ? Như không có việc gì xảy ra? Vô phương! Câu này thì chắc em biết: Người đâu gặp gỡ làm chi... Đúng vậy. Tưởng đâu mấy năm trời vật lộn với cái máy tính đã làm em quên cụ Nguyễn Du rồi. Anh không biết em nghĩ sao, chứ đối với anh thì mọi sự đã không còn như xưa kể từ khi anh gặp em... Anh đồng ý. Mọi việc trên đời này đều có đoạn kết. Nhưng trước đó, phải có sự khởi đầu. Hình như chúng ta mới ở vào giai đoạn đầu, sao em đã vội nghĩ đến chung cuộc? Tại sao không để cho câu chuyện diễn tiến một cách tự nhiên? Như một hạt giống phiêu du trên lưng ngọn gió đồng, một lần tình cờ đậu vào vùng đất ẩm, nẩy mầm. Nào có ai biết được cái mầm sống nòn nà kia rồi có may mắn trở thành cây xanh tươi tốt? Có cho hoa thơm quả ngọt, hay cho trái đắng cay? Nhưng mà anh và em, ai trong chúng ta có cái can đảm vùi dập cái mầm xanh ấy? Không biết trả lời làm sao hả? Thì cho em nợ anh đến lần sau vậy. Để anh trả lại sự yên tĩnh cho em và cái bệnh cúm của em. Ngủ ngon, con chuột nhỏ tinh quái. Không thích làm chuột nhắt à? Thôi thì chìu em lần nầy vậy. *Sleep tight, my sweet hurricane*, cơn "bão" dịu dàng của anh.❐

Ở nơi không có một dòng sông

HÀ TRUNG

Hai mươi năm
Mệt nhoài sóng lớp
Chợt một chiều thấy nhớ một dòng sông
Có lẽ vì hôm qua
Anh hỏi tôi sao cứ ngồi suông?!
Làm sao được, xương rồng và sa mạc!
Thế nhưng tôi tin
là người ta làm thơ
nhiều hơn người ta đã viết
Bao nhiêu tờ cho đủ những buồn thương?

Tôi làm thơ từ dạo chưa tới trường
Lấp lánh ý bóng tre vờn bóng nắng
Hồn nhịp nhàng sóng lúa với nương khoai
Chữ vu vơ bãi vắng con cò bay
Màu thắm thiết trái me chuyền tay bạn
Dòng ấm dạm, đường xa làng lánh nạn
Vần ngập ngừng không biết có là...thơ.

Hai mươi năm
Mệt nhoài sóng lớp!
Chợt một chiều thấy nhớ một dòng sông
Không phải dòng sông với bóng tháp day dáng thuyền
Cũng không phải giọng hò trên sóng nước
Mà chỉ một khoảng trời xanh thôi
Soi dưới dòng trong vắt
Chỗ những ngón chân tôi hồng
dẫm nát vũng trời xanh
Chỗ ngàn năm gặp gỡ ngàn năm
Chỗ vắng lặng
Chỗ tuần hoàn đứng lại

Chỗ vần xoay chẳng đâu là phải trái
Chỗ lòng người không biên ải vây quanh

Hai mươi năm
Mệt nhoài sóng lớp!
Chợt chiều nay thấy suốt những dòng sông
Chợt buông trôi những vuông vắt thăng trầm
Tôi về lại
Với tiếng cút kít của ghế bàn xập xệ
Những mảnh vụn sau mấy lần hưng phế
Tấp vào phòng tôi,bãi cát mênh mông.

Tôi và nàng (hai ngọn lá không tên)
từ một trận bão xé Đông-Tây
Còn sống sót
Rách tươm! Rã rời! Bê bết!
Chúng tôi dã vịn một cành
Đặt xuống mấy mầm non
Đó là cây-tháng-năm
với thời-tiết-vui-buồn
Đầy hy vọng
Bởi thấy bóng mình còn thất thểu.
Tiếng cút kít của bàn ghế nghèo
Bây giờ là khúc ca trật trệu
đưa tới một điệp khúc hiền
như khoảng trời xanh
Cây-tháng-năm rồi có trái sẽ nên
Cho nàng như nguyện
Còn riêng tôi, kẻ đầy ước muốn
Sẽ rụng vàng trên vũng mùn khô
nhưng rụng mềm như thể một hơi thơ
Cho người thành thi sĩ

Cám ơn anh có một lần đã hỏi
Ngón xương rồng tôi dẫm tiếp trời xanh.

"Cách mạng"

Trần Vĩnh Phố

Hai Đực rửa mặt, súc miệng xong, bước vào văn phòng trụ sở công an phường ba thì thấy chệt Ngầu đã ngồi chờ ở dưới đất. Hắn nhăn mặt khó chịu :

— Chuyện gì nữa đây ông nội ? Mới tảng sáng...

Chệt Ngầu đứng dậy, hai tay khúm núm :

— Thưa ông cán bộ...

Hai Đực nạt ngang :

— Hỏng có ông bà gì ở đây hết. Cách mạng rồi mà còn phong kiến hủ lậu như vậy hả ? Kêu tôi bằng anh.

— Dạ, dạ thưa anh cán bộ, hồi tối thằng nhỏ này cạy cửa nhà ngộ, nó ăn trộm đồ của ngộ.

Lúc này Hai Đực mới chú ý đến thằng nhỏ ngồi bên cạnh chệt Ngầu. Thằng nhỏ chừng 12, 13 tuổi, mặc cái áo lính ngụy phùng phình, rách một đường dài phía bên hông. Cái quần xà lỏn màu đen đã xám xặn, nhàn nhạt cũ kỹ. Gương mặt hốc hác. Hai mắt sợ sệt sụp xuống mí mắt bùm bụp mất ngủ. Tóc loe hoe màu nắng cháy. Hai tay thằng nhỏ bị trói lại sau lưng.

Hai Đực trợn mắt la lớn lên :

— Ai cho anh trói thằngnhỏ ?

Chệt Ngầu hoảng hồn. Gương mặt núng nính thịt, sần sùi vẻ sợ hãi

— Dạ, dạ. Ngộ sợ nó chạy lớ.

Hai Đực nạt :

— Mở trói cho nó. Cho anh hay, chỉ có cách mạng mới có quyền trói người thôi, nghe chưa ?

Chệt Ngầu lúng túng bước lại gần thằng nhỏ. Gã loay hoay mở trói, rồi cầm sợi dây xoay qua trở lại trên tay bối rối. Thằng nhỏ đứng dậy xoa

hai cổ tay hít hà.

Hai Đực ngồi chồm hổm trên ghế. Trước mặt hắn là cái bàn làm bằng gỗ thông lèo tèo mấy cuốn sách chánh trị nhăn nheo. Hắn thò tay vào túi móc ra cái mộc và hộp mực in trịnh trọng đặt lên bàn. Cái buổi giao thời, không tin ai hết. Bọn phản động chộp được cái mộc đóng vào những giấy tờ của bọn chúng thì có nước hắn thắt họng. Vì vậy mà lúc nào Hai Đực cũng phải giữ khư khư cái bộ đồ nghề của hắn. Đi họp mang theo đã đành, mà đi ngủ, đi ăn giỗ cũng phải mang theo. Thậm chí đi cầu, đi tiểu cũng không dám rời ra. Đó là sinh mạng của hắn, đó là quyền lực của hắn. Không có dấu mộc của hắn là cái dám nhân dân phường ba này coi như khỏi đi đâu được hết. Muốn ra khỏi phường là phải có sự cho phép của hắn. Nghĩ đến đó Hai Đực mỉm cười. Hắn cảm thấy cực kỳ sung sướng. Bác Hồ thánh thiệt. Cách mạng kỳ diệu thiệt. Chỉ qua một đêm thôi là tất cả đổi đời. Ông trở thành thằng, thằng đổi làm ông. Mới năm ngoái, ngay một thằng cảnh sát công lộ quèn cũng làm cho Hai Đực xốn đái. Số là hắn làm nghề chạy xe lôi. Hồi còn Mỹ ở đây hắn được cách mạng móc nối để chở "plastic" cho bên đặc công đặt ở mấy cái *bar* Mỹ. Rồi Mậu Thân. Hắn đã tưởng là thoát khỏi số phận cùng đinh rồi. Hắn hô hới, phấn khởi ôm súng ôm đạn, bắn giết đốt phá thành phố. Rốt cuộc rồi hắn phải ôm đầu máu chạy ra bưng. Mấy năm sau nhờ giấy tờ giả, hắn trở lại hoạt động nội thành. Trở lại đạp xe lôi. Bây giờ thì thật sự đổi đời rồi. Hắn hình dung, hắn tưởng tượng như thằng trưởng cục cảnh sát đang bàn giao quyền hành cho hắn. ờ, trưởng ban công an phường chớ bộ giỡn sao. Quyền hành một cõi. Mấy ngàn người nem nép dưới sự phán xét của hắn...

Hắn mở quyển sổ to ra, rồi móc túi trịnh trọng mở nắp cây viết nguyên tử. Hất hàm về phía thằng nhỏ, hắn hỏi :

— Mày tên họ gì? Làm nghề gì?

Thằng nhỏ gãi gãi đầu. Hai mắt chớp chớp, cái mặt nhăn nhăn ngượng nghịu :

— Dạ tui tên Mẹo. Hồ văn Mẹo, làm nghề...móc bọc.

Hai Đực trợn mắt :

— Nghề gì mà là nghề móc bọc mậy ?

Thằng Mẹo cười cầu tài :

— Dạ, thì đi móc mấy cái bịch *nylon* trong thùng rác về bán ve chai.

Chệt Ngầu lầu bầu :

— Móc túi, móc đồ của người ta chớ móc bọc gì mậy.

Hai Đực quay qua :

— Anh nói gì?

— Dạ không, ngộ đang tính tiền...

— Tiền gì ?

— Dạ, tiền nó lấy của ngộ.

Hai Đực nhíu mày :

— Anh kể tôi nghe mọi chuyện coi.

Chệt Ngầu phấn khởi :

— Dạ, hồi tối lúc ba giờ khuya, ngộ thức dậy đi đái, ngộ thấy thằng này cạy cửa nhà ngộ. Ngộ nhào tới ôm nó, nó vật ngộ té nhào, nhưng...

Hai Đực la lên :

— Tốp. Nói chậm chậm chớ. Nói lẹ như xe lửa chạy ai mà ghi cho kịp.

Hai Đực cúi xuống cuốn sổ cắm cúi viết. Hắn nắn nót từng chữ một. Chữ nào chữ nấy to như con gà mái. Đ. má, viết....khó thiệt. Thà đạp chiếc xe lôi mấy cây số mà không mệt bằng viết mấy chữ này. Quăng một trái lựu đạn vô rạp hát, đắp một cái mô ngoài đường lộ cũng đâu có vất vả như vậy. Hai Đực cáu kỉnh quăng cây viết lên bàn.

— Nói tiếp đi.

Chệt Ngầu tiu nghỉu :

— Dạ, thì sau đó ngộ vật lại nó được. Ngộ trói nó, đòi ngộ kéo nó lại đây cho cách mạng.

Hai Đực dấm dẳng :

— Anh có đánh nó không ?

— Dạ...dạ...

Chệt Ngầu còn đang lúng túng thì thằng Mẹo đã nhanh nhẩu :

— Thưa cán bộ, chệt Ngầu đánh tui hai bạt tai.

Hai Đực trợn mắt :

— Tại sao anh đánh nó ?

— Dạ...dạ...

— Nó nghèo nó mới lấy của anh chớ. Anh giàu lắm phải không ? Anh là tư sản mà.

Chệt Ngầu hoảng vía, chối bai bải :

— Dạ đâu có. Ngộ đâu phải tư sản. Ngộ cũng nghèo lắm lớ. Nhưng ngộ biết làm ăn. Đâu phải nghèo rồi đi ăn cướp của người ta.

Hai Đực đập bàn :

— Im, anh dám cãi lại cán bộ hả ? Anh phản động hả ?

Chệt Ngầu mặt mày tái mét. Gã lắp bắp :

— Thưa cán bộ, ngộ đâu dám... Ngộ theo Mao sếnh sáng mà.

Nghe nói tới Mao, Hai Đực chột dạ, nhưng hắn lấp liếm nạt ngang :

— Tôi hỏi tại sao anh đánh nó ?

— Tại ngộ giận quá lớ. Nó lấy đồ của ngộ hai lần đồi lớ.

Thằng Mẹo nhăn nhó phản đối :

— Đâu có. Tui mới vô nhà chệt Ngầu có một lần.

Hai Đực gật gù, rồi lặng lẽ móc trong túi áo ra gói thuốc rê. Hắn với tay xé một tờ lịch trên tường, đủng đỉnh ngắt một nhúm thuốc, chậm rãi vấn thành một điếu nhỏ như khúc đũa. Ngày xưa khi còn chạy xe lôi, hắn chuyên hút Bastos xanh. Nhưng từ hồi "giải phóng", thuốc Bastos không còn nữa, hắn đổi qua hút thuốc vấn, vừa rẻ tiền, vừa biểu hiện sâu sắc tính đảng. Phà một hơi khói lên trần nhà, hắn khoan khoái quay lại chệt Ngầu :

— Bây giờ anh muốn sao ?

Chệt Ngầu nhỏ nhẹ :

— Dạ, cái đó tùy cán bộ. Nó ăn trộm của ngộ...

Hai Đực bực bội :

— Không có nói ăn trộm. Anh phải nói nó xâm phạm tài sản của nhân dân. Cách mạng rồi, ăn nói cho có văn minh, văn hóa chớ.

— Dạ dạ, nó xâm phạm tài sản nhân dân...của ngộ. Yêu cầu cách mạng nhốt nó lớ.

Hai Đực dịu giọng :

— Được rồi. Tôi nhốt nó ở đây. Anh về đi. Mười hai giờ đem cơm nước lại cho nó.

Chệt Ngầu chưng hửng :

— Cái gì? Ngộ đem cơm cho nó?

— Thì anh yêu cầu tôi nhốt nó, anh phải nuôi cơm nó chớ. Cách mạng đâu có dư cơm dư gạo nuôi nó cho anh đâu.

— Nhưng...

— Không nhưng không nhị gì cả. Anh về đi. Quá mười hai giờ anh không đem cơm lại là tôi thả nó ra.

Thằng Mẹo nhấp nhổm nhìn ra cửa. Nắng chang chang. Nắng kéo mấy cái bóng cây ngắn lại dần dần. Thằng Mẹo mấy lần muốn kêu Hai Đực hỏi mà không dám. Chệt Ngầu cũng chưa thấy trở lại. Không biết mấy giờ rồi mà đói bụng quá trời. Vái ông bà cho thằng chệt Ngầu bỏ đi luôn.

Hai Đực xếp quyển sổ lại. Hắn vén tay áo nhìn đồng hồ. Mười hai giờ mười lăm. Hắn cười khà khà. Thằng chệt Ngầu tiếc một bữa cơm. Cũng tốt thôi. Đỡ mắc công giữ tù. Hai Đực quay lại thằng Mẹo đang ngồi chồm hổm dưới đất :

— Mẹo.

Thằng Mẹo nhanh nhẩu :

— Dạ.

— Tao cho mày về. Thằng chệt Ngầu chắc không trở lại đâu.

Thằng Mẹo mầng húm. Nó đứng phắt dậy:

— Cám ơn cán bộ.

— Cám ơn cách mạng, mày!

— Dạ cám ơn cách mạng.

Thằng Mẹo ngừng lại một chút rồi ngần ngại nói :

— Thưa cán bộ, con thấy dàng sau có đống củi. Để con bửa ra cho, nghe cán bộ. Đền ơn mà...

Hai Đực bật cười. Hắn khoái chí :

— Ẩ, thằng biết điều. Mày cũng tâm lý chiến lắm chớ chơi đâu. Được rồi. Ra bửa xong đống củi rồi đi về. Cái này là mày tình nguyện nghe...

Hai Đực ăn cơm xong thì thằng Mẹo lảng vảng bên cạnh.

— Bửa xong chưa mày ?

— Dạ còn một chút nữa, nhưng con đói quá...Về kiếm cái gì ăn rồi con trở lại.

— Ẩ, nhớ đó. Trốn luôn là tao còng đầu.

Thằng Mẹo láu lỉnh :

— Dạ, đâu dám cán bộ - Rồi phấn khởi thằng Mẹo nói tiếp - Cách mạng đã thiệt. Hồi năm ngoái con cũng ăn trộm...à không, con xâm phạm tài sản nhân dân, mấy thằng cảnh sát đánh con thấy ông bà ông vải, rồi nhốt con mấy tháng. Bây giờ "giải phóng" rồi chẳng những con không ở tù mà thằng chệt Ngầu còn phải nuôi cơm con nữa. Đã thiệt.

Hai Đực trừng mắt nhìn thằng Mẹo :

— Không phải được vậy rồi mày làm tới nghe mậy. Về lo làm ăn dàng hoàng đó - Rồi Hai Đực xuống giọng - ầ, thì tao cũng có binh mày một chút đỉnh. Cái đó kêu bằng tình thương yêu giai cấp đó.

Khi thằng Mẹo đi mất rồi, Hai Đực đủng đỉnh quay vào buồng ngủ bên cạnh văn phòng. Hắn ngã lưng xuống cái giường cây thở ra khoan khoái, với tay mở "đài" nghe tin tức. Nhưng hắn chợt nhảy dựng lên. Cái đài Na-Xô-Nan người ta mới cho hắn tuần rồi đã không cánh mà bay. Hai Đực đập tay xuống giường một cái rầm.

— Đ. má mày...thằng...xâm phạm tài sản...cán bộ! □

Đọc và cổ động **Văn Học**

Tạp chí văn chương uy tín ở hải ngoại suốt mười năm qua

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

• "Chúng tôi sai lầm, cực kỳ sai lầm"

Đó là lời tuyên bố của McNamara trong cuốn hồi ký của ông về chiến tranh Việt Nam, vừa mới xuất bản. Xuất hiện vào đúng thời điểm hai mươi năm sau ngày quân đội Hoa Kỳ chính thức rời khỏi Việt Nam, cuốn hồi ký gây nhiều phản ứng sôi nổi trong mọi giới.

Mở đầu cuốn *In Retrospect: The Tragedy and Lessons of Vietnam*, McNamara, cựu Bộ trưởng quốc phòng Hoa kỳ trong thời chiến tranh Việt Nam lên cao độ (1961-1968, qua hai chính quyền Kennedy và Johnson), mở đầu "Đây là cuốn sách tôi dự định không bao giờ viết." Tuy vậy, sau một thời gian dài gần 30 năm im lặng trước những bàn tán sôi nổi về lý do tại sao Hoa Kỳ thất trận, McNamara cuối cùng đã viết cuốn sách đó. Người đọc, Mỹ cũng như Việt, ước gì ông đã giữ đúng ý định của mình!

Những lý giải tại sao Hoa Kỳ thất trận ở Việt Nam ghi lại trong sách chỉ làm cho công luận Hoa kỳ càng tăng thêm nỗi nghi ngờ và ngao ngán của họ về định chế công quyền mà họ đang có, hoàn toàn trái ngược với ước mong của tác giả. Sau khi đã thi hành một chính sách chiến tranh đưa đến việc hy sinh tính mạng của gần 60,000 quân nhân Hoa Kỳ, hơn ba triệu dân quân Việt Nam, để rồi cuối cùng thất trận lại còn đưa thêm hơn 70 triệu người dân Việt vào ách cộng sản, hàng triệu người Việt phải lưu vong khắp năm châu, McNamara chỉ làm được một điều là hối tiếc suông về những mình đã làm và không làm.

Phản ứng từ các giới quân sự và chính trị Mỹ đến dồn dập và tức thời. Báo chí phản ảnh những lời chống đối của cựu quân nhân Mỹ

tham chiến ở Việt Nam, cho rằng vị cựu bộ trưởng quốc phòng không những đã tỏ ra hèn nhát, còn thóa mạ luôn cả những hy sinh tính mạng và thân thể của đồng đội và của chính họ vào việc bảo vệ nền dân chủ và giúp một đồng minh giữ gìn nền dân chủ và quyền dân tộc tự quyết.

Qua già 400 trang sách, tác giả ghi lại những diễn biến, những tranh luận xảy ra bên trong nội các và các nhân vật có thẩm quyền về cuộc chiến ở Việt Nam, từ Cố Vấn An Ninh Quốc Gia đến bộ trưởng Quốc phòng, bộ trưởng Ngoại Giao, Bộ tham mưu Quân lực Hoa Kỳ cho đến vị đại sứ Mỹ và tư lệnh lực lượng Mỹ ở Việt Nam, nhưng tuyệt nhiên không hề nhắc đến một nhân vật cao cấp nào của chính quyền Việt Nam đương thời. Quyết định vận mệnh của một quốc gia gọi là đồng minh, nơi đang có sự hiện diện đông đảo của công dân Mỹ lâm chiến mà chẳng hề lý đến phía người Việt! Họa hoằn, McNamara có nhắc đến Ngô Đình Diệm, nhưng lại viết về vị tổng thống Việt Nam đầu tiên này với lời lẽ không mấy kính trọng. Trong suốt thời gian làm Bộ trưởng quốc phòng, McNamara đến Việt Nam nhiều lần để thị sát tình hình tại chỗ, và nhất là để bày tỏ sự ủng hộ của chính phủ Hoa Kỳ với tướng Nguyễn Khánh. Ông đã làm theo lệnh Johnson (?) là chụp hình bên cạnh Nguyễn Khánh để chứng tỏ cho mọi người thấy là đàng sau Nguyễn Khánh có Hoa Kỳ. Riêng đối với quân đội Việt Nam Cọng hòa, McNamara đã có một cái nhìn hết sức sai lầm, cho rằng đây là một thứ quân đội không thể huấn luyện được, không đủ khả năng tác chiến, lười biếng và tham nhũng. Nhưng tác giả lại cố tình quên rằng cũng vào thời điểm Tết Mậu Thân, quân đội Việt Nam cọng hòa chiến đấu anh dũng như thế nào để chính vị thượng cấp của ông là Tổng thống Johnson phải tuyên đương các đại đơn vị của quân lực Việt Nam cọng hòa như Sư Đoàn 1 tại Huế chẳng hạn.

Đại tá Harry Summers, Jr., giảng viên của trường Đại Học Chiến Tranh Lục quân lên tiếng trong một bài báo đăng trên tờ *Los Angeles Times* ngày 18 tháng 4, nhan đề "McNamara—Wrong, and Also Evil" lên án như sau: "Nhưng McNamara đã thiếu can đảm để giữ vững niềm tin. Trong cương vị cố vấn an ninh cao cấp cho tổng thống, lẽ ra ông ta phải lôi kéo Lyndon Johnson tránh xa bờ vực. Thay vào đó, ông ta đã phản bội tổng thống, đẩy tổng thống lún sâu vào bãi lầy. Và trong cương vị một nhà lãnh đạo quân sự lại càng không thể tha thứ được khi McNamara phản bội nam nữ quân nhân dưới quyền. Sau cùng, ông đã phản bội tổ quốc mà ông đã tuyên thệ phải hết lòng phụng sự. Tay ông vấy máu của 50,000 quân nhân Mỹ, và không có một sự ăn năn hay những giọt nước mắt

cá sấu nào trên màn ảnh truyền hình có thể lấp đầy được hố sâu tội lỗi của ông. Và nếu Clinton ôm choàng lấy con quái vật này để biện minh cho việc trốn lính của mình, thì cũng chỉ để cho chúng ta thấy rõ thêm cái nhân cách của ông hơn là những gì ông muốn chúng ta biết."

Bài bình luận của tờ *New York Times*, số ra ngày 12 tháng 4 cũng khắt khe không kém: "Điều hối tiếc của ông, dù có lớn lao bao nhiêu, cũng không thể nào dùng cuốn sách mà cân bằng được số quân nhân đã thiệt mạng. Hồn ma của những cuộc đời 'chưa được sống' đó sẽ mãi vây sát McNamara. Chắc chắn là trong những lúc thanh vắng của cuộc đời phong lưu, McNamara phải nghe thấy những tiếng thì thào không ngớt của những khinh binh đáng thương, chết trong các lùm cỏ cao, hết trung đội này đến trung đội khác, một cách phung phí. Những gì ông đã lấy mất của họ không thể nào đền bù được bằng những lời xin lỗi, những giọt nước mắt đã nguội lạnh trong những giờ khắc ăn khách trên truyền hình, ba chục năm sau..."

Cuốn sách này ra đời chỉ giúp ích cho tác giả (vì chắc chắn số sách bán sẽ cao), đương kim tổng thống Mỹ Clinton và Cộng sản Việt Nam.

Chính quyền cộng sản Việt Nam đã vớ lấy cơ hội này lên tiếng ngày 13 tháng 4 rằng cựu bộ trưởng quốc phòng McNamara đã làm đúng khi ông lên tiếng chối bỏ chiến tranh Việt Nam. Bộ ngoại giao Việt Nam tuyên bố : " Chúng tôi cho rằng ý kiến của Ông McNamara nói rằng Hoa Kỳ đã 'cực kỳ sai lầm' trong cuộc chiến Việt Nam là một lời phán xét phù hợp với hiện thực." Hẳn nhiên là phù hợp với hiện thực: nếu không có McNamara, làm gì cộng sản Việt Nam có được thứ anh hùng như Nguyễn văn Trỗi để đặt tên đường từ Nam chí Bắc.

Về phần Clinton, sau một cuộc phỏng vấn với phóng viên đài truyền hình CNN, sau khi máy camera đã tắt, ông tuyên bố cảm thấy được cuốn sách của McNamara minh oan. Trong kỳ bầu cử trước, công luận đã phanh phui việc Clinton trốn tránh nghĩa vụ quân dịch vì sợ bị gởi sang Việt Nam, sau đó nhờ sự can thiệp của thượng nghị sĩ Fulbright, ông gia nhập chương trình Sĩ quan Trừ bị, nhưng lại bắt được thăm có số cao để không thể nào bị gọi nhập ngũ. Hơn nữa, ông đã tham gia tích cực vào các phong trào phản chiến thời bấy giờ. Vết đen này vẫn đeo đuổi Clinton, và nay, sau khi chính thức tuyên bố tái ứng cử nhiệm kỳ hai, Clinton như được "cứu bồ" kịp thời. Sự liên hệ mật thiết giữa McNamara và Clinton thì ai cũng biết: Clinton đã từng nghỉ hè tại biệt thự của McNamara trên đảo Matha's Vineyard, Massachussetts

năm trước, cho nên lại càng không ngạc nhiên khi nghe Clinton bày tỏ ý kiến về cuốn sách, cho rằng "phải có nhiều can đảm mới viết được cuốn sách đó, và nhìn chung, đó là một việc tốt."

• Isabelle Allende viếng quận Cam

Nhà văn nữ Isabelle Allende đến thành phố Santa Ana, quận Cam nhân dịp ký tặng sách của bà tại thư viện thành phố. Thị trưởng Santa Ana, Ông Miguel Pulido ra tuyên cáo ngày thứ tư 18 tháng 4 là "Ngày Isabelle Allende."

Ông tuyên dương nhà văn người Chí lợi này là "một trong số rất ít những nhà văn nữ đứng chung với một số nhỏ nhà văn hàng đầu của Châu Mỹ Latin, đa số là phái nam."

Trong một buổi tiếp tân có khoảng 300 người tham dự tại thư viện thành phố Santa Ana, Isabelle Allende, 52 tuổi, ký tặng tác phẩm mới nhất có nhan *Paula*, viết về cái chết của người con gái 28 tuổi sau khi lâm vào tình trạng hôn mê vì một cơn bệnh ngặt nghèo. Bà phát biểu "Đối với tôi," viết cuốn sách này "chẳng khác gì đi trong một con đường hầm đen tối thăm thẳm...Tôi đã mất đứa con." Bà nói thêm là nhờ sáng tác cuốn sách mà bà đã vượt qua được những thử thách lớn lao và giúp bà thêm nghị lực để đương đầu với một biến cố ngày 8 tháng Giêng khác. Bà chọn ngày này làm mốc cho việc sáng tác của mình. "Mỗi 8 tháng 1 bắt đầu một chu kỳ sáng tác. Mỗi lần sáng tác, tôi bắt đầu từ con số không. Chẳng có công thức nào cả.." Bà tỏ ý thích sáng tác những tác phẩm "có hậu," kết cuộc nhân vật sống bên nhau "hạnh phúc đời đời," nhưng bà lại thêm là "nhân vật lại thường hay phản bội tôi."

Isabelle Allende có số sách bán nhiều nhất trong những nhà văn thuộc Châu Mỹ La tinh. Tổng số sách của bà bán được nay đã lên 10 triệu cuốn. Bà hiện sống tại Marin County, Bắc California.

• Giải thưởng Pulitzer

Ngày 18 tháng 4, như thường lệ, Đại Học Columbia tuyên bố các giải thưởng Pulitzer năm 1995 dành cho báo chí và nghệ thuật. Có tất cả 21 giải thưởng, trong đó 7 giải trao các nhà văn, nhà thơ và nhà biên khảo sau đây:

Tiểu thuyết: Carol Shields với tác phẩm *The Stone Diaries*. Carol Shields sinh ở Mỹ nhưng sống tại Canada, lột tả được những trạng thái tâm lý đa dạng của con người sống trong thế kỷ 20 qua hình ảnh một đời sống tưởng tượng của một nhân vật có tên là Daisy Goodwill Flett, sinh năm 1905, thọ đến thập niên 1990, sống ở Mỹ lẫn Canada. Cuốn sách phần lớn là những trang nhật ký ghi lại những sinh hoạt nội trợ hàng ngày của nhân vật, nhưng cũng không thiếu những nhận xét,

đối thoại của nhiều giọng nói khác, trong đó có những người bạn thân, họ hàng của nhân vật, nhân vật và của chính tác giả. Tất cả những nhãn quan khác biệt đó hòa lẫn vào nhau, tạo nên hình ảnh một đời sống tuy thường tình nhưng lại vô cùng phong phú.

Tác phẩm này cũng đã mang lại cho Carol Shields giải thưởng National Book Critics Circle Award năm 1995.

Thi Ca: Philip Levine, với thi phẩm *The Simple Truth*. Levine được ca ngợi nhờ cách dùng ngôn ngữ giản dị diễn tả lại những phấn đấu của giới lao động Mỹ. Nhà thơ năm nay 67 tuổi, hiện sống tại Fresno, California.

Sử học: Doris Kearns Goodwin với tác phẩm *No Ordinary Time: Franklin and Eleanor Roosevelt: The Home Front in World War II.*

Trong cuốn sách biên khảo tỉ mỉ, tác giả trình bày cách thế Franklin Roosevelt biến nước Mỹ từ chỗ đang là một quốc gia bị khủng hoảng kinh tế trầm trọng trở thành nguồn cung cấp chiến cụ cho Anh quốc, rồi sau đó tham chiến, cùng với những chương trình hành động của ông về mặt đối nội để biến nước Mỹ thành một cường quốc kỹ nghệ. Cuốn sách còn tiết lộ nhiều chi tiết về đời sống riêng của Franklin và Eleanor, nhất là mối liên hệ khá căng thẳng giữa tổng thống và vị Đệ nhất phu nhân ngoại hạng.

Tiểu sử: Joan D. Hendrick, tác phẩm *Harriet Beecher Stowe: A Life*

Đây là tác phẩm đầu tiên trong hơn nửa thế kỷ nay viết rất đầy đủ về cuộc đời của tác giả *Uncle Tom's Cabin*. Hendrick, hiện là giáo sư sử học, Đại Học Trinity College ở Hartford, Connecticut, đưa ra một cái nhìn toàn bộ về cuộc đời của Stowe cùng hoàn cảnh xã hội và đạo lý đương thời chung quanh việc sáng tác *Uncle Tom's Cabin* và những tác phẩm khác. Tác giả không những chỉ soi sáng thêm về cuộc đời của Stowe, mà còn cho người đọc những kiến thức mới về những thập niên trước và sau cuộc nội chiến Nam Bắc của Mỹ.

Âm nhạc: Morton Gould, "Stringmusic"

Năm nay 81 tuổi, nhà soạn nhạc tài ba này cống hiến tác phẩm đoạt giải của mình cho nhạc trưởng Mstilav Rostropovitch, người điều khiển dàn nhạc National Symphony Orchestra trình tấu bản "Stringmusic" tại Kennedy Center hôm 10 tháng 3, 1994.

Biên khảo Tổng quát: Jonathan Weiner, tác phẩm *The Beak of the Finch: A Story of Evolution in our Time.*

Ngoài tác phẩm đoạt giải, Joanthan Weiner còn viết hai cuốn sách khác về môi sinh học, mô tả

tiến trình biến hóa của vạn vật. Tác giả nhắc đến công trình nghiên cứu của hai nhà khoa học và cũng là giáo sư của đại học Princeton trong việc nghiên cứu quá trình tiến hóa qua việc đo lường độ lớn của mỏ chim oanh trong suốt hơn hai chục năm. Tiến hóa, theo ông, "xảy ra hàng ngày hàng giờ, quanh chúng ta và ai cũng có thể quan sát được."

Kịch nghệ: Horton Foote, vở kịch "the Young Man from Atlanta"

Nhà soạn kịch được vinh dự nhận giải Pulitzer năm nay nổi tiếng nhờ các chuyện phim ông phóng tác "To Kill a Mockingbird," và "Tender Mercies," hơn là nhờ các kịch phẩm của mình. Ông sáng tác hơn 50 vở kịch, tất cả đều lấy bối cảnh một thị trấn nhỏ là Harrison, nằm trên bờ vịnh Texas. Đoàn kịch The Signature Theater Company ở Manhattan dành trọn năm nay diễn những vở kịch của Morton. Năm nay 79 tuổi, nhà soạn kịch rất xúc động khi nhận được nhiều cú điện thoại gọi đến chúc mừng cũng như nhận được rất nhiều hoa gởi tặng.

• Các giải thưởng văn học khác

Giải National Book Critics Circle Award

Tiểu thuyết: Carol Shields với tác phẩm *The Stone Diaries*, cũng là tác giả và tác phẩm đoạt giải Pulitzer năm nay. Cùng tranh giải với Carol Shields trong thể loại này còn có William Gaddis với tác phẩm *A Frolic of His Own* (giải National Book Award 1994). Theo lời Art Winslow, thành viên hội đồng chấm giải thì cuộc tranh đua giữa hai tác phẩm này rất cam go, và Carol Shields thắng Gaddis sau một "cuộc tranh cãi rất sôi nổi của hội đồng giám khảo."

Biên khảo tổng quát: *The Rape of Europa: The Fate of Europe's Treasures in the Third Reich and the Second World War* của Lynn H. Nicholas, Alfred A. Knopf xuất bản. Hội đồng ca ngợi tác giả tạo được một điểm mốc mới trong sử học khi chú trọng vào khía cạnh thường bị các nhà sử học lãng quên: đó là việc chính quyền Đệ tam Đức quốc xã ruồng bố và thâu góp di sản văn hóa của Âu châu.

Thi ca: *Rider*, tuyển tập thơ thứ tư của Mark Rudman, giáo sư đại học Columbia và các đại học thuộc hệ thống New York University. Tuyển tập này do Wesleyan Univesity Press/University Press of New England xuất bản.

Tiểu sử: *Shot in the Heart* của Mikal Gilmore, Doubleday xuất bản, ghi chuyện một gia đình Mỹ và những đổ vỡ về tinh thần của họ. Tác giả là em của Gary Gilmore người đã bị xử bắn tại Utah năm 1977 sau khi bị kết tội sát nhân.

Phê Bình: *The Culture of Bruising: Essays on Prize Fighting, Literature and Modern American Culture* của Gerald Early, giáo sư đại học Washington University ở St. Louis, gồm nhiều bài luận văn về nhiều đề tài từ đấu quyền Anh, kỳ thị chủng tộc, đến việc nuôi dạy con gái.

Giải PEN/Faulkner năm nay trao cho nhà văn David Guterson với tác phẩm đầu tay *Snow Falling on Cedars*, do nhà Harcourt Brace xuất bản. Giải thưởng này trị giá US$15,000. Hội đồng giám khảo đã xem xét hơn 300 tiểu thuyết và tuyển tập truyện ngắn xuất bản năm 1994 trước khi quyết định trao giải thưởng cho Guterson. Lấy hứng từ tác phẩm *To Kill a Mockingbird*, cuốn tiểu thuyết của Guterson đặt trọng tâm vào một phiên tòa xử một ngư phủ người Mỹ gốc Nhật bị cáo buộc sát nhân. Cùng với tác phẩm này, Guterson được trao tặng giải thưởng Barnes & Noble Discover Great New Writers Award tháng trước.

Ngoài ra, bốn nhà văn khác cũng được cấp giải trị giá US$5000, gồm có Joyce Carol Oates với tác phẩm *What I Lived For* (Dutton/ Wlliam Abraham xuất bản); Ursula Heigi với tác phẩm *Stones from the River* (Poseiden xuất bản); Frederick Busch với tác phẩm *The Children in the Woods: New and Selected Stories* (Ticknor & Dields xuất bản), và Joanna Scott với tác phẩm *Various Antidotes Stories* (Henry Holt & Co. xuất bản).

Giải thưởng sẽ được trao vào ngày 13 tháng 5 tới đây tại Hoa thịnh đốn.

Giải thưởng phê bình văn học Truman Capote Literary Criticism Award lần đầu tiên trao cho P.N. Furbank, một học giả người Anh với tác phẩm *Diderot*. Giải thưởng trị giá US$50,000 trao cho tác phẩm phê bình văn học viết bằng Anh ngữ xuất bản trong bốn năm qua. *Diderot* là một cuốn biên khảo về cuộc đời của triết gia và kịch tác gia người Pháp thế kỷ 18, được một hội đồng gồm sáu nhà phê bình văn học trong số đó có Henry Lois Gates, Elizabeth Hardwick và Geoffrey Harman tuyển chọn.

Giải Lincoln 1995 về tay Phillip Shaw Paludan với tác phẩm *The Presidency of Abraham Lincoln*, trị giá US$50,000, dành tặng cho những công trình nghiên cứu có giá trị về Cuộc Nội chiến. Giải thưởng này đã được trao hôm 13 tháng 4 tại Lincoln and Soldiers Institute, thuộc đại học Gettysburg.

Giải thưởng Helen Berstein Award for Excellence in Journalism năm nay về tay Joseph Nocera với tác phẩm *A piece of the Action: How the Middle Class Joined the Money Class* do Simon & Schuster xuất bản. Giải thưởng này do Thư Viện Thành Phố New York trao

tặng hàng năm cho một tác phẩm ngoại hạng, ảnh hưởng sâu xa lên lề lối suy nghĩ của công chúng.

• Đầu bếp trở thành nhà văn

Chuyện nhà văn đi làm đầu bếp, mở nhà hàng ăn, như trường hợp của Nguyễn Huy Thiệp ở Hà Nội có lẽ không làm nhiều người ngạc nhiên. Sống bằng nghề viết văn, ở Việt Nam hay ở bất cứ một nơi nào khác trên thế giới, là chuốc lấy một đời sống khá bấp bênh.

Nhưng khi đã có được một nghề nghiệp kiếm sống vững vàng, như làm đầu bếp chẳng hạn, mà lại là thứ đầu bếp thượng thừa — executive chef— Anthony Bourdain lại mang hoài bão làm một nhà văn lớn, và anh đã thực hiện được mộng ước của mình. Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của người đầu bếp thượng hạng này có nhan *Bone in the Throat*, sẽ do nhà Villard xuất bản vào tháng 6 tới đây. Theo học đại học Vassar được hai năm, chỉ lo đàn đúm với bạn bè rồi rốt cuộc phải bỏ học, nhà văn tương lai này đã không kiếm được việc làm, đành phải theo học nấu bếp tại trường dạy nấu ăn Culinary Institute of America. Năm nay 38 tuổi, anh phát biểu: "Tôi yêu thích không khí đàn đúm ở trong nhà bếp, nhất là sau khi học xong tôi kiếm được việc ngay." Một người bạn học cũ ngày trước ở đại học Vassar thúc bách anh sáng tác khi nhận ra anh có tài viết văn. Chính người bạn học đó bây giờ trở thành *agent* cho anh.

Nghĩ cho cùng, làm bếp hay viết văn đều có điểm giống nhau: cần có óc sáng tạo.

• Viết sách để tranh cử tổng thống

Vận động tranh cử bằng sách nay có vẻ đã lỗi thời, trong khi truyền hình là phương tiện được các ứng cử viên ưa chuộng nhất. Thế nhưng trong lúc chưa đủ khả năng tài chánh để trang trải chi phí vận động trên truyền hình (có thể lên đến hàng chục triệu Mỹ kim), sách lại là một phương tiện vận động tranh cử mà các ứng viên tổng thống Mỹ tìm cách khai thác.

Như cuộc vận động tranh cử năm 1992 chẳng hạn. Ross Perot với *United We Stand*, Al Gore với *Earth in the Balance* và cuốn sách ông viết cùng Bill Clinton *Putting People First* đều là những cuốn sách giúp ích khá nhiều cho cuộc chạy đua vào tòa Bạch ốc. Tất cả ba cuốn trên đều được liệt vào hàng sách bán chạy (best sellers).

Năm nay, Lamar Alexander xem ra là người đầu tiên dùng sách để vận động cho mùa bầu cử năm tới. Đó là tác phẩm *We Know What to Do: A Political Maverick Talk with America*, do nhà Morrow xuất bản vào tháng 9 tới đây.

Cuốn sách bìa cứng đề giá $23 của ứng viên Alexander, nguyên Bộ trưởng Giáo Dục và Thống đốc Tennessee, rút từ kinh nghiệm một

chuyến đi xuyên nước Mỹ và thảo luận các vấn đề quốc gia với dân chúng ở khắp nơi. Jacqueline Deval, phát ngôn nhân của nhà Morrow cho biết cuốn sách có nội dung"phơi bày những gì sai trái của nước Mỹ và cách thức sửa chữa những sai trái đó." Nhà xuất bản dự định in 50,000 bản. Các biện pháp Alexander đề nghị gồm có việc chuyển giao các chương trình của liên bang (trị giá 200 tỉ) cho chính quyền tiểu bang và quận hạt, dẹp bỏ Bộ Giáo dục, chuyển giao các chương trình trợ giúp gia cư cho tư nhân và cắt giảm một nửa lương dân biểu và thượng nghị sĩ.

• Milan Kundera và văn giới Việt Nam

Nhà văn Nguyễn Khải mới đây trong khi trả lời phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ Chủ nhật (số 8-95) cho biết ông từ Hà nội vào Sài gòn chỉ mang theo một bí kíp mà Nguyên Ngọc cho mượn, đó là cuốn *Nghệ Thuật Viết Tiểu Thuyết* của Milan Kundera một nhà văn lưu vong Tiệp khắc. Nguyễn Khải nói đọc xong cuốn sách của Kundera, ông đã thay đổi cả cách nhìn, cách nghĩ, kể cả quan niệm của mình về tiểu thuyết. Ông nói: "Nếu còn viết, chắc chắn tôi sẽ không viết như cũ nữa. Nhưng chẳng biết có còn đủ sức để thay đổi không".

Đối với Nguyễn Khải, trong hai mươi năm trở lại đây, hai cây viết ông "tâm phục" và "khẩu phục" là Nguyễn Huy Thiệp và Phan thị Vàng Anh.

Ông nói "Tác phẩm Nguyễn Huy Thiệp như đóng cái đinh trước mắt tôi, bắt mình cứ phải nhìn vào đó, để làm sao không được đứng thấp hơn cái đinh nhiều quá, còn đứng ngang bằng thì không được rồi."

Người thứ hai ông "tâm phục" là Phan thị Vàng Anh. Ông nói "Vàng Anh viết về cái ngơ ngác, cái ngỡ ngàng, buồn nản, bâng khuâng của thế hệ cô rất giỏi. Đó là thứ văn chương tâm trạng, nhưng đọc mình cứ tủm tỉm cười một mình"

Tuy nhiên, theo Nguyễn Khải, cả hai cũng còn có những điểm chưa được, để có thể lớn như mình mong muốn. "Vàng Anh đang lặp lại, thế thì chóng hết lắm. Còn truyện Nguyễn Huy Thiệp bớt *tối* đi một chút thì thích hơn. Cái phần *thú* trong Nguyễn Huy Thiệp nói đúng cả đấy, nhưng chỉ nói mãi phần đó thôi thì...ghê quá.

Mà thực tế là vậy, có cả *con* và *người* cùng tồn tại trong *con người* kia mà".

Không biết bí kíp Milan Kundera có giúp được gì cho Nguyễn Khải không, vì hai nhà văn tuy cùng sống dưới chế độ cộng sản nhưng một người là kẻ bị lưu dày, một người có quyền lưu dày. Có lẽ càng về già, Nguyễn Khải càng thấy đúng là "cõi nhân gian bé tí", và bắt đầu xét lại mọi điều.❐

giữa người đọc và người viết

Kể từ số này, Văn Học trích đăng ý kiến của bạn đọc về những bài viết trong mục này. Từ lâu, Văn Học mong mỏi được là diễn đàn giữa người đọc và người viết, trong tinh thần tương kính, xây dựng, góp ý để soi sáng những vấn đề tác giả phát biểu, và hằng được bạn đọc chú ý. Tưởng cũng nên nhắc lại, quan điểm trong các bài viết không nhất thiết phản ánh quan điểm của Văn Học. Văn Học dành trọn quyền nhuận sắc các ý kiến được phát biểu để duy trì mối tương kính sẵn có giữa người đọc và người viết.

Văn Học mong mỏi đón nhận ý kiến của bạn đọc trong tinh thần xây dựng và học hỏi lẫn nhau.

***Trần Đại Trung** Orange CA:* (lược trích thư gửi V.H.)

Báo Văn Học càng ngày càng khá ra, nhưng số 108 vừa ra có một vài điều tôi không đồng ý:

Đầu tiên là bài của ông Tạ Chí Đại Trường. Quốc gia nào cũng có những giai đoạn mù mờ giữa huyền thoại, huyền sử và lịch sử; tác giả không nêu ra hướng khảo cứu (mà ông cho là nghiêm túc hay khả dĩ) lại chỉ phê bình hết Tây rồi Miền Nam, Miền Bắc. Vào quãng tháng Ba âm lịch này mà báo đăng một bài tiêu cực như vậy, quí anh có nghĩ là hợp thời không?

Điều thứ hai là bài phỏng vấn Hoàng Xuân Hãn. Khi mời ông liệt kê các công trình đáng nhớ, Nguyễn Nam Anh đã cho bạn đọc thấy H.X.H. là người tự cao (*phép dạy chữ quốc ngữ là do chúng tôi làm ra, ...một năm sau khi Pháp trở lại Đông dương tôi viết cuốn Lý Thường Kiệt, nhằm cảnh cáo quốc dân về nạn ngoại xâm*), và nhất là ngây thơ đối với người cộng sản (*cái ý của tôi hồi đó muốn nhắn các anh ấy* - Phạm văn Đồng và lãnh đạo cộng sản VN, trong dịp họ đi dự hội nghị Genève 1954 - *là mình cần Trung quốc để giành độc lập từ tay Pháp, nhưng mình cũng phải coi chừng Trung quốc. Lúc ấy không ai tin lời tôi cả. Nhưng tới hồi 1980 họ mới thấy lời tôi là đúng*). Người ta tranh đấu có mục tiêu và chủ đích trong hệ thống quốc tế cộng sản mà H.X.H. cứ từ ngoài đời bàn vào, lại than là họ không nghe! Thời điểm 1980 ông

nêu lên như là lúc họ giác ngộ (về thực tâm của Trung quốc) cũng lại không đúng vì Hà nội công khai gặp khó khăn với Bắc kinh từ trước đó cả hơn một thập niên và chiến tranh đôi bên xảy ra ác liệt năm 1979. Phải chi ông cụ cứ tự hạn chế mình trong lãnh vực khảo cứu văn học!

Ngay cả trong lãnh vực nghiên cứu văn học, ông H.X.H. đưa ra một số lập luận về truyện Kiều mà không nêu ra cơ sở của luận chứng. Không phải cái gì H.X.H. nói, dù là chỉ về cổ văn học, cũng đều đáng tin cả, cảm ơn Nguyễn Nam Anh về sự thật trên.

Văn Học không bàn về những quan điểm bất đồng của ông về chính trị đối với lối nhìn của Hoàng Xuân Hãn. Riêng vấn đề nghiên cứu cổ văn, chúng tôi nghĩ vì giới hạn của một cuộc phỏng vấn trực tiếp, học giả Hoàng Xuân Hãn không có thì giờ đưa ra những văn liệu chi tiết để chứng minh cho lập luận của mình. Anh Nguyễn Nam Anh sẽ liên lạc với cụ Hoàng Xuân Hãn để nhờ cụ công bố những văn liệu trên, chẳng hạn về luận cứ của cụ cho rằng Nguyễn Du viết truyện Kiều vào thời Tây sơn. Xin cảm tạ thiện chí đóng góp ý kiến mau mắn của ông.

***Nguyễn Anh Thăng**, Houston TX:*

Sau một thời gian ngắn thay đổi hình thức - rất trang trọng, trí thức và có dáng vẻ thích hợp với một tạp chí chuyên môn - Văn Học đã cải tiến về nội dung rất nhiều so với những năm trước. Hy vọng Văn Học sẽ trở lại vị trí hàng đầu như những năm 1985, 1986...Độc giả sẽ đọc được những bài biên khảo đặc sắc và những khám phá mới về các tác giả mới cho văn học hải ngoại.

1) Bài viết "Sử học và Truyền thống Hùng vương" của tác giả Tạ Chí Đại Trường đọc rất thấm. Ông viết vẫn vậy. Mấy năm trước vui buồn theo *"Một khoảnh VNCH nối dài"*, *"Việt Nam nhìn từ bên trong"*, tôi đọc được một lối nhìn độc đáo của một sử gia về thời nhiễu nhương cận đại của nước VN, cộng thêm tài viết châm biếm khéo léo và "den" của ông. Đang đọc theo mạch văn rất trang trọng, rất academic của ông, bỗng ông cho xổ dạt vào vài câu làm mình bật lên cười, không thể ngừng lại được. Nếu được, tạp chí Văn Học nên phỏng vấn Tạ Chí Đại Trường. Lúc đó, xin người phỏng vấn hỏi giùm cho tôi những câu hỏi sau:

Câu thứ nhất: Trong bài phỏng vấn cụ Hoàng Xuân Hãn Văn Học số 108, cụ có nói: "Hôm nay có người cháu mới qua Paris, tôi hỏi những công việc nghiên cứu bên nhà đang làm về khảo cổ học, thấy họ làm cũng cao lắm, cẩn thận lắm". Trong bài viết của Tạ Chí Đại Trường, rải rác đây đó ông chứng minh những bóp méo của giới nghiên cứu Hà nội về thành Cổ loa, tên Thục Hán, trống đồng Đông

sơn. Những điều T.C.Đ.T. nêu ra chứng minh những nhà khảo cổ Miền Bắc làm việc có cẩn thận không?.

Cụ Hoàng Xuân Hãn bảo chúng ta cần "matériel" để nghiên cứu và "matériel" chỉ có ở VN (trang 51), điều đó chắc ai cũng đồng ý. Nhưng liệu các nhà nghiên cứu VN có "thực sự" vận dụng những phương pháp khảo sử học được ở Nga, Đông Đức, hay chỉ là những người lên đồng như T.C.Đ.T. viết về tập hợp "Hùng vương dựng nước", "Chính trị là thống soái" (trang 10).

So sánh hai ý kiến khác nhau của hai nhà nghiên cứu sử, tôi xin được hỏi ý kiến của T.C.Đ.T. về vấn đề này. Ông đúng hay cụ Hãn đúng?

Câu thứ hai: Cụ H.X.H. nói: "Nhưng các bạn ấy cũng nên tìm cơ hội để khảo chứng những vấn đề VN, và muốn như vậy, không có cách nào khác là liên lạc với những người cùng giới ở VN, về lại VN để khảo sát tại chỗ. Chuyện đó bây giờ không còn khó khăn nữa" (trang 57). Tác giả T.C.Đ.T., ai cũng biết, thuộc vào những người mà cụ Hãn gọi là "những người bị mất mát nhiều". Ông có nghĩ là "người ta" (những nhà nghiên cứu sử ở Hà nội) cho là ông đang "nuôi hận thù" mà chê trách họ quá đáng chăng? Hoặc ông vẫn nghĩ mình là một sử gia đầy công tâm?

Câu thứ ba: Thời gian ở bên VN, sau 1975, những công trình nghiên cứu của ông như "Thần, Người, và Đất Việt" có được sự giúp đỡ của những người có quyền ở VN không? Hoặc ông phải tự lực và gặp rất nhiều khó khăn để tìm tư liệu? Nếu có, thì ông có nghĩ trong tương lai gần, khi được cơ hội về VN nghiên cứu, những người cùng giới bên nhà sẽ gặp gỡ, cộng tác, giúp đỡ cho công việc của ông không?

Câu thứ tư: Ông có cơ hội gặp gỡ nói chuyện với những sử gia Miền Bắc như Trần Quốc Vượng, Phan Huy Lê, Hà văn Tấn, Văn Tân...không? Nếu có, xin ông cho biết ý kiến về những sử gia Miền Bắc này.

2. Ai cũng rõ Hoàng Xuân Hãn là một nhà nghiên cứu được biết tiếng qua nhiều thế hệ. Đọc bài phỏng vấn cụ rất thích. Biết nhiều về những sai sót trong nghiên cứu chữ Nôm, truyện Kiều...Tuy nhiên, trong bài phỏng vấn, tôi có một thắc mắc nhỏ về cụ. Trang 50, cụ bảo là khi qua Paris cụ thấy là sự hiểu biết của mình về toán học đã lỗi thời. Sau đó, cụ lại bảo là sau khi thôi làm kỹ sư cho công ty sản xuất máy phát điện nguyên tử, cụ chuyển sang làm kỹ sư ngành toán học (trang 52). Kỹ sư ngành toán học là kỹ sư gì? Hơn nữa tôi cảm thấy mâu thuẫn với những gì cụ nói ở trang 50.

Đọc những bài phỏng vấn của Nguyễn Nam Anh rất thích, vì ông có nhiều câu hỏi bất ngờ, lý thú.

Có những chỗ người được hỏi trả lời chưa rõ ràng. Nếu không gì trở ngại, như tế nhị này nọ, xin anh hỏi cho đến tận cùng như kiểu các ký giả Mỹ, nếu cần cứ "tra tấn" người được phỏng vấn để tìm ra sự thực.

Văn Học sẽ chuyển các câu hỏi của ông cho T.C.Đ.T. và chắc chắn đây là cơ hội tốt để T.C.Đ.T. kể lại các khó khăn cho người nghiên cứu Miền Nam khi muốn tiếp tục đam mê của mình dưới chế độ cộng sản. Trong khi chờ đợi, Văn Học xin trích thư của T.C.Đ.T. về bài viết của chính mình và bài phỏng vấn cụ Hoàng Xuân Hãn:

"Mới nhận được Văn Học số 108. Đọc bài của mình thấy tức cười. Không giống ai hết. Cứ một mình một cõi như vầy thì bị gạt ra ngoài cũng là phải. Lại đọc ông H.X.H. mới thấy tính cách "thuận chiều lịch sử" từ bên ngoài, như ông N.N.B. nói trong thư gửi cho tôi. Trong cái-có-lý của ông H.X.H. tôi thấy có sự thiên lệch - mình nhạy cảm quá chăng?

Ông lấy chứng cứ thời nhà Minh, nhà Hồ để so sánh với thời bây giờ, thì chẳng còn giá trị khảo sử nào cả, đó chỉ là chuyện luận cổ suy kim. Thời đại in ấn khó khăn của Nam Ông Mộng Lục *và* An Nam Chí Lược *đâu có bằng thời đại có máy in đặt gọn trên bàn như ngày nay? Cho nên H.X.H. thiên lệch rõ rệt khi cho rằng* Minh Mệnh Chính Yếu *là của Hà nội dịch. Tôi thấy nhà in Thuận Hóa in lại bản dịch của Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa ở Sài gòn ngày xưa mà."*

NHẠC GIAO HƯỞNG

thân mời quý bạn đọc của Văn Học tham dự buổi hoà nhạc

"1-9-7-5"

Tổ khúc giao hưởng của Lê Văn Khoa.
Với dàn nhạc PSI dưới quyền điều khiển
của nhạc trưởng Edward Cumming
vào hồi 3 giờ chiều
thứ Bảy mùng 3 tháng 6 1995
tại
Orange County Performing Arts Center
thị xã Costa Mesa, California

Vào cửa: miễn phí. Xin liên lạc để lấy vé trước từ đầu tháng Năm, tại VAALA (714) 537-8352. Nhận tặng kim (mọi đóng góp đều được trừ thuế lợi tức)

TOÀ SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Phan thị Trọng Tuyến Ludres France; Bùi Ngọc Tô San Jose CA; Phan văn Thinh Rockville MD; Lưu Hà San Diego (gia hạn báo của An Clinic Pharmacy Canada); Nu Dang Rose Fashions Chicago; Nguyễn T. Phương Garland TX; Trần Huy Bích Carson CA; Phạm Đình Cường Canada (check 30 đô do HL chuyển); Mộng Hoàng Hoa El Cajon CA (mua sách và gia hạn báo); Trần Ngọc Toàn Springfield VA; Dương Thu Lan Northridge CA; Footscray Library Australia; Trung Việt Bookstore Montréal; Joseph Duong Phan Bublin CA; Tôn Nữ Phương Chi Silver Spring MD, Garden Grove Post Office; Vu Duy Tu Germany; Hoàng Đỗ Spokane CA; Nguyễn thị Sương Houston TX; Cornell University NY; Hien Kim Chicago IL; Nguyễn Xuân Sơn Fairport NY; Lê Tấn Lộc Pierrefonds Canada, Thanh Nguyễn Saint Paul MN; Phạm văn Thức Ottawa Ont. Canada; Canh Thanh Le Elverta CA; Khongtuoc M. Tran San Diego CA, Toàn Thư Bookstore San Jose CA; Khai Hoang & Quy Pham Tustin CA; Phan văn Thinh Rockville MD; Thinh van Nguyên Anaheim CA; Lê Quốc Uy Ont Canada; Thuận Rick Y Rochester MN; Thu Huy Nguyen Las Vegas NV; Ton That Tuan Sudbury Ont Canada; Them Hong La Habra CA; Van Do Irondale AL; Hoàng Quốc Hùng Peopia IL; Lê Đình Tài Sweden, Nguyễn Linh Quang Paris France; Nguyễn Mạnh Thắng Orléans Canada; Anh Hồ FPO, AP 96663; Nguyễn thế Việt Germany; Nam Vu Brooklyn NY.

Nhắn tin chung

Quí bạn gia hạn hoặc mua báo có yêu cầu tặng sách, tính đến ngày 20.4.95, tòa soạn đã gửi sách biếu. Trong trường hợp đến nay có bạn vẫn chưa nhận được sách biếu, xin tin cho Văn Học biết để chúng tôi gửi bù cuốn khác. Những sách mua, nhà xuất bản Văn Nghệ phụ trách gửi thẳng đến quí bạn.

Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Trăng, Tôi và Sao Mai gửi từ Seattle WA; Aduốk, ông là ai gửi từ Anaheim CA; Về núi thăm người gửi từ San Diego CA; Với Huế gửi từ Holland; Người dàn ông chủ nhật gửi từ San Jose; Người không in tác phẩm gửi từ Falls Church VA; Dục bỏ lời đề tặng, Chỉ mới là ắt đầu, Phù vân gửi từ Santa Ana CA; Chiều 29.4 trên đường Công Lý gửi từ Worcester MA; Tương phùng, Tặng biệt, Laguna Beach, Mưa gửi từ Ana-

heim CA; Có những thoáng ngậm ngùi gửi từ Gauting Germany; Sáu mùa đông trên một chiếc xe tang, Cơn thao thức mù lòa gửi từ Falls Church VA; Quê hương gửi từ Tustin CA; Hoài niệm xanh gửi từ Santa Ana CA; Đơn điệu, Phùng gửi từ Montréal Canada; Nơi này, Trưa đọc Nam Hoa kinh, Ảo gửi từ Renton WA; Hà nội, tình yêu thời mở cửa gửi từ Berlin Germany; Chiều, Long lanh, Thơ hoa, Thơ tình Cỏ đông , Bước chân gửi từ Portland; Bướm đêm gửi từ Paris France; Chùm thơ chiêu hồn tử sĩ gửi từ Saint Paul MN; Bài ca người đan sọt gửi từ Lancaster CA; Huế và Em đuổi trăng trôi chốn nào gửi từ Monterey Park CA; Buổi đi thăm bất đắc dĩ gửi từ Netherland; Thơ Huyền thoại gửi từ Santa Ana CA; Thu vàng lá bay, Hỏi thăm núi Ngự sông Hương, Thu xưa giờ đã vàng tên gửi từ Westminster CA; Về núi thăm người gửi từ San Diego CA; Tiếng động từ quá khứ gửi từ Québec Canada; Tháng Giêng, Tháng Hai gửi từ Springfield; Tương phùng, Tặng biệt, Laguna Beach, Mưa gửi từ Anaheim CA; Trăng mật, Xôn xao tình đầu gửi từ Australia; Nhường cho em đường mây trên cánh gió gửi từ Alhambra CA; ở nơi không có một giòng sông gửi từ Santa Ana CA; Tháng 4 chiêm bao gửi từ Anaheim CA; Chuyện tình-Tình chỉ gửi từ Falls Church VA; Ở đâu gửi từ Springfield VA; Xanh cũ tay người,Mắt nong buồn tương tư gửi từ Santa Ana Ca; Ngày hát khúc tình xưa, Ra tù về lại Hội an gửi từ Memphis TN; Nhìn vào cấu trúc tiếng mẹ đẻ gửi từ San Francisco CA.

Nhắn tin cho văn hữu

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của các văn hữu sau đây: Mai Thảo, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nhật Tiến, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Võ Phiến, Trần Thị Kim Lan, Trần Mộng Tú, Bùi Bích Hà, Vi Khuê, Hàn Song Tường, Lê thị Huệ, Lê thị Thấm Vân, Võ Đình, Du Tử Lê, Phạm Xuân Đài, Đỗ Kh., Kiệt Tấn, Võ Kỳ Điền, Hoàng Liên,Vĩnh Hảo, Luân Hoán, Hồ Đình Nghiêm, Cao Tần, Trang Châu, Ngu Yên, Hoàng Xuân Sơn, Chân Phương, Phan thị Trọng Tuyến, Trần Vũ.

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học tiếp tục phỏng vấn và nhận những ý kiến của các văn hữu khác. Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

📖 ***Mùa thu trên phím đàn***, tuyển tập truyện ngắn của Vũ Phương Nam và Bùi Thanh Liêm, Xuân Thu xuất bản, ảnh bìa của Bonnie Lam, minh họa của Vũ Hoàng Lân, Trúc Đào trình bày, sách dày 220 trang, giá 10 Mỹ kim. Tuyển tập truyện ngắn của hai tác giả in xen kẽ vào nhau, gồm tám truyện của Vũ Phương Nam và chín truyện của Bùi Thanh Liêm, cả hai đều là tác giả quen thuộc của nhiều tạp chí văn chương hải ngoại, đều nhất là trên tờ Văn.

Bạn đọc nào muốn mua sách có chữ ký của tác giả, xin liên lạc về :

Mr Vu,
PO Box 14031
Huntville AL 35815.

📖 ***Người lính không có vũ khí***, tập truyện của Nguyễn Mạnh An Dân, Làng Văn xuất bản, sách dày 230 trang, giá 11 Mỹ kim. Nguyễn Mạnh An Dân là một cây bút quen thuộc của độc giả Làng Văn, Lửa Việt, Độc Lập, Kháng Chiến, Canh Tân. Ngay từ khi còn ở trại tị nạn, anh đã có nhiều truyện và tiểu luận đăng trên báo hải ngoại, mà chủ đề chính là văn chương đấu tranh. Tám truyện ngắn trong tập truyện này có cùng chung một tâm cảnh: tâm cảnh của người lính VNCH trước những áp ức của chế độ cộng sản và trong cuộc sống ở trại tị nạn.

Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách.

📖 ***Hạnh phúc đến rồi đi***, truyện dài của Viên Luông, Tình Thương xuất bản, sách dày 240 trang, giá 12 Mỹ kim. Trần Ngọc, Lâm Tường Dũ, Nguyễn Thạch Kiên viết lời giới thiệu. Theo Lâm Tường Dũ, "đọc Hạnh phúc đến rồi đi, người ta sẽ thấy tình yêu và hạnh phúc chỉ là sự đợi chờ mũi tên ra khỏi nỏ. Tới mau hay chậm chỉ là thời gian. Cắm sâu hay cạn chỉ là sức giương của hoàn cảnh ". Trần Ngọc thì cho rằng "tác phẩm đẹp ray rứt nhưng vẫn nhẹ nhàng".

Địa chỉ liên lạc:
Nhà xuất bản Tình Thương
1610 N. Fairview St.
Santa CA 92706.

📖 ***Nơi cuối dòng sông***, truyện dài của Vũ Nam, Viên Giác, Germany xuất bản, tranh bìa của nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân, tranh và ảnh phụ bản của Lê Quang Xuân, Phạm Thăng, sách dày 25o trang, giá 14 Đức kim. Vũ Nam là một cây bút quen thuộc của cộng đồng người Việt tại Đức, tác giả những tác phẩm "Sau ngày tan" (tập truyện 1987), "Bên dòng sông Donau" (tập truyện 1990), "Bên này bức tường Bá linh" (tập truyện 1993). Đây là truyện dài đầu tiên của Vũ Nam được xuất bản. Truyện kể lại những mảng đời gian

truân của những thanh niên vừa vào đời ngay sau khi cộng sản thôn tính Miền Nam, không gian truyện là Sài gòn và những tỉnh phụ cận. Vũ Nam có lối viết bình dị, kể truyện xuôi dòng thời gian chứ không cố ý làm văn chương nên truyện dài giống như một thứ hồi ký. Không thấy đề nơi phát hành sách.

📖 ***Việt đạo, trong sáng tạo lịch sử*** của Nguyễn Anh Tuấn, Nhóm Phát huy Tinh thần Hùng gia Dại Việt xuất bản tại USA, sách dày 650 trang, giá 25 Mỹ kim. Đây là một cố gắng đi tìm một hệ tư tưởng Việt Nam nhằm dung hóa mọi mâu thuẫn và tạo niềm tự hào dân tộc, như những cố gắng đã có trước đây của Lý Đông A, Linh mục Kim Định. Sách không thuộc loại khảo cứu thông thường vì viết bằng đam mê và nhiệt tình hơn là bằng luận lý. Sau phần trình bày về Việt đạo của tác giả, có ý kiến của 18 nhân vật uy tín của cộng đồng người Việt hải ngoại về tác giả và cuốn sách như ý kiến của Thích Màn Giác, Đỗ Vạn Lý, Kim Định, Nguyễn Thành Long, Trần văn Ân, Tinh Quang, Hoàng Xuân Hào, Phạm Cao Dương, Trần Bình Nam, Lưu Trung KHảo, Đỗ Quý Sáng, Hà Thế Ruyệt, Dặng cao Thăng, Trần Thế Ngữ, Đỗ Tiến Lộc, Nguyễn NHư Đúc, Bùi đắc Chương, Hoàng văn Đức.

Địa chỉ liên lạc:
Ủy ban Phát huy Tinh thần Hùng gia Đại Việt,
c/o Bùi Đắc Chương
9353 Bolsa Ave # KF-64
Westminster CA 92683 USA.
Phone: (714) 554-7180.

📖 ***Bóng sắc giai nhân trên đường Bắc tiến và Nam tiến***, của Lệ Vân, Tiếng Sông Hương Dallas TX xuất bản, tựa của Hương giang Thái văn Kiểm, bạt của Nguyên Hương Nguyễn Cúc, sách dày 184 trang, giá 10 Mỹ kim. Đây không phải là một công trình nghiên cứu sử về vai trò của các phụ nữ từng có tên trong lịch sử. Dựa vào những tài liệu sử có sẵn, tác giả viết về những người phụ nữ từng góp công trong việc mở mang xây dựng đất nước. Nguyên Hương Nguyễn Cúc đã viết trong lời bạt: "Từ căn bản văn hóa cổ truyền dân tộc, với cái nhìn khoáng viễn về ý nghĩa lịch sử bên kia chân trời, hẳn rằng trong tương lai sự đóng góp của phụ nữ trong ý nguyện phục hưng đất nước sẽ còn nhiều hơn và đa diện hơn. Đọc xong "Bóng sắc giai nhân trên đường Bắc tiến và Nam tiến" và nếu kết luận được như trên: lịch sử là một giấc mơ, một giấc mơ ràng buộc, phải chăng đây là giấc mơ của tác giả khi mở đầu tập sách, và cũng là giấc mơ của độc giả khi đọc xong "Bóng sắc giai nhân trên đường Bắc tiến và Nam tiến?" Liên lạc:

Tiếng Sông Hương
6730 Stichter
Dallas TX 75230.

🕮 ***Chỗ một đời em vẫn để, dành***, tùy bút của Du Tử Lê, Nhân Chứng xuất bản, sách dày 200 trang, giá 12 Mỹ kim. Tập tùy bút thứ hai của Du Tử Lê (sau tập "Em và, mẹ và, tôi là một nhé" xuất bản năm ngoái), gồm mười tùy bút lấy cảm hứng trực tiếp từ cuộc đời riêng của tác giả và được viết với một ngôn ngữ mới rất "thơ". Chữ "thơ" ở đây không có nghĩa chung là cái gì nhẹ nhàng thơ mộng. "Thơ" là "thơ Du Tử Lê" những năm gần đây, với những tìm kiếm làm mới hình thức bằng những dấu chấm, phẩy, ngắt đoạn khác thường, tạo một nhịp điệu mới. Tập tùy bút có tranh Khánh TRường, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Đinh Cường và nhạc Anh Bằng, Trần Duy Đức, Khang Thụy.

Nhà xuất bản Văn Nghệ tổng phát hành:

P.O. Box 2301
Westminster CA 92683
Phone :714-527-5761.

🕮 ***Hạt bụi nào bay qua***, thi tập của Thái Tú Hạp, Sông Thu xuất bản, sách dày 260 trang, giá 12 Mỹ kim. Đây là thi phẩm thứ hai được xuất bản ở hải ngoại của Thái Tú Hạp, tập trước là "Miền yêu dấu phương đông" xuất bản năm 1987. Tựa của Mai Thảo, phần ngoại tập có ý kiến của Duy Lam, Luân Hoán, Bùi Bảo Trúc, Trần văn Nam, Trần Lư Nguyên Khanh. Tranh bìa Đinh Cường. Mai Thảo nhận định rất đúng trong lời tựa về tập thơ: " Một gắn bó sắt son và bất biến với giống nòi và nguồn gốc do nơi những rung động ở quê nhà ngày trước, trên quê người bây giờ, trước sau là nhất quán, không bao giờ đổi thay. Những bài thơ trong sáng, êm đềm, như có một thiền định nào đó giữa hai dòng chữ." Liên lạc:

Trần Ái Cầm
P.O. Box 428
Rosemead CA 91770
Phone: 818-286-9798.

🕮 ***Hoa vàng cũ***, tuyển tập kịch thơ của Phạm Xuân Tích, Thế Kỷ xuất bản. Tranh bìa của Lê Tài Điển, sách in khổ lớn dày 100 trang, ấn loát đẹp và trang nhã. Nhà văn Trần Thanh Hiệp giới thiệu trong lời tựa: "Hoa Vàng Cũ đưa tới cho người đọc, người xem ảo giác được dẫn đi theo một đường vòng quay lại. Nhưng kỳ thực đó là một vận động hướng tâm để trở về với bản sắc, tránh hiểm họa vong thân vì những tấn kích hung bạo của toàn trị hay những quyến rũ khó cưỡng của mê cung thính thị..."

Tập kịch thơ gồm năm vở kịch: Một nén hương cho người, Đêm trước ngày đổi áo, Nẻo về trong hư vô, Hạnh phúc bên kia bờ, và dài nhất là vở ba màn Trên lối hoa vàng cũ" .

Liên lạc:
Nhà xuất bản Thế Kỷ,
11022 Acadia Parkway # A,
Garden Grove, CA 92640
Phone : 714-638-9510.

Ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn có thiện ý biếu không hoặc bán với giá rẻ cho các **độc giả Văn Học mới mua báo dài hạn hay gia hạn** trong thời gian **từ đầu tháng 2 cho đến cuối tháng 6 , 1995.** Sau đây là danh sách những cuốn sách biếu (có dấu hoa thị *) hoặc bán giá hạ (trừ 30%). Độc giả chọn một cuốn sách biếu, và ghi tên những cuốn mua thêm vào phiếu mua báo dài hạn gửi về toà soạn Văn Học. Ngay khi nhận được, chúng tôi sẽ gửi ngay báo, sách biếu và sách mua giá hạ cho quý vị theo bưu phí book rate hay surface.

SÁCH VĂN NGHỆ

001 ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI (hết, sẽ tái bản)
Hồi ký Nguyễn Hiến Lê

002 TÙY BÚT (tái bản) 15MK
Võ Phiến

003 TÙY BÚT II (hết) 15MK
Võ Phiến

004 MÙA BIỂN ĐỘNG I (đã in lại lần 5) 8MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

005 MÙA BIỂN ĐỘNG II (đã in lại lần 3) 10MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

006 MÙA BIỂN ĐỘNG III (đã in lại lần 1) 13MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

007 MÙA BIỂN ĐỘNG IV (Bèo Giạt) 15MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

008 MÙA BIỂN ĐỘNG V (THA HƯƠNG) 21MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

009 20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM (đã in lại lần 1) 14MK
Biên khảo Võ Phiến

010 KÝ THÁC (tái bản) 7MK
Tập truyện Bình Nguyên Lộc

011 THƠ HIỀN 6MK
Thơ Như Chi

*012 MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG 7MK
Tiểu luận văn học Nguyễn Hiến Lê

*013 HÓA RA NÉT CHỮ LÊN ĐÀNG QUẨN QUANH 6MK
Thơ Ngu Yên
*014 TRẦM MẶC CÂY RỪNG 6MK
Tập truyện Võ Hồng
015 HỢP LƯU 7MK
Truyện dài Hồ Trường An
016 MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC 10MK
Tập truyện Phan Thị Trọng Tuyến
017 MỘT CHÚT RIÊNG TƯ (hết) 10MK
Tập truyện đầu tay Mai Kim Ngọc
018 NGỰA NẢN CHÂN BON (đã in lại lần 2) (hết) 9MK
Tập truyện Nguyễn Mộng Giác
019 TRUYỆN NGẮN I (hết)
Tập truyện Võ Phiến
020 TRUYỆN NGẮN II 14MK
Võ Phiến
021 ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI 7MK
Truyện dài Lê Tất Điều
022 THƠ CAO TẦN 6MK
Thi tập Cao Tần
023 TẠP LUẬN (hết) 14MK
Võ Phiến
024 CUỐNG RÚN CHƯA LÌA (tái bản) 8MK
Tập truyện Bình Nguyên Lộc
*025 CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ 9MK
Tiểu thuyết Nguyễn Hiến Lê
*026 VÒNG ĐAI XANH 8MK
Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh
*027 TỰA ĐỀ Ở BÊN TRONG 8MK
Thơ Ngu Yên
028 XÚ SẤM SÉT 8MK
Tuyển tập Võ Đình
029 NỤ CƯỜI TRE TRÚC 11MK
Tập truyện Kiệt Tấn
030 YÊU CON, DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT (hết)
Đỗ Quý Toàn
*031 CON SUỐI MÙA XUÂN 7MK
Tập truyện Võ Hồng

032 TÌM PHẬT Ở ĐÂU? (tái bản) 7MK
Minh Tâm
033 HOA BƯƠM BƯỚM 9MK
Tiểu thuyết Võ Hồng
034 MUÔN KIẾP CÔ LIÊU 14MK
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc
035 TIỂU THUYẾT II 15MK
Võ Phiến
036 TÙ NGỤC VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY 6MK
Thơ Nguyễn Ngọc Thuận
*037 NƠI TRẠI TRÙNG GIỚI 10MK
Tuyển tập dịch Vũ Huy Quang
*038 KIẾP NGƯỜI 13MK
Tiểu thuyết W.S. Maugham, Nguyễn Hiến Lê dịch
*039 NHƯ CÁNH CHIM BAY 13MK
Tiểu thuyết Võ Hồng
040 HỒI KÍ TẬP I 14MK
Nguyễn Hiến Lê
041 HỒI KÍ TẬP II 15MK
Nguyễn Hiến Lê
042 HỒI KÍ TẬP III 9MK
Nguyễn Hiến Lê
*043 TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT 7MK
Nguyễn Hiến Lê
044 LONG LANH HẠT BỤI 10MK
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc
045 TUYỂN TẬP 23 NGƯỜI VIẾT SAU 1975 (HẾT)
046 DÒNG CHỮ TÂM TÌNH (hết) 8MK
Tập truyện Ngô Nguyên Dũng
*047 CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC
LÃNG MẠN CỦA KẺ LƯU ĐÀY 10MK
Lê Tuyên
048 TIẾNG KÈN 8MK
Tập truyện của Nhật Tiến
*049 NGÀY N+... 11MK
Hồi ký về cuộc di tản quốc lộ 7, Hoàng Khởi Phong

050 TIỂU LUẬN 14MK
Võ Phiến
051 NGUYỆT THỰC 7MK
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm
052 TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH (hết)
Tập truyện Nguyễn Ý Thuần
053 CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA 14MK
Tiểu thuyết Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch
*054 ĐƯỜNG MỘT CHIỀU 7MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác
*055 Ý CAO TÌNH ĐẸP 8MK
Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch
*056 YOGA CĂN BẢN 8MK
Võ Đình Mai
057 THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT 16MK
Khảo luận Tạ Chí Đại Trường
*058 CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ 8MK
Nguyễn Xuân Hoàng
059 CÒ VÀ TUYẾT 8MK
Thơ Đỗ Quý Toàn
*060 BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ 8MK
Will và Ariel Durant Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc
*061 QUÊ HƯƠNG 8MK
Thơ tình Định Nguyên
062 THỀM HOANG 8MK
Truyện dài Nhật Tiến
*063 MỘT THUỞ LÀM "TRÙM" 8MK
Nguyễn Tấn Hưng
064 LỚP LỚP PHÙ SA I 13MK
Truyện dài Kiệt Tấn
*065 MỘT QUẢ CƯỜI MÙA XUÂN 7MK
Kiều Phong
066 GIÓ ĐÊM 7MK
Tập truyện Trần Thị Kim Lan
067 TẠP BÚT 16MK
Võ Phiến
068 NGHĨ VỀ THƠ 9MK
Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc

069 HOA SEN TRÊN TUYẾT (tái bản) 8MK
Nguyên Phong phóng tác
070 ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI 12MK
Võ Đình kể chuyện và vẽ tranh
071 ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI (sắp hết) 23MK
Hồi ký của Hoàng Liên
*072 KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI 7MK
Khảo luận văn học Nguyễn Văn Xuân
073 NGOÀI GIẤC NGỦ 11MK
Thơ Thường Quán
074 THUYỀN NHÂN 19MK
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc
075 VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ 8MK
Nguyên Giác Phan Tấn Hải
076 TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ 12MK
Tác phẩm trong nước gởi ra của Dương Thu Hương
077 VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 16MK
Nguyễn Hưng Quốc
078 TRUYỆN THẬT NGẮN (hết) 6MK
Võ Phiến
079 NGỤ NGÔN 11MK
Giáo sư Đoàn Nhật Tấn
080 THƠ MIỀN NAM TẬP I (Văn học miền Nam) 6MK
Võ Phiến
081 SAO CÓ TIẾNG SÓNG... 13MK
Võ Đình
082 KINH DỊCH (sách viết sau 75, tái bản) 20MK
Nguyễn Hiến Lê
*083 HỠI ƠI (thơ 6MK
Ngu Yên (tập thơ thứ 3)
*084 KHỔNG TỬ (sách viết sau 75, mới in ở Mỹ) 12MK
Nguyễn Hiến Lê
085 TRUYỆN MIỀN NAM TẬP I 6MK
(trong bộ Văn học miền Nam), Võ Phiến
*086 ĐẶC KHẢO HOÀNG SA TRƯỜNG SA 12MK
Nhiều học giả
087 QUÊ 6MK
Tập truyện Võ Phiến

088 HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ
MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (tái bản lần 1)22MK
Hồ Sĩ Khuê

089 TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY (tái bản lần 2) 14MK
Hồi ký đức Đạt Lai Lạt Ma Chân Huyền dịch, Chân Văn nhuận sắc

090 MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG 12MK
Nguyên Phong dịch

091 CHUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI DI CƯ
NHỨC ĐẦU VỪA PHẢI 10MK
Nguyễn Bá Trạc

092 LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC 14MK
Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch

093 NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI 13MK
Hồi ký của đức Đạt Lai Lạt Ma, Hồng Hà dịch

*094 ĐỜI NGHỆ SĨ 9MK
Nguyễn Hiến Lê

095 VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI 32MK
Đỗ Mậu, tái bản lần 9

096 MÂY BÃO 12MK
Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh, tái bản

097 VIẾT (sách mới) 10MK
Võ Phiến

098 ĐỐI THOẠI (sách mới) 8MK
Võ Phiến

099 KÝ BÚT KỊCH I (trong bộ Văn học miền Nam) 10MK
Võ Phiến

100 TRUYỆN MIỀN NAM II (trong bộ Văn học miền Nam) 10MK
Võ Phiến

101 SÀIGÒN TẠP PÍN LÙ (tức SàiGòn năm xưa II, III) 15MK
Vương Hồng Sển

102 LUẬN NGỮ 13MK
Nguyễn Hiến Lê

103 XUÔI DÒNG 7MK
Truyện ngắn Nguyễn Mộng Giác

SÁCH AN TIÊM, THANH VĂN

*PH 001 MỒ HÔI CỦA ĐÁ 8MK
Truyện dài Nhật Tiến

PH 002 LỊCH SỬ VĂN MINH ẤN ĐỘ 13MK
Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch

PH 003 MƯA 11MK
8 tác giả, Nguyễn Hiến Lê dịch

PH 004 ĐỌC KINH 6MK
Vũ Khắc Khoan

PH 005 HOÀNG TỬ BÉ SAINT EXUPERY 6MK
Bùi Giáng dịch

PH 006 SỢI CHỈ TRONG HỒN 13MK
Truyện dài Nguyễn Ý Thuần

PH 007 MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC 6MK
Gérald de Nerval, Bùi Giáng dịch

PH 008 TỪ CHỐN LƯU ĐÀY 13MK
Tạp bút Hoàng Nguyên Nhuận

PH 009 NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG 15MK
Hermann Hess, Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch

PH 010 SÔNG CÔN MÙA LŨ I 18MK

PH 011 SÔNG CÔN MÙA LŨ II 20MK

PH 012 SÔNG CÔN MÙA LŨ III 20MK

PH 013 SÔNG CÔN MÙA LŨ IV 20MK
Trường thiên tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác

PH 014 THƯ GỞI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI 6MK
Phạm Công Thiện dịch

PH 015 QUÊ HƯƠNG BẠN HỮU TÙ ĐÀY 10MK
Trần Dạ Từ

PH 016 THƠ TAGORE 8MK
(Lời Dâng, Tâm Tình Hiến Dâng, Tặng Vật), Đỗ Khánh Hoan dịch

PH 017 LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM 15MK
Tạ Chí Đại Trường

PH 018 BA TRỤ THIỀN 20MK
Philip Kapleau, thiền sư người Mỹ Đỗ Đình Đồng dịch

PH 019 MỘT TRANG ĐỜI (tập truyện) 11MK
Phan Thị Trọng Tuyến

PH 020 NỬA ĐÊM SỰC TỈNH 9MK
Hồi ký những cuộc tình Lưu Trọng Lư

PH 021 NGHỀ LÀM VUA 12MK
Tiểu thuyết mới của Lệ Hằng

PH 022 TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI 14MK
Tiệp bút Đỗ Quý Toàn

PH 023 BỤI VÀ RÁC 13MK
Truyện dài Nguyễn Xuân Hoàng

PH 024 PHẬT HỌC KHÁI LUẬN 20MK
Biên khảo, Thích Chơn Thiện

PH 025 CÁT BỤI CHÂN AI 12MK
Hồi ký Tô Hoài

PH 026 QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN 7MK
Hồi ký Hồ Dzếnh

PH 027 QUÊ NGOẠI II 7MK
Thơ Hồ Dzếnh

PH 028 MỘT KHOẢNH VNCH NỐI DÀI 16MK
Hồi ký Tạ Chí Đại Trường

PH 029 PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO 12MK
Tarthang Tulku, Phạm Công Thiện dịch

PH 030 CUỐI ĐÊM DÀI 10MK
Truyện Nguyễn Thị Thanh Bình

PH 031 NHỮNG BÍ ẨN SAU CÕI CHẾT 16MK
Đoàn Văn Thông

*PH 032 HƯƠNG RỪNG CÀ MAU 8MK
Truyện Sơn Nam

PH 033 TIỂU THUYẾT I (Tập chót trong Võ Phiến Toàn Tập) 15MK
Võ Phiến

PH 034 TRĂNG HOÀNG CUNG 8MK
Truyện Phùng Quán

PH0035 VIỆT NAM NHÌN TỪ BÊN TRONG VÀ BÊN NGOÀI 15MK
Tạ Chí Đại Trường và Nguyễn Xuân Nghĩa

PH0036 BÊN LỞ BÊN BỜI
Nguyễn Thị Hoàng Bắc

PH0037 THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG 8MK
Tùy bút Trần Hồng Châu

PH038 NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG 10MK
Thơ Trần Hồng Châu

chờ đợi. trục trặc. bàn tán. chờ đợi. cuối cùng, đã bày bán:

CHỖ MỘT ĐỜI EM VẪN ĐỂ, DÀNH

tập tùy bút thứ hai của ***DU TỬ LÊ*** *tác giả*
được đề cập nhiều nhất ở hải ngoại cũng như trong nước

CHỖ MỘT ĐỜI EM VẪN ĐỂ, DÀNH

- *10 tùy bút như 10 nỗ lực cật lực đẩy, xô thể tùy bút tới những chân trời, bến bờ cảm xúc, văn chương mới lạ - mỗi trang tùy bút đều tươm, rịn những phần đời riêng của tác giả*
- *ngoài tranh bìa (full colors) của khánh trường, phụ bản của ngọc dũng, thái tuấn, đinh cường..., bạn đọc còn tìm thấy ba nhạc phẩm đang được nhắc nhở nhiều:*

KHÚC THỤY DU
**** TRONG TAY THÁNH NỮ CÓ ĐỜI TÔI &***
HẠNH PHÚC CŨ NĂM 2000

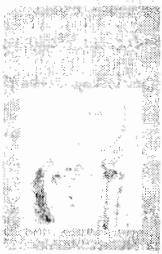

đã hay chưa đọc, tùy bút một:
EM VÀ, MẸ VÀ, TÔI LÀ MỘT NHÉ,
đều phải có cho mình, cho người:
CHỖ MỘT ĐỜI EM VẪN ĐỂ, DÀNH
hai tập tùy bút, hơn ba trăm trang sách
"làm thơm tho tâm hồn bạn, tình yêu bạn,"
đều do nhà xuất bản

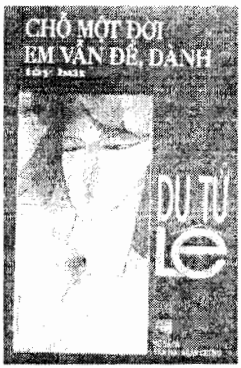

VĂN NGHỆ

p.o.box 2301, Westminster, CA 92683, USA

*** tel.: (714) 527-5761** tổng phát hành

**** Bạn đọc yêu sách qúy, muốn có chữ ký của tác giả, xin liên lạc nhà Văn Nghệ.***

Quý Vị Yêu Thích Những Ca Khúc Nghệ Thuật
Hãy Tìm Mua Đĩa Nhạc

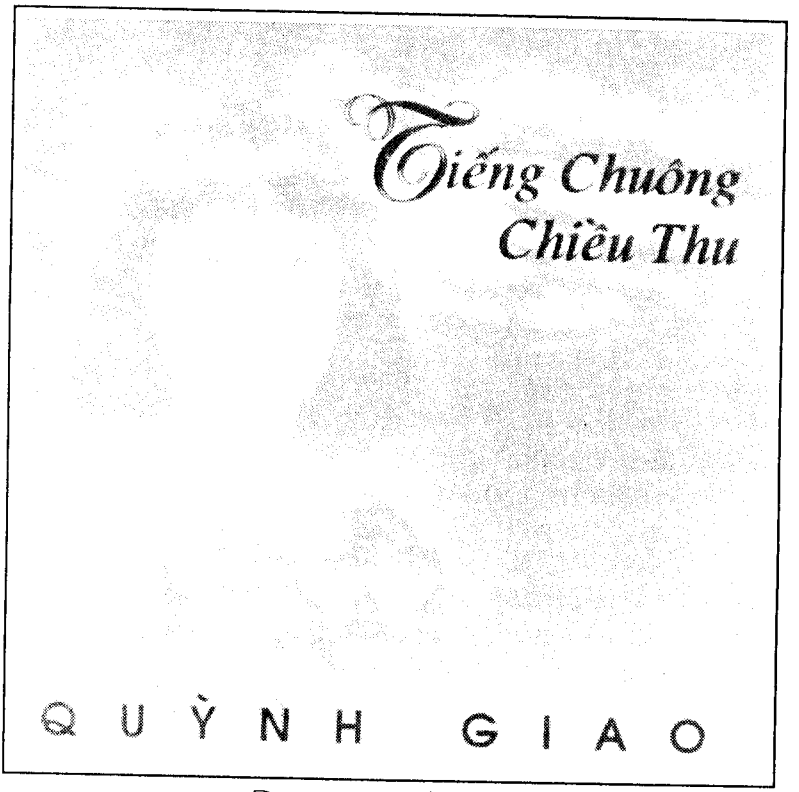

Duy Cường hoà âm

Với Mười Một Bài Ca Bất Hủ Của Nền Tân Nhạc Việt Nam

● **Ngọc Lan** *Dương Thiệu Tước* ● **Tiếng Chuông Chiều Thu** *Tô Vũ* ● **Sao Đêm** *Lê Trọng Nguyễn* ● **Bến Xuân** *Văn Cao & Phạm Duy* ● **Dạ Lai Hương** *Phạm Duy* ● **Nguyệt Ca** *Trịnh Công Sơn* ● **Đường Chiều Lá Rụng** *Phạm Duy* ● **Tà Áo Văn Quân** *Phạm Duy Nhượng* ● **Gởi Áng Mây Hàng** *Vũ Thành* ● **Đêm Màu Hồng** *Phạm Đình Chương, thơ Thanh Tâm Tuyền* ● **Hoàng Hạc Lâu** *Cung Tiến, thơ Thôi Hiệu, Vũ Hoàng Chương cảm dịch*

CÓ BÁN TẠI NHỮNG NHÀ SÁCH VÀ TRUNG TÂM BĂNG NHẠC UY TÍN

Gởi Thẳng Về Nhà, Kể Cả Cước Phí
Hoa Kỳ: US$ 12.00 — Ngoài Hoa Kỳ: US$14.00
Thư từ, Chi Phiếu hay Lệnh Phiếu:
Doantrang Nguyen
P.O. Box 1445
Tustin, CA 92681-1445

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về bản thân, gia đình, cộng đồng và đất nước, muốn nắm bắt những vấn đề, muốn đi tìm những giải pháp về chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học, văn hóa, nghệ thuật...

Phải tìm đọc

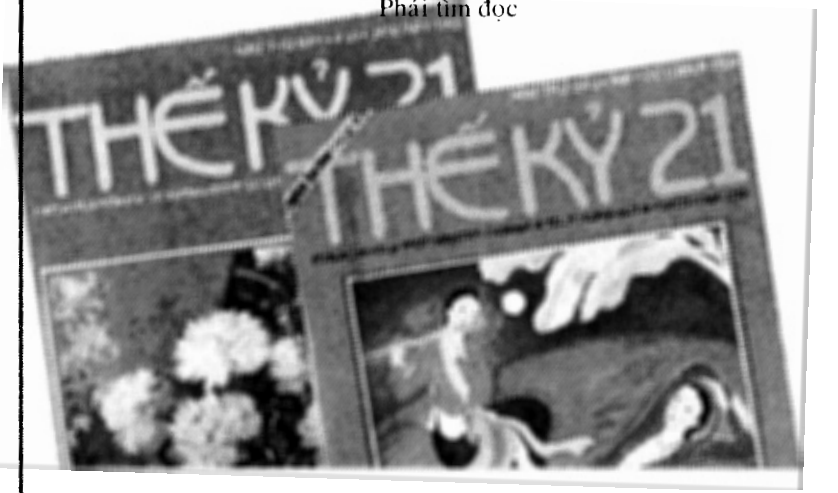

Tạp chí ra hàng tháng, phát hành khắp thế giới. Giá mỗi số $4.00 — mua dài hạn $40.00 một năm, gửi bulk-rate. Giá hạng nhất: trong nước Mỹ $52; Canada $58; Âu châu $76; Á, Úc $86.

Thư từ, tiền bạc, bài vở gửi về THẾ KỶ 21, PO BOX 2054-H39
WESTMINSTER CA 92684 USA.
Tòa soạn: 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640 USA.
Tel (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944.
E-mail 75504.3510@compuserve.com

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên _____
Địa chỉ _____Apt.____
Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____
Quốc gia_____
Đồng ý mua báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Tôi chọn sách tặng số____, sách mua số_____, giá tiền_____
Tổng cọng : Văn Học US$_____, Sách Mua US$_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:
Họ và tên_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Sau khi thân hữu trở thành độc giả dài hạn, tôi muốn nhận được sách tặng số_____.

GIÁ BÁO DÀI HẠN KỂ TỪ 4/1/95

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00

ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00

BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00

TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00

NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00

BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00

PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00

NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00

CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00

QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00

QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00

HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00

PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00

MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00

TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

• Khác với bản của một nhà xuất bản tại hải ngoại đã chụp lại bản in trong nước, từng bị kiểm duyệt nhiều đoạn quan trọng. Được ủy quyền của nhà văn **Vương Hồng Sển**, HƠN NỬA ĐỜI HƯ do nhà Văn Nghệ phát hành có đầy đủ những đoạn trên. Giá 20MK. Ngoài Hoa Kỳ 23MK

• Chào mừng nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vừa đến định cư tại Hoa Kỳ, độc giả hãy tìm đọc ba tác phẩm mới nhất của ông:

• NGƯỜI VÁI TỨ PHƯƠNG. Đem nhân ái hóa giải tham tàn, nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vẫn giữ nguyên tâm hồn than thản và đôn hậu qua tác phẩm này. Giá 10MK. Ngoài Hoa Kỳ 11MK

• DẤU CHÂN CÁT XÓA. Ngời ngời cái đẹp của thiên nhiên, của tình người, của kiến thiết, của nghệ thuật, của lý tưởng. Giá 9MK. Ngoài Hoa Kỳ 10MK

• MÌNH LẠI SOI MÌNH. Sau những năm tù tội, **Doãn Quốc Sỹ** "mình lại soi mình" qua bốn trăm trang sách. Trung thực, đạt dào tình cảm, bất ngát yêu thương. Giá 16MK. Ngoài Hoa Kỳ 18MK

Giá:$4.00